

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN ĐÌNH HUÂN

SỰ BIẾN ĐỔI NHÂN SINH QUAN CỦA NGƯỜI Ê-ĐÊ
Ở TỈNH ĐẮK LẮK HIỆN NAY

LUẬN ÁN TIẾN SĨ

NGÀNH: CHỦ NGHĨA DUY VẬT BIỆN CHỨNG
VÀ DUY VẬT LỊCH SỬ

HÀ NỘI - 2025

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN ĐÌNH HUÂN

**SỰ BIẾN ĐỔI NHÂN SINH QUAN CỦA NGƯỜI Ê-ĐÊ
Ở TỈNH ĐẮK LẮK HIỆN NAY**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ

**NGÀNH: CHỦ NGHĨA DUY VẬT BIỆN CHỨNG
VÀ DUY VẬT LỊCH SỬ**

Mã số: 9229002

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: GS.TS. LÊ VĂN LỢI



HÀ NỘI - 2025

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết quả nêu trong luận án là trung thực, có nguồn gốc rõ ràng và được trích dẫn đầy đủ theo quy định.

Tác giả luận án



Nguyễn Đình Huân

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU.....	1
Chương 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN.....	8
1.1. Các công trình nghiên cứu liên quan đến vấn đề nhân sinh quan và sự biến đổi nhân sinh quan.....	8
1.2. Các công trình nghiên cứu về người Ê-đê và đời sống văn hóa – xã hội truyền thống.....	20
1.3. Các công trình nghiên cứu liên quan đến nhân sinh quan và sự biến đổi nhân sinh quan của người Ê-đê.....	27
1.4. Các công trình nghiên cứu liên quan đến quan điểm và giải pháp phát huy những biến đổi tích cực và hạn chế những biến đổi tiêu cực của nhân sinh quan của người Ê-đê ở tỉnh Đắk Lắk hiện nay	32
1.5. Giá trị của các công trình nghiên cứu và những vấn đề đặt ra cần tiếp tục nghiên cứu, làm sáng tỏ thêm.....	40
Chương 2: SỰ BIẾN ĐỔI NHÂN SINH QUAN CỦA NGƯỜI Ê-ĐÊ Ở TỈNH ĐẮK LẮK HIỆN NAY - MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN	45
2.1. Nhân sinh quan và nhân sinh quan của người Ê-đê ở tỉnh Đắk Lắk.....	45
2.2. Sự biến đổi nhân sinh quan của người Ê-đê ở tỉnh Đắk Lắk hiện nay - quan niệm và nội dung.....	66
2.3. Những nhân tố tác động đến sự biến đổi nhân sinh quan của người Ê-đê ở tỉnh Đắk Lắk hiện nay	70
Chương 3. SỰ BIẾN ĐỔI NHÂN SINH QUAN CỦA NGƯỜI Ê-ĐÊ Ở TỈNH ĐẮK LẮK HIỆN NAY - THỰC TRẠNG VÀ VẤN ĐỀ ĐẶT RA	87
3.1. Thực trạng sự biến đổi nhân sinh quan của người Ê-đê ở tỉnh Đắk Lắk hiện nay	87
3.2. Vấn đề đặt ra từ thực trạng biến đổi nhân sinh quan của người Ê-đê ở tỉnh Đắk Lắk hiện nay	112

Chương 4. QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP PHÁT HUY NHỮNG BIẾN ĐỔI TÍCH CỰC, HẠN CHẾ NHỮNG BIẾN ĐỔI TIÊU CỰC TRONG NHÂN SINH QUAN CỦA NGƯỜI Ê-ĐÊ Ở TỈNH ĐẮK LẮK HIỆN NAY	124
4.1. Quan điểm phát huy những biến đổi tích cực, hạn chế những biến đổi tiêu cực trong nhân sinh quan của người Ê-đê ở tỉnh Đắk Lắk hiện nay	124
4.2. Một số giải pháp phát huy những biến đổi tích cực, hạn chế những biến đổi tiêu cực trong nhân sinh quan của người Ê-đê ở tỉnh Đắk Lắk hiện nay.....	136
KẾT LUẬN	178
LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN	180
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	181
PHỤ LỤC	194

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu

Nhân sinh quan là hệ thống quan niệm, tư tưởng của con người về ý nghĩa và mục đích cuộc sống, phản ánh điều kiện tồn tại, trình độ nhận thức và nền tảng văn hóa của mỗi cộng đồng trong từng giai đoạn lịch sử. Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật lịch sử, nhân sinh quan không phải là một thực thể bất biến mà luôn vận động, biến đổi theo sự thay đổi của tồn tại xã hội. Khi phương thức sản xuất, quan hệ xã hội và điều kiện sống thay đổi thì tất yếu kéo theo sự điều chỉnh trong hệ thống quan niệm, giá trị và cách thức con người định hướng cuộc sống. Chính vì vậy, nghiên cứu nhân sinh quan luôn phải đặt trong mối quan hệ biện chứng giữa đời sống vật chất và tinh thần, giữa truyền thống và hiện đại, giữa cái phổ biến và cái đặc thù của mỗi cộng đồng.

Đắk Lắk - trung tâm của vùng Tây Nguyên, nơi người Ê-đê cư trú đông nhất - là một không gian văn hóa đặc thù, vừa mang tính khu vực vừa có bản sắc độc đáo. Đặc trưng của văn hóa Ê-đê gắn liền với chế độ mẫu hệ, sử thi, cồng chiêng và luật tục - những thành tố đã định hình nhân sinh quan truyền thống của cộng đồng. Trong điều kiện xã hội truyền thống, nhân sinh quan Ê-đê được hun đúc từ nền sản xuất nương rẫy, hình thái cộng đồng buôn làng và sự gắn bó mật thiết với tự nhiên. Nó nhấn mạnh tinh thần đoàn kết cộng đồng, sự tôn trọng thiên nhiên, niềm tin vào thế giới siêu nhiên và sự thiêng liêng của mối quan hệ huyết thống, dòng tộc. Những yếu tố này tạo thành nền tảng tinh thần vững chắc, bảo đảm sự ổn định và cố kết của cộng đồng Ê-đê qua nhiều thế hệ.

Tuy nhiên, từ sau công cuộc đổi mới, đặc biệt trong bối cảnh toàn cầu hóa, đô thị hóa và sự phát triển mạnh mẽ của kinh tế thị trường, nhân sinh quan của người Ê-đê đã và đang biến đổi sâu sắc. Sự chuyển dịch từ không gian nương rẫy truyền thống sang nền kinh tế hàng hóa đã tác động mạnh mẽ đến cấu trúc buôn làng, quan hệ gia đình và những giá trị cộng đồng. Một mặt, quá trình này mang lại nhiều cơ hội: nâng cao mức sống, mở rộng tri thức, khơi dậy khát vọng vươn lên, tinh thần học tập, ý thức cá nhân và trách nhiệm xã hội. Mặt khác, nó cũng kéo theo không ít thách thức: phân hóa giàu nghèo, thu hẹp không gian sinh tồn truyền thống, gia tăng xung đột giá trị, một bộ phận thanh niên chạy theo lối sống thực dụng, xa rời luật tục và lễ hội, dẫn đến nguy cơ phai

nhật bản sắc. Đây là sự biến đổi mang tính biện chứng, trong đó mặt tích cực và tiêu cực luôn đan xen, đúng như triết học Mác - Lênin khẳng định: ý thức xã hội vừa phụ thuộc vào tồn tại xã hội, vừa có tính độc lập tương đối, có thể tác động trở lại hiện thực.

Sự đan xen giữa cơ hội phát triển và những thách thức đặt ra trong đời sống hiện nay đã làm cho vấn đề nghiên cứu trở nên cấp thiết. Việc nghiên cứu sự biến đổi nhân sinh quan của người Ê-đê ở Đắk Lắk không chỉ giúp nhận diện quá trình vận động của hệ giá trị sống trong một cộng đồng thiểu số cụ thể, mà còn góp phần khẳng định quy luật vận động của ý thức xã hội trong điều kiện lịch sử - xã hội mới. Về mặt lý luận, nó bổ sung minh chứng cho tính biện chứng của sự phát triển nhân sinh quan; về mặt thực tiễn, nó cung cấp luận cứ khoa học để phát huy những nhân tố tích cực, khắc phục những biểu hiện tiêu cực, hướng tới phát triển bền vững và bảo tồn bản sắc văn hóa. Đồng thời, nghiên cứu cũng có ý nghĩa xã hội rộng lớn: tăng cường hiểu biết, tôn trọng và gắn kết giữa các dân tộc trong không gian văn hóa đa dạng của Việt Nam. Chính từ những lý do đó, nghiên cứu sinh chọn đề tài ***“Sự biến đổi nhân sinh quan của người Ê-đê ở tỉnh Đắk Lắk hiện nay”*** làm luận án tiến sĩ Triết học.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở phân tích lý luận và thực trạng biến đổi nhân sinh quan của người Ê-đê ở Đắk Lắk, luận án đề xuất các quan điểm và giải pháp nhằm phát huy những biến đổi tích cực, hạn chế những biến đổi tiêu cực của nhân sinh quan người Ê-đê, góp phần bảo tồn bản sắc văn hóa và thúc đẩy phát triển bền vững cộng đồng Ê-đê cũng như toàn tỉnh.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích trên, luận án thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Tổng quan, hệ thống hóa các công trình nghiên cứu liên quan đến nhân sinh quan và sự biến đổi nhân sinh quan của người Ê-đê; làm rõ những kết quả đã đạt được, những cách tiếp cận chủ yếu và xác định những vấn đề luận án cần tiếp tục nghiên cứu.

- Làm rõ cơ sở lý luận về nhân sinh quan và sự biến đổi nhân sinh quan của người Ê-đê ở tỉnh Đắk Lắk hiện nay, trên nền tảng phương pháp luận biện chứng của triết học Mác – Lênin.

- Phân tích, đánh giá thực trạng sự biến đổi nhân sinh quan của người Ê-đê ở tỉnh Đắk Lắk hiện nay; chỉ ra các nguyên nhân chủ yếu và những vấn đề lý luận – thực tiễn đặt ra từ thực trạng đó.

- Đề xuất các quan điểm định hướng và hệ giải pháp khả thi nhằm phát huy những biến đổi tích cực, hạn chế những biến đổi tiêu cực trong nhân sinh quan của người Ê-đê ở tỉnh Đắk Lắk hiện nay.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1 Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là sự biến đổi nhân sinh quan của người Ê-đê ở tỉnh Đắk Lắk trong bối cảnh đổi mới và hội nhập hiện nay.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- *Phạm vi về thời gian:* - Về thời gian: Nghiên cứu tập trung từ năm 1986 đến nay, phản ánh quá trình biến đổi nhân sinh quan của người Ê-đê gắn liền với các thay đổi kinh tế – xã hội sau đổi mới.

- *Phạm vi về không gian:* Nghiên cứu thực hiện tại tỉnh Đắk Lắk – nơi cư trú chủ yếu của người Ê-đê (trên 90% dân số Ê-đê cả nước), tập trung khảo sát các địa bàn tiêu biểu: thành phố Buôn Ma Thuột (đô thị hóa, giao thoa văn hóa) và các buôn làng truyền thống tại Cư M'gar, Krông Năng, Krông Búk, Buôn Đôn, M'Drăk (bảo lưu giá trị văn hóa nguyên bản). Lựa chọn này giúp phản ánh toàn diện quá trình biến đổi nhân sinh quan trong các điều kiện kinh tế – xã hội đa dạng, từ truyền thống đến hiện đại

- *Về nội dung nghiên cứu:* luận án chỉ tập trung nghiên cứu sự biến đổi nhân sinh quan của người Ê-đê ở tỉnh Đắk Lắk hiện nay thể hiện qua ba khía cạnh tiêu biểu: 1) Quan niệm về cuộc sống; 2) Quan niệm về sự trân trọng, lòng biết ơn; 3) Ước mơ, khát vọng về cuộc sống ấm no, hạnh phúc.

- *Các tiếp cận của luận án:* tiếp cận đối tượng nghiên cứu không chỉ dưới góc độ đặc trưng văn hóa - xã hội của một tộc người thiểu số cụ thể, mà còn đặt trong mối tương quan với tiến trình biến đổi của đời sống xã hội, văn hóa và nhận thức con người trong bối cảnh hiện đại hóa, toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế. Luận án tiếp cận nhân sinh quan như một hiện tượng tư tưởng – xã hội mang tính lịch sử, gắn liền với điều kiện sống, trình độ nhận thức, môi trường văn hóa và sự vận động của cấu trúc xã hội tộc người Ê-đê.

Đối tượng nghiên cứu được khảo sát tập trung chủ yếu vào người Ê-đê độ tuổi từ 18 tuổi - trên 70 tuổi, nhóm tuổi có khả năng tiếp nhận, phản ứng và thích nghi nhanh với các thay đổi của xã hội, đồng thời vẫn duy trì mối liên hệ nhất định với nền văn hóa truyền thống. Nhóm người trên 70 tuổi - tuy giàu kinh nghiệm sống và lưu giữ nhiều yếu tố văn hóa cổ truyền được khảo sát bổ trợ nhằm nắm bắt dòng chảy kế thừa của nhân sinh quan, nhưng không phải là nhóm trung tâm của nghiên cứu. Nhóm dưới 18 tuổi đang trong quá trình hình thành nhân sinh quan, chịu tác động mạnh từ giáo dục hiện đại, truyền thông và internet – cũng được tham chiếu để làm rõ xu hướng biến đổi trong thế hệ trẻ Ê-đê hiện nay.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Cơ sở lý luận

Luận án dựa trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và chủ trương, đường lối của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước về văn hóa, lối sống và về con người, xã hội, về mối quan hệ giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội. Ngoài ra, luận án còn kế thừa và phát triển những quan điểm lý luận của các nhà khoa học trong và ngoài nước về những nội dung liên quan.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

- *Về phương pháp luận*: luận án dựa trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử để phân tích sự biến đổi của nhân sinh quan.

- *Về phương pháp nghiên cứu*: luận án sử dụng các phương pháp cụ thể sau:

+ Phương pháp văn bản học, phương pháp phân tích, tổng hợp để thu thập, hệ thống hóa và đánh giá các tài liệu liên quan đến luận án như các văn kiện của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các báo cáo của chính quyền địa phương và các cơ quan chức năng. Phân tích và khái quát hóa sự biến đổi nhân sinh quan; phân tích và khái quát hóa những nhân tố tác động đến sự biến đổi của nhân sinh quan của người Ê-đê ở Đắk Lắk hiện nay.

- Phương pháp điền dã dân tộc học và phương pháp điều tra xã hội học: đây là nhóm phương pháp bổ trợ nhằm nghiên cứu, tìm hiểu, kiểm chứng và so sánh kết quả nghiên cứu bằng các khảo sát thực tiễn như: quan sát tham dự, quan sát trực tiếp, điều tra xã hội học.

+ Phương pháp quan sát tham dự và quan sát trực tiếp nhằm mục đích thị sát với đồng bào dân tộc tại chỗ, ở những địa phương tập trung đông dân cư là người Ê-đê như một số phường, xã ở thành phố Buôn Ma Thuột, một số thôn buôn ở các huyện như huyện huyện Cư M'gar, Krông Năng, Krông Búk, Buôn Đôn và M'Drăk. Thông qua đó, thu thập các thông tin liên quan đến luận án như nhận thức của đồng bào Ê-đê về các vấn đề nhân sinh như quan niệm về cuộc sống; về sự trân trọng và lòng biết ơn; về ước mơ, khát vọng một cuộc sống ấm no, hạnh phúc.

+ Phương pháp điều tra xã hội học: Để có cơ sở thực tiễn phân tích sự biến đổi nhân sinh quan của người Ê-đê hiện nay, nghiên cứu sinh tiến hành khảo sát xã hội học tại tỉnh Đắk Lắk – địa bàn tập trung đông nhất người Ê-đê ở Việt Nam. Đối tượng khảo sát là người Ê-đê từ 18 tuổi trở lên, sinh sống ổn định tại các buôn làng. Mẫu khảo sát gồm 400 người, được chọn theo phương pháp phân tầng kết hợp ngẫu nhiên, bảo đảm tính đại diện về giới tính, độ tuổi, trình độ học vấn, nghề nghiệp và khu vực cư trú. phương pháp này được thực hiện thông qua bảng hỏi đã chuẩn bị sẵn. Về nguyên tắc chọn mẫu điều tra, mẫu điều tra được chọn ngẫu nhiên được chia đều cho các địa phương ở các địa bàn được chọn khảo sát. Hầu hết các câu hỏi trong phiếu khảo sát được thiết kế dưới dạng trắc nghiệm để thuận tiện trong việc trả lời của người được khảo sát. Kỹ thuật phân tích và xử lý thông tin: các số liệu thu thập được xử lý bằng Excell để hỗ trợ quá trình thực hiện đề tài.

Khảo sát được thực hiện tại 6 địa phương tiêu biểu: thành phố Buôn Ma Thuột và các huyện Cư M'gar, Krông Búk, Krông Năng, Buôn Đôn, M'Drăk, đại diện cho các vùng đô thị, nông thôn và vùng xa, với mức độ tác động của đô thị hóa và hội nhập khác nhau. Công cụ khảo sát là phiếu điều tra bán cấu trúc, tập trung vào ba nội dung: quan niệm về cuộc sống; quan niệm về sự trân trọng và lòng biết ơn; ước mơ, khát vọng về cuộc sống ấm no, hạnh phúc. Dữ liệu thu thập được sử dụng làm căn cứ phân tích thực trạng và xu hướng biến đổi nhân sinh quan của người Ê-đê trong các phần tiếp theo.

Hai phương pháp này chủ yếu được sử dụng để nghiên cứu các chương III, chương IV của luận án.

Ngoài ra, luận án còn sử dụng một số phương pháp nghiên cứu khác như phương pháp thống nhất giữa lịch sử và lôgic, phương pháp định tính để kết hợp phân tích, đối

chiếu với số liệu định lượng để tăng tính xác thực của thông tin thu thập, đem lại hiệu quả cao cho luận án.

5. Đóng góp mới về khoa học của luận án

Trên cơ sở mục đích và nhiệm vụ đã xác định, luận án có những đóng góp khoa học mới như sau:

Về phương diện lý luận triết học: Luận án khẳng định tính biện chứng giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội trong quá trình biến đổi nhân sinh quan của người Ê-đê ở Đắk Lắk. Thông qua khảo sát, nghiên cứu chỉ ra rằng sự thay đổi trong điều kiện kinh tế, xã hội - tức tồn tại xã hội - đã dẫn tới sự chuyển biến sâu sắc trong hệ thống giá trị, niềm tin và định hướng sống - tức ý thức xã hội của cộng đồng. Điều này bổ sung minh chứng thực tiễn sinh động cho luận điểm cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử về mối quan hệ quyết định của tồn tại xã hội đối với ý thức xã hội, đồng thời làm rõ tính độc lập tương đối và sự tác động trở lại của ý thức xã hội trong bối cảnh hiện nay.

Về phương diện bổ sung tư liệu khoa học: Luận án đóng góp thêm cho kho tư liệu về lý luận nhân sinh quan trong triết học Mác - Lênin, đồng thời cung cấp dẫn chứng thực tiễn cụ thể về nhân sinh quan của người Ê-đê, qua đó góp phần hệ thống hóa và mở rộng phạm vi nghiên cứu sự biến đổi nhân sinh quan của các dân tộc thiểu số Việt Nam trong tiến trình phát triển và hội nhập.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án

6.1. Ý nghĩa lý luận

Luận án bổ sung và phát triển hệ thống lý luận về nhân sinh quan trong triết học Mác - Lênin, đồng thời cụ thể hóa nội dung này qua trường hợp người Ê-đê ở Đắk Lắk.

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận gắn với khảo sát thực tiễn, luận án cung cấp thêm luận chứng khoa học và tư liệu mới, góp phần làm sáng tỏ quá trình biến đổi nhân sinh quan của người Ê-đê trong bối cảnh hiện nay.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

- Luận án đưa ra những luận cứ khoa học phục vụ cho việc hoạch định chính sách dân tộc, chính sách văn hóa - xã hội ở địa phương; đồng thời đề xuất các giải pháp khả thi nhằm phát huy yếu tố tích cực và hạn chế tác động tiêu cực trong sự biến đổi nhân sinh quan của người Ê-đê, góp phần xây dựng đời sống văn hóa, tinh thần và phát triển bền vững cộng đồng.

- Kết quả nghiên cứu của luận án có thể sử dụng làm tài liệu tham khảo trong giảng dạy, nghiên cứu ở các ngành khoa học xã hội và nhân văn có liên quan, đặc biệt trong lĩnh vực triết học, văn hóa học và chính sách dân tộc.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kế luận, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, kết cấu của luận án bao gồm 04 chương, 12 tiết.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1.1. Các công trình nghiên cứu liên quan đến vấn đề nhân sinh quan và sự biến đổi nhân sinh quan

Cho đến nay, vấn đề nhân sinh và lý luận về nhân sinh quan chưa được bàn một cách trực tiếp và đầy đủ như một hệ thống hoàn chỉnh. Do đó, trong các công trình khảo cứu, nhân sinh quan chủ yếu được tiếp cận thông qua các bình diện, khía cạnh riêng lẻ, gắn với những vấn đề về con người, đạo đức, ý nghĩa cuộc sống và mối quan hệ xã hội.

Trên cơ sở khảo sát các công trình tiêu biểu trong và ngoài nước, có thể hệ thống các nghiên cứu liên quan thành hai nhóm lớn: (1) các công trình nghiên cứu về khái niệm, cấu trúc và nội dung của nhân sinh quan; (2) các công trình nghiên cứu về sự biến đổi nhân sinh quan trong bối cảnh lịch sử – xã hội cụ thể, đặc biệt là hiện đại hóa và toàn cầu hóa.

1.1.1. Các công trình nghiên cứu về khái niệm, cấu trúc và nội dung của nhân sinh quan

Nhóm công trình này tập trung làm rõ bản chất, nội hàm, cấu trúc và các thành tố cơ bản của nhân sinh quan trong lịch sử tư tưởng nhân loại, chủ yếu từ góc độ triết học nhân sinh và triết học xã hội, qua đó đặt nền tảng lý luận cho việc tiếp cận nhân sinh quan như một hình thái ý thức xã hội.

Công trình *Mối quan hệ giữa người với người* [127] do Saxe Commins và Robert N. Linscott tuyển chọn, do Nguyễn Kim Dân dịch, là một hợp tuyển các trích đoạn kinh điển trong lịch sử tư tưởng nhân loại, phản ánh sâu sắc những chiêm nghiệm về bản chất và lẽ sống của con người trong xã hội. Với cách tiếp cận liên ngành, tác phẩm tập hợp các tư tưởng triết học, đạo đức học và nhân sinh học từ Đông sang Tây, từ cổ đại đến hiện đại, qua đó cho thấy vấn đề nhân sinh quan - cách con người nhìn nhận bản thân mình và mối liên hệ với thế giới – là chủ đề xuyên suốt lịch sử triết học nhân loại.

Nội dung cốt lõi của tác phẩm xoay quanh mối quan hệ giữa con người với con người, xem đây là nền tảng đạo đức – xã hội quan trọng nhất để kiến tạo cuộc sống có ý nghĩa. Tư tưởng nổi bật được thể hiện qua các trích đoạn từ những tác phẩm kinh điển như Nền cộng hòa của Plato, Các nguyên lý đạo đức học của Aristotle, Các học thuyết

chính của Epicurus, Luận ngữ của Khổng Tử, hay Tư tưởng của Rousseau, Kant, Thomas More,... Mỗi học thuyết tuy có cách tiếp cận khác nhau nhưng đều chia sẻ điểm chung rằng con người không thể sống tách rời cộng đồng, và việc xây dựng một mối quan hệ đúng đắn với tha nhân là điều kiện để đạt được hạnh phúc và sự hoàn thiện bản thân.

Đặc biệt, Aristotle trong *Các nguyên tắc đạo đức Nicomachean* được trích dẫn và phân tích như một trụ cột tư tưởng về nhân sinh quan cổ điển phương Tây. Ông cho rằng mục đích tối hậu của đời người là hướng đến điều thiện, thông qua việc rèn luyện đức hạnh và sống đúng bản chất người- tức là sống có lý trí và gắn bó với cộng đồng. Ông viết: “Người tốt là người có thể sống trong cộng đồng và thực hiện công lý như là một phần của cuộc sống tốt đẹp” [127, tr. 84].

Từ tư tưởng Đông phương, tác phẩm cũng giới thiệu tư tưởng của Khổng Tử với quan niệm rằng sự tu dưỡng bản thân (tu thân), điều chỉnh quan hệ gia đình (tề gia), mở rộng ra xã hội (trị quốc), và vươn tới lý tưởng chính trị đạo đức (bình thiên hạ) là con đường để con người đạt tới sự viên mãn nhân sinh. Mối quan hệ “nhân - lễ - nghĩa - trí - tín” chính là biểu hiện sinh động của nhân sinh quan Nho giáo, đặt con người trong một mạng lưới liên kết xã hội có trật tự và nghĩa tình.

Qua việc tuyển chọn và trình bày các quan điểm tiêu biểu, Commins và Linscott đã nhấn mạnh rằng, dù ở bất kỳ thời đại hay nền văn hóa nào, con người luôn trăn trở về ý nghĩa cuộc sống, vai trò của đạo đức, và sự tương tác với tha nhân như là một phần không thể thiếu để xác lập giá trị cá nhân. Tác phẩm khẳng định: “Không có cái tôi thuần túy; cái tôi luôn tồn tại trong cái ta” - một tư tưởng cho thấy mối liên hệ bản thể giữa con người và cộng đồng không chỉ là thực tế xã hội mà còn là nền tảng triết lý nhân sinh sâu sắc [127, tr. 9].

Như vậy, mối quan hệ giữa người với người là một công trình giá trị trong việc định hình và lý giải các quan điểm nhân sinh quan trong lịch sử tư tưởng nhân loại, đặc biệt nhấn mạnh rằng con người chỉ trở thành “người” đúng nghĩa khi biết sống cùng, sống với và sống vì người khác, một nội dung có ý nghĩa tham chiếu sâu sắc khi nghiên cứu nhân sinh quan trong các cộng đồng truyền thống như người Ê-đê.

Công trình *Triết học nhân sinh* [128] do Stanley Rosen chủ biên, biên dịch bởi Nguyễn Minh Sơn, Lưu Văn Hy và Nguyễn Đức Phú, là một công trình tập thể đồ sộ,

quy tụ các bài nghiên cứu phân tích tư tưởng của nhiều triết gia tiêu biểu trong lịch sử triết học phương Tây – từ thời cổ đại với Socrates, Plato, Aristotle đến thời cận – hiện đại như Descartes, Kant, Rousseau... Dưới nhãn quan triết học nhân sinh, Rosen và các cộng sự đã không chỉ khảo cứu hệ thống tư tưởng của các triết gia mà còn đi sâu vào phân tích cách mà mỗi nhà tư tưởng lý giải bản chất con người, mục đích sống, và vai trò của con người trong thế giới, từ đó phác thảo nên một nền tảng triết học về nhân sinh quan phương Tây xuyên suốt hơn hai nghìn năm lịch sử.

Nội dung trọng tâm của cuốn sách xoay quanh khẳng định rằng, triết học không chỉ là tư duy thuần lý, mà là sự phản tỉnh sâu sắc về đời sống con người trong toàn bộ tính hiện sinh, đạo đức và xã hội của nó. Theo đó, mỗi triết gia được trình bày trong công trình đều góp phần làm sáng tỏ các khía cạnh khác nhau của nhân sinh quan. Ví dụ, Socrates với phương pháp đối thoại đã khơi gợi nơi con người khả năng tự nhận thức và sống có đạo đức thông qua việc truy vấn liên tục về các giá trị như thiện, công bằng và hạnh phúc. Plato, trong lý thuyết về linh hồn và thế giới ý niệm, cho rằng con người chỉ thực sự sống đúng nghĩa khi biết hướng về cái chân – thiện – mỹ vĩnh cửu. Còn Aristotle lại phát triển một quan niệm dung hòa hơn, coi con người là một “sinh vật chính trị” (zōon politikon) sống trong cộng đồng và chỉ có thể thực hiện được đời sống trọn vẹn trong mối quan hệ xã hội hài hòa, có đạo đức.

Tác giả khẳng định: “Triết học nhân sinh là nỗ lực không ngừng nghỉ nhằm trả lời những câu hỏi lớn nhất của con người về chính mình: Tôi là ai? Tôi đến từ đâu? Tôi sẽ đi về đâu? Và tôi phải sống như thế nào để trở nên đúng nghĩa là con người?” [128, tr. 14]. Theo đó, triết học nhân sinh được mô tả không như một học thuyết đơn nhất, mà như một trường tư tưởng liên tục tái khẳng định giá trị con người trước những khủng hoảng của thời đại – từ sự tha hóa cá nhân trong xã hội công nghiệp, đến chủ nghĩa hư vô trong hiện sinh, hay sự khủng hoảng ý nghĩa trong đời sống hiện đại.

Stanley Rosen đặc biệt nhấn mạnh rằng, không có nhân sinh quan chung cho toàn nhân loại nếu không bắt đầu từ những phản tỉnh cá nhân có tính phổ quát. Ông viết: “Để hiểu sự tồn tại của con người, trước hết người ta phải sống nó một cách chân thực, phản tỉnh nó một cách phê phán, và rồi nâng nó lên bằng lý trí và đức hạnh” [128, tr. 33].

Từ góc nhìn đó, *Triết học nhân sinh* không chỉ là một tập hợp các bài viết lý luận mà còn là tấm bản đồ tri thức nhân loại về con đường trở thành “con người đúng nghĩa”,

trong đó mỗi cá nhân được xem là một chủ thể có tự do, có trách nhiệm và luôn hướng đến sự hoàn thiện bản thân thông qua đời sống luân lý – tinh thần.

Michael D. Moga trong *What Makes Man Truly Human?* [42], bản dịch của Lê Đình Trị, tiếp cận vấn đề nhân sinh từ quan điểm triết học nhân vị mang đậm màu sắc Kitô giáo. Theo ông, con người thực sự là con người (truly human) không chỉ vì có thể xác hay năng lực lý trí, mà còn bởi khả năng tự ý thức, tự do lựa chọn và hướng đến những giá trị vượt lên trên bản thân. Tác giả cho rằng bản chất con người được thể hiện trong ba chiều kích: tự thân, liên vị và siêu việt. Trong đó, chiều kích tự thân thể hiện ở khả năng tự nhận thức và có lương tâm đạo đức; chiều kích liên vị thể hiện ở khả năng mở lòng và sống cùng người khác trong tình yêu thương và trách nhiệm; và chiều kích siêu việt thể hiện ở khát vọng hướng tới chân – thiện – mỹ, kết nối với một ý nghĩa vượt khỏi thế giới vật chất. Moga nhấn mạnh: “Trở thành con người thật sự có nghĩa là mở lòng với tha nhân và với Thiên Chúa, là vượt thoát khỏi chính mình để sống trong tự do và tình yêu” [42, tr. 16].

Từ góc độ này, tác giả bác bỏ cách nhìn quy giản con người thành một thực thể thuần túy sinh học hay xã hội, mà khẳng định rằng con người là một hữu thể tự do, có năng lực yêu thương và trách nhiệm đạo đức. Ông viết: “Con người không đơn thuần là động vật có lý trí, mà là một hữu thể cá nhân được mời gọi sống trong hiệp thông” [36, tr. 10]. Bởi vậy, theo Moga, việc phát triển con người không chỉ là phát triển thể chất hay trí tuệ, mà trước hết là sự trưởng thành về mặt nhân cách, thể hiện qua năng lực sống tự do, có trách nhiệm, biết yêu thương và hướng thiện. Ông nhấn mạnh: “Trưởng thành như một con người có nghĩa là ngày càng có khả năng yêu thương, tự do và hướng tới sự thật” [42, tr. 24].

Như vậy, tác phẩm *What Makes Man Truly Human?* đã đóng góp quan trọng vào việc làm sáng tỏ bản chất và mục tiêu tồn tại của con người trong mối quan hệ với tha nhân, với xã hội và với những giá trị siêu việt. Đây là một góc tiếp cận có thể tham chiếu để hiểu rõ hơn về nhân sinh quan của các cộng đồng dân tộc thiểu số, trong đó có người Ê-đê – những chủ thể có đời sống tâm linh phong phú, đề cao tinh thần cộng đồng và luôn hướng tới sự hài hòa giữa con người – tự nhiên – xã hội – thần linh trong suốt hành trình tồn tại lịch sử.

Bên cạnh các công trình triết học phương Tây, nhiều tác phẩm tiếp cận nhân sinh quan từ chiều kích Đông phương và liên văn hóa. Tác phẩm *Triết lý sinh tử Đông Tây* [136] của Phùng Lô Tường khái quát quan niệm về sống và chết trong các tôn giáo và triết học Đông - Tây. Ông đề cập đến quan điểm của Nho giáo như “Chết sống có mệnh” hay “không biết sống làm sao biết chết”, nhấn mạnh giá trị nhân sinh trong việc tu dưỡng bản thân. Ông cũng khẳng định giáo dục không chỉ truyền đạt tri thức mà còn giúp con người hiểu về bản thân, phát triển tư duy sáng tạo và xây dựng cuộc sống ý nghĩa: “Chết là một phần trong toàn bộ cuộc sống của chúng ta, vì nó đã trao cho loài người ý nghĩa về sự tồn tại” [136, tr. 22].

Tác phẩm *Mạn đàm nhân sinh* [91] của Matsushita Kōnosuke không phải là một công trình triết học thuần túy, mà là tập hợp những suy ngẫm mang tính triết lý sống sâu sắc được đúc rút từ trải nghiệm đời người của một doanh nhân lớn, được tôn vinh là “thần kinh doanh” của Nhật Bản. Mặc dù xuất phát từ góc nhìn thực tiễn, nhưng *Mạn đàm nhân sinh* thể hiện rõ một hệ thống quan niệm nhất quán về nhân sinh quan, đặc biệt là trong mối tương quan giữa con người với bản thân, với xã hội, và với quy luật tự nhiên. Theo Matsushita, sống một cuộc đời có ý nghĩa không phải là theo đuổi thành công hay lợi ích cá nhân thuần túy, mà là sự hòa hợp giữa cá nhân với cộng đồng và với đạo lý tự nhiên. Ông cho rằng hạnh phúc chân chính chỉ đạt được khi cá nhân cảm thấy mãn nguyện trong tâm thức, đồng thời nhận được sự đồng thuận từ xã hội và sống phù hợp với quy luật tự nhiên. Ông khẳng định: “Hạnh phúc chân chính hội tụ ba điều kiện: Tự mình cảm thấy hạnh phúc, những người khác trong xã hội cũng tán đồng với niềm hạnh phúc chính đáng đó và con người khi sống giữa tự nhiên phải hành động và sống theo đúng nguyên lý của trời đất và tự nhiên” [91, tr. 119]. Quan điểm này thể hiện một nhân sinh quan quân bình và hài hòa, nhấn mạnh rằng đời sống cá nhân không thể tách rời khỏi các mối liên hệ xã hội và tự nhiên. Đáng chú ý, Matsushita không xem con người như một thực thể cô lập theo chủ nghĩa cá nhân cực đoan, mà luôn trong trạng thái tương tác đạo đức – tinh thần với cộng đồng và vũ trụ.

Một nội dung quan trọng khác của tác phẩm là cách tác giả nhìn nhận về vận mệnh và ý nghĩa cuộc sống. Matsushita cho rằng mỗi người sinh ra với những điều kiện khác nhau, nhưng chính thái độ sống và cách con người đối diện với khó khăn mới quyết định giá trị cuộc đời họ. “Điều quan trọng không phải là bạn gặp chuyện gì trong đời, mà là

bạn nhìn nhận và hành xử ra sao trước điều đó” [91, tr. 87]. Cũng theo ông, con người phải sống một cách trung thực, trách nhiệm và tự rèn luyện bản thân để đạt tới sự hài hòa nội tại, đồng thời đóng góp tích cực cho cộng đồng. Chính vì vậy, Mạn đàm nhân sinh không chỉ đơn thuần là triết lý quản trị hay đạo đức kinh doanh, mà thực chất là một bản tuyên ngôn về một nhân sinh quan vị nhân sinh, giàu tính thực tiễn và giàu tinh thần Đông phương.

Ở Việt Nam, một số công trình đã trực tiếp luận giải khái niệm và cấu trúc nhân sinh quan. Trong công trình “*Xây dựng nhân sinh quan*” [76], tác giả Nghiêm Xuân Hồng cho rằng: “Theo định nghĩa thông thường của nó, nhân sinh quan là cái lối người ta nhìn cuộc đời, cái khuôn sáo theo đó người ta thu xếp cuộc sống cùng phép xuất xử. Dù mặc nhiên hay rõ rệt, mỗi người chúng ta đều phải có ít nhiều ý niệm về cuộc sống của mình” [76, tr. 7]. Nội dung nhân sinh quan được tác giả tập trung chủ yếu ở phần I với chủ đề *Vấn đề về nhân bản, tự do, đức lý qua các triết thuyết*. Trong phần này, tác giả lần lượt triển khai phân tích những vấn đề như: Nhân bản và nhân bản; Quan hệ giữa nhân bản và quan niệm nhân sinh; Thảm kịch nhân bản của thế kỷ XX; Kiểm điểm các quan niệm nhân bản trong trận doanh duy tâm và duy vật; Triệu chứng của thời đại: khuynh hướng song kháng của con người thế kỷ XX và Những trào lưu nhân bản mới. Thông qua những nội dung trên, tác giả nhận định rằng xây dựng nhân sinh quan tức là phải đặt nên một loạt các câu hỏi như: Ta có thể nhận định gì trong thực thể con người, và trong thân phận của người? Sự nhận định đó đem lại một kết luận bi quan yếm thế, hay lạc quan lý tưởng về thân phận con người? Con người có thể tin tưởng ở ngay cuộc đời này, hay phải chờ đợi một cuộc đời nào khác?..... Và nhiệm vụ của công trình này là nhằm đi tìm lời giải cho những câu hỏi đó. Tác giả cho rằng: “Kiểm điểm những lời giải đáp ấy để tìm những hướng chính cho một nền nhân sinh quan của hiện tại là phương pháp thích ứng hơn cả” [76, tr. 9].

Công trình *Triết lý nhân sinh* [33], do Lê Kiến Cầu và Chu Quý biên dịch, được cấu trúc thành ba phần: (1) Ý nghĩa nhân sinh; (2) Vấn đề nhân sinh; (3) Các quan điểm về nhân sinh quan. Tác phẩm khẳng định rằng trong suốt chiều dài lịch sử nhân loại, con người luôn trăn trở về các vấn đề nhân sinh, từ những câu hỏi cơ bản về sự tồn tại cho đến những lựa chọn đạo đức và giá trị sống: “Đó là những vấn đề mà bất cứ con người nào cũng phải đối diện trong cuộc sống của mình” [33, tr. 4].

Ở phần đầu, tác giả tiếp cận nhân sinh trên ba khía cạnh: sinh mệnh, cuộc sống và phương hướng sống. Trên cơ sở đó, triết học nhân sinh được xác định là công cụ giúp con người xây dựng nhân cách và lý tưởng sống trọn vẹn: “Mục đích của triết học nhân sinh là xây dựng một nhân cách trọn vẹn, là xây dựng một lý tưởng nhân sinh” [33, tr. 230]. Theo quan điểm này, vận mệnh con người không do ngoại cảnh quyết định mà phụ thuộc vào thái độ sống, đặc biệt là cách con người đối diện với khó khăn, thử thách. Phần hai của tác phẩm đi sâu phân tích các vấn đề nhân sinh cụ thể như thiện - ác, thật - giả, đẹp - xấu..., qua đó nhấn mạnh vai trò của nhân sinh quan đúng đắn trong việc tạo dựng niềm tin, bản lĩnh và năng lực vượt qua nghịch cảnh. Phần cuối trình bày các quan điểm nhân sinh từ một số trường phái triết học tiêu biểu như chủ nghĩa thực chứng, chủ nghĩa thực dụng, chủ nghĩa khoái lạc, chủ nghĩa công lợi, chủ nghĩa pháp luật, chủ nghĩa tiến hóa... Với mỗi quan điểm, tác giả đưa ra đánh giá riêng, thể hiện quan điểm phê bình rõ ràng. Đáng chú ý, công trình kết thúc bằng việc đề cao thuyết lương tri, khẳng định: “Lương tri không phải là một khái niệm mơ hồ... mà là phán đoán cụ thể cá biệt nằm ngay trong nội tâm của mỗi chúng ta” [33, tr. 381].

Nhìn chung, tác phẩm *Triết lý nhân sinh* là một đóng góp có giá trị trong việc lý giải cấu trúc nhân sinh quan từ cả bình diện lý luận và đạo đức thực hành, đặc biệt nhấn mạnh vai trò chủ thể tích cực của con người trong việc xác lập ý nghĩa cuộc sống và xây dựng giá trị bản thân trong tương quan với xã hội và thế giới.

Tác giả Nguyễn Thế Trắc trong “*Mạn đàm nhân sinh*” [156] đã đề cập đến những vấn đề về nhân sinh quan như kiếp người trong mối quan hệ với trời đất, vạn vật tạo thành Thiên - Địa - Nhân; Quan niệm về họa, phúc trong đời người cùng với những vấn đề về tu thân, hoàn thiện nhân cách... Trên cơ sở đó, tác giả đã có những luận giải sâu sắc về những triết lý sống nhằm hướng con người đạt tới những giá trị đích thực cho cá nhân và xã hội.

Trong cuốn “*Hành trình nhân sinh quan: Phản tỉnh trên đường trải nghiệm*” [146], tác giả Nguyễn Tất Thịnh là một công trình giàu tính chiêm nghiệm, được xây dựng trên nền tảng trải nghiệm cá nhân và sự quan sát sâu sắc các vấn đề đời sống, từ đó gợi mở một hệ thống quan điểm nhân sinh mang tính khai phóng, định hướng con người sống hài hòa, tích cực và có lý tưởng. Dưới dạng những bài viết ngắn gọn, súc tích, tác phẩm không đơn thuần là sự chia sẻ cá nhân mà còn hàm chứa các triết lý sống

về cách con người nhận diện chính mình, ứng xử với tha nhân và kiến tạo giá trị trong đời sống thường nhật. Tác giả không đưa ra một hệ thống triết học nhân sinh chặt chẽ theo nghĩa học thuật cổ điển, nhưng qua bốn phần chính của cuốn sách - gồm: những câu chuyện đời thường giàu chất nhân văn; các quan sát xã hội từ lăng kính nhân sinh quan hướng thượng; kiến thức nền tảng về nhân sinh quan; và các bài thơ triết lý nhẹ nhàng - ông đã thiết lập một dòng mạch xuyên suốt nhằm khơi gợi năng lực tự phản tỉnh của con người về lẽ sống. Trung tâm tư tưởng của tác phẩm chính là nhấn mạnh vai trò của trải nghiệm sống, sự tỉnh thức cá nhân và khả năng tự cải hóa bản thân như là nền tảng cho việc xây dựng một nhân sinh quan tích cực, giàu tính nhân văn và bền vững. Nguyễn Tất Thịnh đề cao lối sống theo định hướng Chân - Thiện - Mỹ, xem đó không phải là những giá trị siêu hình trừu tượng mà là kim chỉ nam thực hành trong từng tình huống cụ thể của cuộc đời, giúp con người chủ động vươn lên, giữ gìn phẩm giá và hướng đến hạnh phúc đích thực.

Tuy không tập trung vào lý luận triết học thuần túy, song tác phẩm lại đưa ra nhiều gợi mở giá trị cho việc nghiên cứu các nội dung nhân sinh quan từ góc nhìn văn hóa - xã hội. Đặc biệt, một số nội dung liên quan đến quan niệm sống, mục tiêu sống, ước nguyện về hạnh phúc, sự gắn bó cộng đồng và khát vọng vươn tới sự phồn vinh... có thể trở thành cơ sở tham chiếu hữu ích cho nghiên cứu nhân sinh quan của người Việt nói chung, và khảo sát nhân sinh quan của các cộng đồng truyền thống thông qua lễ hội, tín ngưỡng, hay nghi lễ dân gian nói riêng.

Tác phẩm *Những hiểu biết về cuộc đời* [62] của Trịnh Hiểu Giang và Nguyễn An tập trung luận giải sâu sắc nhiều khía cạnh của nhân sinh, như tính cách con người, tự do cá nhân, các nguyên tắc đạo đức trong quan hệ giữa người với người và giữa cá nhân với xã hội, cũng như các điều kiện để đạt được một cuộc đời hạnh phúc. Đặc biệt, tác phẩm có cách tiếp cận nổi bật khi bàn về vấn đề cái chết như một phần tất yếu và mang tính bản thể trong đời sống con người.

Trên cơ sở khẳng định rằng “đời người không hoàn toàn có nghĩa là sống” [62, tr. 567], các tác giả nhấn mạnh rằng ý nghĩa cuộc đời nằm ở sự cống hiến cho xã hội, từ đó tạo nên giá trị “vĩnh hằng” và “bất hủ”. Theo đó, đời người được cấu thành bởi ba phương diện: (1) sự tự nhận thức về sinh mệnh và cuộc sống của chính mình; (2) lý

tưởng sống, quan niệm đạo đức, thẩm mỹ và nhân sinh; (3) các hành vi và lựa chọn cụ thể phát sinh từ hệ quan niệm ấy [62, tr. 567].

Một điểm đáng chú ý trong tư tưởng của hai tác giả là việc lý giải cái chết như một quy luật phổ quát, không né tránh mà cần được đón nhận một cách có giá trị. Các ông cho rằng chỉ khi con người đối diện và hiểu rõ về cái chết, họ mới có thể sống một cuộc đời có định hướng, biết thiết lập mục tiêu sống và tạo dựng ý nghĩa không chỉ cho bản thân mà còn cho xã hội: “Đón nhận cái chết như thế nào mới là có giá trị nhất” [62, tr. 591].

Tác phẩm vì vậy không chỉ là những phân tích triết lý về đời sống cá nhân, mà còn là một hệ thống quan điểm nhân sinh mang tính hiện sinh và đạo đức, định hướng con người sống có lý tưởng, trách nhiệm và chiều sâu tinh thần trong suốt hành trình tồn tại của mình.

Nhìn chung, nhóm công trình này đã góp phần làm rõ nội hàm, cấu trúc và chiều sâu triết học của nhân sinh quan, song chủ yếu dừng lại ở bình diện lý luận chung, chưa đi sâu phân tích nhân sinh quan như một hình thái ý thức xã hội trong trạng thái vận động và biến đổi.

1.1.2. Các công trình nghiên cứu về sự biến đổi nhân sinh quan trong bối cảnh hiện đại hóa, toàn cầu hóa

Khác với nhóm trên, các công trình thuộc nhóm này tập trung phân tích sự vận động, biến đổi của nhân sinh quan trong những bối cảnh lịch sử – xã hội cụ thể, đặc biệt là quá trình hiện đại hóa, giao lưu văn hóa và toàn cầu hóa.

Ở bình diện triết học phương Tây, Trịnh Sơn Hoan “*Triết học nhân sinh Mỹ và một số vấn đề nhân sinh cơ bản trong triết học Mỹ*” [71] đã tiến hành khảo cứu có hệ thống về quá trình hình thành và phát triển của triết học nhân sinh tại Mỹ, từ đó làm nổi bật những đặc trưng cơ bản về nhân sinh quan trong nền triết học này. Theo tác giả, “triết học Mỹ là một thành tố của triết học phương Tây hiện đại. Đa số các trường phái triết học Mỹ đều có nguồn gốc từ châu Âu, do phương thức tư duy của người Mỹ từng chịu ảnh hưởng của người châu Âu” [71, tr. 5]. Dù chịu ảnh hưởng mạnh mẽ từ tư tưởng phương Tây, đặc biệt là triết học châu Âu, nhưng khi tiếp biến vào môi trường xã hội – lịch sử đặc thù của nước Mỹ, các dòng triết học này đã được điều chỉnh và tái sinh để phản ánh những nhu cầu nhân sinh cụ thể của người Mỹ trong từng giai đoạn phát triển.

Công trình gồm ba chương lớn, trong đó chương một tập trung làm rõ bối cảnh hình thành của triết học nhân sinh Mỹ, bao gồm các điều kiện lịch sử - văn hóa – xã hội, cũng như các yếu tố ảnh hưởng từ truyền thống tư tưởng phương Tây. Chương hai là phần trọng tâm, đề cập đến ba vấn đề nhân sinh cốt lõi trong triết học Mỹ, gồm: (1) vấn đề con người tự lập thân, (2) vấn đề tự do trong nhân sinh Mỹ, và (3) vấn đề niềm tin của con người Mỹ trong cuộc sống. Dưới góc độ triết học, tác giả đã chỉ ra rằng những luận giải triết học Mỹ đều lấy con người làm trung tâm, coi con người không chỉ là đối tượng phân tích mà còn là chủ thể định hình nên các giá trị nhân sinh. Các trường phái triết học nhân sinh tại Mỹ như chủ nghĩa cá nhân, chủ nghĩa tự do, chủ nghĩa thực dụng, chủ nghĩa hiện sinh, chủ nghĩa nhân vị... được phân tích như là các cách tiếp cận khác nhau nhằm lý giải căn tính, tự do và sứ mệnh của con người trong xã hội hiện đại.

Trên cơ sở hệ thống hóa các quan điểm triết học tiêu biểu, chương ba của công trình đi sâu phân tích những giá trị và hạn chế của triết học nhân sinh Mỹ, đồng thời nhấn mạnh rằng các lập luận nhân sinh trong triết học Mỹ không tách rời thực tiễn xã hội, mà phản ánh trực tiếp các vấn đề hiện sinh, đạo đức và văn hóa đặc thù của đời sống người Mỹ. Tác giả chỉ ra rằng, chính từ sự giao thoa và cải biến tư tưởng châu Âu trên đất Mỹ, nhiều trường phái triết học đã phát triển với sức sống mới. Tác giả khẳng định: “Cho dù phần lớn các trường phái triết học lớn của Mỹ đều xuất phát từ phương Tây, nhưng khi lưu chuyển đến đất Mỹ, đã không còn giữ nguyên màu sắc cũ, thậm chí, nhờ có đất Mỹ mà các trường phái triết học có gốc tích châu Âu lại trở nên tươi mới” [71, tr. 175].

Từ đó, có thể thấy rằng công trình của Trịnh Sơn Hoan đã cung cấp một nền tảng lý luận và thực tiễn quan trọng để tiếp cận nhân sinh quan trong bối cảnh hiện đại, thông qua lăng kính của triết học Mỹ.

Tác phẩm *Triết lý nhân sinh trong tục ngữ, ca dao Việt Nam* của Hoàng Thúc Lân (chủ biên) [130] là công trình có giá trị trong việc khám phá chiều sâu tư tưởng nhân sinh của người Việt qua ngôn ngữ dân gian. Tác giả tiếp cận tục ngữ, ca dao như một hệ thống tư tưởng phản ánh cách con người Việt nhìn nhận về bản thân, về đời sống và các mối quan hệ xã hội – tự nhiên.

Tác phẩm làm rõ những quan niệm về đời người, ý nghĩa cuộc sống, cũng như các chuẩn mực đạo đức được thể hiện qua mối quan hệ vợ chồng, cha mẹ – con cái, anh em,

và cộng đồng. Các giá trị như thủy chung, hiếu nghĩa, gắn bó và tương thân tương ái được coi là trụ cột nhân sinh quan truyền thống. Đồng thời, quan hệ giữa con người và tự nhiên được thể hiện như một mối liên hệ hài hòa, tôn trọng và cộng sinh.

Phùng Thị An Na trong Luận án Tiến sĩ Triết học: *“Nhân sinh quan người Việt qua folklore Việt Nam”* [107] cho rằng, nhân sinh quan là quan điểm, cách nhìn nhân sinh quan là quan điểm, cách nhìn nền tảng về mục đích, ý nghĩa của cuộc đời, nó quyết định mục đích của các hoạt động thực tiễn và định hướng con đường nhân sinh, quyết định khuynh hướng giá trị và thái độ sống của con người. Trên cơ sở đó, tác giả đã chỉ rõ nhân sinh quan người Việt là những quan niệm về cuộc sống gắn liền với điều kiện nông nghiệp, nông thôn, nông dân Việt Nam phản ánh mối quan hệ của người Việt trong các mối quan hệ: lao động sản xuất, môi trường thiên nhiên, môi trường xã hội, gia đình, dòng tộc... với đặc điểm nổi bật là lối sống trọng nghĩa tình, tinh thần hòa đồng, bao dung...

Một số công trình tiếp cận sự biến đổi nhân sinh quan qua lăng kính tôn giáo – triết học như nghiên cứu của Ngô Quang Tuệ trong *“Triết lý nhân sinh của Đạo gia và ảnh hưởng của nó đối với lịch sử tư tưởng Việt Nam từ thế kỷ XV”* [134] đã đề cập đến nội hàm của khái niệm nhân sinh đó chính là những vấn đề có liên quan đến đời sống con người, bao gồm đời sống vật chất và đời sống tinh thần của con người và xã hội. Điểm đáng chú ý trong công trình này là tác giả cho rằng, vấn đề nhân sinh nhằm “khẳng định vị trí và vai trò của con người đối với lịch sử, vừa là mục đích hoạt động thực tiễn của mỗi cá nhân hay cộng đồng trong từng giai đoạn phát triển khác nhau của lịch sử xã hội” [134, tr. 60]. Tác giả đã khai thác triết lý nhân sinh biểu hiện tập trung qua thuyết “vô vi” của Đạo gia. Theo đó, tác giả cho rằng nội dung của triết lý nhân sinh của Đạo gia thể hiện đạo làm người trong nhân sinh xã hội và giữa con người với giới tự nhiên, đề cao đức khiêm nhu và bất tranh, lấy đức báo oán và công thành thân thoái để đạt đến sự tự do, bình đẳng và hạnh phúc tuyệt đối.

Trong bài viết *Vấn đề nhân sinh quan trong triết học Phật giáo thời Trần* [64], Đỗ Hương Giang đã hệ thống hóa những tư tưởng nhân sinh tiêu biểu của các nhà Phật học thời Trần. Các nhà tư tưởng này đều xuất phát từ nguyên lý duyên khởi và thuyết ngũ uẩn, cho rằng bản chất con người là “Không”, tồn tại trong vòng luân hồi và luôn chịu sự chi phối của vô thường, sinh - diệt. Từ quan niệm cuộc đời là “bể khổ”, các nhà tư

tưởng nhấn mạnh đến việc con người cần nhận thức được nguồn gốc của khổ đau, diệt trừ tham - sân - si để đạt tới giác ngộ và giải thoát.

Triết lý nhân sinh Phật giáo thời Trần không tách rời thực tiễn, mà gắn chặt với tinh thần nhập thế, lấy đạo lý từ bi, vị tha, khoan dung và an nhiên làm nền tảng hướng dẫn đời sống. Đây là triết lý hành động vì con người, giúp con người sống hạnh phúc, ổn định nội tâm và hướng tới sự hài hòa xã hội. Nhân sinh quan Phật giáo thời kỳ này vì thế không chỉ là một hệ tư tưởng triết học, mà còn trở thành nền tảng văn hóa - đạo đức góp phần định hình lối sống và hệ giá trị của xã hội Đại Việt, với ảnh hưởng vẫn còn sâu rộng trong đời sống tinh thần của người Việt hiện nay.

Nguyễn Thị Ngọc trong *“Triết lý nhân sinh của cư dân đồng bằng Bắc bộ trong truyện cổ tích Việt Nam”* [111] đã đưa đa nhận định về khái niệm triết lý nhân sinh: “Triết lý nhân sinh là những quan niệm, quan điểm về cuộc sống, lẽ sống, mục đích, giá trị sống, về mối quan hệ giữa con người với tự nhiên, xã hội và bản thân mình, từ đó định hướng cho hoạt động thực tiễn của con người” [111, tr. 45]. Trên cơ sở đó, tác giả đã phân tích nội dung của triết lý nhân sinh của cư dân đồng bằng Bắc bộ thể hiện qua những câu chuyện cổ tích như triết lý về mối quan hệ giữa con người với tự nhiên, triết lý về mối quan hệ giữa con người với gia đình, xã hội và triết lý về mối quan hệ giữa con người với chính mình. Từ đó, công trình này cũng chỉ ra những giá trị tích cực, những điểm còn hạn chế trong triết lý nhân sinh của cư dân đồng bằng Bắc bộ trong truyện cổ tích Việt Nam và rút ra ý nghĩa của những triết lý nhân sinh đối với đời sống xã hội ở nước ta trong giai đoạn hiện nay.

Phan Văn Thám trong *“Sự biến đổi nhân sinh quan của người Việt Nam hiện nay qua lễ hội truyền thống”* [140] là một trong những công trình có liên quan trực tiếp về mặt nội dung và hướng tiếp cận đến đề tài luận án. Trên cơ sở khảo cứu các giá trị nhân sinh truyền thống trong lễ hội, luận án đã chỉ ra những biểu hiện nhân sinh quan tích cực như: lòng biết ơn tổ tiên, tinh thần đoàn kết, khát vọng vươn lên, cũng như những biến đổi tiêu cực như chủ nghĩa cá nhân, thực dụng, thương mại hóa tín ngưỡng. Kết quả nghiên cứu của công trình này góp phần xác lập cơ sở lý luận và thực tiễn nhằm định hướng phát huy giá trị tốt đẹp trong đời sống tinh thần, hạn chế ảnh hưởng tiêu cực từ quá trình hiện đại hóa và toàn cầu hóa. Công trình của Phan Văn Thám có giá trị định hướng về mặt lý luận và phương pháp tiếp cận, đồng thời là cơ sở tham chiếu quan trọng

để luận án này khẳng định tính đặc thù, cấp thiết và đóng góp mới về mặt khoa học đối với nghiên cứu triết học nhân sinh ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số Việt Nam hiện nay.

Tuy nhiên, nhìn chung, các công trình trên chủ yếu tập trung vào nhân sinh quan của người Việt nói chung, hoặc tiếp cận từ góc độ văn hóa – tín ngưỡng, chưa có nhiều nghiên cứu chuyên sâu về sự biến đổi nhân sinh quan của các cộng đồng dân tộc thiểu số dưới tác động đồng thời của hiện đại hóa, giao lưu văn hóa và biến đổi kinh tế – xã hội.

1.2. Các công trình nghiên cứu về người Ê-đê và đời sống văn hóa – xã hội truyền thống

1.2.1. Nghiên cứu về điều kiện tự nhiên, kinh tế – xã hội và tổ chức cộng đồng của người Ê-đê

Một trong những công trình sớm và có giá trị nền tảng trong việc khảo sát đời sống văn hóa - xã hội của các tộc người bản địa Tây Nguyên là *Rừng người Thượng* [99] (*Les Jungles Mois*) của Henri Maitre (1912). Mặc dù tác phẩm được viết dưới góc nhìn dân tộc học thực địa mang tính thực dân thời kỳ đầu thế kỷ XX, song đây vẫn là một nguồn tư liệu quý giá cho việc phục dựng các yếu tố văn hóa nền tảng của các dân tộc thiểu số tại miền núi Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, trong đó có người Ê-đê.

Thông qua những ghi chép chi tiết về tổ chức xã hội, tín ngưỡng, nghi lễ và quan hệ giữa con người với môi trường sống, tác giả đã tái hiện sinh động thế giới quan và nhân sinh quan dân gian, trong đó nổi bật là quan niệm về con người như một phần không tách rời khỏi cộng đồng và tự nhiên. Henri Maitre đặc biệt nhấn mạnh vai trò của rừng núi – không chỉ là không gian sinh tồn mà còn là cõi linh thiêng gắn với tổ tiên, thần linh và các thế lực siêu hình. Trong cách nhìn ấy, đời sống không được hiểu như một hành trình cá nhân đơn tuyến, mà là một quá trình tương tác hài hòa, thiêng liêng, mang tính chu kỳ giữa các chiều kích: con người - cộng đồng - vũ trụ.

Đáng chú ý, qua việc khảo tả hệ thống nghi lễ vòng đời từ sinh nở, trưởng thành, hôn nhân đến tang ma, Henri Maitre đã phản ánh chiều sâu nhân sinh quan của các cộng đồng bản địa - trong đó cái chết không bị quan niệm như sự kết thúc tuyệt đối, mà là sự chuyển tiếp sang một thế giới khác, nơi linh hồn tiếp tục gắn bó và ảnh hưởng đến cộng đồng hiện sinh. Các nội dung này cho thấy rõ ba trục tư tưởng xuyên suốt nhân sinh

quan truyền thống của các dân tộc Tây Nguyên nói chung và người Ê-đê nói riêng: tính cộng đồng, tính linh thiêng và tính chu kỳ trong cách kiến tạo ý nghĩa sống.

Tác phẩm của Henri Maitre tuy mang tính dân tộc chí cổ điển, chưa sử dụng các khái niệm triết học đương đại, nhưng lại là tài liệu có giá trị khai mở, góp phần đặt nền móng cho các nghiên cứu chuyên sâu sau này về nhân sinh quan của các dân tộc thiểu số Việt Nam.

Jacques Dournes với bút danh Dambo trong sách “Populations Montagnardes du Sud-Indochinois” (1950), bản dịch của Nguyễn Ngọc (2017) với tựa đề “*Miền đất huyền ảo*” [44] là một trong những công trình dân tộc học kinh điển về các tộc người Tây Nguyên, đặc biệt là người Jrai và Ê-đê – hai dân tộc có nhiều điểm tương đồng trong tổ chức xã hội, tín ngưỡng và thế giới tinh thần. Dournes, với tư cách một nhà dân tộc học thực địa, đã sống gắn bó gần hai mươi năm với các cộng đồng Tây Nguyên và để lại một kho tư liệu phong phú, trong đó *Miền đất huyền ảo* là tác phẩm tiêu biểu nhất.

Dournes không tiếp cận người Jrai - Ê-đê như những chủ thể “nguyên sơ” hay “cận văn minh” theo quan điểm thực dân đương thời, mà ông dành cho họ sự tôn trọng sâu sắc trong tư cách những chủ thể có đời sống tinh thần giàu tính biểu tượng và chiều sâu triết lý. Tác phẩm xoay quanh khái niệm Pötao – người đứng đầu cộng đồng, nhưng không đơn thuần là một vị thủ lĩnh chính trị, mà là trung tâm linh thiêng - biểu tượng hội tụ giữa con người, thần linh và cộng đồng. Thông qua hình tượng này, Dournes đã khám phá một thế giới nhân sinh mang tính tổng thể, nơi mà con người, vũ trụ và thần linh không tách rời mà cùng tồn tại trong một cấu trúc linh thiêng - cộng cảm.

Một trong những đóng góp quan trọng của *Miền đất huyền ảo* đối với nghiên cứu nhân sinh quan là việc làm rõ cách cộng đồng dân tộc tại chỗ ở Tây Nguyên nhìn nhận sự sống và cái chết không như hai đối cực, mà là hai trạng thái chuyển hóa tuần hoàn. Dournes viết: “Người Thượng không nhìn sự chết như một sự đoạn tuyệt, mà như một hành trình nối tiếp... Linh hồn người chết không rời khỏi cộng đồng mà trú ngụ trong không gian linh thiêng và tiếp tục can dự vào cuộc sống của người sống” [44, tr., tr. 278]. Dưới góc nhìn của ông, cuộc sống của người Ê-đê là một hệ thống hài hòa giữa thực tại và siêu hình, giữa thân xác và linh hồn, giữa cộng đồng hữu hình và thế giới vô hình, nơi không có sự đối đầu giữa các lực lượng mà là chuỗi chuyển hóa cân bằng. Quan điểm này không chỉ thể hiện qua hình tượng Pötao, mà còn lan tỏa trong nghi lễ vòng

đời, phong tục tang ma, cách thờ cúng tổ tiên, quan niệm về linh hồn và thế giới sau cái chết.

Miền đất huyền ảo không chỉ là một công trình dân tộc học xuất sắc, mà còn là một tài liệu nền tảng giúp tiếp cận chiều sâu nhân sinh quan của người Ê-đê – Jrai nói riêng và các dân tộc tại chỗ ở Tây Nguyên nói chung. Những phân tích giàu tính biểu tượng và nhân văn của Jacques Dournes đã mở ra một cách hiểu mới về triết lý sống, cái chết, quyền lực, cộng đồng và sự linh thiêng, góp phần đặt nền tảng cho những tiếp cận nhân sinh quan truyền thống của người Ê-đê.

Các công trình nghiên cứu về người Ê-đê của các tác giả trong nước sau năm 1975 ban đầu chỉ tập trung nghiên cứu một cách tổng thể văn hóa của tất cả các tộc người ở Tây Nguyên, nhưng càng về sau, các công trình dần đi vào nghiên cứu sâu hơn văn hóa của từng tộc người cụ thể, trong đó có văn hóa của người Ê-đê ở Tây Nguyên nói chung và người Ê-đê ở tỉnh Đắk Lắk nói riêng. Ở nhóm công trình này, chúng tôi tiến hành khảo cứu một số công trình tiêu biểu như:

Công trình *“Đại cương về dân tộc Ê-đê, M’nông ở Đắk Lắk”* [60] của tập thể tác giả Bé Viết Đảng, Chu Thái Sơn, Vũ Thị Hồng và Vũ Đình Lợi xuất bản năm 1982. Công trình này là kết quả nghiên cứu trong khoảng thời gian 4 năm của các tác giả. Họ đã thực hiện rất nhiều chuyên điền dã nghiên cứu tại nhiều vùng có người Ê-đê và M’nông ở Đắk Lắk. Phần thứ nhất của công trình chủ yếu giới thiệu những đặc điểm địa lý, tự nhiên, sự phân bố dân cư và thành phần các tộc người ở tỉnh Đắk Lắk. Bên cạnh có đề cập đến nguồn gốc lịch sử và những đặc điểm nhân chủng của người Ê-đê và người M’nông là hai tộc người có số lượng dân cư đông hàng đầu ở tỉnh Đắk Lắk thời bấy giờ. Phần thứ hai của công trình nghiên cứu về các hoạt động sản xuất, kinh tế và các quan hệ xã hội của hai tộc người Ê-đê và M’nông. Đặc biệt phần thứ ba, công trình tập trung nghiên cứu vào lĩnh vực văn hoá, với ba chương, chương 1 nghiên cứu về về văn hoá vật chất, chương 2 nghiên cứu về văn học nghệ thuật dân gian và đặc biệt chương 3 còn lại, là sự nghiên cứu về những nghi lễ trong chu kỳ đời người. Ở phần này, nhóm tác giả trình bày riêng lẻ văn hóa truyền thống của từng tộc người cụ thể, nhưng rất tiếc phần nghiên cứu về nghi lễ liên quan đến vòng đời người của người Ê-đê trong công trình còn sơ lược. Tuy nhiên công trình đã tạo ra một trong những cơ sở quan trọng cho những

người nghiên cứu sau như chúng tôi có thêm những kiến thức về quan niệm của người Ê-đê về đời người.

Công trình “*Văn hóa cổ truyền Tây Nguyên*” [78] của tác giả Lưu Hùng, xuất bản năm 1996, là sự nghiên cứu tổng thể về các tộc người ở Tây Nguyên trên ba phương diện: môi trường và ứng xử của các dân tộc người Tây Nguyên trong việc tổ chức sản xuất đời sống; Tổ chức gia đình và xã hội; Tổ chức sinh hoạt đời sống tinh thần. Có thể nói công trình này là thành tựu khắc họa tổng thể văn hóa của các tộc người tại chỗ ở Tây Nguyên. Rải rác trong công trình, tác giả đã đề cập ít nhiều đến tổ chức gia đình và xã hội và cách thức ứng xử của người Ê-đê, tuy nhiên còn sơ lược nên lượng kiến thức về quan niệm nhân sinh của người Ê-đê trong công trình này còn tương đối tản mạn. Và cũng do đối tượng nghiên cứu chính của công trình là nền văn hóa của toàn bộ các tộc người ở Tây Nguyên, trong đó bao gồm cả người Ê-đê nên phần nghiên cứu về văn hóa nói chung và nhân sinh quan nói riêng của riêng người Ê-đê trong công trình này chưa có điều kiện nghiên cứu sâu.

Công trình “*Văn hóa xã hội và con người Tây Nguyên*” của Nguyễn Tấn Đắc, xuất bản năm 2005 [59]. Công trình là sự nghiên cứu tổng thể về văn hóa của các tộc người ở Tây Nguyên, trong đó có người Ê-đê. Nếu như trong công trình “*Những mảng màu văn hóa Tây Nguyên*”, Ngô Đức Thịnh thông qua thế giới quan của người Ê-đê để chỉ ra ảnh hưởng của nó đối với cuộc sống của họ ở mức độ chung nhất thì trong công trình này, Nguyễn Tấn Đắc chỉ rõ, cuộc sống, thậm chí số mệnh của người Tây Nguyên nói chung, người Ê-đê nói riêng bị chi phối mạnh mẽ bởi thần linh: “Hoàn toàn tùy thuộc vào ý muốn của thần linh, từ lao động sản xuất, đến ốm đau chết chóc, mọi hành động việc làm đều phải cầu xin và được thần linh cho phép... Con người muốn tìm sự che chở đảm bảo cho cuộc sống của mình nơi thần linh” [59, tr. 102]. Công trình này tiếp tục mở rộng bức tranh tổng thể về tổ chức xã hội, đời sống kinh tế và sự chi phối của thần linh đối với đời sống người Ê-đê, qua đó gián tiếp phản ánh những nền tảng xã hội – văn hóa của nhân sinh quan truyền thống.

1.2.2. Nghiên cứu về văn hóa, tín ngưỡng, phong tục và hệ giá trị truyền thống của người Ê-đê

Tác phẩm “*Người Ê-đê, một xã hội mẫu quyền*” [1] của Anne De Hautecloque-Howe (bản dịch Nguyên Ngọc và Phùng Ngọc Cửu) là công trình dân tộc học có giá trị,

cung cấp cái nhìn sâu sắc về cấu trúc xã hội và đời sống tinh thần của người Ê-đê. Được thực hiện tại Tây Nguyên vào những năm 1950, nghiên cứu tiếp cận cộng đồng Ê-đê từ lăng kính giới và dòng tộc, đặc biệt nhấn mạnh vai trò trung tâm của chế độ mẫu quyền trong việc hình thành bản sắc văn hóa truyền thống.

Một trong những đóng góp quan trọng của công trình là làm rõ mối liên hệ giữa cấu trúc xã hội mẫu quyền và hệ thống quan niệm nhân sinh. Theo Howe, trong xã hội Ê-đê, phụ nữ giữ vai trò chủ đạo trong sở hữu tài sản, quyết định hôn nhân và thực hành nghi lễ tâm linh. Mô hình gia đình mẫu hệ, nhà dài và huyết thống dòng mẹ là nền tảng hình thành quan niệm sống gắn với cộng đồng và tổ tiên. Bà nhận định: “Sự bền vững của cộng đồng Ê-đê không đến từ tính cá nhân, mà đến từ quan hệ nối kết huyết thống, nơi người phụ nữ đóng vai trò vừa là người sinh dưỡng, vừa là người giữ gìn linh hồn tổ tiên” [1, tr. 94].

Bên cạnh đó, Howe cũng phân tích hệ thống nghi lễ vòng đời – từ sinh đẻ, trưởng thành đến tang ma – như sự phản ánh trực tiếp nhân sinh quan: con người không tách khỏi cộng đồng, cái chết là sự tiếp nối chứ không kết thúc. “Sự sống là một vòng tuần hoàn giữa người sống và tổ tiên, giữa hữu hình và vô hình. Cái chết không phải là sự chấm dứt, mà là trở về với thế giới của tổ tiên – nơi linh hồn được bảo vệ và tiếp tục ảnh hưởng đến cộng đồng” [1, tr. 117].

Với cách tiếp cận nhân học, công trình là tài liệu nền tảng giúp luận án tiếp cận nhân sinh quan của người Ê-đê từ chiều sâu văn hóa - xã hội, đồng thời tạo tiền đề để đối chiếu với những biến đổi trong bối cảnh hiện đại.

Ngô Đức Thịnh trong “*Những mảng màu văn hóa Tây Nguyên*” [143] cho rằng theo vũ trụ quan nguyên sơ của người Ê-đê, thế giới phân chia thành ba tầng: tầng trời, tầng đất và tầng dưới và ở mỗi tầng đều có những cặp thần ngự trị như Mtao Kola và Hobia ngự trị ở tầng trời; Mtao Tolua và Ae ơơ hăn ở tầng mặt đất và Băngboda cùng Băngdodung ngự trị ở tầng dưới đất. Ngoài các vị thần cai quản chung ở ba tầng thế giới kể trên, trong tâm thức người Ê-đê, ứng với mỗi sự vật, hiện tượng cũng đều có sức sống, có hồn, được gọi là yang. Người Ê-đê còn phân chia các yang ra thành yang tốt và yang xấu tùy thuộc vào việc các yang làm hại hay phù hộ cho con người, mọi vật có yang nên biết vui buồn, bằng lòng hay tức giận. Đối với các yang của các con vật thì có

yang mạnh hoặc yang yếu và chúng có thể tạo nên sự hòa hợp hay xung khắc để từ đó quyết định sự sinh sôi nảy nở hay tàn lụi của muôn vật.

Quan niệm vật có yang, tạo nên những giao cảm tinh thần giữa con người và vật, nhân cách hóa mọi vật, nó tạo ra những xúc cảm, những tưởng tượng, bay bổng trong những sáng tạo nghệ thuật. Mặt khác, nó cũng phong tỏa, vây hãm con người trong trùng điệp những hờn vía, ma quỷ, mê tín [143, tr. 103-104].

Mặc dù đây không phải là công trình nghiên cứu chuyên sâu về người Ê-đê nhưng trên cơ sở nghiên cứu về hệ thống thần linh trong văn hóa dân gian Ê-đê, tác giả cũng đã cung cấp những thông tin bổ ích về quan niệm của người Ê-đê về cuộc đời con người.

Đỗ Hồng Kỳ trong “*Văn học dân gian Ê-đê, Mơ Nông*” [86] trên cơ sở khái quát về tộc người Ê-đê ở các phương diện như địa bàn cư trú và các nhóm tộc người, nguồn gốc tộc người; về đời sống vật chất và tinh thần thể hiện qua phương thức lao động như săn bắn, hái lượm, sản xuất nương rẫy, nhà cửa và các hình thức cư trú, vũ trụ quan của người Ê-đê, các phong tục tập quán... Khía cạnh nhân sinh của người Ê-đê được tác giả tiếp cận qua tổ chức đời sống xã hội từ gia đình, dòng họ đến đơn vị cư trú và tổ chức xã hội cùng với các đặc điểm của quan hệ xã hội. Qua một số hình thức văn học dân gian tiêu biểu như truyện cổ, sử thi, lời nói vắn, công trình đã phản ánh khá phong phú về đời sống của người Ê-đê từ quan niệm về tự nhiên và xã hội cũng như cách ứng xử với môi trường tự nhiên và xã hội đến những mong muốn của họ về một cuộc sống công bằng và hạnh phúc, khát vọng chinh phục tự nhiên, triết lý sống, đạo làm người, lý tưởng sống, tư tưởng cộng đồng... của người Ê-đê. Có thể nói, mặc dù đây là công trình nghiên cứu về người Ê-đê tiếp cận ở góc độ văn học dân gian nhưng lại cung cấp khá đầy đủ những vấn đề về quan niệm nhân sinh của người Ê-đê, tuy ở mức độ sơ lược.

Ngô Đức Thịnh trong “*Luật tục Ê-đê (tập quán pháp)*” [142] đã khẳng định “Luật tục Ê-đê có giá trị về khá nhiều mặt: là nguồn tư liệu quý hiếm để nghiên cứu xã hội học tộc người và văn hóa tộc người; là di sản văn hóa độc đáo của dân tộc, là tri thức dân gian về quản lý cộng đồng” [142, tr. 41] Trong công trình này, chúng ta có thể tìm hiểu các chuẩn mực ứng xử xã hội của người Ê-đê qua hoạt động sản xuất, quan hệ sở hữu, tổ chức xã hội, quan hệ cộng đồng, hôn nhân, gia đình, phong tục, lễ nghi... Đặc biệt, luật tục cũng chứa đựng vốn tri thức quý báu để người Ê-đê có thể vận dụng trong quản lý cộng đồng. “Các tri thức ấy đều được định hình và nêu thành các nguyên tắc

nhằm giáo dục, răn đe mọi người, ngăn chặn những hành vi làm thương tổn đến lợi ích của người khác và của cộng đồng, hướng con người tới các điều thiện, phù hợp với nhận thức và trình độ xã hội đương thời, đảm bảo sự ổn định ở thôn buôn để phát triển” [142, tr. 46]

Đỗ Hồng Kỳ trong *“Vai trò của văn hóa truyền thống các tộc người bản địa Tây Nguyên đối với sự phát triển bền vững vùng”* [87] thông qua sự phân tích của tác giả về văn hóa công chiêng, vấn đề nhân sinh quan của người Ê-đê cũng được thể hiện khá rõ nét tuy không đầy đủ ở tất cả các khía cạnh. Trong công trình này, tác giả đã khái quát các bài chiêng liên quan đến việc thỏa mãn nhu cầu tín ngưỡng của người Ê-đê trước hết thể hiện qua nghi lễ vòng đời người bao gồm: bài “chiêng cúng sức khỏe” gồm bài *Drông Yang* để mời tất cả thần linh liên quan đến nghi lễ, những linh hồn của những người thân đã khuất về chứng giám, phù hộ cho dân làng tổ chức nghi lễ và bài *Ngã yang atáo* để cúng ông bà và những linh hồn đã khuất đang có trong lúc này đang ngồi dự với dân làng trong nghi lễ; bài “chiêng sử dụng trong tang lễ”. Bên cạnh đó còn có bài “chiêng cúng lúa rẫy” gọi là *ring mdiê* cầu mưa thuận gió hòa, xua đuổi côn trùng, thú vật phá hoại mùa màng. Trong tâm thức của người Ê-đê, trong thế giới của người sống thì chỉ có thầy cúng, thầy bói và tiếng chiêng là giao tiếp được với thần linh.

Các bài chiêng gắn với nghi lễ được diễn tấu trong lễ thức làm thỏa mãn nhu cầu tín ngưỡng của người Tây Nguyên. Tiếng chiêng là chiếc cầu nối giữa con người với thế giới thần linh, với linh hồn của những con người trong cộng đồng đã khuất. Tiếng chiêng là sợi dây, là “ngôn ngữ tâm linh” gắn kết cộng đồng người sống với thế giới siêu nhiên” [87, tr. 101].

Công trình này mặc dù không trực tiếp nghiên cứu về nhân sinh quan của người Ê-đê nhưng thông qua việc phân tích văn hóa công chiêng, tác giả cũng đã cung cấp những kiến thức quan trọng về cuộc đời, về cách ứng xử của người Ê-đê với môi trường tự nhiên cũng như khát vọng về một cuộc sống an lành, no đủ tuy ở mức độ cơ bản nhất. Đó là những kiến thức có tính nền tảng cho chúng tôi trong quá trình triển khai nghiên cứu của mình.

Trương Thị Hiền trong “Luật tục Ê-đê, một nền tư pháp hòa giải, những giá trị xã hội và sự biến đổi” [68] tiếp cận các giá trị xã hội của Luật tục Ê-đê. Các giá trị này phản ánh mối quan hệ giữa con người với môi trường tự nhiên, trong đó, núi, sông, rừng,

đất, nước là những yếu tố quan trọng, được luật tục quy định rõ ràng về sử dụng và bảo vệ. Bên cạnh đó, luật tục còn thể hiện các giá trị xã hội trong quản lý cộng đồng, gia đình, dòng họ và đời sống tâm linh, đề cao tính trung thực, công bằng, trách nhiệm và sự gắn kết giữa lợi ích cá nhân với cộng đồng. Các giá trị này phản ánh khát vọng về một xã hội ổn định và lối sống cộng đồng của người Ê-đê.

1.3. Các công trình nghiên cứu liên quan đến nhân sinh quan và sự biến đổi nhân sinh quan của người Ê-đê

1.3.1. Các nghiên cứu tiếp cận từ giác độ triết học, xã hội học và nhân học văn hóa

Công trình *“Nghĩ lễ và phong tục các tộc người ở Tây Nguyên”* của Viện Nghiên cứu Văn hóa [173] tổng hợp nghiên cứu của nhiều tác giả, tập trung vào nhân sinh quan của các tộc người Tây Nguyên, trong đó có người Ê-đê, thông qua nghi lễ, phong tục. Là công trình của các tác giả tại chỗ, nghiên cứu cung cấp kiến thức đáng tin cậy về nhân sinh quan của người Ê-đê.

Công trình cho thấy hệ thống nghi lễ của các tộc người Tây Nguyên không chỉ là hiện tượng văn hóa - tín ngưỡng, mà còn là sự kết tinh của một quan niệm sống mang tính toàn diện. Đối với người Ê-đê, các nghi lễ vòng đời - từ sinh nở, trưởng thành, kết hôn đến tang ma, lễ bỏ mả, lễ cúng sức khỏe... phản ánh sâu sắc cách cộng đồng nhìn nhận con người trong mối tương quan với vũ trụ, thần linh và dòng họ. Nghi lễ không đơn thuần là hình thức tín ngưỡng mà còn là cơ chế xác lập bản sắc cá nhân, duy trì trật tự xã hội và kết nối giữa người sống với tổ tiên.

Một đóng góp quan trọng của công trình là làm nổi bật sự liên tục giữa các giai đoạn sinh - tử - tái sinh, với niềm tin rằng linh hồn người chết vẫn hiện diện trong cộng đồng và cần được chăm sóc thông qua nghi lễ. Tang ma và lễ bỏ mả không chỉ phản ánh quan niệm cái chết như sự chuyển tiếp, mà còn khẳng định vai trò cộng đồng trong hành trình “tiễn đưa” sinh mệnh về với tổ tiên - một nội dung cốt lõi trong nhân sinh quan Tây Nguyên và người Ê-đê.

Công trình cũng làm rõ tính cộng đồng và sự thiêng liêng trong các quan hệ xã hội từ huyết tộc, hôn nhân đến tổ chức làng. Mỗi nghi lễ gắn liền với hệ giá trị đạo đức và nhân sinh, trong đó con người luôn hòa quyện với tự nhiên, cộng đồng, tổ tiên và thần linh. Nhân sinh quan Ê-đê vì vậy là một hệ tư tưởng đậm tính cộng sinh giữa thực tại và tâm linh, giữa cá nhân và cộng đồng, giữa đời sống hữu hạn và thế giới vĩnh hằng.

Đây là công trình nền tảng trong tiếp cận nhân sinh quan của các tộc người bản địa. Riêng với người Ê-đê, tác phẩm giúp làm rõ cách nghi lễ truyền thống bảo lưu nhân sinh quan cổ truyền, đồng thời là cơ sở nhận diện các biến đổi giá trị sống khi cộng đồng tiếp xúc với các luồng văn hóa – tín ngưỡng mới hiện nay.

Trương Bi trong *“Lễ hội truyền thống dân tộc Ê-đê”* [20] khái quát toàn diện các nghi lễ của người Ê-đê, gồm nghi lễ vòng đời (lễ cầu sinh đẻ, lễ đặt tên thổi tai, lễ trưởng thành, lễ cúng sức khỏe, lễ cưới, lễ ăn trâu bỏ mã) và nghi lễ nông nghiệp (lễ cúng rẫy, lễ cầu mưa, lễ cúng bến nước, lễ cúng thần gió, lễ cúng xóa đói nghèo, lễ ăn cơm mới). Trên cơ sở khảo sát thực địa kết hợp tư liệu dân tộc học, tác giả đã phân tích cấu trúc, chức năng và ý nghĩa xã hội – tâm linh của các lễ hội, qua đó làm nổi bật quan niệm sống gắn với chu kỳ mùa màng, cộng đồng và thế giới siêu nhiên.

Tác phẩm không chỉ phản ánh một không gian văn hóa đặc sắc, mà còn gián tiếp làm rõ nhân sinh quan truyền thống của người Ê-đê, trong đó con người được đặt trong mối quan hệ hài hòa với thiên nhiên, cộng đồng dòng tộc và cõi linh thiêng. Lễ hội - với tư cách là hình thức diễn xướng tập thể - chính là phương tiện biểu đạt niềm tin, khát vọng, và quan niệm về sự sống - cái chết, may rủi, phồn thực và tái sinh.

Tác phẩm là tài liệu quan trọng góp phần giải mã chiều sâu tư tưởng và đời sống tinh thần của người Ê-đê, đặc biệt hữu ích cho việc khảo cứu nhân sinh quan dưới góc nhìn văn hóa - triết học.

Công trình *“Lễ hội truyền thống - Bức tranh về đời sống tín ngưỡng của các dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên”* [155] của tác giả Trung Thị Thu Thủy. Trên cơ sở nghiên cứu một số nghi lễ, lễ hội liên quan đến hoạt động sản xuất nông nghiệp của các tộc người tại chỗ ở Tây Nguyên, trong đó có người Ê-đê. Trong phần nghiên cứu về các nghi lễ, lễ hội liên quan đến vòng đời của các tộc người tại chỗ ở Tây Nguyên, bài viết đã chỉ ra: “nghi lễ vòng đời hình thành từ quan niệm về linh hồn người. Tùy theo từng tộc người mà quan niệm về linh hồn có sự khác nhau, số lượng linh hồn trong từng con người cũng khác nhau. Đó là cái gốc của sự hình thành, tồn tại trong đời sống của mỗi con người” [155, tr. 43]. Trên tinh thần đó, tác giả đã dẫn ra một số triết lý nhân sinh, điển hình như niềm tin sâu sắc của người Ê-đê vào sự bất tử của linh hồn, vòng tuần hoàn của sự sống, cái chết và tái sinh, cho thấy cái chết không phải là sự chấm dứt mà là một giai đoạn chuyển tiếp trong hành trình tồn tại liên tục của con người.

Công trình “*Lễ hội bỏ mả của người Êđê: Vai trò, giá trị của nó trong đời sống cộng đồng*” [89] của tác giả Đỗ Hồng Kỳ là sự tiếp cận Lễ hội bỏ mả của người Êđê cũng như tín ngưỡng về linh hồn của tộc người này dưới góc nhìn của nhân học tôn giáo, nhân học văn hóa.

Bằng việc khảo sát sâu sắc lễ bỏ mả (*Lui mơ sất*) – một trong những nghi lễ quan trọng nhất của người Ê-đê - tác giả không chỉ phục dựng lại cấu trúc và chức năng xã hội của nghi lễ, mà còn tập trung làm nổi bật hệ thống triết lý nhân sinh tiềm ẩn trong đó. Theo tác giả, người Ê-đê quan niệm rằng sau khi chết, linh hồn người đã khuất chưa rời khỏi trần thế cho đến khi được cộng đồng chính thức thực hiện lễ bỏ mả. Trong thời gian đó, “đồng bào vẫn thường mang cơm canh đặt trên mộ người thân... vì linh hồn vẫn quay về với thể xác để ăn cơm canh” [89, tr. 127]. Điều này phản ánh một quan niệm nhân sinh chu kỳ và liên tục, trong đó thế giới người sống và người chết luôn có sự giao thoa, linh hồn vẫn còn hiện diện và cần được chăm sóc, nuôi dưỡng.

Tác phẩm cũng trình bày một loạt biểu hiện của triết lý nhân sinh bản địa, như quan niệm về “xứ sở của người chết ở phía Tây” - nơi được người Ê-đê linh thiêng hóa và kiêng kỵ, bởi đó là chốn linh hồn về tụ hội, không dành cho sinh hoạt đời thường của người sống [89, tr. 133]. Những kiêng cử này không chỉ là quy tắc tín ngưỡng, mà còn là biểu hiện của hệ hình tư duy nhân sinh - vũ trụ quan đặc thù, trong đó con người được đặt giữa một mạng lưới các mối liên hệ với thiên nhiên, tổ tiên và các thế lực siêu hình.

Dù thừa nhận có sự thay đổi về hình thức tổ chức lễ bỏ mả trong bối cảnh hiện đại, Đỗ Hồng Kỳ khẳng định cốt lõi nhân sinh quan của người Ê-đê vẫn được bảo lưu. Tác giả kết luận: “Mặc dù hình thức bỏ mả của người Ê-đê trước đây và ngày nay có khác nhau, nhưng quan niệm tâm linh về sự vĩnh hằng của linh hồn, sự trường tồn của giống nòi vẫn còn nguyên vẹn” [89, tr. 136].

Từ góc nhìn nhân sinh quan, công trình của Đỗ Hồng Kỳ là một tài liệu tham chiếu quan trọng, cho thấy nghi lễ bỏ mả không chỉ là một thực hành văn hóa, mà là một không gian biểu đạt rõ nét hệ tư tưởng nhân sinh của người Ê-đê: sự tiếp nối giữa các thế hệ, mối quan hệ giữa cái sống - cái chết - cái thiêng, và sự gắn bó không đứt đoạn giữa cá nhân với cộng đồng trong cả hai thế giới hữu hình và vô hình.

Công trình “*Triết lý nhân sinh trong nghi lễ thờ cúng của người Ê-đê ở thành phố Buôn Ma Thuột*” [174], tác giả Mai Trọng An Vinh tập trung nghiên cứu chiều sâu

triết lý nhân sinh ẩn chứa trong các nghi lễ thờ cúng truyền thống của người Ê-đê. Tác giả triển khai phân tích từ góc độ văn hóa - triết học, xem các nghi lễ không chỉ là hoạt động tín ngưỡng mang tính tâm linh, mà còn là phương tiện phản ánh quan niệm sống, ứng xử với tự nhiên, cộng đồng và thế giới siêu nhiên.

Công trình đã chỉ ra rằng trong nghi lễ thờ cúng, người Ê-đê gửi gắm những triết lý cơ bản về sự hòa hợp giữa con người với vũ trụ, mối quan hệ mật thiết giữa cá nhân - gia đình - buôn làng, cũng như khát vọng về sự bình an, no đủ và hạnh phúc. Những giá trị này phản ánh rõ nét nền tảng của chế độ mẫu hệ, tính cộng đồng cao và tinh thần gắn bó với thiên nhiên - những yếu tố đặc trưng trong nhân sinh quan truyền thống của người Ê-đê. “Người Ê-đê duy trì sự sống của mình từ việc khai thác các nguồn lợi từ thiên nhiên, cũng như từ rừng là chủ yếu, họ quan niệm rằng mình “ăn rừng” để duy trì sự sống. Rừng bao bọc con người,..., không bao giờ họ tự cho mình quyền tàn phá, lãng phí rừng, tận diệt muôn thú. Vì đối với tộc người này, những thứ đó không phải là tài sản thuộc sở hữu của con người mà được “vay mượn từ thiên nhiên để ăn” nhằm duy trì sự sống của mình” [174, tr. 127].

Về mặt học thuật, công trình góp phần bổ sung nguồn tư liệu quan trọng để hiểu rõ hơn triết lý nhân sinh của người Ê-đê trong mối liên hệ với tín ngưỡng dân gian. Nó giúp minh chứng cho luận điểm rằng nhân sinh quan của tộc người không chỉ biểu hiện trong ngôn ngữ, sử thi, luật tục, mà còn được thể hiện sinh động trong đời sống nghi lễ, qua đó góp phần làm sáng tỏ mối quan hệ giữa nhân sinh quan và văn hóa tín ngưỡng.

Tuy nhiên, công trình chủ yếu đi sâu vào khía cạnh nghi lễ thờ cúng, chưa phân tích rộng hơn đến sự biến đổi của những triết lý ấy trong bối cảnh kinh tế - xã hội đương đại. Vì vậy, giá trị của nghiên cứu này thiên về phương diện nhận diện và bảo tồn giá trị truyền thống, hơn là giải quyết các vấn đề biến đổi hiện nay.

Tóm lại, nghiên cứu của Mai Trọng An Vinh là một đóng góp có ý nghĩa trong việc hệ thống hóa, lý giải triết lý nhân sinh của người Ê-đê qua lăng kính nghi lễ, đồng thời tạo nền tảng tham khảo cho các công trình nghiên cứu tiếp theo về sự biến đổi nhân sinh quan của cộng đồng này trong tiến trình hội nhập và phát triển.

1.3.2. Các nghiên cứu về tác động của hiện đại hóa, đô thị hóa và giao lưu văn hóa đến hệ giá trị của người Ê-đê

Công trình “*Đời sống tín ngưỡng tôn giáo của các tộc người ở Tây Nguyên hiện nay, một số vấn đề đặt ra*” [67] của tác giả Đỗ Lan Hiền. Trong công trình này, Đỗ Lan Hiền tiếp cận đời sống tinh thần của các cộng đồng dân tộc Tây Nguyên như một hệ thống biểu đạt bản sắc văn hóa đang vận động trong quá trình biến đổi. Tác giả khẳng định rằng bản sắc văn hóa không phải là một thực thể bất biến, mà là kết quả của một tiến trình lịch sử được kiến tạo và tái tạo qua nhiều thế hệ. Theo đó, các yếu tố như phong tục, tập quán, nghi lễ, tín ngưỡng – trong đó có những nội dung liên quan chặt chẽ đến nhân sinh quan – luôn phải đối diện với những thay đổi của xã hội hiện đại, dù được bảo tồn đến đâu thì “bộ mặt của nó cũng ít nhiều bị thay đổi” [67, tr. 76].

Một đóng góp đáng chú ý của công trình là phân tích ý nghĩa nhân sinh trong lễ hội đâm trâu - một nghi lễ tiêu biểu có mặt ở nhiều dân tộc Tây Nguyên, trong đó có người Ê-đê. Theo Đỗ Lan Hiền, đây không chỉ là một hình thức tế lễ, mà còn là biểu tượng tập trung của quan niệm sống, nơi trâu đại diện cho thịnh vượng, sức mạnh, và sự kết nối giữa con người với thần linh. “Đâm trâu là lễ tế long trọng nhất trong tất cả các nghi lễ của người Tây Nguyên, khơi dậy niềm kiêu hãnh, tự tin của cộng đồng, hay thậm chí còn để xua đuổi tà thần đến quấy nhiễu dân làng như thiên tai, dịch bệnh” [67, tr. 78].

Thông qua việc phân tích vai trò của lễ hội như một thiết chế văn hóa – tâm linh, công trình cho thấy rõ mối liên hệ giữa nghi lễ truyền thống với hệ thống nhân sinh quan bản địa, đồng thời nhận diện những biểu hiện biến đổi của hệ thống đó khi bị đặt trong dòng chảy hiện đại hóa, giao thoa tôn giáo và chuyển đổi niềm tin.

Như vậy, nghiên cứu của Đỗ Lan Hiền là một tài liệu tham khảo quan trọng, góp phần cung cấp cơ sở thực tiễn để khảo sát những biến đổi trong thế giới quan và nhân sinh quan của người Ê-đê, đặc biệt thông qua sự biến đổi của các thực hành nghi lễ và đời sống tín ngưỡng truyền thống. Công trình đồng thời gợi mở cách tiếp cận nhân sinh quan không chỉ như một hệ tư tưởng trừu tượng, mà là một quá trình sống động, gắn với thực hành văn hóa - tín ngưỡng cụ thể và có khả năng biến chuyển theo bối cảnh xã hội.

Công trình *Sự biến đổi những giá trị xã hội truyền thống của đồng bào các dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên hiện nay* của Nguyễn Ngọc Hòa (chủ biên) [70] là một nghiên

cứu tập thể có giá trị tổng hợp, hướng đến nhận diện chiều sâu văn hóa của các cộng đồng thiểu số Tây Nguyên nói chung và của người Ê-đê nói chung thông qua lăng kính biến đổi xã hội. Thay vì khảo tả đơn lẻ, các tác giả lựa chọn cách tiếp cận hệ thống để phân tích các giá trị truyền thống – từ niềm tin, tín ngưỡng, đến quan hệ cộng đồng – trong mối liên hệ với thực tiễn chuyển động của đời sống hiện đại.

Đáng chú ý, tác phẩm không chỉ đề cập đến các biến đổi mang tính lễ nghi hay hình thức, mà còn chạm đến cấu trúc giá trị nội tại của đời sống tinh thần - nơi các yếu tố cốt lõi của nhân sinh quan như quan niệm về sự sống, cái chết, linh hồn, cộng đồng, lòng tri ân và sự gắn bó với buôn làng được khơi lộ qua phân tích lễ hội. Lễ hội, dưới góc nhìn của các tác giả, không đơn thuần là hoạt động văn hóa, mà là trường biểu hiện của thế giới quan - nhân sinh quan truyền thống, nơi những chuyển biến dù nhỏ cũng báo hiệu sự dịch chuyển sâu xa trong hệ tư tưởng của cộng đồng.

Từ đó, công trình trở thành một tài liệu tham chiếu quan trọng, không chỉ để nhận diện quá trình biến đổi các giá trị sống, mà còn để truy tìm các biểu hiện biến đổi nhân sinh quan trong bối cảnh hiện đại hóa - toàn cầu hóa đang tác động mạnh mẽ tới các dân tộc tại chỗ ở Tây Nguyên nói chung và người Ê-đê nói riêng.

Các nghiên cứu này không chỉ giúp nhận diện sự biến đổi bề mặt của nghi lễ, mà còn gợi mở cách tiếp cận nhân sinh quan như một quá trình sống động, gắn với thực hành văn hóa – tín ngưỡng và chịu tác động mạnh mẽ của hiện đại hóa, đô thị hóa và toàn cầu hóa.

1.4. Các công trình nghiên cứu liên quan đến quan điểm và giải pháp phát huy những biến đổi tích cực và hạn chế những biến đổi tiêu cực của nhân sinh quan của người Ê-đê ở tỉnh Đắk Lắk hiện nay

Liên quan đến vấn đề quan điểm và giải pháp phát huy những biến đổi tích cực và hạn chế những biến đổi tiêu cực của nhân sinh quan của người Ê-đê ở tỉnh Đắk Lắk hiện nay, nghiên cứu sinh khảo cứu các công trình liên quan đến quan điểm, giải pháp phát huy văn hóa của đồng bào dân tộc thiểu số nói chung và người Ê-đê nói riêng.

Trong công trình *Những mảng màu văn hóa Tây Nguyên* [143], tác giả Ngô Đức Thịnh nhận định rằng Tây Nguyên là không gian văn hóa dân gian đặc sắc, giàu bản sắc về tín ngưỡng, nghi lễ và tri thức bản địa. Tuy nhiên, ông cũng cảnh báo rằng quá trình

phát triển kinh tế thị trường và giao lưu văn hóa hiện đại đang tạo ra những biến đổi sâu sắc trong đời sống tinh thần của các tộc người nơi đây, với nguy cơ đứt gãy giữa truyền thống và hiện đại, dẫn đến hiện tượng “suy kiệt và trở nên nghèo nàn” về văn hóa. Các biểu hiện này không chỉ ảnh hưởng đến thực hành lễ hội hay nghi lễ, mà còn tác động đến hệ giá trị sống, quan niệm về con người, cộng đồng và thế giới siêu hình - tức là những thành phần cốt lõi của nhân sinh quan.

Trên cơ sở phân tích đó, tác giả đề xuất một số định hướng bảo tồn văn hóa Tây Nguyên trong bối cảnh biến đổi: nâng cao nhận thức về vai trò của văn hóa trong phát triển, phát huy tính chủ thể của cộng đồng - đặc biệt là sự tự quản và tự điều chỉnh của làng buôn, và kết hợp hài hòa giữa chủ thể bản địa với vai trò hỗ trợ của Nhà nước. “Để thực hiện các chương trình phát triển văn hóa thì từ ngân sách, cán bộ đến các thiết chế văn hóa đều là của Nhà nước, do vậy cái văn hóa mà chúng ta đang làm thường là mang dấu ấn “văn hóa nhà nước”. Bây giờ chúng ta... coi văn hóa phải là hoạt động tự thân của nhân dân, nhân dân là chủ thể thực hiện và hưởng thụ các giá trị văn hóa, dưới sự định hướng của Nhà nước” [143, tr. 478] Những khuyến nghị này có ý nghĩa định hướng quan trọng trong việc xây dựng giải pháp gìn giữ và phát huy những giá trị nhân sinh truyền thống, hướng tới phát triển bền vững cả về văn hóa lẫn con người ở Tây Nguyên.

Trong công trình *Tín ngưỡng và tôn giáo dân tộc Bahnar, Jrai* [172], tác giả Nguyễn Thị Kim Vân đã hệ thống hóa đời sống tín ngưỡng – tôn giáo truyền thống của hai dân tộc thiểu số tiêu biểu ở Tây Nguyên, đồng thời phân tích thực trạng biến đổi do tác động của các yếu tố hiện đại như sự lan rộng của đạo Tin Lành, thay đổi dân cư, cũng như chính sách tín ngưỡng – tôn giáo của Nhà nước. Tác giả cảnh báo rằng quá trình biến đổi này đang đặt tín ngưỡng bản địa trước nguy cơ mai một, kéo theo sự đứt gãy của các giá trị tinh thần truyền thống.

Mặc dù không trực tiếp bàn về nhân sinh quan, nhưng công trình cho thấy rõ mối liên hệ giữa biến đổi tín ngưỡng và sự thay đổi trong cách con người nhìn nhận về sự sống, cái chết, cộng đồng và linh hồn - những yếu tố cốt lõi cấu thành nhân sinh quan. Từ đó, tác giả đề xuất cần có các giải pháp chính sách linh hoạt, kết hợp giữa bảo tồn giá trị tín ngưỡng truyền thống với việc thích ứng trước tác động của tôn giáo ngoại nhập. Đây là những gợi ý quan trọng cho việc xây dựng hệ thống giải pháp bảo vệ nhân sinh quan bản địa trong bối cảnh Tây Nguyên nói chung và người Ê-đê nói riêng đang

chịu nhiều áp lực từ quá trình chuyển đổi văn hóa - tôn giáo. “Đối với tín ngưỡng cổ truyền của các dân tộc tại chỗ, các nhà quản lý cần tôn trọng, phát huy những yếu tố tích cực như các lễ hội, những quy định nhằm bảo vệ cộng đồng, bảo vệ rừng, nguồn nước, môi trường... tức là bảo vệ không gian sinh tồn của văn hóa truyền thống nhưng cũng tìm cách ngăn chặn những vấn đề tiêu cực...” [172, tr. 321 – 322].

Trong công trình *Những hiện tượng tôn giáo mới ở một số dân tộc thiểu số tại chỗ vùng Tây Nguyên hiện nay* [106], tác giả Nguyễn Văn Minh tập trung phân tích sự xuất hiện và lan rộng của các hiện tượng tôn giáo mới trong các cộng đồng dân tộc thiểu số tại chỗ, qua đó làm rõ tác động của chúng đối với đời sống tín ngưỡng - văn hóa bản địa. Trên cơ sở hệ thống hóa các khái niệm như “tôn giáo mới”, “tà giáo”, “đạo lạ”..., tác giả chỉ ra rằng một số tôn giáo mới mang tính cực đoan hoặc bị lợi dụng về chính trị đã gây xáo trộn nghiêm trọng trong cộng đồng, làm thay đổi cơ cấu niềm tin, phá vỡ mối liên kết giữa các thế hệ và đe dọa các giá trị truyền thống vốn là nền tảng tinh thần của người dân bản địa.

Dù không đề cập trực tiếp đến khái niệm nhân sinh quan, nhưng công trình đã góp phần cho thấy tín ngưỡng truyền thống không chỉ là yếu tố văn hóa, mà còn là nơi lưu giữ hệ thống quan niệm về con người, cuộc sống, cái chết, tổ tiên và cộng đồng. Tác giả khuyến nghị cần thực hiện đồng thời hai định hướng: kiên quyết đấu tranh với các biểu hiện tôn giáo cực đoan trái pháp luật, và song song đó là khôi phục, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa - tín ngưỡng truyền thống để củng cố bản sắc, ổn định đời sống tinh thần, tạo nền tảng phát triển bền vững cho các dân tộc thiểu số vùng Tây Nguyên.

Những gợi mở từ công trình này có ý nghĩa thiết thực trong việc đề xuất giải pháp giữ gìn nhân sinh quan truyền thống của người Ê-đê, đặc biệt trong bối cảnh cộng đồng này cũng đang đối diện với sự thay đổi nhanh chóng về cấu trúc niềm tin và thực hành nghi lễ.

Trong luận án tiến sĩ *Tín ngưỡng của người Ba Na (huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai)* [155], Trung Thị Thu Thủy đã hệ thống hóa đời sống tín ngưỡng truyền thống của người Ba Na dưới góc nhìn lý luận, trong đó làm rõ thế giới quan đa thần, hệ thống thần linh và niềm tin gắn liền với các thực hành nghi lễ. Bên cạnh đó, tác giả cũng khảo sát quá trình biến đổi tín ngưỡng trong bối cảnh hiện đại, từ đó chỉ ra những tác động tiêu cực đến hệ giá trị truyền thống và bản sắc văn hóa cộng đồng.

Trên cơ sở đó, luận án đề xuất một số giải pháp bảo tồn và phát huy các giá trị kết tinh trong đời sống tín ngưỡng, trong đó nhấn mạnh đến vai trò của giáo dục văn hóa dân tộc, sự chủ động của cộng đồng, cũng như việc lựa chọn, tiếp biến những yếu tố văn hóa mới một cách có chọn lọc. Theo tác giả, bảo tồn tín ngưỡng không chỉ là gìn giữ nghi lễ bề nổi mà là bảo vệ nền tảng tinh thần - đạo lý - nhân sinh quan truyền thống của người Ba Na, góp phần duy trì thuần phong mỹ tục và đảm bảo sự hài hòa giữa bảo tồn và phát triển trong thời kỳ hội nhập. “Bên cạnh tạo điều kiện thuận lợi cho họ thực hành văn hóa, thực hành những nghi lễ truyền thống còn cần có thái độ đánh giá cao đối với những tín ngưỡng truyền thống của họ, đối với những nghi lễ đậm giá trị nhân văn của họ” [155, tr. 155].

Mặc dù nghiên cứu không trực tiếp bàn về nhân sinh quan, nhưng các giải pháp của luận án cho thấy rõ định hướng giữ gìn hệ thống quan niệm sống, niềm tin cộng đồng và mối quan hệ giữa con người với thế giới siêu hình - những yếu tố tương đồng về mặt cấu trúc tư tưởng với nhân sinh quan của các dân tộc Tây Nguyên nói chung và người Ê-đê nói riêng.

Tác giả Đỗ Hồng Kỳ trong công trình *“Vai trò của văn hóa truyền thống các tộc người bản địa Tây Nguyên đối với sự phát triển bền vững vùng”* [87] đã dành một phần lớn dung lượng để bàn về văn hóa truyền thống và các giá trị của văn hóa truyền thống trong đời sống dân tộc Ê-đê. Bên cạnh đó, tác giả cũng chỉ ra rằng, trong dòng chảy chung của sự phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam hiện nay, văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên nói chung và của dân tộc Ê-đê nói riêng chịu sự tác động của đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước; tác động của môi trường và phương thức canh tác; tác động của hiện tượng di dân và phát triển kinh tế; của kinh tế thị trường và của các tôn giáo mới và văn hóa ngoại lai dẫn đến sự biến đổi của văn hóa truyền thống của các cộng đồng dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên nói chung và của dân tộc Ê-đê nói riêng. Trên cơ sở đó, tác giả đã đề xuất các kiến nghị và giải pháp bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống góp phần vào việc phát triển bền vững của các dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên nói chung và cộng đồng dân tộc Ê-đê nói riêng. Chẳng hạn, giải pháp đối với bảo tồn Luật tục: “Các cơ quan chức năng các tỉnh Tây Nguyên cần tổng hợp những vụ kiện tụng ở các vùng đồng bào xảy ra trong vòng 5 năm trở lại đây để xem tỷ lệ phân xử của luật tục và xét xử theo luật pháp Nhà

nước diễn biến theo đồ thị nào... Qua đó sẽ thấy được luật tục và pháp luật quốc gia đóng vai trò thế nào trong đời sống của tộc người Tây Nguyên. Trên cơ sở đó, chính quyền các cấp ở địa phương sẽ có những điều chỉnh phương hướng làm việc giúp cho cán bộ cơ sở tránh được cách làm việc máy móc, rập khuôn, không phù hợp với diễn biến của thực tế cuộc sống” [87, tr. 276 – 277].

Một trong những nhiệm vụ của luận án là đề xuất một số giải pháp đối với việc phát huy các biến đổi tích cực, hạn chế những biến đổi tiêu cực trong nhân sinh quan của người Ê-đê ở Đắk Lắk, chính vì vậy, chúng tôi tiến hành khảo cứu các công trình bàn về các khuyến nghị, giải pháp bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa của người Ê-đê, trong đó có các giá trị nhân sinh. Về vấn đề này, nghiên cứu sinh đã thu nhận được một số công trình có ý nghĩa.

Trong công trình *Lễ hội truyền thống dân tộc Ê-đê* [20], tác giả Trương Bi không chỉ dừng lại ở việc khảo sát, mô tả hệ thống lễ hội, mà còn cảnh báo về nguy cơ mai một các phong tục, tập quán và hoạt động nghi lễ - lễ hội trong bối cảnh xây dựng vùng kinh tế mới, kinh tế thị trường và các tác động hiện đại hóa.

Trước thực trạng đó, tác giả đề xuất cần có giải pháp bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa Ê-đê, trong đó nhấn mạnh vai trò của cộng đồng làng buôn, gia đình mẫu hệ và các thế hệ truyền nhân trong việc giữ gìn không gian lễ hội truyền thống. Các giải pháp cũng bao gồm việc lồng ghép lễ hội vào đời sống hiện đại một cách thích nghi, tăng cường giáo dục văn hóa dân tộc trong cộng đồng, và sự phối hợp giữa cơ sở và chính quyền trong bảo tồn văn hóa phi vật thể. [20, tr. 119].

Mặc dù không trực tiếp sử dụng khái niệm “nhân sinh quan”, nhưng công trình cho thấy rõ rằng nghi lễ - lễ hội truyền thống chính là nơi biểu hiện tập trung các giá trị nhân sinh cốt lõi của người Ê-đê, như niềm tin vào thần linh - tổ tiên, mối quan hệ hài hòa giữa con người và tự nhiên, sự gắn kết cộng đồng, và quan niệm chu kỳ sống - chết. Do đó, các giải pháp mà tác giả đề xuất cũng chính là nền tảng để duy trì và phát huy chiều sâu nhân sinh quan Ê-đê trong điều kiện mới.

Tác giả Hà Đình Thành trong “*Cộng đồng dân tộc Ê-đê ở tỉnh Đắk Lắk hiện nay*” [137] tập trung nghiên cứu các biến đổi toàn diện của người Ê-đê trong bối cảnh hiện đại, từ cấu trúc gia đình, mô hình làng buôn đến tín ngưỡng, lễ hội và quan hệ xã hội. Tác giả nhận định rằng quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa, cùng với ảnh hưởng từ

các tôn giáo mới và truyền thông đại chúng đang tạo ra những thay đổi sâu sắc, thậm chí làm suy giảm vai trò của các thiết chế truyền thống – nơi từng là không gian biểu đạt nhân sinh quan cộng đồng.

Từ thực trạng đó, tác giả đề xuất một số nhóm giải pháp nhằm bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa Ê-đê, trong đó có những nội dung liên quan chặt chẽ đến duy trì chiều sâu nhân sinh quan bản địa. Trước hết, ông nhấn mạnh vai trò trung tâm của gia đình mẫu hệ và thiết chế làng buôn như hai không gian giữ gìn bản sắc và truyền tải quan niệm sống truyền thống, từ đó khuyến nghị cần có chính sách hỗ trợ cộng đồng phát huy tính tự chủ, tự quản văn hóa tại chỗ. Đồng thời, tác giả cũng đề xuất tăng cường giáo dục văn hóa dân tộc trong thanh thiếu niên Ê-đê, coi đó là chìa khóa để duy trì bản sắc trong bối cảnh hội nhập.

Ngoài ra, công trình cũng nhấn mạnh đến việc phát huy giá trị của nghi lễ, tín ngưỡng cổ truyền như một phương thức không chỉ phục dựng văn hóa mà còn khơi dậy niềm tin, triết lý sống và bản lĩnh cộng đồng. Những giải pháp mang tính văn hóa - xã hội này, tuy không trực tiếp đề cập đến khái niệm “nhân sinh quan”, nhưng rõ ràng góp phần duy trì hệ thống quan niệm về con người, cộng đồng, tổ tiên và thế giới thiêng vốn là trụ cột tinh thần của người Ê-đê.

Trong công trình *Nghi lễ - Lễ hội của người Chăm và người Ê-đê*, [41] hai tác giả Ngô Văn Doanh và Trương Bi đã phác họa một cách hệ thống và toàn diện bức tranh nghi lễ - lễ hội truyền thống của dân tộc Chăm và dân tộc Ê-đê. Đối với người Ê-đê, các tác giả đã làm rõ vai trò của các nghi lễ gắn với vòng đời người, chu kỳ sản xuất nông nghiệp, cùng các lễ hội truyền thống như lễ cúng bến nước, lễ mừng nhà mới, lễ đón năm mới... như là biểu hiện sinh động của đời sống tín ngưỡng và tâm thức cộng đồng.

Tuy nhiên, trước những biến đổi sâu sắc của đời sống xã hội hiện đại, đặc biệt là sự xâm nhập của lối sống thực dụng, tác động của kinh tế thị trường và quá trình giao thoa văn hóa ngày càng mạnh mẽ, các tác giả đã cảnh báo về nguy cơ mai một, thậm chí biến mất của các nghi lễ - lễ hội truyền thống của người Ê-đê. Trước thực trạng đó, các tác giả đề xuất một số giải pháp nhằm bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa của nghi lễ - lễ hội, với mục tiêu khẳng định vai trò của chúng như một “hàng rào bảo vệ” bản sắc văn hóa dân tộc Ê-đê trong quá trình hội nhập và phát triển.

Các giải pháp tập trung vào việc nâng cao nhận thức của cộng đồng người Ê-đê về giá trị văn hóa - tinh thần của nghi lễ - lễ hội; đẩy mạnh công tác giáo dục truyền thống trong gia đình, nhà trường và cộng đồng; huy động sự tham gia tích cực của các tổ chức chính trị - xã hội và chính quyền địa phương trong việc gìn giữ, phục dựng, tổ chức lại các lễ hội truyền thống theo đúng bản sắc văn hóa; đồng thời kết hợp các hoạt động bảo tồn với phát triển du lịch văn hóa một cách bền vững, tránh thương mại hóa và làm biến dạng bản chất nghi lễ. “Thường xuyên tổ chức, giáo dục và khơi dậy niềm tự hào, trân trọng các giá trị văn hóa truyền thống trong cộng đồng, nhất là trong con em đồng bào dân tộc Ê-đê, giúp họ hiểu được những giá trị văn hóa đích thực của dân tộc mình trong quá trình giao lưu, hội nhập và phát triển văn hóa cộng đồng” [41, tr. 522].

Những giải pháp này mang ý nghĩa thiết thực trong việc bảo vệ và phát huy di sản văn hóa phi vật thể của người Ê-đê, góp phần củng cố bản sắc dân tộc trong bối cảnh văn hóa truyền thống đang chịu nhiều sức ép từ các yếu tố ngoại lai và sự biến đổi nội sinh của chính cộng đồng.

Tác giả Đặng Hoài Giang trong *“Biến đổi không gian văn hóa buôn làng Ê-đê ở Buôn Ma Thuột từ sau 1975 đến nay”* [63] đã phân tích sâu sắc sự thay đổi của không gian sinh hoạt tín ngưỡng truyền thống của người Ê-đê trong bối cảnh đô thị hóa nhanh chóng và tác động của kinh tế thị trường tại thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk. Nghiên cứu chỉ rõ quá trình này đã dẫn đến sự biến đổi căn bản, thậm chí là nguy cơ suy giảm nghiêm trọng các lễ hội truyền thống - những yếu tố cốt lõi trong đời sống tín ngưỡng và văn hóa cộng đồng Ê-đê. Sự xáo trộn không gian văn hóa buôn làng truyền thống đã đặt ra thách thức lớn đối với việc duy trì và phát huy các giá trị văn hóa đặc trưng của dân tộc.

Trước thực trạng đó, nhu cầu bảo tồn và phát triển bền vững văn hóa truyền thống của người Ê-đê, đặc biệt trong môi trường đô thị hiện đại, trở nên cấp thiết và mang tính chiến lược. Trên cơ sở các phân tích thực tiễn, tác giả đã đề xuất một loạt giải pháp mang tính toàn diện và khả thi như “Thay đổi nhận thức về vai trò của không gian buôn làng đối với việc bảo tồn, phát huy vốn văn hóa truyền thống của các tộc người Tây Nguyên”; “Thay đổi nhận thức về vai trò của du lịch cộng đồng trong phát triển kinh tế và bảo tồn vốn văn hóa địa phương” [63, tr. 229 - 230]; “Tham vấn quan điểm của giới khoa học và thúc đẩy sự tham gia của người dân vào quá trình thiết kế, triển khai chính sách” [63,

tr. 231] nhằm bảo tồn không gian văn hóa truyền thống, đồng thời phát huy các giá trị tinh thần và văn hóa đặc trưng của cộng đồng người Ê-đê tại Buôn Ma Thuột.

Các giải pháp này không chỉ hướng tới duy trì sự sống còn của các nghi lễ, lễ hội truyền thống mà còn thúc đẩy sự kết hợp hài hòa giữa truyền thống văn hóa và điều kiện phát triển xã hội hiện đại, góp phần xây dựng một cộng đồng Ê-đê phát triển bền vững, khỏe mạnh về cả vật chất lẫn tinh thần. Đây là hướng đi cần thiết để đảm bảo sự trường tồn của bản sắc văn hóa Ê-đê trước những biến động xã hội và kinh tế ngày càng sâu rộng.

Trong công trình *Văn hóa Ê-đê - Truyền thống và biến đổi* [69], Nguyễn Ngọc Hòa tập trung khái quát bức tranh toàn diện về văn hóa truyền thống của người Ê-đê và những biến đổi sâu sắc trong bối cảnh phát triển kinh tế – xã hội ở Tây Nguyên. Tác giả đặc biệt nhấn mạnh đến các nguy cơ suy giảm bản sắc, đồng hóa văn hóa và mất cân bằng trong hệ giá trị truyền thống, từ đó cảnh báo về sự tổn thương tiềm ẩn trong tính đa dạng văn hóa của vùng.

Trên cơ sở nhận diện các biểu hiện tiêu cực trong biến đổi văn hóa, tác giả đề xuất một hệ giải pháp kép, vừa nhằm bảo tồn các giá trị cốt lõi của văn hóa Ê-đê, vừa phát huy vai trò của văn hóa như nền tảng tinh thần và động lực phát triển trong thời kỳ toàn cầu hóa, công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Trong đó, trọng tâm của các giải pháp là khơi dậy tính chủ thể văn hóa trong cộng đồng Ê-đê, duy trì các hình thức truyền thống như lễ hội, tín ngưỡng, ngôn ngữ, gia đình mẫu hệ và luật tục, đồng thời tích hợp yếu tố hiện đại một cách chọn lọc, phù hợp với đặc điểm nội sinh.

Mặc dù không trực tiếp sử dụng thuật ngữ “nhân sinh quan”, song những đề xuất của tác giả thực chất hướng tới bảo vệ và phát triển hệ thống quan niệm sống, giá trị sống và bản lĩnh văn hóa của người Ê-đê, góp phần gìn giữ chiều sâu tinh thần trong điều kiện biến động hiện nay như: “Nâng cao năng lực lãnh đạo của hệ thống chính trị cơ sở đáp ứng với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc” [69, tr. 143]; “Kế thừa và phát huy những giá trị tốt đẹp, hợp lý của luật tục Ê-đê để nhằm góp phần quản lý tốt cộng đồng buôn làng và phát triển nông thôn” [69, tr. 146]; “Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh mang đậm sắc thái Ê-đê trong từng buôn làng, kế thừa và phát huy những giá trị truyền thống tốt đẹp trong

quan hệ cộng đồng buôn làng, gia đình - dòng họ, phát huy tinh thần dân chủ, bình đẳng bác ái” [69, tr. 158].

Trong công trình *“Triết lý nhân sinh trong nghi lễ thờ cúng của người Ê-đê ở thành phố Buôn Ma Thuột”* [174], tác giả Mai Trọng An Vinh đã tập trung phân tích những nội dung cơ bản, giá trị đặc trưng cũng như các hạn chế của triết lý nhân sinh được thể hiện thông qua nghi lễ thờ cúng trong đời sống tín ngưỡng của người Ê-đê tại môi trường đô thị. Trên cơ sở đó, tác giả đã đề xuất một số giải pháp định hướng nhằm phát huy những giá trị tích cực và từng bước khắc phục các mặt còn hạn chế trong hoạt động tín ngưỡng nói chung và nghi lễ thờ cúng nói riêng của người Ê-đê ở thành phố Buôn Ma Thuột.

Cụ thể, tác giả kiến nghị các nhóm giải pháp trọng tâm như: (1) nâng cao dân trí và nhận thức văn hóa cho cộng đồng người Ê-đê, từ đó phát huy vai trò chủ thể, tính chủ động và tinh thần tự lực trong việc bảo tồn, duy trì và phát triển các giá trị văn hóa truyền thống: “Đảng và Nhà nước cần tiếp tục đẩy mạnh hơn nữa công tác xóa mù chữ, tuyên truyền, vận động các bậc cha mẹ người Ê-đê cho con em mình đến trường đi học” [174, tr. 162]; (2) thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trong vùng đồng bào Ê-đê, coi đây là nền tảng vật chất quan trọng để bảo đảm cho đời sống văn hóa - tín ngưỡng được thực hành ổn định và bền vững; (3) tăng cường các biện pháp bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống của người Ê-đê, đặc biệt là những giá trị mang tính triết lý nhân sinh trong nghi lễ thờ cúng, nhằm góp phần khẳng định và lan tỏa bản sắc văn hóa trong bối cảnh hiện đại.

Các giải pháp mà tác giả đề xuất có ý nghĩa thiết thực không chỉ đối với việc bảo tồn di sản văn hóa phi vật thể của cộng đồng người Ê-đê tại đô thị, mà còn góp phần định hướng xây dựng một cộng đồng dân tộc phát triển bền vững, hài hòa giữa truyền thống và hiện đại, giữa bản sắc văn hóa dân tộc với yêu cầu của thời kỳ hội nhập.

1.5. Giá trị của các công trình nghiên cứu và những vấn đề đặt ra cần tiếp tục nghiên cứu, làm sáng tỏ thêm

1.5.1. Giá trị của các công trình nghiên cứu

Việc khảo cứu các công trình trong và ngoài nước liên quan đến nhân sinh quan và sự biến đổi nhân sinh quan, đặc biệt đối với cộng đồng Ê-đê tại Đắk Lắk, cho thấy

đây là nguồn tham chiếu quan trọng, vừa định hướng cơ sở lý luận, vừa gợi mở phương pháp tiếp cận cho luận án.

Thứ nhất, các nghiên cứu lý luận chung về nhân sinh quan và về người Ê-đê đã cung cấp nhiều kết quả giá trị:

Một là, một số công trình làm rõ nội hàm khái niệm nhân sinh quan, vai trò và chức năng của nó đối với đời sống tinh thần, từ đó tạo cơ sở để luận án kế thừa trong việc xác định khái niệm trung tâm.

Hai là, các khảo cứu về tục ngữ, ca dao, truyện cổ, lễ hội, luật tục... của người Việt và các dân tộc thiểu số chỉ ra rằng nhân sinh quan truyền thống là một hệ hình tư duy gắn với môi trường cư trú, nghề nghiệp, tổ chức xã hội và tín ngưỡng. Nhờ vậy, luận án định hướng tiếp cận nhân sinh quan không như một học thuyết trừu tượng, mà như một cấu trúc ý nghĩa thể hiện trong thực hành văn hóa thường ngày – đặc biệt thích hợp cho nghiên cứu cộng đồng Ê-đê.

Ba là, các công trình dân tộc học và nhân học thực địa của Henri Maitre, Jacques Dournes, Anne de Hautecloque-Howe, Đỗ Hồng Kỳ, Trương Bi... cung cấp tư liệu phong phú về nghi lễ vòng đời, hệ thống thần linh, quan niệm về linh hồn và cộng đồng, giúp nhận diện những thành tố cơ bản trong nhân sinh quan Ê-đê.

Thứ hai, các công trình nghiên cứu về sự biến đổi nhân sinh quan Ê-đê chủ yếu tiếp cận tín ngưỡng, tôn giáo và nghi lễ truyền thống từ các góc nhìn nhân học, văn hóa học và tôn giáo học. Tuy không sử dụng trực tiếp khái niệm “nhân sinh quan”, nhưng những nghiên cứu này đã phản ánh cách người Ê-đê nhìn nhận con người và cuộc sống - các trụ cột cấu thành nhân sinh quan. Nhờ đó:

Một là, có thể thấy rõ cấu trúc nhân sinh quan truyền thống như một chỉnh thể gắn kết giữa con người – tổ tiên – thần linh, giữa cá nhân – cộng đồng – vũ trụ.

Hai là, cung cấp tư liệu để nhận diện biểu hiện của sự biến đổi trong bối cảnh hiện nay: lễ hội bị mai một, không gian tâm linh thu hẹp, nghi lễ vòng đời giản lược hoặc thay thế... Những hiện tượng này không chỉ là thay đổi hình thức văn hóa, mà còn là chỉ báo cho sự chuyển biến trong cách người Ê-đê quan niệm về sự sống – cái chết, cội nguồn – tương lai, và vị trí bản thân trong cộng đồng. Đây là cơ sở thực tiễn quan trọng để luận án kế thừa khi khảo sát thực trạng ở chương 3.

Thứ ba, các công trình bàn về quan điểm và giải pháp bảo tồn giá trị văn hóa truyền thống đã gián tiếp đề cập đến việc giữ gìn và phát huy những nhân tố tích cực trong nhân sinh quan Ê-đê. Chúng tiếp cận từ nhiều hướng như văn hóa học, xã hội học, nhân học và tôn giáo học, đóng góp vào việc định hình tư duy bảo vệ các giá trị nền tảng của cộng đồng dân tộc thiểu số Tây Nguyên. Tuy vậy, hầu hết các nghiên cứu mới dừng lại ở mức nhận diện hiện tượng hoặc đề xuất giải pháp riêng lẻ, thiếu hệ thống tiêu chí đánh giá rõ ràng đâu là nhân tố nhân sinh tích cực cần phát huy, đâu là biểu hiện lệch chuẩn cần điều chỉnh. Đồng thời, chưa có công trình nào xây dựng một khung lý luận thống nhất định hướng cho sự biến đổi nhân sinh quan trong giai đoạn hiện nay.

Từ những khoảng trống này, luận án khẳng định sự cần thiết phải kế thừa có chọn lọc kết quả của các nghiên cứu trước, đồng thời vận dụng phương pháp luận duy vật biện chứng và duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác - Lênin để xác lập hệ tiêu chí đánh giá, định hướng giá trị. Đây sẽ là cơ sở khoa học để đề xuất các quan điểm và giải pháp khả thi nhằm bảo tồn, phát huy chiều sâu nhân sinh của người Ê-đê theo hướng hài hòa giữa truyền thống và hiện đại, được trình bày cụ thể trong chương 4.

1.5.2. Những vấn đề đặt ra mà luận án cần tiếp tục nghiên cứu

Các công trình đã được khảo cứu trong chương tổng quan cung cấp nhiều giá trị tham khảo về lý luận và thực tiễn. Tuy nhiên, vẫn còn những khoảng trống nhất định mà luận án cần kế thừa và làm rõ hơn. Cụ thể:

Thứ nhất, về khái niệm nhân sinh quan của người Ê-đê:

Các công trình trước chưa đưa ra khái niệm đầy đủ, hệ thống về nhân sinh quan của người Ê-đê, cũng như chưa phân tích rõ nội hàm “sự biến đổi nhân sinh quan” trong bối cảnh hiện nay. Vì vậy, luận án cần làm rõ khái niệm nhân sinh quan nói chung, nhân sinh quan của người Ê-đê nói riêng, đồng thời xác định những đặc điểm cấu thành hệ giá trị nhân sinh Ê-đê như: quan niệm về cuộc sống, khát vọng hạnh phúc, sự trân trọng và lòng biết ơn đối với tổ tiên, thần linh và cộng đồng.

Thứ hai, về tác động của hội nhập và bối cảnh kinh tế – xã hội:

Các nghiên cứu trước mới dừng lại ở việc mô tả sự thay đổi trong nghi lễ, tín ngưỡng và lối sống, chưa lý giải sâu cơ chế tác động từ công nghiệp hóa, đô thị hóa, toàn cầu hóa và tiếp biến văn hóa. Luận án cần chỉ ra mối liên hệ biện chứng giữa sự

thay đổi của điều kiện tồn tại xã hội (kinh tế, xã hội, chính sách, giao lưu văn hóa) với sự biến đổi nhân sinh quan của người Ê-đê, theo tinh thần duy vật lịch sử.

Thứ ba, về xu hướng biến đổi tích cực và tiêu cực:

Các công trình đã nhận diện một số hiện tượng như sự mai một lễ hội, giản lược nghi lễ vòng đời hay sự gia tăng lối sống thực dụng, nhưng chưa khái quát thành xu hướng. Luận án sẽ phân tích hai chiều hướng:

Chiều hướng tích cực: tiếp thu giá trị mới, nâng cao ý thức cá nhân, mở rộng giao tiếp xã hội, khát vọng vươn lên.

Chiều hướng tiêu cực: đứt gãy giá trị truyền thống, suy giảm tính cộng đồng, thực dụng hóa đời sống, nguy cơ khủng hoảng bản sắc.

Từ đó, luận án cũng chỉ ra những nguyên nhân dẫn đến sự biến đổi tích cực và tiêu cực nhân sinh quan của người Ê-đê.

Thứ tư, về định hướng và giải pháp:

Các nghiên cứu trước chủ yếu đưa ra kiến nghị bảo tồn văn hóa, nhưng chưa có hệ thống giải pháp đồng bộ cho việc phát huy biến đổi tích cực và hạn chế tiêu cực trong nhân sinh quan Ê-đê. Trên cơ sở lý luận Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng và thực tiễn khảo sát, luận án sẽ xây dựng hệ thống quan điểm định hướng và đề xuất giải pháp cụ thể. Các giải pháp này nhằm: bảo tồn giá trị truyền thống trong quan hệ hài hòa với hiện đại; định hướng nhân sinh quan theo tinh thần nhân văn, tiến bộ, phù hợp mục tiêu phát triển bền vững; gắn với hệ giá trị văn hóa và con người Việt Nam thời kỳ mới; đồng thời phù hợp với định hướng xã hội chủ nghĩa và giá trị chung của nhân loại.

Tiểu kết chương 1

Trong chương 1, luận án đã khảo cứu các công trình nghiên cứu liên quan, gồm: (1) những nghiên cứu lý luận chung về nhân sinh quan và sự biến đổi nhân sinh quan; (2) các công trình về người Ê-đê; (3) những nghiên cứu trực tiếp hoặc gián tiếp đề cập đến nhân sinh quan và sự biến đổi nhân sinh quan của người Ê-đê; và (4) các công trình bàn về quan điểm, giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa của cộng đồng này.

Từ tổng quan có thể thấy, vấn đề biến đổi nhân sinh quan ở các tộc người thiểu số, trong đó có người Ê-đê, mới chỉ được tiếp cận rải rác dưới góc nhìn dân tộc học, văn hóa học, xã hội học, chủ yếu dừng lại ở mô tả sự biến đổi văn hóa, tập quán cư trú, quan hệ hôn nhân – gia đình, sinh kế truyền thống hay tín ngưỡng. Nhân sinh quan với tư cách là một hệ giá trị định hướng đời sống cá nhân và cộng đồng chưa được khảo sát toàn diện, hệ thống và chuyên sâu trong khuôn khổ một công trình triết học.

Chính khoảng trống đó đặt ra yêu cầu cấp thiết cho luận án. Việc lựa chọn đề tài *“Sự biến đổi nhân sinh quan của người Ê-đê ở tỉnh Đắk Lắk hiện nay”* không chỉ nhằm bổ sung luận cứ lý luận và tư liệu thực tiễn cho triết học về nhân sinh quan, mà còn góp phần làm sáng tỏ mối quan hệ biện chứng giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội ở một cộng đồng cụ thể. Các công trình được tổng quan trong chương 1 vì thế không chỉ chỉ ra khoảng trống nghiên cứu, mà còn trở thành cơ sở tham chiếu quan trọng để luận án kế thừa, phát triển và định hướng phương pháp tiếp cận cho các chương tiếp theo.

Chương 2

SỰ BIẾN ĐỔI NHÂN SINH QUAN CỦA NGƯỜI Ê-ĐÊ Ở TỈNH ĐẮK LẮK HIỆN NAY - MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN

2.1. Nhân sinh quan và nhân sinh quan của người Ê-đê ở tỉnh Đắk Lắk

2.1.1. Nhân sinh quan

Trong lịch sử, cả triết học phương Đông và phương Tây đều quan tâm đến vấn đề nhân sinh. Tác giả Trần Văn Hiến Minh trong *“Từ điển danh từ Triết học”* cho rằng: “nhân sinh là đời người” [105, tr. 167]. Trong *“Từ điển tiếng Việt”* của Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam định nghĩa: “Nhân sinh có nghĩa là cuộc sống của con người. Có ý nghĩa nhân sinh” [112, tr. 788]. *“Từ điển tiếng Việt”* của Viện Ngôn ngữ học cũng cho rằng: “Nhân sinh là cuộc sống của con người” [117, tr. 915].

Trong *“Từ điển triết học”*, phạm trù nhân sinh được hiểu là “cuộc sống của con người” và nhân sinh quan là “quan niệm thành hệ thống về cuộc đời, về ý nghĩa, mục đích cuộc sống của con người” [135, tr. 738]. *“Đại từ điển tiếng Việt”* định nghĩa nhân sinh quan là “quan niệm về cuộc đời thành hệ thống bao gồm lý tưởng, lẽ sống, lối sống” [175, tr. 1239]. Tương tự, *“Từ điển tiếng Việt”* cho rằng nhân sinh quan là “quan niệm thành hệ thống về cuộc đời, về ý nghĩa, mục đích sống của con người” [129, tr. 947].

Đặc biệt, *“Từ điển Bách khoa Việt Nam”* trình bày rõ ràng: “Nhân sinh quan là bộ phận của thế giới quan (hiểu theo nghĩa rộng), gồm những quan niệm về cuộc sống của con người: lẽ sống của con người là gì? Mục đích, ý nghĩa, giá trị của cuộc sống con người ra sao và sống như thế nào cho xứng đáng? Trả lời những câu hỏi đó là vấn đề nhân sinh quan. Khác với loài cầm thú, bất kì người nào cũng có quan niệm của mình về cuộc sống. Trong đời thường, đó là nhân sinh quan tự phát, “ngây thơ” của đại chúng; các nhà tư tưởng khái quát những quan điểm ấy, nâng lên thành lý luận, tạo ra nhân sinh quan tự giác, mang tính nguyên lý triết học. Nhân sinh quan phản ánh tồn tại xã hội của con người. Nội dung của nó biểu hiện những nhu cầu, lợi ích, khát vọng và hoài bão của con người trong mỗi chế độ xã hội cụ thể” [75, tr. 235–236].

Với tính cách là những quan niệm phản ánh tồn tại xã hội, nhân sinh quan là kết quả của quá trình nhận thức từ chính đời sống con người. Quá trình này chịu sự chi phối của các nhân tố khách quan và chủ quan trong hoạt động nhận thức và thực tiễn. Là một bộ phận của thế giới quan, nhân sinh quan tất yếu chịu sự quy định của thế giới quan và

thể hiện ở ba phương diện cơ bản: mục đích, thái độ và giá trị nhân sinh – những yếu tố được quy định bởi lý tưởng sống của mỗi cá nhân, cộng đồng và xã hội.

Nhân sinh quan vì thế có sức mạnh định hướng cho hành động, lối sống và quan hệ ứng xử, không chỉ đối với cá nhân mà cả đối với cộng đồng và dân tộc. Do đó, việc xác định nhân sinh quan phù hợp trở thành mục tiêu quan trọng của mỗi cá nhân và của cả xã hội. Nhà triết học Đức I. Kant (1724–1804) đã nhận xét: “Triết học có mục đích tối hậu không gì khác hơn là toàn bộ vận mệnh của con người” [37, tr. 17].

Một số nhà nghiên cứu cho rằng triết lý nhân sinh ở mức độ khái quát thấp hơn nhân sinh quan, vì nhân sinh quan thể hiện như một hệ thống nguyên lý cốt lõi về con người và cuộc đời, được nâng lên thành học thuyết triết học. Tuy nhiên, triết lý nhân sinh trong một số trường hợp còn rời rạc, thiếu tính logic, do đó sự phân biệt tuyệt đối giữa hai phạm trù này chưa có cơ sở vững chắc.

Theo quan điểm Mác-xít, nhân sinh quan không chỉ dừng ở những quan niệm chung về đời sống, mà là bộ phận của thế giới quan duy vật biện chứng và duy vật lịch sử. Nhân sinh quan Mác-xít được xây dựng trên cơ sở khẳng định tính quyết định của tồn tại xã hội đối với ý thức xã hội, đồng thời nhấn mạnh vai trò cải biến thực tiễn của con người. Nó không chỉ trả lời các câu hỏi về ý nghĩa, mục đích và giá trị cuộc sống, mà còn định hướng lý tưởng, thái độ và phương thức hành động của con người trong mối quan hệ biện chứng với tự nhiên, xã hội và bản thân. Chính sự khác biệt này làm cho nhân sinh quan Mác-xít vượt lên trên mọi quan niệm nhân sinh trước đó, trở thành nền tảng tư tưởng - phương pháp luận khoa học cho việc nghiên cứu con người và đời sống xã hội hiện đại.

Trong quá trình nghiên cứu, nghiên cứu sinh nhận thấy khái niệm nhân sinh quan được Phan Văn Thám đề cập trong luận án tiến sĩ *“Sự biến đổi nhân sinh quan của người Việt Nam hiện nay qua lễ hội truyền thống”* là phù hợp với mục tiêu và hướng tiếp cận của luận án. Khái niệm này được hiểu *“là hệ thống những quan niệm về cuộc sống; về sự trân trọng, lòng biết ơn; về ước vọng, hy vọng có một cuộc sống ấm no, hạnh phúc của con người, phản ánh điều kiện sống, điều kiện sinh hoạt của họ, với trình độ khác nhau để điều chỉnh hành vi của con người trong các lĩnh vực của đời sống xã hội”* [140, tr. 34].

Luận án kế thừa và vận dụng khái niệm này như một công cụ phân tích cơ bản để nhận diện và lý giải sự biến đổi nhân sinh quan của người Ê-đê trong bối cảnh hiện đại.

Về bản chất, nhân sinh quan mang các đặc điểm cơ bản sau đây:

Thứ nhất, nhân sinh quan thể hiện ở những quan niệm và thái độ sống của cá nhân hoặc cộng đồng đối với chính cuộc sống của họ và xã hội xung quanh. Đó có thể là thái độ tích cực như yêu quý cuộc sống, trân trọng lao động, sẵn sàng cống hiến vì cộng đồng - những giá trị mang tính nền tảng trong cấu trúc nhân sinh quan. Việc định hình được một thái độ sống đúng đắn không chỉ phản ánh chiều sâu nhân sinh mà còn đóng vai trò định hướng nhận thức, chi phối hành vi ứng xử của mỗi con người trong đời sống xã hội.

Đặc điểm này thể hiện sâu sắc trong tư tưởng của C.Mác: “Nếu con người chỉ lao động cho bản thân mình thì người đó có thể trở thành một nhà khoa học nổi tiếng, một triết gia vĩ đại, một nhà thơ tuyệt vời, nhưng không bao giờ người đó có thể trở thành một người thật sự hoàn thiện và vĩ đại. Lịch sử công nhận là những vĩ nhân chỉ những ai bằng lao động vì mục tiêu chung, tự bản thân mình trở nên cao đẹp hơn; kinh nghiệm ca ngợi những ai đem lại hạnh phúc cho một số lượng người nhiều nhất là người hạnh phúc nhất. Nếu chúng ta đã lựa chọn một nghề mà trong đó chúng ta có thể lao động nhiều nhất cho loài người thì... sự nghiệp của chúng ta sẽ có một cuộc sống thâm lặng nhưng có hiệu lực vĩnh hằng, và những người cao thượng sẽ rơi những giọt lệ cháy bỏng trước thi hài của chúng ta” [31, tr. 35-36].

Thứ hai, nhân sinh quan thể hiện thông qua những quan niệm và thái độ ứng xử của con người đối với cộng đồng, truyền thống và cội nguồn. Các giá trị như sự trân trọng, tưởng nhớ, tôn kính tổ tiên, biết ơn người sinh thành, gắn bó với cộng đồng... là những biểu hiện tiêu biểu của nhân sinh quan mang tính đạo lý – xã hội. Những hành vi này không chỉ phản ánh nhận thức cá nhân, mà còn định hướng lối sống và hình thành các chuẩn mực xã hội. C. Mác từng khẳng định: “Trong tính hiện thực của nó, bản chất con người là tổng hòa những mối quan hệ xã hội” [29, tr. 16], cho thấy nhân sinh quan của cá nhân không thể tách rời khỏi đời sống cộng đồng. Nhà xã hội học Emile Durkheim nhấn mạnh rằng, “con người chỉ là con người khi gắn bó với xã hội, bởi mọi nghĩa vụ đạo đức đều bắt nguồn từ ý thức tập thể”. Mỗi con người, thông qua nhận thức và hoạt động của mình sẽ góp phần tạo nên những giá trị mới, xây dựng những chuẩn mực để

định hướng, điều chỉnh hành vi của mỗi người phù hợp với sự phát triển tiến bộ và bền vững của cộng đồng.

Thứ ba, nhân sinh quan thể hiện ở những khát vọng và niềm tin của con người hướng tới tương lai. Trong đời sống cá nhân cũng như cộng đồng, con người luôn nuôi dưỡng những mong muốn về một cuộc sống hạnh phúc, yên ổn, đầy đủ và có ý nghĩa. Những ước vọng ấy vừa là động lực nội tại thúc đẩy hành vi, vừa phản ánh hệ giá trị tinh thần mang tính định hướng cho sự tồn tại. Bên cạnh việc khẳng định ý nghĩa của hiện tại, con người luôn kỳ vọng vào những điều tốt đẹp hơn - đó có thể là những nhu cầu bình dị như sự no đủ, an toàn, gắn bó, nhưng cũng có thể là khát vọng mang tính lý tưởng về công bằng, hòa hợp, và phát triển bền vững. Như vậy, niềm tin vào tương lai không chỉ là biểu hiện tâm lý, mà còn là một phương diện bản chất của nhân sinh quan - giúp con người xác lập mục tiêu sống và định hình thái độ tích cực trước cuộc đời.

Nhân sinh quan giữ một vai trò nền tảng trong đời sống con người, bởi nó không chỉ phản ánh cách con người nhận thức về bản thân và thế giới, mà còn chi phối mục tiêu sống, định hướng giá trị và hành vi. Vai trò đó được thể hiện cụ thể qua các chức năng cơ bản:

Chức năng nhận thức, đánh giá.

Theo quan điểm duy vật biện chứng, nhận thức không phải là sự phản ánh thụ động hiện thực khách quan, mà là quá trình biện chứng, trong đó chủ thể vươn tới sự hiểu biết ngày càng đầy đủ, sâu sắc và đúng đắn hơn về thế giới và chính bản thân mình. Với tư cách là một bộ phận của thế giới quan, nhân sinh quan thực hiện chức năng nhận thức - đánh giá, giúp cá nhân và cộng đồng phản ánh hiện thực đời sống xã hội và xác lập thái độ, hành vi ứng xử phù hợp với những quy luật vận động của thực tiễn.

Về mặt nhận thức, nhân sinh quan đóng vai trò là khung tham chiếu định hình cách con người lý giải về ý nghĩa cuộc sống, vị trí của bản thân trong cộng đồng, mối quan hệ giữa con người với tự nhiên, xã hội và các giá trị đạo lý. Nhân sinh quan không chỉ là kết quả của quá trình phản ánh hiện thực, mà còn là hình thức ý thức xã hội mang tính định hướng, giúp cá nhân trả lời các câu hỏi căn bản như: “Tôi là ai?”, “Tôi sống để làm gì?”, “Cuộc sống có ý nghĩa gì?”... Đây là quá trình vừa hướng nội – tức là tự phản tư, tự đánh giá các giá trị, mục tiêu, lý tưởng sống của bản thân, vừa hướng ngoại - tức là

đối chiếu với các chuẩn mực của cộng đồng và xã hội để hình thành các chuẩn mực, định hướng hành vi hoạt động của chính mình với xã hội.

Cũng từ đó, nhân sinh quan đảm nhiệm chức năng đánh giá: nó là công cụ giúp phân biệt giữa đúng và sai, tốt và xấu, điều nên theo đuổi và điều nên từ bỏ. Trong quá trình hình thành và phát triển ý thức cá nhân, các chuẩn mực giá trị được xử lý bên trong ý thức và trở thành tiêu chí điều chỉnh hành vi. Nhân sinh quan do đó chính là cơ sở để xác lập những nguyên tắc, chuẩn mực ứng xử và định hướng hành động phù hợp với yêu cầu phát triển tiến bộ của xã hội.

Triết học Mác - Lênin nhấn mạnh rằng chỉ khi nào con người nhận thức đúng đắn các quy luật khách quan thì mới có thể đạt được tự do thực sự. C.Mác đã chỉ rõ: “Tự do không phải là ở sự độc lập tương đối với các quy luật của tự nhiên, mà là ở sự nhận thức được những quy luật đó và ở cái khả năng có được nhờ sự nhận thức này buộc những quy luật đó tác động một cách có kế hoạch nhằm những mục đích nhất định. Do đó, sự phán đoán của một người về một vấn đề nhất định, càng tự do bao nhiêu thì nội dung của sự phán đoán đó sẽ được quyết định với một tính tất yếu càng lớn bấy nhiêu; còn sự không quả quyết, do không hiểu biết mà ra, thì có vẻ là chọn lựa một cách tùy tiện trong nhiều khả năng quyết định khác nhau và trái ngược nhau, song chính do đó mà chúng tỏ rằng nó không có tự do, nó bị chi phối bởi đối tượng mà lẽ ra nó phải chi phối. Vì vậy, tự do là ở sự chi phối được chính bản thân và tự nhiên bên ngoài, một sự chi phối dựa trên sự nhận thức được những tất yếu của tự nhiên; do đó, tự do là sản phẩm tất yếu của sự phát triển lịch sử” [28, tr. 163-164].

Có thể khẳng định rằng: nhận thức đúng đắn về con người và cuộc sống - tức nhân sinh quan khoa học - chính là cơ sở để con người chủ động định hình mục tiêu, điều chỉnh hành vi, lựa chọn giá trị sống phù hợp, đồng thời vượt qua sự phiến diện, cảm tính, tùy tiện trong đánh giá thực tiễn. Nhờ đó, cá nhân và cộng đồng không chỉ nâng cao tính tự chủ và sáng tạo, mà còn góp phần xây dựng một đời sống tinh thần lành mạnh, tiến bộ và văn minh.

Tóm lại, nhân sinh quan thực hiện chức năng nhận thức và đánh giá bằng cách thiết lập một hệ quy chiếu, trong đó con người không chỉ nhận thức về thế giới khách quan, mà còn phản tỉnh về chính bản thân mình - từ tồn tại sinh học đến tư cách làm người trong cộng đồng xã hội. Chính trong quá trình đó, nhân sinh quan giúp cá nhân hình

thành các quan niệm căn bản về lẽ sống, mục đích sống và các chuẩn mực giá trị cần theo đuổi.

Khả năng đánh giá của nhân sinh quan được biểu hiện không chỉ ở việc phân biệt giữa đúng - sai, tốt - xấu, mà còn ở việc xác lập ý thức về sự lựa chọn giá trị theo định hướng nhân văn, tiến bộ, phù hợp với điều kiện lịch sử - xã hội cụ thể. Nhân sinh quan không ngừng tác động trở lại lên quá trình hình thành lý tưởng sống, làm cho con người không chỉ biết sống vì bản thân, mà còn hướng tới cộng đồng, dân tộc và nhân loại. Đây chính là cơ chế mà qua đó nhân sinh quan gắn kết chức năng nhận thức với chức năng định hướng, điều chỉnh hành vi, thúc đẩy sự phát triển đạo đức, tinh thần và xã hội của cá nhân trong tư cách một chủ thể lịch sử - xã hội.

Chức năng định hướng, điều chỉnh hành vi.

Nhân sinh quan tích cực, tiến bộ đóng vai trò rất quan trọng trong việc định hướng đúng đắn cho hành vi và hoạt động của từng cá nhân cũng như cộng đồng trong quá trình xây dựng cuộc sống tốt đẹp. Mọi hành động của con người đều bắt nguồn từ ý thức, tư tưởng, tình cảm và quan niệm về đời sống mà họ tiếp nhận và hình thành, có nguồn gốc từ thực tiễn. Khi nhân sinh quan được xây dựng trên nền tảng đúng đắn, tích cực và tiến bộ, nó sẽ điều chỉnh hành vi con người theo hướng hướng đến những mục tiêu tốt đẹp, phát triển và tiến bộ. Ngược lại, nhân sinh quan lệch lạc, tiêu cực sẽ dẫn đến những hành động lạc hậu, phản tiến bộ, thậm chí gây tổn hại cho đời sống cá nhân và xã hội.

Chính vì vậy, nhân sinh quan đúng đắn là cơ sở để điều chỉnh hành vi, thúc đẩy con người hướng tới các giá trị tích cực, góp phần xây dựng một xã hội nhân văn, tiến bộ, hướng tới các giá trị Chân - Thiện - Mỹ. Ngược lại, nhân sinh quan bi quan, yếm thế sẽ dẫn đến những hệ quả nghiêm trọng đối với đời sống xã hội. Do đó, một khi “phản ánh đúng khuynh hướng khách quan của lịch sử thì nhân sinh quan là nhân tố mạnh mẽ để cải tạo xã hội một cách hợp lý; nếu phản ánh không đúng thì nó có tác động ngược lại, cản trở xã hội tiến lên” [74, tr. 236].

Bên cạnh đó, nhân sinh quan xuất phát từ nhận thức, đánh giá và định hướng xác lập những giá trị cốt lõi trong đời sống, giúp mỗi cá nhân và cộng đồng tự ý thức và điều chỉnh hành vi sống phù hợp với luân lý đạo đức xã hội. Điển hình như trong văn hóa người Ê-đê, tín ngưỡng thờ cúng thần linh và tổ tiên không chỉ là hình thức tâm linh mà

còn phản ánh một hệ giá trị sâu sắc về sự kính trọng, biết ơn và trách nhiệm đối với cộng đồng và dòng họ. Qua các nghi lễ cúng bần nước, lễ cúng sức khỏe hay lễ trưởng thành, người Ê-đê thể hiện ý thức giữ gìn sự hài hòa giữa con người với thiên nhiên và xã hội, đồng thời khẳng định trách nhiệm cá nhân trong việc duy trì truyền thống, giúp điều chỉnh hành vi theo chuẩn mực đạo đức của cộng đồng.

Tóm lại, nhân sinh quan giúp con người xác định mục tiêu sống, giá trị và lý tưởng mà họ hướng tới. Nó ảnh hưởng sâu sắc đến cách đánh giá và phản ứng của con người trước những tình huống khác nhau, từ đó điều chỉnh hành vi phù hợp với các giá trị và nguyên tắc đã đề ra. Nhân sinh quan còn là nguồn động lực mạnh mẽ giúp con người vượt qua thử thách và duy trì quyết tâm trên con đường thực hiện mục tiêu. Vì vậy, nhân sinh quan không chỉ tác động đến hành vi cá nhân mà còn góp phần xây dựng xã hội và cộng đồng ngày càng văn minh, tốt đẹp hơn.

Chức năng giáo dục

Nhân sinh quan không chỉ là hệ thống quan niệm về cuộc đời, về ý nghĩa và mục đích sống của con người mà còn mang chức năng giáo dục sâu sắc, góp phần hình thành và phát triển nhân cách cá nhân trong mối quan hệ cộng đồng xã hội. Chức năng giáo dục của nhân sinh quan thể hiện rõ qua việc truyền tải những giá trị cốt lõi như tính mục đích và tinh thần trách nhiệm của mỗi cá nhân đối với xã hội, từ đó định hướng hành vi và thái độ sống phù hợp với các chuẩn mực đạo đức xã hội.

Quá trình giáo dục nhân sinh quan diễn ra trên hai hình thức: giáo dục chính quy và giáo dục không chính quy. Giáo dục chính quy chủ yếu được thực hiện trong hệ thống nhà trường và các cơ sở giáo dục, nơi các giá trị nhân sinh được hệ thống hóa và truyền đạt một cách bài bản, có tính kế thừa và phát triển. Ngược lại, giáo dục không chính quy diễn ra trong môi trường gia đình, các thiết chế xã hội và cộng đồng, nơi mà nhân sinh quan được hình thành và củng cố qua các mối quan hệ xã hội, trải nghiệm thực tiễn và sự tương tác thường xuyên với cộng đồng. Cả hai hình thức giáo dục này bổ sung và tác động qua lại lẫn nhau, tạo nên một mạng lưới giáo dục toàn diện, giúp cá nhân tiếp nhận, vận dụng và phát triển nhân sinh quan trong đời sống hàng ngày.

Thông qua chức năng giáo dục, nhân sinh quan không chỉ giúp cá nhân và cộng đồng xác định các giá trị và lý tưởng sống như tinh thần trách nhiệm xã hội, lòng nhân ái, sự sáng tạo và tinh thần cầu tiến, mà còn thúc đẩy việc xây dựng lòng tự tin, tự trọng

và niềm tin vào khả năng bản thân. Đồng thời, nhân sinh quan giáo dục con người biết tôn trọng sự đa dạng, khuyến khích sự khác biệt và phát triển cá nhân một cách toàn diện. Nó cũng định hướng việc hình thành các chuẩn mực đạo đức và giá trị sống, phát triển nhân cách theo hướng sống có trách nhiệm, biết yêu thương và tôn trọng người khác, từ đó hình thành thái độ sống tích cực, lạc quan và hướng thiện. Như vậy, chức năng giáo dục của nhân sinh quan không chỉ dừng lại ở việc truyền đạt tri thức mà còn là cơ sở nền tảng để phát triển con người toàn diện, góp phần xây dựng xã hội nhân văn, tiến bộ và bền vững.

Sự phân chia các chức năng của nhân sinh quan chỉ mang tính tương đối và mang tính quy ước trong nhận thức khoa học. Thực chất, các chức năng nhận thức - đánh giá, định hướng - điều chỉnh hành vi và giáo dục không tồn tại độc lập hay tách rời mà luôn vận động và phát triển trong mối quan hệ biện chứng hữu cơ với nhau. Mỗi chức năng vừa là điều kiện, vừa là kết quả thúc đẩy sự hoàn thiện lẫn nhau, tạo nên một hệ thống chức năng thống nhất, chặt chẽ và đồng bộ, phản ánh toàn diện bản chất và vai trò của nhân sinh quan trong việc hình thành ý thức, thái độ và hành vi của con người trong đời sống xã hội. Chính sự liên kết biện chứng này làm cho nhân sinh quan trở thành một công cụ nhận thức và định hướng hoạt động có sức mạnh điều chỉnh và phát triển, góp phần xây dựng con người và xã hội theo hướng tiến bộ và bền vững.

2.1.2. Nhân sinh quan của người Ê-đê ở tỉnh Đắk Lắk

2.1.2.1. Khái quát về tỉnh Đắk Lắk và người Ê-đê ở tỉnh Đắk Lắk

Đắk Lắk là tỉnh miền núi nằm trên địa bàn Tây Nguyên, có diện tích tự nhiên là 13.062km², trong khoảng tọa độ từ 107°28'57" - 108°59'37" độ kinh Đông và từ 12°9'45" - 13°25'06" độ vĩ Bắc. Phía Bắc giáp tỉnh Gia Lai, phía Nam giáp tỉnh Đắk Nông và Lâm Đồng, phía Đông giáp tỉnh Khánh Hòa và Phú Yên, phía Tây giáp với tỉnh Mondulakiri của Vương quốc Campuchia.

Nằm ở trung tâm cao nguyên Nam Trung Bộ, tỉnh Đắk Lắk có các trục đường giao thông quan trọng nối liền các tỉnh, thành phố như quốc lộ 14 nối thành phố Buôn Ma Thuột với tỉnh Gia Lai, Kon Tum theo hướng Bắc và nối với các tỉnh Đắk Nông, Bình Phước, Bình Dương và thành phố Hồ Chí Minh theo hướng Nam; quốc lộ 26 nối thành phố Buôn Ma Thuột với thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa; quốc lộ 27 nối thành phố Buôn Ma Thuột với thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng và một số tuyến đường khác

nối liền với vùng Đông Bắc Campuchia... Hiện nay, khi tuyến đường mòn Hồ Chí Minh và cảng hàng không Buôn Ma Thuật được nâng cấp, Đắk Lắk trở thành đầu mối quan trọng nối liền với các trung tâm kinh tế - xã hội của cả nước như thành phố Đà Nẵng, thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội. Chính hạ tầng giao thông ngày càng được nâng cấp và hoàn thiện đã tạo động lực quan trọng thúc đẩy kinh tế - xã hội của tỉnh cũng như vùng Tây Nguyên phát triển nhanh và bền vững.

Địa hình tỉnh Đắk Lắk khá phức tạp, đại bộ phận diện tích của tỉnh nằm ở phía Tây Trường Sơn, có hướng thấp dần từ Đông Nam sang Tây Bắc tạo nên sự đa dạng về địa hình bao gồm: địa hình vùng núi; địa hình cao nguyên; địa hình bán bình nguyên; địa hình vùng bằng trũng.

Do đặc điểm địa lý, địa hình nên khí hậu ở Đắk Lắk vừa chịu sự chi phối của khí hậu nhiệt đới gió mùa, tương đối ôn hòa, vừa mang tính chất của khí hậu cao nguyên mát dịu song chịu ảnh hưởng chủ yếu vẫn là khí hậu Tây Trường Sơn đó là nhiệt độ trung bình không cao, mưa nhiều vào mùa hè, ít mưa vào mùa đông, độ ẩm trung bình là 81%.

Về tài nguyên thiên nhiên, Đắk Lắk được thiên nhiên ưu đãi một nguồn tài nguyên lớn là tài nguyên đất. Toàn tỉnh có diện tích tự nhiên là 1.313.917,27ha, trong đó chủ yếu là nhóm đất xám, đất đỏ bazan và một số nhóm khác như đất phù sa, đất đen. Nhóm đất hình thành từ đá bazan có độ phì nhiêu cao thuận lợi trong việc canh tác cây công nghiệp. Về tài nguyên nước: nguồn nước mặt với những đặc điểm về khí hậu - thủy văn và với các hệ thống sông ngòi phân bố tương đối đồng đều trên lãnh thổ cùng với hàng trăm hồ chứa và 833 con suối nhỏ có độ dài trên 10km đã tạo cho Đắk Lắk một mạng lưới sông hồ khá dày đặc. Vì vậy, nhiều vùng trong tỉnh có khả năng khai thác nguồn nước mặt thuận lợi để phục vụ sản xuất và sinh hoạt, nhất là các địa bàn phân bố dọc theo hai bên sông Krông Ana thuộc các huyện Krông Ana, Krông Pắc, Lắk. Nguồn nước ngầm tập trung chủ yếu trong các thành tạo bazan và trầm tích Neogen đệ tứ, tồn tại chủ yếu dưới hai dạng nước lỗ hổng và nước khe nứt.

Đắk Lắk cũng là tỉnh có lợi thế về tài nguyên rừng với tổng diện tích là 608.886,2ha, trong đó rừng tự nhiên là 584.488,9ha, còn lại là rừng trồng với 14.397,3ha chủ yếu là rừng cao su và cà phê, độ che phủ rừng đạt 46,62% trong đó gần một nửa là rừng giàu và trung bình có trữ lượng hàng trăm triệu m³ gỗ quý các loại như cẩm lai,

giáng hương, mun, kiền, lim, sao... Đây là một nguồn lợi to lớn và có ý nghĩa về nhiều mặt. Rừng Đắc Lắc phân bố đều khắp ở các địa phương trong tỉnh, đặc biệt là hành lang biên giới của tỉnh giáp Campuchia. Rừng Đắc Lắc rất phong phú và đa dạng, thường có kết cấu ba tầng: cây gỗ có tác dụng phòng hộ; các loại cây đặc sản vừa có giá trị kinh tế, vừa có giá trị khoa học; rừng tái sinh có mật độ khá lớn, phân bố trong điều kiện lập địa thuận lợi. Do đó, rừng có vai trò quan trọng trong phòng chống xói mòn đất, điều tiết nguồn nước và hạn chế thiên tai. Rừng ở đây cũng có nhiều loài động vật quý hiếm bao gồm 93 loài thú, 197 loài chim. Đặc biệt ở đây có đến 32 loài thú có tên trong sách đỏ như bò tót, bò rừng, bò xám, hươu vàng, sóc bay... cùng một số loài chim như công, trĩ sao, gà tiền mặt đỏ... sinh sống chủ yếu ở vườn Quốc gia Yok Đôn và các khu bảo tồn Nam Ka, Chư Yang Sin.

Về tài nguyên khoáng sản, bên cạnh lợi thế về tài nguyên đất, rừng, Đắc Lắc còn có rất nhiều loại hình khoáng sản. Trên địa bàn tỉnh có nhiều mỏ khoáng sản với trữ lượng khác nhau, trong đó có nhiều loại quý hiếm như sét cao lanh với trữ lượng trên 60 triệu tấn, phân bố chủ yếu ở huyện M'Đrăk, thành phố Buôn Ma Thuột; sét gạch ngói trữ lượng trên 50 triệu tấn ở các huyện Krông Ana, M'Đrăk và thành phố Buôn Ma Thuột; vàng ở Ea Kar; chì ở Ea Hleo, photpho ở Buôn Đôn, than bùn ở Cư M'gar và các loại đá quý như Opan, Jectit, đá ốp lát, đá xây dựng.

Dân số toàn tỉnh Đắc Lắc là 1.869.322 người [160, tr.53] đứng đầu khu vực Tây Nguyên và đứng thứ 10 toàn quốc về quy mô dân số, mật độ dân số đạt 143,5 người/km². Về thành phần dân tộc, người Kinh chiếm trên 70%, các dân tộc thiểu số như Ê Đê, M'Nông, Thái, Tày, Nùng... chiếm gần 30% dân số toàn tỉnh.

Người Ê Đê đứng thứ 10 về dân số trong 54 dân tộc của Việt Nam và đứng thứ 2 ở Tây Nguyên, sau dân tộc Jrai. Người Ê Đê có nhiều tên gọi khác nhau nhưng tên gọi Ê Đê được dùng chính thức trong các văn bản Nhà nước, các công trình nghiên cứu và thông tin đại chúng. Ê Đê là dân tộc cư trú lâu đời ở cao nguyên Đắc Lắc, người Ê Đê thuộc hệ ngôn ngữ Mã Lai - Nam Đảo, sống chủ yếu ở Đắc Lắc, và số còn lại sống chủ yếu ở các vùng lân cận như Gia Lai, Kon Tum, Phú Yên, Khánh Hòa... Theo *Kết quả Điều tra thu thập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2019* của Ủy ban dân tộc và Tổng cục thống kê, người Ê Đê ở Việt Nam có dân số 331.194 người [160, tr.53], cư trú tại 59/63 tỉnh, thành phố. Trong đó, tỉnh Đắc Lắc có

298.534 người, chiếm 17,2% dân số toàn tỉnh và 90,1% tổng số người Ê Đê tại Việt Nam. Người Ê Đê ở Đắk Lắk chủ yếu tập trung ở vùng phía Bắc hoặc Đông Bắc bao gồm thành phố Buôn Ma Thuột, thị xã Buôn Hồ, các huyện Krông Pắc, Krông Buk, M'Drắk, Ea Sup, Ea H'leo, Ea Kar, Cư M'gar...

Người Ê Đê là một cộng đồng thống nhất về ý thức dân tộc, ngôn ngữ, tuy nhiên theo vùng cư trú, họ vẫn có sự khác biệt ít nhiều về ngôn ngữ và văn hóa, chia thành nhiều nhóm địa phương khác nhau như nhóm Kpă, Atham, Mđthur, Ktul, Bih. Về phương diện xã hội, nếp sống nương rẫy duy trì các quan hệ xã hội cộng đồng, mô hình xã hội của người Ê Đê nói riêng và Tây Nguyên nói chung là làng buôn. Là dân tộc tại chỗ với nền sản xuất nông nghiệp nương rẫy, người Ê Đê gắn với rừng và sống nhờ vào rừng. Trong sản xuất, việc làm nương rẫy chiếm vị trí trọng yếu và là nguồn sống chính của người Ê Đê. Không gian sản xuất của người Ê Đê rộng thường rộng hơn không gian cư trú gấp nhiều lần, gồm rừng tự nhiên, rẫy (rừng tự nhiên đã được khai hoang để canh tác) và các sông suối, đầm lầy. Theo Anne De Hautecloque-howe, người Ê Đê biểu đạt toàn bộ những gì thuộc về không gian sản xuất của họ qua một khái niệm đa nghĩa: đất đai (lăn). Cũng có khi người ta gọi nó là đất làng hay đất của buôn, làng. Với họ, đất đai là nguồn gốc của mọi của cải, là cơ sở của đời sống tín ngưỡng và các quan niệm sống. Trong cách diễn đạt của người Ê Đê, đất đai “là cái nia tròn khum khum, cái nia nhọn, cái lưng của tổ tiên” [1, tr.78] bởi lẽ nó biểu hiện cái khung cảnh bất biến trong đó tổ tiên đã từng sống, cũng đã từng nuôi sống họ và nó là yếu tố thường trực và chung cho tất cả các thế hệ nối tiếp. Ranh giới đất đai giữa các buôn làng là thường dựa vào đặc điểm và điều kiện tự nhiên như khe suối, sông núi, gốc cây, tảng đá. Điều quan trọng là mỗi thành viên trong buôn làng được nhắc nhở thường xuyên về ranh giới ấy và có ý thức bảo vệ đất đai của cộng đồng mình.

Phương thức canh tác chủ yếu của người Ê Đê là hươ canh luân khoảnh trên đất rẫy, tức đất được hình thành từ việc đốt rừng để làm đất canh tác. Đây cũng là phương thức phổ biến của các tộc người ở Tây Nguyên. Với phương thức này, người ta đốt một khoảnh rừng và tía lúa ở đấy. Nguồn phân bón tự nhiên được hình thành từ lá mục và

tro đã được đốt từ trước. Đây là phương thức lấy thức ăn từ rừng và tái sinh rừng bền vững đã được tích lũy qua hàng nghìn đời trong cộng đồng người Ê Đê.

Bên cạnh các khu rừng được khai thác để làm rẫy, mỗi buôn làng Ê Đê đều có một khu rừng cấm, thường nằm cạnh nguồn nước, được người dân gọi là rừng thiêng hay “rừng thần” và không ai được phạm vào. Nếu có người dù vô tình chặt đọt mây, bẻ măng, lấy mật ong... ở khu rừng cấm, nếu chẳng may trong làng có người ốm đau hoặc làng gặp các sự cố như hạn hán, thiên tai thì người đó sẽ bị phạt rất nặng.

Đồng bào cũng biết trồng lúa nước ở các thung lũng ven sông, suối nhưng năng suất thấp. Bên cạnh đó, người Ê Đê còn trồng thêm ngô, khoai, sắn, chăn nuôi gia súc, làm nghề thủ công... Hiện nay, trong bối cảnh phát triển kinh tế thị trường, người Ê Đê cũng đã bắt kịp với xu thế mới, đã canh tác thêm nhiều loại cây công nghiệp có giá trị cao như cà phê, tiêu, sầu riêng, cao su. Việc canh tác các loại cây công nghiệp này đã trở thành thế mạnh, một nét mới trong sản xuất của người Ê Đê, mang lại nguồn thu nhập lớn và ổn định, góp phần vào việc xóa đói giảm nghèo. Trồng bông, dệt vải là công việc thường ngày của phụ nữ Ê Đê. Với điều kiện tự nhiên thuận lợi, hoạt động săn bắn, hái lượm vẫn có một vị trí quan trọng trong đời sống của người Ê Đê, trong đó, đánh bắt cá tại các khu vực đầm hồ, sông suối là hoạt động khá phổ biến.

2.1.2.2. Khái niệm và nội dung nhân sinh quan của người Ê-đê ở tỉnh Đắk Lắk

Trong giới hạn nghiên cứu của luận án, chúng tôi quan niệm: Nhân sinh quan của người Ê-đê ở tỉnh Đắk Lắk là hệ thống quan niệm về cuộc sống, được kết tinh trong văn hóa truyền thống và đời sống cộng đồng. Nó bao gồm ý thức trân trọng, lòng biết ơn, cùng khát vọng về cuộc sống ấm no, hạnh phúc, thể hiện qua các chuẩn mực ứng xử giữa con người với con người và với tự nhiên. Nhân sinh quan này vừa có chức năng định hướng, điều chỉnh hành vi, vừa đảm nhiệm chức năng nhận thức và đánh giá, giúp cộng đồng phân biệt đúng – sai, tiến bộ – lạc hậu, đồng thời giữ vai trò giáo dục, bồi dưỡng ý thức cộng đồng, tinh thần đoàn kết và ý chí vươn lên trong hoạt động sống của họ.

Với đặc trưng là một dân tộc thiểu số cư trú lâu đời tại Tây Nguyên, nhân sinh quan của người Ê-đê mang đậm dấu ấn của tư duy huyền thoại, biểu tượng và kinh nghiệm cộng đồng, thể hiện qua ba nội dung cơ bản sau:

Thứ nhất, quan niệm về cuộc sống (ý nghĩa, mục đích sống)

Đối với người Ê-đê, nhân sinh quan không chỉ là cách con người nhận thức về ý nghĩa sự sống – cái chết, mà còn là thái độ sống hài hòa với cộng đồng và tự nhiên, dựa trên nền tảng của truyền thống văn hóa, tín ngưỡng và tập quán lâu đời. Trong thế giới quan của họ, con người không tồn tại độc lập mà luôn gắn bó mật thiết với cộng đồng buôn làng, tổ tiên và thế giới thần linh – những yếu tố cấu thành vũ trụ sống động và đầy linh thiêng. Từ đó, nhân sinh quan của người Ê-đê không chỉ hình thành trong lĩnh vực lý luận mà được biểu đạt rõ nét qua hành vi, nghi lễ, ứng xử đời thường và các tác phẩm sử thi, thần thoại.

Trước hết, tinh thần cố kết cộng đồng và tình nghĩa đồng bào là nền tảng quan trọng trong nhân sinh quan Ê-đê. Gia đình Ê-đê truyền thống được tổ chức theo chế độ mẫu hệ, trong đó mọi thành viên đều sống cùng nhau trong một ngôi nhà dài – biểu tượng của sự đoàn kết, gắn bó. Ngôi nhà dài không chỉ là không gian cư trú mà còn là trung tâm sinh hoạt cộng đồng, nơi diễn ra các nghi lễ quan trọng, thể hiện tinh thần “ăn chung, ở chung, làm chung và cùng hưởng”. Buôn làng là tổ chức xã hội cao nhất, nơi mỗi cá nhân không thể tách rời khỏi cộng đồng. Sự hiện diện của già làng, người có uy tín cao trong buôn, đóng vai trò như điểm tựa đạo đức và tinh thần cho cộng đồng. Mối quan hệ giữa già làng và cư dân không mang tính áp đặt, mà là mối quan hệ “tôn trọng, ràng buộc giữa quyền lợi và trách nhiệm”, đảm bảo cho “mọi người trong cộng đồng buôn làng được sống bình yên và phát triển” [137, tr. 113].

Tình yêu thương con người, sự đùm bọc và bao dung thể hiện đậm nét trong nghi lễ vòng đời người, đặc biệt là nghi lễ tang ma. Khi một người trong buôn qua đời, cả cộng đồng tự nguyện gác lại công việc để hỗ trợ gia đình tang chủ, từ việc dựng rạp, nấu ăn đến tổ chức nghi lễ. Việc chăm sóc người chết được duy trì thông qua tục giữ mả, lễ bỏ mả và quan niệm về sự tái sinh của linh hồn. Tất cả phản ánh sự gắn bó giữa người sống và người chết, giữa cá nhân và cộng đồng - nơi mỗi thành viên sống không chỉ cho mình mà còn cho cả buôn làng. Theo đó, “mọi sự xích mích và mọi sự tranh chấp đều được giải quyết bởi tập thể những người có liên quan... trong đa số các trường hợp, một tập quán lâu đời đã giải quyết trước tất cả mọi việc rồi” [29, tr. 147–148].

Trong sử thi Ê-đê, mối quan hệ giữa con người và cộng đồng được phản ánh qua hình tượng các anh hùng. Họ không chỉ là cá nhân xuất chúng mà là hiện thân của cả cộng đồng. Họ sống, chiến đấu, chia sẻ niềm vui nỗi buồn cùng mọi người, thể hiện một

tinh thần nhân ái, khoan dung sâu sắc. Hêghen cho rằng, người anh hùng “không những sống hòa đồng, cùng lao động và cùng hưởng lợi, người anh hùng còn tận tình giúp đỡ những kẻ yếu, không kẻ đó là người trong gia đình hay tôi tớ... Mọi lời nói và hành động của người anh hùng luôn được sự đồng tình ủng hộ, được sự hưởng ứng của đông đảo cư dân” [66, tr. 323–324]. Điều này cho thấy tinh thần nhân nghĩa và bao dung của người Ê-đê không chỉ được thể hiện trong cuộc sống thường nhật mà còn trở thành lý tưởng sống được phản ánh trong văn học dân gian.

Những giá trị cao đẹp đó được củng cố bởi quan niệm về sự luân hồi – một chu trình sinh - tử - tái sinh. Người Ê-đê tin rằng, khi một người qua đời, linh hồn họ sẽ về với tổ tiên, trở thành giọt sương chờ tái sinh vào đời sau, để tiếp tục vòng sống mới. Lễ đặt tên, thôi tai, lễ bỏ mả... không chỉ là nghi thức tín ngưỡng mà còn thể hiện niềm tin vào sự trường tồn của sự sống, sự gắn kết thiêng liêng giữa các thế hệ và sự nối dài mạch sống dân tộc. Trong quan niệm của họ, “sinh đẻ là đón chào cái mới đã có mặt. Giã từ cái chết (lễ bỏ mả) lại đẩy nhanh thời gian tiếp cận cái mới trong tương lai... Sự vĩnh biệt và chào đón gặp gỡ, hội tụ với biểu tượng giọt sương” [141, tr. 232].

Bên cạnh đó, quan niệm về sự hòa hợp và tôn trọng tự nhiên cũng là đặc điểm cốt lõi trong nhân sinh quan của người Ê-đê. Họ sống dựa vào tự nhiên, từ rừng núi đến sông suối, coi tự nhiên như một thực thể có linh hồn, luôn hiện diện và chi phối đời sống con người. Trong lễ cúng bến nước - một nghi lễ đặc sắc của người Ê-đê - cộng đồng dâng lễ vật để tạ ơn thần nước đã ban cho nguồn sống, phù hộ mùa màng tốt tươi, đồng thời cầu xin sự bảo hộ trong chu kỳ nông nghiệp sắp tới. “Trong những ngày diễn ra nghi lễ cúng bến nước, người Ê-đê tuyệt đối kiêng kỵ không ra bến nước tắm giặt hoặc lấy nước về nhà sử dụng” [133, tr. 784]. Lễ cúng này không chỉ thể hiện quan hệ giữa con người với thần linh mà còn phản ánh thái độ trân trọng thiên nhiên, coi bảo vệ thiên nhiên là bảo vệ cuộc sống của chính mình và cộng đồng.

Như vậy, nhân sinh quan của người Ê-đê được định hình trên nền tảng các giá trị nhân văn sâu sắc như tình yêu thương con người, tinh thần cộng đồng, tính bao dung và ý thức tôn trọng tự nhiên. Những yếu tố này không chỉ giúp họ thích nghi với điều kiện sống khắc nghiệt mà còn là điểm tựa để cộng đồng Ê-đê vững vàng tiến bước trong bối cảnh hiện đại. Đó chính là “tính cộng đồng giữa những người hàng xóm láng giềng xuyên suốt đời sống trong buôn làng, trở thành nếp sống chi phối hành vi ứng xử của

mọi người, mọi gia đình... là những chuẩn mực, và giá trị về đạo lý, nhân cách đã được định hình như một nguyên tắc lớn nhất của quan hệ cộng đồng cư trú” [77, tr. 201].

Thứ hai, quan niệm về về sự trân trọng, lòng biết ơn (biết ơn thần linh, biết ơn tổ tiên).

Trong thế giới tinh thần của người Ê-đê, trân trọng và biết ơn không chỉ là biểu hiện đạo lý, mà còn là sợi dây thiêng liêng gắn kết giữa con người với tổ tiên, thần linh và cộng đồng. Họ sống trong niềm tin rằng sự tồn tại của mỗi cá nhân là kết quả của bao thế hệ trước và sự phù hộ của các lực lượng siêu nhiên. Chính vì vậy, lòng biết ơn được nuôi dưỡng và thể hiện thường xuyên qua các nghi lễ truyền thống như lễ cúng tổ tiên, lễ bỏ mả, lễ tạ ơn thần linh trong nông nghiệp... Những thực hành này không chỉ phản ánh chiều sâu nhân sinh quan Ê-đê, mà còn góp phần duy trì đạo lý, gìn giữ bản sắc và cố kết cộng đồng một cách bền vững.

Trong nhân sinh quan truyền thống của người Ê-đê, thần linh không chỉ là những thực thể siêu nhiên quyền năng mà còn là những đấng tối cao đã khai sinh, bảo bọc và dẫn dắt cuộc sống con người qua mọi chặng đường sinh tồn. Sống giữa đại ngàn Tây Nguyên, người Ê-đê quan niệm vũ trụ là một chỉnh thể có ba tầng thế giới – trời, đất và cõi âm - và ở mỗi tầng đều có các vị thần trú ngụ, đảm nhiệm từng lĩnh vực của đời sống. Với họ, mỗi giọt mưa, mỗi ngọn gió, mỗi hạt lúa trên rẫy đều là ân huệ mà thần linh ban tặng. Niềm tin này thấm sâu vào tâm thức cộng đồng và được thể hiện sinh động qua hàng loạt nghi lễ cúng tế chu kỳ mùa vụ, sinh nở, dựng nhà, cưới hỏi, sức khỏe và tang ma. Việc cử hành các nghi lễ cúng thần linh thể hiện rõ nét tinh thần biết ơn của người Ê-đê.

Người Ê-đê luôn đặt lòng biết ơn đối với thần linh lên vị trí trang trọng. Không có lễ hội, nghi thức nào lại vắng đi lời khẩn cầu hay sự tưởng nhớ đến các Yang - các vị thần - đặc biệt là nhị thể thần tối cao Aê Diê và Aê Du, những đấng đã tạo ra sự sống và duy trì sự thịnh vượng của buôn làng. Thông qua các nghi lễ như cúng lúa giống, cúng sức khỏe, cầu mưa, người Ê-đê không chỉ cầu xin sự phù hộ, mà còn thể hiện sự tri ân chân thành đến các thần đã luôn che chở và ban phước. Chẳng hạn, trong bài khấn của lễ ăn cơm mới có đoạn: “Ồ yàng phía Đông, y àng phía Tây. Ổ yàng lúa, y àng núi, yàng sông! Các yàng đã cho đất tôi trồng lúa. Cho mưa thuận gió hòa, lúa bắp tốt tươi. Nay tôi tuốt ba gùi lúa, tôi bẻ bảy gùi bắp. Heo thiến tôi nướng chín vàng, rượu ché đã cay.

Tôi mời các y àng về cầm cần rượu. Ăn cơm mới, ăn thịt heo nướng, cùng gia đình nhà chủ. Xin các yàng cho mùa sau lúa đầy bờ, bắp đầy rẫy. Gia chủ mạnh chân đi rừng, khỏe tay làm rẫy. Ô yàng! Lời tôi cầu mong y àng thuận. Lời tôi khẩn, mong yàng ưng. Ô ông AêDu, ông AêDiê! Lời tôi cầu mong ông hãy nhận!” [20, tr. 41-42]

Lòng biết ơn không chỉ dành cho các thần thiện, mà ngay cả đối với thần ác – những lực lượng siêu nhiên được cho là gây ra tai họa - người Ê-đê cũng dâng lễ cúng như một hành động vừa kính sợ vừa mong được tha thứ. Đó là một biểu hiện của triết lý nhân sinh sâu xa, trong đó con người không tìm cách chế ngự thiên nhiên bằng sức mạnh, mà tìm sự hòa hợp bằng tôn kính và lễ nghĩa. Sự hiện diện của cây nêu trong các lễ thức – biểu tượng kết nối trời, đất và cõi âm – chính là trục tâm linh mà qua đó người Ê-đê gửi gắm tâm tư, khẩn cầu và lòng tri ân tới vũ trụ thần linh bao la.

Như vậy, trong nhân sinh quan của người Ê-đê, lòng biết ơn thần linh không chỉ là một tín ngưỡng mà còn là đạo lý sống, là nền tảng để duy trì sự hài hòa giữa con người với tự nhiên, giữa quá khứ với hiện tại và giữa con cháu với tổ tiên. Đó chính là cội rễ tinh thần đã nuôi dưỡng và giữ gìn sức sống của cộng đồng Ê-đê giữa đại ngàn Tây Nguyên suốt bao thế hệ.

Trong đời sống tinh thần của người Ê-đê, lòng biết ơn đối với tổ tiên không chỉ là một biểu hiện đạo đức mà còn là thành tố cốt lõi trong nhân sinh quan truyền thống. Dù không thiết lập bàn thờ tổ tiên như một số dân tộc khác, nhưng người Ê-đê lại thể hiện sự tưởng nhớ, tri ân ông bà qua các hình thức nghi lễ đặc trưng, phản ánh sâu sắc mối quan hệ thiêng liêng giữa các thế hệ.

Trong nhân sinh quan của người Ê-đê, lòng biết ơn ông bà tổ tiên không chỉ là một phẩm chất đạo đức cá nhân mà còn là chuẩn mực ứng xử xã hội, được thể hiện rõ nét trong các nghi lễ, luật tục và lối sống cộng đồng. Niềm tin rằng tổ tiên luôn hiện diện, dõi theo và che chở cho con cháu được lồng ghép sâu sắc trong mọi nghi thức vòng đời. Điều này có thể thấy rõ trong lễ trưởng thành – một nghi lễ đánh dấu bước chuyển từ thiếu niên sang người trưởng thành, nơi con cháu dâng lễ vật và gửi gắm lời khẩn: “*Ô các Yang! ngày bốn đã qua, ngày ba đã đến, nay chủ nhà có con heo thiến mời các Yang cùng tổ tiên ông bà gần xa về dự lễ M'pu toh kông, mừng và phù hộ sức khỏe cho chàng trai Y Rít trưởng thành.*” [20, tr.51] Lời khẩn ấy không chỉ mang tính mời gọi thần linh,

mà còn thể hiện sự tri ân đối với tổ tiên, như một cách khẳng định rằng sự trưởng thành của con cháu là kết quả từ quá trình nâng đỡ, che chở của các thế hệ đi trước.

Tinh thần hiếu kính cũng được khắc họa trong lời khấn thần linh khi đưa trẻ đầy ba tuổi: *“Ban cho nó biết tìm họ hàng gần xa. Ban cho nó biết tìm ông bà xa xưa... Biết nhường cho chị cho em đến ở”* [21, tr. 75], cho thấy yêu cầu đạo lý phải luôn ghi nhớ cội nguồn, sống nhân hòa và biết tôn ti trật tự trong gia đình, dòng họ. Luật tục Ê-đê cũng quy định rõ vai trò của cha mẹ, ông bà trong việc giáo dục con cháu: *“Có cây đa thì phải hỏi cây đa, có cây sung thì phải hỏi cây sung, có mẹ cha thì phải hỏi mẹ cha. Kẽ như lưỡi dao lại muốn dày hơn sống dao, là một trẻ nít lại muốn khôn hơn người lớn... Nếu người ta bắt được... thì phải đưa ra xét xử”* [142, tr. 231].

Ngoài ra, các nghi lễ như lễ cưới - nơi cô dâu, chú rể dâng quà cảm tạ cha mẹ hai bên, lễ cúng sức khỏe cho người cao tuổi - thể hiện sự biết ơn và chúc phúc cho thế hệ trước, hay lễ tang - với sự chuẩn bị chu đáo thể hiện lòng hiếu thảo đối với người đã khuất, đều là biểu hiện cụ thể của nhân sinh quan mang tính tri ân sâu sắc. Việc tổ chức lễ tang không đơn thuần là nghi thức, mà còn là một phương tiện giáo dục trực quan, nơi các thế hệ sau học cách tôn trọng người đi trước, tiếp nối mạch nguồn gia tộc.

Có thể nói, lòng biết ơn tổ tiên không chỉ hiện diện trong hành vi cá nhân mà còn được thể chế hóa trong tập quán, luật tục và các thiết chế văn hóa - tín ngưỡng của người Ê-đê. Đó là giá trị cốt lõi, là sợi dây liên kết giữa các thế hệ, giữ gìn sự cố kết cộng đồng và gìn giữ bản sắc văn hóa trong quá trình phát triển của tộc người.

Trong nhân sinh quan của người Ê-đê, lòng biết ơn đối với ông bà, tổ tiên không đơn thuần là biểu hiện đạo đức cá nhân, mà còn là một nội dung sâu sắc thuộc hệ giá trị văn hóa - tín ngưỡng, được tái hiện sinh động trong các nghi lễ liên quan đến vòng đời, đặc biệt là tang lễ và lễ bỏ mả. Mỗi giai đoạn của tang lễ không chỉ thể hiện tình cảm của người sống dành cho người đã khuất, mà còn phản ánh hệ thống quan niệm triết lý về sự tiếp nối giữa hai thế giới - nhân gian và thế giới tổ tiên.

Ngay từ thời điểm lâm chung, khi một thành viên trong cộng đồng chuẩn bị từ giã cõi đời, gia đình đã mời thầy cúng đến để “cầu xin thần linh buông tha cho linh hồn người bệnh” bằng nghi lễ hiến sinh. Nếu người bệnh không qua khỏi, cộng đồng sẽ lập tức bước vào chuỗi nghi thức phức tạp để đưa tiễn người mất về với tổ tiên. Hành động “hú gọi atao” – linh hồn tổ tiên – được cử hành bởi người trong dòng họ tại khu mộ địa,

như một lời thông báo rằng đã đến lúc chào đón một thành viên mới về buôn của người chết (*buôn atáo*). Đây không đơn thuần là một nghi thức mang tính biểu tượng, mà là một biểu hiện sinh động của quan niệm “trở về nguồn” – nơi tổ tiên được tôn kính như những thực thể thiêng liêng, giữ vai trò dẫn đường và bảo trợ cho con cháu.

Nghi lễ chôn cất của người Ê-đê cũng thể hiện sâu sắc lòng tri ân và hiếu kính. Theo phong tục, khi hạ huyệt, gia đình sẽ đặt theo quan tài những vật dụng cá nhân của người đã khuất – như chiêng, ché, công cụ sản xuất... – cùng với những món quà mà bà con buôn làng gửi “cho ông bà của họ”, với quan niệm rằng “người chết sẽ mang theo về thế giới bên kia” [19, tr.88]. Đây là một hành vi mang tính biểu tượng cao, thể hiện tấm lòng biết ơn, đồng thời tạo điều kiện để người đã khuất có cuộc sống đầy đủ, không thiếu thốn nơi thế giới tổ tiên.

Đặc biệt, trước khi lấp đất huyệt mộ, người Ê-đê sẽ đặt “một ché rượu đã đục thủng đáy ở đầu huyệt và một cây tre đã đục thông các mắt, cắm từ đáy vượt lên khỏi mặt đất, ngay phía đầu quan tài” [19, tr.88]. Hành động này nhằm mục đích duy trì sự kết nối giữa người sống và người chết, theo đó mỗi ngày, gia đình sẽ đồ cơm, thức ăn, rượu... vào ống tre để gửi xuống cho người đã khuất. Việc nuôi linh hồn như vậy sẽ kéo dài cho đến khi lễ bỏ mả chính thức diễn ra. Điều này bắt nguồn từ quan niệm rằng, trước khi lễ bỏ mả được cử hành, “linh hồn người chết vẫn chưa thể về với buôn của người sống, cũng chưa thể về với buôn tổ tiên (*buôn Atáo*), mà vẫn bị ràng buộc quanh khu mộ địa” [141, tr.229]. Do đó, nghĩa vụ chăm sóc linh hồn người chết trở thành một hành động thiết yếu thể hiện tình cảm, trách nhiệm và lòng biết ơn của con cháu đối với ông bà, tổ tiên.

Ngoài ra, hệ thống các nghi lễ hậu tang như lễ bỏ mả không chỉ là sự tiễn đưa linh hồn một cách trang trọng mà còn là nghi thức mang tính chúc phúc, thể hiện niềm tin rằng tổ tiên sẽ tiếp tục phù hộ độ trì cho con cháu. Trong nhân sinh quan Ê-đê, cái chết không đánh dấu sự kết thúc mà mở ra một hành trình mới trong mối quan hệ gắn bó giữa người đã khuất và các thế hệ đang sống. Vì vậy, triết lý “sống vì tổ tiên – chết trở về nguồn cội” đã thấm sâu vào mọi hoạt động nghi lễ và điều chỉnh hành vi đạo đức của cá nhân trong cộng đồng.

Tóm lại, qua những nghi lễ tang ma, tập tục chia của, các hình thức cúng tế và lễ bỏ mả, người Ê-đê không chỉ biểu hiện lòng thành kính đối với người đã khuất, mà còn

tái khẳng định một quan niệm nhân sinh sâu sắc về sự tiếp nối và trường tồn. Đây chính là một trong những biểu hiện tiêu biểu nhất của lòng biết ơn đối với ông bà, tổ tiên trong hệ thống nhân sinh quan của người Ê-đê.

Trong nhân sinh quan của người Ê-đê, lòng biết ơn không chỉ là một giá trị đạo lý thuần túy, mà còn là một yếu tố nền tảng cấu thành nên bản sắc văn hóa của cộng đồng. Lòng biết ơn ấy không chỉ được thể hiện bằng lời khấn, lễ vật, mà còn bằng cách sống có trách nhiệm với gia đình, buôn làng, với thiên nhiên và vạn vật xung quanh. Chính từ hệ giá trị đó, lòng biết ơn trở thành một động lực điều chỉnh hành vi cá nhân và củng cố sợi dây liên kết cộng đồng. Nó góp phần gìn giữ một thế giới quan hài hòa, nơi con người sống không chỉ vì hiện tại mà còn gắn bó sâu sắc với quá khứ và có trách nhiệm với tương lai – một biểu hiện đậm chất nhân văn và giàu tính triết lý trong đời sống tinh thần của người Ê-đê.

Thứ ba, ước mơ, khát vọng về một cuộc sống ấm no, hạnh phúc.

Ước mơ về một cuộc sống ấm no, hạnh phúc là một trong những nội dung cốt lõi trong nhân sinh quan của người Ê-đê. Khát vọng ấy không chỉ hiện hữu trong lao động sản xuất mà còn thấm đẫm trong đời sống tâm linh, nghi lễ và ứng xử hằng ngày với tự nhiên và cộng đồng. Đó là một khát vọng bền vững, mang tính truyền đời và được biểu hiện một cách sinh động qua tín ngưỡng, nghi lễ và luật tục.

Là cư dân nông nghiệp nương rẫy sống gắn bó với rừng, người Ê-đê quan niệm đất đai, sông suối, rẫy nương là cội nguồn sinh tồn, là “cái nia tròn khum khum, cái lưng của tổ tiên” [1, tr.78]. Họ coi rừng là nơi cung cấp cái ăn, cái mặc, nơi trú ngụ sau khi chết và cũng là chốn linh thiêng chứa đựng thần linh, cần được tôn trọng tuyệt đối. Chính vì vậy, mọi hoạt động khai thác tự nhiên đều gắn liền với nghi lễ nhằm cầu xin sự phù hộ từ các vị thần, thể hiện mong mỏi được sống thuận hòa với trời đất để có mùa màng tươi tốt, buôn làng thịnh vượng, con người an lành.

Trong nghi lễ cầu mưa (kăm mah), một nghi lễ đặc trưng của cư dân nương rẫy, thầy cúng đọc lời khấn:

“Ồ yàng trời!Ồ yàng mưa! Hôm nay buôn làng chúng tôi làm lễ cầu mưa để gieo lúa mùa rẫy mới. Chúng con cúng yàng ba con heo thiến, ba ché rượu đầy. Mời các yàng về hưởng và giúp buôn làng chúng tôi có mưa sớm để cây lúa, cây kê, cây bầu, cây bí

tốt tươi, mùa màng năm nay nhà nhà đều có lúa, kê đầy kho, heo, gà, trâu, bò đầy chuồng, bầu, bí đầy nhà, ở Yàng!”[20, tr. 51]

Lời khấn chân thành này là sự kết tinh của bao khát vọng mộc mạc nhưng thiết tha: có lúa đầy kho, kê đầy bồ, nhà nhà sung túc. Mỗi mùa rẫy mới không chỉ là một chu kỳ canh tác, mà còn là một hành trình nối dài ước mơ an cư lạc nghiệp, nối tiếp mạch sống của cộng đồng.

Trong lễ ăn trâu mừng được mùa, thầy cúng cũng cầu chúc: “O yàng trời, yàng đất! O yàng núi, yàng sông! O yàng Đông, yàng Tây! Hôm nay buôn làng chúng tôi đã kết thúc một mùa rẫy cũ chuẩn bị bước vào một mùa rẫy mới, xin mời các yàng về dự lễ ăn trâu. Cầu cho buôn làng hoà thuận, cái thiện, cái tốt hãy đến, cái ác lùi xa, mùa màng tươi tốt, người người mạnh khỏe, mọi nhà no ấm, yên vui”[20, tr.51]. Lời khấn ấy là sự hội tụ của toàn bộ ước vọng nhân sinh: từ hòa thuận, mạnh khỏe đến yên vui, đủ đầy - những giá trị tinh thần và vật chất hòa quyện, phản ánh rõ nét lý tưởng sống cao đẹp của người Ê-đê.

Bên cạnh nghi lễ, người Ê-đê còn truyền dạy cho con cháu thái độ sống biết ơn tự nhiên và thần linh - bởi theo họ, con người chỉ “vay mượn từ tự nhiên” để duy trì sự sống và cần có trách nhiệm hoàn trả. Canh tác nương rẫy không tùy tiện mà phải thông qua nghi lễ xin phép rừng, thần đất, thần núi... Sự thận trọng ấy không chỉ bắt nguồn từ niềm tin tín ngưỡng mà còn thể hiện ước vọng bền vững: làm ăn thuận lợi, sống an lành, được mùa dài lâu, và không vi phạm luật thiêng.

Như vậy, khát vọng ấm no trong nhân sinh quan người Ê-đê không chỉ gói gọn trong cơm no áo ấm, mà rộng hơn, đó là một sự sống hài hòa với trời đất, sự cộng cảm với thiên nhiên, cùng niềm tin vững chắc vào thần linh phù hộ. Ước vọng ấy vừa thực tiễn, vừa thiêng liêng, vừa là nền tảng vật chất cho sự sinh tồn, vừa là lý tưởng sống mang đậm chất nhân văn – nơi con người Ê-đê sống không tách rời cội nguồn của mình: rừng, đất, trời, và cộng đồng.

Khát vọng về một cuộc sống hạnh phúc của người Ê-đê không chỉ là ước muốn mang tính cá nhân mà còn là lý tưởng gắn liền với cộng đồng. Trước hết, điều này được thể hiện rõ trong không gian sống - những buôn làng tập trung trên địa hình bằng phẳng, đất đai màu mỡ, gần nguồn nước. Người Ê-đê sống quần cư trong những ngôi nhà dài (sang dôk) – biểu tượng của đại gia đình mẫu hệ, vừa là nơi cư trú, vừa là không gian

sinh hoạt cộng đồng, nơi diễn ra các nghi lễ, hội họp và tiếp khách. Căn phòng chung (gah) được ví như “ngôi nhà rộng” của người Ê-đê, nơi thể hiện đậm nét tinh thần cộng đồng và sự gắn kết giữa các thành viên trong gia đình cũng như trong buôn làng.

Khát vọng hạnh phúc của người Ê-đê cũng thể hiện qua quan niệm về sự giàu có. Trong xã hội Ê-đê truyền thống, sự phân tầng mdrong (người giàu) và bun (người nghèo) không chỉ là yếu tố kinh tế mà còn phản ánh sự che chở, bảo vệ của cộng đồng với những thành viên yếu thế. Ngay cả nô lệ hay người ở đợ cũng “mau chóng trở thành thành viên của gia đình mà họ tùy thuộc, uống chung cùng chén với chủ ngày lễ và đánh trống, nói chung ít khi chịu đựng cơn thịnh nộ của chủ” [57, tr. 62]. Điều đó cho thấy sự nhân văn trong cấu trúc xã hội Ê-đê.

Dù giàu hay nghèo, người Ê-đê luôn tin rằng sự thịnh vượng là “tặng phẩm của Thần, bất kể các phương tiện nhờ đó người ta đạt được sự giàu có là gì” [68, tr. 99]. Những người được gọi là mdrong ciang cat – người giàu do tiền định – phải thực hiện các lễ hiến sinh cầu kỳ, mời các phúc thần như thần rắn, thần ong, thần núi... để chứng nghiệm sự giàu có của họ. Nếu không làm lễ “xúng đáng”, họ sẽ bị rơi vào cảnh nghèo nàn, điên loạn. Ngược lại, khi lễ hoàn tất, người ấy được thần ban phúc và trở thành mdrong. Sau đó, họ còn tổ chức lễ suôt yang - lễ “đuổi thần” - để đưa cuộc sống buôn làng quay về trạng thái yên ổn. Dưới lăng kính duy tâm, đây là biểu hiện của một quan niệm sâu sắc về cộng đồng: sự giàu có phải được chia sẻ, làm lợi cho mọi người trong buôn làng, không phải là đặc quyền cá nhân mà là phúc lành chung.

Đặc biệt, lý tưởng sống và khát vọng hạnh phúc của người Ê-đê được thể hiện rõ nét trong sử thi anh hùng như “Đam San” hay “Đam Yi”. Nhân vật anh hùng không mang cái tôi cá nhân, mà là hiện thân lý tưởng chung của cộng đồng. Các cuộc chiến tranh trong sử thi đều nhằm “đem lại cuộc sống hạnh phúc, ấm no cho cộng đồng” [113, tr. 55], chống lại các thế lực thù địch, bảo vệ danh dự và sự thịnh vượng của buôn làng. Sự gắn bó hài hòa giữa anh hùng với cộng đồng trở thành biểu tượng của sức mạnh tập thể. Hêghen từng nhận định: “Cá nhân của thời đại anh hùng cũng không xác lập sự phân chia về mặt luân lý giữa bản thân mình với cái chính thể xã hội mà anh ta thuộc vào” [66, tr. 323-324]. Mọi hành động, mọi lý tưởng của anh hùng cũng chính là khát vọng của buôn làng: được sống hòa hợp, no ấm, vững mạnh, và trường tồn.

Không khí sinh hoạt xã hội Ê-đê truyền thống là không khí của niềm tin và sự lạc quan. Người dân Ê-đê “biết sống hòa thuận, hạnh phúc và lạc quan trong điều kiện sống còn hạn chế” với một tinh thần cố kết mạnh mẽ [1, tr. 147]. Các lễ hội, hội hè như lễ mừng chiến thắng, lễ cưới, lễ thổi tai cho con trai... không chỉ là dịp tôn vinh cộng đồng mà còn thể hiện khát vọng được sống đông vui, “ăn năm uống tháng”, cùng nhau hưởng hạnh phúc, phồn thịnh.

2.2. Sự biến đổi nhân sinh quan của người Ê-đê ở tỉnh Đắk Lắk hiện nay - quan niệm và nội dung

Biến đổi là một khái niệm dùng để chỉ quá trình vận động, chuyển hóa từ trạng thái này sang trạng thái khác, từ dạng thức này sang dạng thức khác. Theo quan niệm mácxít, “*Biến đổi bao hàm mọi sự vận động và sự tác động qua lại, sự chuyển hóa từ trạng thái này sang trạng thái khác*” [135, tr. 39]. Theo đó, mọi sự vật, hiện tượng đều có một quá trình vận động, phát triển khách quan theo hướng sự vật, hiện tượng mới ra đời thay thế sự vật, hiện tượng cũ với những dấu hiệu đặc trưng mới.

Sự biến đổi là một hiện tượng tồn tại ở mọi lĩnh vực, từ tự nhiên, xã hội cho đến tư duy. Chúng tôi cho rằng: *Sự biến đổi là quá trình hoặc trạng thái của sự thay đổi, chuyển đổi hoặc phát triển từ một trạng thái ban đầu sang một trạng thái mới.*

Sự biến đổi có thể xảy ra trong nhiều lĩnh vực khác nhau, và ảnh hưởng đến cuộc sống của con người một cách sâu sắc. Trong tự nhiên, sự biến đổi có thể đặt ra những thách thức lớn đối với bảo tồn tài nguyên tự nhiên và đa dạng sinh học. Sự thay đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường. Một trong những lĩnh vực quan trọng nhất là sự biến đổi trong xã hội. Đối với xã hội, sự ổn định xã hội chỉ là tương đối về mặt hình thức, bề ngoài, tương đối còn thực chất, nội dung bên trong luôn có sự vận động, biến đổi. Sự biến đổi trong lĩnh vực văn hóa cũng có ảnh hưởng mạnh mẽ đến cuộc sống xã hội. Sự thay đổi trong văn hóa có thể đem lại sự đa dạng và sáng tạo, nhưng cũng có thể gây ra sự mất mát và suy giảm giá trị truyền thống.

Sự biến đổi nhân sinh quan là một hiện tượng tất yếu trong tiến trình lịch sử và xã hội, phản ánh sự vận động và phát triển không ngừng của ý thức con người trước những thay đổi của thực tại khách quan. Nhân sinh quan, với tư cách là tập hợp những quan niệm, tư tưởng của con người về bản chất cuộc sống, vị trí và vai trò của mình trong thế giới, luôn chịu sự tác động của các yếu tố kinh tế, văn hóa, chính trị và tự nhiên. Do đó,

sự biến đổi của nó không chỉ là sự phản ánh những thay đổi của hiện thực, mà còn là một phần tất yếu của quá trình sáng tạo và tái cấu trúc nhận thức để thích nghi với những điều kiện mới.

Trên phương diện lý luận, sự biến đổi nhân sinh quan, xét trong tổng thể các chiều kích biện chứng, là quá trình vận động nội tại của ý thức con người trong mối quan hệ với thực tiễn lịch sử và điều kiện xã hội. Sự biến đổi đó, xét đến cùng là quá trình con người tự ý thức và cải biến bản thân trong mối quan hệ với thế giới. Nó không chỉ là sản phẩm của sự biến động khách quan mà còn là minh chứng cho năng lực tự điều chỉnh của ý thức con người trước những thách thức của lịch sử. Do đó, nghiên cứu sự biến đổi nhân sinh quan không chỉ giúp chúng ta hiểu rõ hơn về sự phát triển của ý thức xã hội, mà còn góp phần định hướng các giá trị cho một cuộc sống có ý nghĩa trong tương lai.

Từ những phân tích trên, chúng tôi cho rằng, *sự biến đổi nhân sinh quan của người Ê-đê ở tỉnh Đắk Lắk hiện nay biểu hiện ra là sự thay đổi quan niệm về cuộc sống; về sự trân trọng, lòng biết ơn; về ước mơ, khát vọng một cuộc sống ấm no, hạnh phúc của người Ê-đê theo hai xu hướng: biến đổi tích cực và biến đổi tiêu cực.*

Trước hết, cần khẳng định rằng, sự biến đổi nhân sinh quan của người Ê-đê ở tỉnh Đắk Lắk hiện nay không thể được hiểu giản đơn như sự “thay đổi trong suy nghĩ” hay “khác đi” về lối sống, mà thực chất là sự dịch chuyển có tính cấu trúc trong hệ giá trị định hướng đời sống, bao gồm những điều chỉnh sâu sắc trong quan niệm về con người, về ý nghĩa tồn tại, về các mối quan hệ cơ bản giữa cá nhân – cộng đồng – tự nhiên – thế giới thiêng. Đây là quá trình vừa mang tính kế thừa, vừa mang tính cải biến, phản ánh sự thích ứng của nhân sinh quan truyền thống trước những biến đổi mạnh mẽ của điều kiện tồn tại xã hội trong bối cảnh hiện nay.

Xét về nội hàm, “sự biến đổi nhân sinh quan” trước hết biểu hiện ở sự vận động của các quan niệm nền tảng định hướng hành vi sống, chứ không chỉ dừng lại ở sự thay đổi hình thức sinh hoạt văn hóa. Đối với người Ê-đê, nhân sinh quan truyền thống vốn được hình thành trên nền tảng của tính cộng đồng, sự hòa hợp với tự nhiên, tín ngưỡng đa thần và chế độ mẫu hệ, trong đó con người được nhìn nhận như một mắt xích trong chỉnh thể cộng đồng – buôn làng – vũ trụ. Trong bối cảnh hiện nay, các quan niệm ấy không còn giữ nguyên trạng, mà đang chịu sự tái cấu trúc giá trị, khi những yếu tố cá nhân, lý tính, hiệu quả kinh tế và khát vọng khẳng định bản thân ngày càng được đề cao.

Cụ thể, trong quan niệm về cuộc sống, người Ê-đê đã và đang chuyển từ cách nhìn thiên về sự an phận, hài hòa và lệ thuộc vào tự nhiên, thần linh sang cách tiếp cận mang tính chủ động hơn đối với cuộc đời. Nếu như trước đây, đời sống được quan niệm chủ yếu như sự tiếp nối tuần hoàn trong cộng đồng, thì nay, ý thức cá nhân về mục đích sống, về học tập, lập nghiệp và nâng cao chất lượng cuộc sống ngày càng trở nên rõ nét. Sự chuyển dịch này phản ánh tác động trực tiếp của kinh tế thị trường, giáo dục hiện đại và quá trình giao lưu văn hóa, đồng thời cho thấy sự mở rộng không gian lựa chọn của cá nhân trong cộng đồng Ê-đê.

Trong quan niệm về sự trân trọng và lòng biết ơn, vốn gắn chặt với tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, thần linh và sự gắn bó buôn làng, hiện nay đang xuất hiện sự phân hóa rõ rệt. Một mặt, nhiều gia đình và cộng đồng vẫn duy trì các nghi lễ truyền thống như lễ bỏ mả, lễ cúng sức khỏe, lễ cúng rẫy... không chỉ với tư cách là hoạt động tín ngưỡng, mà còn như biểu tượng văn hóa tinh thần và phương tiện cổ kết cộng đồng. Mặt khác, dưới áp lực của đời sống hiện đại, không ít người – đặc biệt là thế hệ trẻ – có xu hướng giản lược nghi lễ, coi nhẹ chiều kích linh thiêng, thậm chí tiếp cận đời sống theo hướng thực dụng, làm suy giảm vai trò điều chỉnh hành vi của các giá trị truyền thống. Sự phân hóa này cho thấy nhân sinh quan Ê-đê đang tồn tại đồng thời các lớp giá trị khác nhau, vừa bảo lưu truyền thống, vừa chịu tác động mạnh mẽ của lối sống hiện đại.

Trong ước mơ và khát vọng về cuộc sống ấm no, hạnh phúc, sự biến đổi nhân sinh quan thể hiện rõ ở sự kết hợp giữa khát vọng cộng đồng và mục tiêu cá nhân. Người Ê-đê hiện nay vẫn nuôi dưỡng ước mong truyền thống về cuộc sống “ăn no, mặc ấm, buôn làng yên ổn”, nhưng đồng thời hướng tới những mục tiêu cụ thể hơn như học hành, nghề nghiệp ổn định, nâng cao thu nhập, cải thiện vị thế xã hội. Khát vọng hạnh phúc vì thế không còn thuần nhất là hạnh phúc cộng đồng mang tính bao trùm, mà ngày càng gắn với sự thành đạt và tự khẳng định của cá nhân, dù vẫn được đặt trong mối quan hệ với gia đình và buôn làng.

Từ những nội dung trên có thể thấy rằng, sự biến đổi nhân sinh quan của người Ê-đê ở tỉnh Đắk Lắk hiện nay diễn ra theo hai chiều hướng song hành: tích cực và tiêu cực. Chiều hướng tích cực thể hiện ở sự mở rộng nội dung nhân sinh quan, làm phong phú thêm các giá trị sống, khơi dậy tinh thần cầu tiến, nâng cao ý thức làm chủ cuộc sống và vị thế của cá nhân trong cộng đồng. Ngược lại, chiều hướng tiêu cực biểu hiện ở nguy

cơ suy giảm tính cộng đồng, đứt gãy truyền thống, phai nhạt các chuẩn mực đạo đức và sự gia tăng lối sống thực dụng, cá nhân chủ nghĩa.

Về phương diện phương pháp luận, quá trình biến đổi nhân sinh quan của người Ê-đê cần được đặt trong mối quan hệ biện chứng giữa điều kiện tồn tại xã hội và đời sống tinh thần. C.Mác và Ph.Ăngghen đã chỉ rõ:

“Sự sản xuất ra những ý niệm và ý thức thì lúc đầu gắn liền mật thiết... Ý thức không bao giờ có thể là cái gì khác hơn là sự tồn tại được ý thức, và tồn tại của con người là quá trình đời sống hiện thực của con người” [28, tr.37]; và “Phương thức sản xuất đời sống vật chất quyết định các quá trình sinh hoạt xã hội, chính trị và tinh thần nói chung...” [64, tr.25].

Dưới ánh sáng của nguyên lý này, có thể khẳng định rằng sự biến đổi nhân sinh quan của người Ê-đê không phải là hiện tượng tự phát, mà là kết quả tất yếu của sự biến đổi trong phương thức sản xuất, trong cơ cấu kinh tế – xã hội, trong không gian cư trú và trong các hình thức giao tiếp xã hội của cộng đồng ở tỉnh Đắk Lắk hiện nay.

Như vậy, sự biến đổi nhân sinh quan của người Ê-đê ở tỉnh Đắk Lắk hiện nay là một quá trình lịch sử – cụ thể, mang tính biện chứng, phản ánh sự điều chỉnh và tái cấu trúc hệ giá trị sống của cộng đồng trước những biến đổi sâu sắc của điều kiện tồn tại xã hội. Quá trình này vừa chứa đựng những yếu tố tích cực cần được bồi đắp và phát huy, vừa bộc lộ những xu hướng tiêu cực cần được nhận diện, điều chỉnh và khắc phục. Việc phân tích đầy đủ hai mặt của sự biến đổi đó là cơ sở khoa học quan trọng để định hướng xây dựng một nhân sinh quan tiến bộ, giàu tính nhân văn, góp phần bảo tồn và phát triển bền vững các giá trị văn hóa – tinh thần của người Ê-đê trong điều kiện mới.

Cuối cùng, trong nhiều thập kỷ qua, những biến đổi ấy tập trung thể hiện ở ba nội dung chủ yếu:

- (1) sự biến đổi trong quan niệm về cuộc sống (ý nghĩa, mục đích sống và thân phận con người);
- (2) sự biến đổi trong quan niệm về sự trân trọng và lòng biết ơn (đối với thần linh, tổ tiên và cộng đồng);
- (3) sự biến đổi trong ước mơ, khát vọng về một cuộc sống ấm no, hạnh phúc.

Ba nội dung này chính là những trục phân tích xuyên suốt để nhận diện một cách hệ thống và toàn diện sự biến đổi nhân sinh quan của người Ê-đê ở tỉnh Đắk Lắk hiện nay.

2.3. Những nhân tố tác động đến sự biến đổi nhân sinh quan của người Ê-đê ở tỉnh Đắk Lắk hiện nay

2.3.1. Hội nhập quốc tế và giao lưu văn hóa

Trong tiến trình hội nhập quốc tế và toàn cầu hóa hiện nay, sự giao lưu văn hóa cùng với sự phát triển nhanh chóng của khoa học – công nghệ hiện đại đã và đang tạo ra những chuyển biến sâu sắc trong nhân sinh quan của người Ê-đê ở tỉnh Đắk Lắk. Các biến đổi này không chỉ diễn ra trên bề mặt sinh hoạt văn hóa – xã hội, mà còn tác động trực tiếp vào hệ giá trị, chuẩn mực đạo đức, lối sống và quan niệm sống của từng cá nhân cũng như cộng đồng. Sự thay đổi này vừa mang tính khách quan – do điều kiện lịch sử, kinh tế, chính trị, xã hội mới đặt ra – vừa mang tính chủ quan, thể hiện ở khả năng tiếp nhận, chọn lọc và tái cấu trúc các giá trị của chính người Ê-đê. Nhân sinh quan, với tư cách là một bộ phận của ý thức xã hội, luôn chịu sự chi phối từ tồn tại xã hội; vì vậy, những biến chuyển mạnh mẽ của thời đại hiện nay tất yếu in dấu trong cách người Ê-đê nhìn nhận về cuộc sống, mục đích tồn tại và định hướng giá trị cho tương lai.

Một mặt, quá trình hội nhập quốc tế mở ra điều kiện thuận lợi để đồng bào Ê-đê tiếp cận với những giá trị tri thức tiên tiến và chuẩn mực nhân văn phổ quát của nhân loại. Những nguyên tắc như dân chủ, bình đẳng giới, ý thức về quyền con người, tinh thần tự chủ, khát vọng sáng tạo và vươn lên không chỉ tồn tại trong sách vở, mà được truyền tải mạnh mẽ qua hệ thống giáo dục, truyền thông đa phương tiện, mạng xã hội và các hoạt động giao lưu văn hóa – kinh tế trong và ngoài nước. Thế hệ trẻ Ê-đê ngày nay năng động hơn trong việc tiếp thu khoa học kỹ thuật mới, học hỏi mô hình sản xuất nông nghiệp hiện đại từ người Kinh, Mường, Thái..., ứng dụng vào phát triển kinh tế hộ gia đình, phát triển du lịch cộng đồng, hoặc xây dựng các dự án khởi nghiệp dựa trên vốn văn hóa bản địa. Nếu như trước đây, khát vọng hạnh phúc chủ yếu gắn với chu kỳ nương rẫy, sự ấm no giản đơn, thì nay đã mở rộng thành khát vọng phát triển bền vững, hội nhập sâu rộng và nâng cao chất lượng cuộc sống. Đây là minh chứng rõ nét cho một

nhân sinh quan mới: năng động, chủ động, đề cao tính cá nhân nhưng vẫn duy trì sợi dây liên kết cộng đồng và tinh thần văn hóa bản địa.

Tuy nhiên, đi liền với những thuận lợi ấy là những thách thức nghiêm trọng đối với việc gìn giữ nhân sinh quan truyền thống của người Ê-đê. Sự lan tỏa của internet, mạng xã hội và công nghệ số làm cho không gian buôn làng – vốn là nơi nuôi dưỡng giá trị truyền thống – dần bị thu hẹp. Không gian cộng đồng thiêng liêng với những lễ hội, nghi lễ vòng đời, nơi người trẻ học hỏi từ già làng, thầy cúng, đang bị thay thế bằng các kết nối “ảo”, các hoạt động tiêu dùng và giải trí cá nhân. Sự gấn bó cộng đồng vốn là nền tảng của nhân sinh quan Ê-đê truyền thống bị suy giảm rõ rệt, nhất là trong giới trẻ, khi họ ngày càng xa rời nghi lễ, ít quan tâm đến tín ngưỡng bản địa và tri thức dân gian.

Tác động của các tôn giáo ngoại nhập, đặc biệt là Tin Lành và Công giáo, càng làm quá trình biến đổi nhân sinh quan trở nên sâu sắc hơn. Khi tiếp nhận đức tin mới, người Ê-đê không chỉ thay đổi hệ thống tín ngưỡng, mà còn tái định hình quan niệm sống: từ chỗ gấn bó với chu kỳ nông nghiệp, nghi lễ đa thần và sinh hoạt cộng đồng, chuyển sang hệ đạo đức dựa trên giới luật tôn giáo. Tác động này có mặt tích cực như khuyến khích lối sống tiết kiệm, giảm mê tín, nâng cao tinh thần trách nhiệm gia đình; song cũng tạo ra hệ quả tiêu cực khi làm mất cơ sở tồn tại của nhiều nghi lễ truyền thống, kéo theo sự rạn nứt cố kết cộng đồng và suy giảm vai trò của buôn làng trong đời sống tinh thần.

Đặc biệt, các thế lực thù địch, phản động đã lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo để gieo rắc tư tưởng cực đoan, kích động ly khai, chia rẽ đồng bào Ê-đê với các dân tộc khác và phủ nhận chính sách của Đảng, Nhà nước. Thông qua việc xuyên tạc tôn giáo, cổ súy cho “tự trị” hay “tự quản” buôn làng, chúng tác động trực tiếp đến nhận thức và nhân sinh quan của một bộ phận người dân, nhất là giới trẻ, khiến họ có nguy cơ lệch chuẩn về giá trị sống, giảm sút tinh thần trách nhiệm xã hội và làm suy yếu khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Đây là một nguy cơ tiềm ẩn, bởi nó không chỉ phá vỡ sự thống nhất trong hệ giá trị truyền thống, mà còn đe dọa đến sự ổn định văn hóa - xã hội lâu dài của cộng đồng Ê-đê. Việc các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo để gieo rắc tư tưởng cực đoan là biểu hiện của cuộc đấu tranh giai cấp trên lĩnh vực ý thức hệ, trực tiếp ảnh hưởng đến nhân sinh quan Ê-đê.

Bên cạnh đó, sự giao lưu văn hóa không bình đẳng, kết hợp với chính sách phát triển kinh tế - xã hội đôi khi còn thiếu tính đặc thù, khiến người Ê-đê rơi vào thế bị động, tiếp nhận văn hóa bên ngoài một cách hời hợt hoặc mô phỏng thiếu chọn lọc. Hiện tượng “trình diễn hóa” các lễ hội, khi đồng bào không còn là chủ thể mà trở thành đối tượng bị quan sát, càng làm nhân sinh quan truyền thống bị đứt gãy và phai nhạt. Người trẻ dần mất niềm tin vào giá trị cổ truyền, trong khi các thế hệ già không có môi trường truyền dạy, dẫn đến nguy cơ đứt đoạn văn hóa – tinh thần.

Tóm lại, trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập, sự biến đổi nhân sinh quan của người Ê-đê ở Đắk Lắk diễn ra toàn diện và tất yếu, phản ánh mối quan hệ biện chứng giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội. Một nhân sinh quan mới đang hình thành: hiện đại, cá nhân hóa, cởi mở, mang tính hội nhập; song đồng thời phải đối diện với nguy cơ mất gốc, mai một bản sắc và chịu tác động tiêu cực từ những luận điệu chia rẽ của các thế lực thù địch, phản động. Đây chính là thách thức lớn trong việc bảo tồn và phát huy giá trị nhân sinh của người Ê-đê trong thời kỳ mới.

2.3.2. Điều kiện kinh tế - xã hội

Theo quan điểm duy vật lịch sử, ý thức xã hội là sản phẩm phản ánh tồn tại xã hội, do tồn tại xã hội quyết định. Khi tồn tại xã hội thay đổi thì ý thức xã hội, bao gồm cả tư tưởng, quan niệm sống, nhân sinh quan của con người cũng sẽ thay đổi theo, dù có lúc nhanh, lúc chậm, có yếu tố thay đổi rõ rệt, có yếu tố điều chỉnh dần để thích ứng với hoàn cảnh mới.. Đối với người Ê-đê ở tỉnh Đắk Lắk, điều kiện kinh tế - xã hội chính là nhân tố quan trọng thúc đẩy sự chuyển biến toàn diện trong nhân sinh quan của họ hiện nay. Bởi lẽ, “Phương thức sản xuất đời sống vật chất quyết định các quá trình sinh hoạt xã hội, chính trị và tinh thần nói chung. Không phải ý thức của con người quyết định tồn tại của họ; trái lại, tồn tại xã hội của họ quyết định ý thức của họ” [26, tr.15].

Ở tỉnh Đắk Lắk nói riêng và Tây Nguyên nói chung, quá trình chuyển mình từ nền sản xuất tự cấp, tự túc sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa gắn liền với ba chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước có ảnh hưởng sâu sắc đến kinh tế - xã hội Tây Nguyên: phát triển hệ thống các nông trường quốc doanh, xây dựng vùng kinh tế mới và thực hiện định canh, định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ. Song song với đó là hàng loạt chương trình trọng điểm như Chương trình 135, 132, 134, 107 và gần đây nhất là Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng

bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021–2030 theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021. Các chính sách này đã mang lại cơ hội quan trọng cho người Ê-đê về đất đai, nhà ở, vốn sản xuất, tiếp cận tri thức, công nghệ và hạ tầng giao thông... phá vỡ cấu trúc xã hội truyền thống, thực tiễn này tác động mạnh mẽ đến ý thức, tư tưởng, tình cảm và quan niệm về đời sống của người Ê-đê. Những giá trị nhân sinh gắn với buôn làng, thần linh, đất đai, nương rẫy... vốn ổn định trong hàng thế kỷ, nay đang phải thích ứng với một hiện thực mới năng động, biến động, và đôi khi đầy rủi ro. Nếu như trước kia, trong xã hội nông nghiệp truyền thống, người Ê-đê sống chậm, hài hòa, ít bon chen, thì nay với sự hiện diện mạnh mẽ của kinh tế hàng hóa, cạnh tranh thị trường, cùng với sự lên ngôi của vật chất, đồng tiền, nhiều giá trị tinh thần cốt lõi đã có biểu hiện phai nhạt.

Chính sự phát triển kinh tế đã làm thay đổi căn bản lối sống, tư duy, quan niệm của người Ê-đê theo cả hai chiều hướng tích cực và tiêu cực. Sự phát triển của nền kinh tế thị trường đã mở rộng cơ hội khởi nghiệp, làm giàu chính đáng và tham gia vào các mô hình kinh tế hàng hóa, thúc đẩy tinh thần dám nghĩ, dám làm và khát vọng làm giàu cho bản thân, cho gia đình và cộng đồng. Nhiều người Ê-đê chủ động học nghề, canh tác chuyên canh các loại cây công nghiệp như cà phê, hồ tiêu, cao su, sầu riêng... đã tạo tiền đề ổn định đời sống. Người Ê-đê không chỉ tiếp cận các biện pháp kỹ thuật mới mà còn biết thiết lập các mối quan hệ thương mại, góp phần hiện thực hóa khát vọng vươn lên làm giàu, phát triển kinh tế bền vững.

Điều kiện kinh tế phát triển cũng thúc đẩy nhận thức về trách nhiệm xã hội và tinh thần nhân đạo trong cộng đồng Ê-đê. Những biểu hiện như phong trào xây dựng nông thôn mới, tham gia hiến máu nhân đạo, cứu trợ thiên tai, bảo vệ môi trường... phản ánh sự chuyển biến tích cực trong quan niệm về cuộc sống và lòng biết ơn. Những giá trị nhân văn như “uống nước nhớ nguồn”, “ăn quả nhớ người trồng cây” được khơi dậy và lan tỏa mạnh mẽ trong các lễ hội cộng đồng và hoạt động xã hội.

Mặc dù kinh tế thị trường đã mang lại nhiều chuyển biến tích cực về điều kiện vật chất, đạo đức, lối sống và nhân sinh quan, nhưng nó cũng đồng thời gây ra không ít ảnh hưởng tiêu cực đến nhiều phương diện của đời sống xã hội:

Thứ nhất, bản chất của nền kinh tế thị trường là dựa trên cạnh tranh tự do, trao đổi ngang giá và nguyên tắc sòng phẳng trong thanh toán. Chính cơ chế này đã hình thành

nên kiểu quan hệ xã hội mang tính “lạnh lùng, tính toán”, nơi các mối tương tác bị chi phối bởi lợi ích và đồng tiền. Khi phân tích những khuyết tật của kinh tế thị trường, C. Mác đã chỉ ra rằng đây là một hình thức thương mại “không có lương tâm”, khiến cho mối liên hệ giữa con người trở nên giá lạnh, bị bóp nghẹt bởi những tính toán vụ lợi và sự trao đổi vật chất khô khan; *Thứ hai*, khuynh hướng tôn vinh lợi nhuận và đồng tiền trong kinh tế thị trường dễ dẫn tới lối sống chạy theo vật chất, coi nhẹ giá trị tinh thần. Trong môi trường đó, các giá trị đạo đức truyền thống dễ bị xem thường, nhường chỗ cho tâm lý thực dụng, chủ nghĩa hưởng thụ và xu hướng “sống gấp”, làm xói mòn nền tảng đạo đức và bản sắc văn hóa dân tộc; *Thứ ba*, khi cá nhân và lợi ích cá nhân bị đẩy lên hàng đầu, kinh tế thị trường vô tình thúc đẩy sự phát triển của chủ nghĩa cá nhân và vị kỷ. Điều này làm mờ nhạt các giá trị cộng đồng, làm suy giảm ý thức trách nhiệm đối với lợi ích tập thể và xã hội; *Thứ tư*, sự vận hành của kinh tế thị trường thường kéo theo tình trạng bất bình đẳng trong phân phối thu nhập và địa vị xã hội. Hệ quả là sự chênh lệch giàu nghèo ngày càng rõ rệt, mức sống giữa các tầng lớp dân cư ngày càng cách biệt, từ đó dẫn đến sự phân hóa giai cấp sâu sắc và tiềm ẩn nguy cơ bất ổn về mặt chính trị - xã hội.

Sự tác động mạnh mẽ của kinh tế thị trường đã làm biến đổi sâu sắc hệ giá trị và chuẩn mực sống của con người trong xã hội hiện đại. Nếu trước đây, lối sống đề cao tinh thần cộng đồng, coi trọng sự gắn kết xã hội và đặt lợi ích tập thể lên trên lợi ích cá nhân từng là nguyên tắc chi phối hành vi, thì hiện nay, xu hướng cá nhân hóa ngày càng trở nên phổ biến. Lợi ích cá nhân dần được đề cao tuyệt đối, trong khi vai trò của tập thể và cộng đồng bị xem nhẹ hoặc thậm chí bị gạt ra bên lề trong quá trình định hướng hành động.

Bên cạnh đó, khi đạo đức từng giữ vai trò là nền tảng và tiêu chuẩn cao nhất trong việc định hướng lối sống, thì trong bối cảnh mới, nó bị suy giảm vị thế một cách rõ rệt. Thay vào đó là sự trỗi dậy của chủ nghĩa thực dụng, tôn thờ vật chất, đề cao tiện nghi và đặc biệt là đồng tiền – thứ ngày càng được xem như mục tiêu sống tối thượng và thước đo giá trị con người. Sự dịch chuyển này không chỉ cho thấy sự thay đổi trong quan niệm sống mà còn phản ánh sự xói mòn của nền tảng đạo đức truyền thống trước sức ép của những giá trị thị trường mang tính ngắn hạn và cá nhân chủ nghĩa.

Trong bối cảnh kinh tế thị trường ngày càng chi phối mạnh mẽ đời sống xã hội, một bộ phận người Ê-đê cũng không tránh khỏi xu hướng bị cuốn vào vòng xoáy của chủ nghĩa thực dụng và lợi ích ngắn hạn. Nếu như trước đây, rừng đối với người Ê-đê không chỉ là nguồn sống mà còn là không gian thiêng liêng gắn liền với thế giới quan, nhân sinh quan truyền thống, thì ngày nay, vì mưu cầu lợi ích vật chất trước mắt, nhiều người đã bất chấp hệ lụy lâu dài để khai thác rừng một cách thiếu bền vững. Chính vì chạy theo lợi ích cá nhân, trước mắt mà một số người đã trực tiếp tham gia hoặc tiếp tay cho việc phá rừng, chuyển đổi đất rừng thành đất sản xuất nông nghiệp, khai thác lâm sản trái phép... Hành vi này không chỉ làm suy giảm diện tích rừng - vốn là môi trường sinh tồn đặc thù của đồng bào - mà còn đồng nghĩa với việc đánh mất không gian linh thiêng. Khi rừng không còn, sức mạnh tâm linh gắn với thiên nhiên cũng phai nhạt dần, kéo theo sự thay đổi trong cách con người ứng xử với môi trường và với chính truyền thống của mình.

Hệ quả là nhiều giá trị văn hóa – từ nghi lễ, lễ hội, truyền thuyết cho đến cách thức tổ chức đời sống cộng đồng – đang bị mai một hoặc biến dạng. Lối sống hướng nội, hài hòa, giàu tính cộng đồng bị thay thế bởi tâm lý chạy đua hưởng thụ, cá nhân chủ nghĩa, thực dụng và ngắn hạn. Khi lợi ích kinh tế trở thành trọng tâm, các giá trị truyền thống như lòng biết ơn, sự tôn kính tổ tiên, thần linh và người có công với cộng đồng dần bị mờ nhạt hoặc thương mại hóa. Nhiều lễ hội truyền thống – vốn mang ý nghĩa tri ân và hài hòa với tự nhiên – nay bị biến thành hoạt động hình thức, phục vụ lợi ích cá nhân hoặc quảng bá kinh doanh, làm phai nhạt tính thiêng liêng vốn có. Điều này kéo theo sự mai một nhiều giá trị văn hóa truyền thống đúng như nhận định: “Toàn bộ đời sống vật chất cũng như đời sống tinh thần của các dân tộc Tây Nguyên từ tín ngưỡng, lễ hội, phong tục, nghi lễ, đời sống tình cảm của con người gắn liền với rừng núi và nương rẫy khiến ta có thể nói, văn hóa của đồng bào là “văn hóa rừng”. Thay đổi nếp sống nương rẫy là thay đổi tận gốc đời sống của con người” [145, tr. 18].

Bên cạnh đó, sự chênh lệch giàu nghèo ngày càng rõ rệt đã tạo ra cảm giác bất công trong thụ hưởng chính sách, nhất là với giới trẻ Ê-đê. Thay vì khơi dậy lòng biết ơn và tinh thần cống hiến, nhiều người chọn cách sống khép kín, dựa vào tín ngưỡng cầu may, thiếu sự chủ động với cộng đồng. Trong khi truyền thống Ê-đê từng đề cao sự

gắn bó giữa con người, cộng đồng và tự nhiên, thì hiện nay, một bộ phận người Ê-đê đang chuyển sang lối sống thực dụng, xa rời bản sắc văn hóa và niềm tin cộng đồng.

C.Mác chỉ ra rằng: “Tất cả những tiến bộ kỹ thuật của chúng ta... dường như đang dẫn tới một kết cục là những lực lượng vật chất thì được ban cho đời sống tinh thần, còn con người – vốn có linh hồn – thì bị hạ xuống trình độ như những lực lượng vật chất thuần túy” [25; tr.10]. Cảnh báo ấy đang hiện hữu trong đời sống hiện nay: khi con người bị cuốn vào vòng xoáy sản xuất – tiêu dùng – cạnh tranh, thì đời sống nội tâm trở nên nghèo nàn, giá trị tinh thần bị xói mòn, và nhân sinh quan cũng theo đó mà lệch lạc. Đối với người Ê-đê, những thay đổi đó đã làm suy yếu vai trò cố kết xã hội của lễ hội, làm mai một không gian linh thiêng trong tâm thức cộng đồng, và khiến những biểu hiện như biết ơn, trân trọng quá khứ dần chỉ còn là nghi thức bề nổi.

Từ những phân tích trên có thể thấy, điều kiện kinh tế – xã hội không chỉ ảnh hưởng đến đời sống vật chất mà còn tác động sâu sắc đến chiều sâu tinh thần và nhân sinh quan của người Ê-đê - đặc biệt là trong các phương diện như quan niệm về cuộc sống, về lòng biết ơn và về khát vọng hạnh phúc. Chính trong bối cảnh này, việc nhận diện rõ những biến đổi ấy để có hướng điều chỉnh, bảo tồn và phát huy các giá trị tốt đẹp của cộng đồng là điều cần thiết nhằm xây dựng một xã hội hài hòa, phát triển bền vững cả về vật chất lẫn tinh thần.

2.3.3. Chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và của địa phương

Trong tiến trình đổi mới toàn diện đất nước, hệ thống chủ trương, chính sách và pháp luật của Đảng và Nhà nước Việt Nam không chỉ đóng vai trò điều tiết các lĩnh vực kinh tế - xã hội mà còn trở thành nhân tố định hướng sâu sắc cho sự phát triển đời sống tinh thần và nhân sinh quan của các cộng đồng dân tộc thiểu số, trong đó có người Ê-đê ở Đắk Lắk. Thực tiễn cho thấy, chính sách văn hóa, đặc biệt là các chiến lược xây dựng con người và hệ giá trị quốc gia, đã tác động đến quá trình chuyển biến về nhận thức, lối sống và mục tiêu sống của đồng bào Ê-đê trong bối cảnh hội nhập.

Đặc biệt, những văn kiện quan trọng như Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII về xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, hay Nghị quyết Trung ương 9 khóa XI và Văn kiện Đại hội XIII của Đảng tiếp tục nhấn mạnh yêu cầu xác lập và phát triển *hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa và chuẩn mực con người Việt Nam*,

trong đó có nội dung gắn kết chặt chẽ với việc gìn giữ, phát huy các giá trị gia đình và văn hóa truyền thống của các tộc người thiểu số. Đại hội XIII khẳng định: *“Tập trung nghiên cứu, xác định và triển khai xây dựng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa và chuẩn mực con người gắn với giữ gìn, phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam trong thời kỳ mới”* [56, tr.143]. Đây không chỉ là định hướng phát triển văn hóa, mà còn là phương tiện dẫn dắt sự chuyển hóa sâu sắc trong tư tưởng, thái độ sống và quan điểm về giá trị con người của các cộng đồng dân tộc trong điều kiện hiện đại.

Đối với người Ê-đê, các chủ trương về xây dựng nông thôn mới, phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số như Chương trình 135, 134, 132 và gần đây là *Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021–2030* không chỉ mang lại thay đổi về đời sống vật chất, mà còn tạo điều kiện để đồng bào tiếp cận với các hệ giá trị văn hóa – đạo đức mới. Từ đó, hình thành nên những quan niệm nhân sinh phù hợp với yêu cầu phát triển bền vững, thể hiện ở sự thay đổi về nhận thức trách nhiệm cá nhân với cộng đồng, lòng biết ơn với người có công, khát vọng vươn lên thoát nghèo, làm giàu chính đáng và bảo tồn văn hóa dân tộc trong bối cảnh mới.

Các nghị quyết và kết luận cấp chiến lược của Bộ Chính trị như: Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 18/01/2002 về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên thời kỳ 2001–2010; Kết luận số 12-KL/TW ngày 24/10/2011 về tiếp tục thực hiện Nghị quyết 10-NQ/TW cho giai đoạn 2011-2020; và gần đây nhất là Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 06/10/2022 về phương hướng phát triển vùng Tây Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045 - đã khẳng định vai trò chiến lược của Tây Nguyên, không chỉ về mặt địa chính trị mà còn là không gian văn hóa – xã hội cần được ưu tiên đầu tư, bảo tồn và phát triển. Những định hướng lớn này góp phần làm thay đổi nhận thức của người Ê-đê về vị trí, vai trò của dân tộc mình trong sự phát triển chung của đất nước, từ đó thúc đẩy khát vọng vươn lên, thoát nghèo, hội nhập và cống hiến.

Trên cơ sở đó, hàng loạt quyết định cụ thể của Thủ tướng Chính phủ đã được triển khai nhằm cụ thể hóa các chủ trương nêu trên. Có thể kể đến: Quyết định số 276/QĐ-TTg ngày 18/02/2014 về *kế hoạch triển khai thực hiện Kết luận số 12-KL/TW*; Quyết định số 1270/QĐ-TTg ngày 27/7/2011 phê duyệt *Đề án “Bảo tồn và phát triển văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam đến năm 2020”*; Quyết định số 2493/QĐ-TTg ngày

22/12/2016 về kiểm kê, sưu tầm, bảo quản, trưng bày, tuyên truyền di sản văn hóa truyền thống điển hình của các dân tộc thiểu số Việt Nam giai đoạn 2017–2020; đặc biệt là Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 về phê duyệt “Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế – xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025”. Những chính sách này đã góp phần nâng cao đời sống vật chất – tinh thần cho người Ê-đê, đồng thời khơi dậy và củng cố các giá trị nhân sinh quan tích cực như khát vọng vươn lên, lòng biết ơn, tinh thần cộng đồng, ý thức giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc.

Song song với phát triển kinh tế, việc bảo tồn và phát huy di sản văn hóa cũng được đặt lên hàng đầu. Quyết định số 1230/QĐ-TTg ngày 15/7/2021 về *Chương trình bảo tồn và phát huy bền vững giá trị di sản văn hóa Việt Nam giai đoạn 2021–2025*, cùng với Quyết định số 2162/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 *phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch vùng Tây Nguyên đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030*, đã tạo điều kiện để cộng đồng Ê-đê vừa bảo tồn lễ hội truyền thống, không gian văn hóa công chiêng, nhà dài, vừa gắn kết với các mô hình du lịch cộng đồng và phát triển kinh tế bền vững. Qua đó, nhân sinh quan người Ê-đê không còn dừng lại ở tư duy tự cấp, gần bó nương rẫy, mà từng bước mở rộng theo hướng năng động, tự chủ, hướng đến các giá trị Chân – Thiện – Mỹ trong điều kiện hiện đại.

Trong tiến trình hoàn thiện thể chế pháp luật, hướng tới một xã hội dân chủ, công bằng và văn minh, sự ra đời của Luật tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 được xem là một bước tiến quan trọng trong việc thể chế hóa quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo - một quyền cơ bản của con người đã được hiến định tại Hiến pháp năm 2013. Với tinh thần công khai, minh bạch và phù hợp với nguyên tắc pháp quyền hiện đại, Luật tín ngưỡng, tôn giáo không chỉ khắc phục các bất cập của Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo năm 2004 mà còn tạo lập khuôn khổ pháp lý đồng bộ với các đạo luật có liên quan như Bộ luật Dân sự, Luật Đất đai, Luật Xây dựng, Luật Di sản văn hóa, Luật Tổ chức chính quyền địa phương...

Đối với các dân tộc thiểu số tại chỗ nói chung và người Ê-đê ở Đắk Lắk nói riêng - những cộng đồng có đời sống tâm linh gắn bó chặt chẽ với môi trường tự nhiên, rừng thiêng và các hình thái tín ngưỡng dân gian - Luật tín ngưỡng, tôn giáo không chỉ mang ý nghĩa pháp lý thuần túy mà còn là một công cụ điều chỉnh nhân văn, góp phần định

hình lại đời sống tinh thần, đạo đức và văn hóa trong bối cảnh hiện đại. Việc khẳng định và bảo hộ quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của cá nhân và cộng đồng theo tinh thần dân chủ, bình đẳng không những khơi dậy niềm tin vào pháp luật mà còn giúp củng cố niềm tin vào thể chế chính trị, từ đó góp phần ổn định nhận thức, củng cố nhân sinh quan tích cực, lành mạnh trong cộng đồng người Ê-đê.

Về mục tiêu và ý nghĩa, Luật tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 được ban hành nhằm hiện thực hóa các chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước trong việc đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng, đồng thời đổi mới cơ chế quản lý nhà nước theo hướng minh bạch, tôn trọng và hạn chế can thiệp hành chính vào nội bộ tổ chức tôn giáo, tín ngưỡng. Bên cạnh đó, Luật còn là cơ sở quan trọng để củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, tạo điều kiện để các giá trị nhân văn, dân chủ và đạo đức truyền thống được tiếp tục phát huy trong điều kiện hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng.

Đặc biệt, trong mối quan hệ với nhân sinh quan truyền thống của người Ê-đê - vốn đặt nặng mối quan hệ giữa con người với thần linh, tổ tiên, rừng núi - Luật tín ngưỡng, tôn giáo đóng vai trò định hướng, hỗ trợ bảo tồn và phát huy các giá trị tâm linh bản địa trong khuôn khổ luật pháp. Có thể khẳng định rằng, với việc cụ thể hóa quyền tự do tín ngưỡng, đồng thời thiết lập hành lang pháp lý an toàn và minh bạch, Luật tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 không chỉ là công cụ quản lý hành chính nhà nước, mà còn là một phương tiện định hình lại các hệ giá trị văn hóa, đạo đức và nhân sinh quan trong các cộng đồng dân tộc thiểu số, trong đó có người Ê-đê phù hợp với yêu cầu phát triển bền vững đất nước và quá trình hội nhập quốc tế hiện nay.

Bên cạnh đó, các chính sách bảo tồn văn hóa dân tộc cũng giữ vai trò quan trọng trong định hướng nhân sinh quan của người Ê-đê trong bối cảnh hiện đại. Tiêu biểu là việc triển khai các chương trình bảo tồn văn hóa truyền thống kết hợp phát triển du lịch bền vững – không chỉ nhằm khôi phục mà còn giúp thích ứng văn hóa trong điều kiện hội nhập. Đáng chú ý, dự án “*Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch*” do tỉnh Đắk Lắk triển khai đã thể hiện một quan điểm tiến bộ: Nhà nước giữ vai trò kiến tạo, hỗ trợ và thúc đẩy các điều kiện xã hội, chứ không áp đặt hay can thiệp hành chính vào đời sống văn hóa cộng đồng. Trong mô hình này, đồng bào các dân tộc thiểu số, trong đó có người Ê-đê trở thành chủ

thể của hoạt động bảo tồn, vừa gìn giữ bản sắc văn hóa, vừa nâng cao năng lực ứng phó với nguy cơ mai một do tác động của toàn cầu hóa và phát triển kinh tế thị trường.

Trên bình diện quốc gia, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã ban hành Quyết định số 3508/QĐ-BVHTTDL ngày 10/10/2013, phê duyệt *“Dự án bảo tồn khẩn cấp và hỗ trợ, tăng cường năng lực bảo tồn, phát triển văn hóa các dân tộc, bài trừ hủ tục ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số”*, nhấn mạnh đến vai trò thiết yếu của việc hỗ trợ cộng đồng dân tộc thiểu số rất ít người và các nhóm bị tác động bởi di dân tái định cư thủy điện. Đây là một bước đi có tính nhân văn cao, định hướng cho sự phục hồi các giá trị nhân sinh truyền thống như quan niệm về cộng đồng, về mối quan hệ hài hòa với thiên nhiên và tinh thần biết ơn tổ tiên vốn đang bị thách thức trong xã hội hiện đại.

Đặc biệt, sau khi Không gian văn hóa công chiêng Tây Nguyên được UNESCO công nhận là *“Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại”* (2008), tỉnh Đắk Lắk đã ban hành hàng loạt chương trình, kế hoạch nhằm cụ thể hóa định hướng phát triển văn hóa trong điều kiện hội nhập. Các văn bản như: *“Đề án bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa phi vật thể trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk”*, *“Đề án bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa công chiêng”*, *“Kế hoạch số 46/KH-UBND ngày 01/03/2022 về bảo tồn văn hóa gắn với phát triển du lịch”*, *Kế hoạch số 213/KH-UBND ngày 08/11/2022 về tổ chức Ngày hội Văn hóa dân tộc tỉnh Đắk Lắk năm 2023...* đều cho thấy sự cam kết chính trị mạnh mẽ trong việc tái tạo không gian văn hóa bản địa, phục dựng niềm tin cộng đồng và nâng cao nhận thức nhân sinh.

Việc xác định rõ mục tiêu “bảo tồn những giá trị truyền thống đặc sắc đồng thời phát huy các giá trị mới phù hợp với bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa” là sự kết hợp giữa bảo tồn và phát triển, truyền thống và hiện đại. Qua đó, các yếu tố như ý thức cộng đồng, lòng tự hào dân tộc, sự trân trọng đối với tổ tiên, thần linh hay khát vọng vươn lên của cá nhân người Ê-đê được làm mới trong bối cảnh xã hội hiện đại, góp phần quan trọng định hình lại hệ giá trị và nhân sinh quan phù hợp với quá trình chuyển hóa kinh tế – xã hội đang diễn ra mạnh mẽ tại Tây Nguyên nói chung và Đắk Lắk nói riêng.

Nhân sinh quan chịu sự định hướng từ môi trường xã hội, đặc biệt là một xã hội ổn định, công bằng và pháp lý minh bạch. Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa không chỉ đảm bảo quyền con người mà còn tạo nền tảng cho hệ giá trị nhân sinh tiến bộ. Pháp luật nghiêm minh giúp điều chỉnh hành vi, ngăn chặn lệch chuẩn đạo đức,

đồng thời nuôi dưỡng ý thức pháp luật như một chuẩn mực sống. Thiết chế pháp quyền “của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân” là phương thức căn bản để hình thành nhân sinh quan tích cực, hạn chế những biểu hiện tiêu cực trong cộng đồng. Điều đó được thể hiện qua các nội dung cụ thể sau:

Thứ nhất, sự tác động toàn diện của chủ trương, đường lối của Đảng, hệ thống chính sách, pháp luật và định hướng giá trị văn hóa trong tiến trình đổi mới và hội nhập trong những năm qua đã góp phần quan trọng định hướng hành vi, điều chỉnh nhận thức, tạo nền tảng pháp lý cho sự phát triển của đời sống tinh thần, văn hóa trong các cộng đồng dân tộc thiểu số, bao gồm người Ê-đê. Đây không chỉ là biện pháp bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo mà còn là công cụ hữu hiệu để củng cố những giá trị nhân sinh tích cực như ý thức được lòng tự tôn, tự hào dân tộc, củng cố tình yêu quê hương, đất nước; tinh thần chủ động, sáng tạo trong lao động sản xuất, có ước mơ, ý chí vươn lên trong cuộc sống... hạn chế sự nảy sinh và lan rộng của các biểu hiện lệch chuẩn trong nhân sinh quan tiêu cực.

Thứ hai, việc xây dựng một hệ thống pháp luật đồng bộ, chặt chẽ, nghiêm minh chính là điều kiện bảo đảm cho việc phát huy nhân sinh quan tích cực và tiến bộ. Pháp luật đóng vai trò không chỉ là khuôn khổ điều chỉnh hành vi, mà còn là cơ chế bảo vệ quyền được sống và hành động theo các giá trị nhân văn, đồng thời giới hạn những biểu hiện sai lệch của nhân sinh quan tiêu cực, ảnh hưởng xấu đến đời sống văn hóa, đạo đức của cộng đồng xã hội.

Thứ ba, việc tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa “của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân” - không chỉ là sự bảo đảm về mặt thể chế mà còn là nền tảng cho việc dân chủ hóa đời sống xã hội, xây dựng một môi trường sống văn minh, tiến bộ. Từ môi trường ấy, các chuẩn mực đạo đức, văn hóa truyền thống được củng cố và tiếp biến phù hợp với thời đại, đồng thời giúp hình thành ý thức công dân tích cực trong mỗi thành viên cộng đồng người Ê-đê, đảm bảo củng cố và thực hiện nhân sinh quan lành mạnh, tiến bộ, đồng thời khắc phục, hạn chế sự hình thành nhân sinh quan tiêu cực trong tiến trình xây dựng đời sống mới hiện nay.

Thứ tư, bên cạnh yếu tố thể chế, quan điểm của Đảng về phát triển văn hóa, xây dựng con người giữ vai trò quan trọng trong định hình nhân sinh quan mới. Các giá trị như lòng yêu nước, tinh thần dân tộc, đoàn kết cộng đồng, hiếu học, sáng tạo, trách

nhiệm xã hội và hội nhập quốc tế được khẳng định trong các văn kiện từ Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII đến Đại hội XIII đã lan tỏa tới các cộng đồng dân tộc thiểu số, trong đó có người Ê-đê. Những giá trị này được nội hóa qua hành vi, từ việc gìn giữ không gian văn hóa đến tham gia tích cực vào các phong trào xã hội.

Từ đó cho thấy, nhân sinh quan của người Ê-đê cần được nhìn nhận trong mối quan hệ giữa thể chế, giá trị văn hóa và điều kiện thực tiễn. Xây dựng hệ giá trị nhân sinh mới kết hợp giữa truyền thống và hiện đại là nền tảng để cộng đồng Ê-đê thích ứng với sự phát triển bền vững trong xã hội dân chủ, đa dạng và pháp quyền.

2.3.4. Truyền thống văn hóa, tín ngưỡng, tập quán của người Ê-đê

Sự biến đổi nhân sinh quan của người Ê-đê ở tỉnh Đắk Lắk không thể tách rời khỏi mạch nguồn văn hóa truyền thống, tín ngưỡng và tập quán đặc trưng đã được hun đúc qua nhiều thế hệ. Đúng như C. Mác đã chỉ ra, tôn giáo và tín ngưỡng không phải là cái gì siêu hình hay tồn tại ngoài đời sống xã hội, mà chính là sự phản ánh những điều kiện vật chất và quan hệ xã hội cụ thể trong từng giai đoạn lịch sử. “Trình độ phát triển thấp kém của những sức sản xuất của lao động và tính chất hạn chế tương ứng của các quan hệ của con người trong khuôn khổ quá trình sản xuất ra đời sống vật chất, tức là tính chất hạn chế của tất cả các mối quan hệ giữa người ta với nhau và với thiên nhiên ... đã phản ánh vào trong những tôn giáo cổ đại, thần thánh hóa của thiên nhiên, và vào trong tín ngưỡng của nhân dân” [27, , tr.125-126]... Ở cộng đồng Ê-đê, sự hình thành nhân sinh quan gắn liền với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất nương rẫy, săn bắt, hái lượm và với tổ chức xã hội theo chế độ mẫu hệ trong khuôn khổ buôn làng. Chính điều kiện tồn tại ấy đã sản sinh ra hệ thống tín ngưỡng đa thần, quan niệm về linh hồn, tục thờ cúng Giàng, thờ cúng tổ tiên, các lễ hội vòng đời..., qua đó phản ánh mối quan hệ khăng khít giữa con người với tự nhiên và cộng đồng. Những tín ngưỡng này, về thực chất, là hình thức ý thức xã hội sơ khai, vừa thể hiện nhu cầu lý giải thế giới vừa hàm chứa các giá trị đạo đức, lối sống và chuẩn mực ứng xử. Từ đó, chúng trở thành nền tảng ban đầu định hình nhân sinh quan Ê-đê, giúp con người hiểu về sự sống và cái chết, trân trọng cội nguồn, biết ơn tổ tiên, đồng thời nuôi dưỡng khát vọng về một cuộc sống ấm no, hạnh phúc. Như vậy, nhân sinh quan của người Ê-đê không chỉ bắt nguồn từ tín ngưỡng và tập quán truyền thống mà còn được khái quát, hệ thống hóa thành quan niệm về lẽ sống và giá trị sống. Khi điều kiện kinh tế - xã hội biến đổi do quá trình toàn cầu

hóa, hội nhập, sự du nhập của các tôn giáo mới hay tác động của công nghệ hiện đại, nhân sinh quan Ê-đê tất yếu có sự biến đổi. Song, dù thay đổi theo hướng tích cực hay tiêu cực, nhân sinh quan ấy vẫn mang dấu ấn khởi nguyên từ tín ngưỡng - văn hóa truyền thống gắn chặt với tồn tại xã hội đặc thù của họ. Điều này chứng tỏ tính tất yếu khách quan trong mối quan hệ biện chứng giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội, giữa cơ sở kinh tế - xã hội và sự hình thành, biến đổi nhân sinh quan của cộng đồng Ê-đê. Trong bối cảnh xã hội hiện đại, quá trình biến đổi nhân sinh quan của họ diễn ra trên cơ sở kế thừa và chuyển hóa các giá trị truyền thống ấy, có thể theo chiều hướng tiệm tiến hoặc gián đoạn, nhưng vẫn phản ánh sự gắn bó chặt chẽ giữa điều kiện tồn tại xã hội và ý thức xã hội. Văn hóa Ê-đê truyền thống mang đậm tinh thần nhân văn, trọng nghĩa tình, yêu chuộng hòa bình và đề cao sự gắn kết cộng đồng. Các nghi lễ vòng đời (như lễ trưởng thành, cưới hỏi, tang ma) và vòng mùa (như lễ mừng lúa mới, cúng bến nước) không chỉ đơn thuần là biểu hiện tín ngưỡng, mà còn là phương tiện biểu đạt quan niệm sống, cách con người Ê-đê định vị bản thân trong mối quan hệ với cộng đồng, tổ tiên, thần linh và thiên nhiên. Nhân sinh quan của họ vì thế mang màu sắc hài hòa, con người sống là để gắn bó, phụng sự cộng đồng, tôn trọng thiên nhiên và giữ gìn trật tự đạo lý trong buôn làng. Đây là kiểu nhân sinh quan đề cao trách nhiệm chung, tính tập thể và sự tuần hoàn, ổn định trong không gian sống.

Tuy nhiên, cũng chính những nền nếp truyền thống này, khi đặt trong bối cảnh biến đổi nhanh của đời sống hiện đại, lại tạo nên những va đập, điều chỉnh và chuyển hóa nhất định. Ví dụ, quan niệm truyền thống về sự gắn bó giữa con người và rừng thiêng, nơi cư ngụ của thần linh và linh hồn tổ tiên - dần mai một khi môi trường tự nhiên bị tàn phá, rừng bị thu hẹp, và cư dân không còn phụ thuộc vào không gian sinh tồn truyền thống như trước. Trong khi đó, sự suy giảm vai trò của già làng, thầy cúng - những người “giữ lửa” tri thức văn hóa và điều phối nghi lễ khiến cho tri thức nhân sinh cổ truyền bị đứt gãy, ảnh hưởng trực tiếp đến nhân sinh quan và hệ giá trị đạo đức của thế hệ kế thừa.

Mặt khác, bản thân những giá trị truyền thống cũng là một lực cản hoặc trở lực đối với sự tiếp nhận cái mới nếu không có sự điều chỉnh phù hợp. Trong một số trường hợp, sự bảo thủ, ràng buộc vào luật tục, nghi lễ khắt khe hay định kiến giới tính, dòng họ có thể giới hạn không gian sáng tạo và khát vọng cá nhân – điều vốn là một yếu tố thúc đẩy nhân sinh quan tích cực trong xã hội hiện đại. Chính vì vậy, sự biến đổi nhân sinh quan

trong cộng đồng Ê-đê hiện nay là kết quả của một quá trình giằng co giữa bảo tồn và thích nghi, giữa truyền thống và hiện đại, giữa cộng đồng và cá nhân.

Dẫu vậy, cần khẳng định rằng, những giá trị nhân văn sâu xa trong văn hóa truyền thống Ê-đê - như lòng biết ơn tổ tiên, tinh thần đoàn kết buôn làng, yêu chuộng cuộc sống, quý trọng sự hòa hiếu và lễ phải vẫn là yếu tố cốt lõi làm nên sức sống nội sinh của nhân sinh quan Ê-đê. Những giá trị này nếu được phát huy đúng mức, có thể tạo nên một nền tảng vững chắc giúp người Ê-đê vừa giữ gìn được bản sắc văn hóa, vừa tiếp cận, tiếp thu có chọn lọc những ảnh hưởng tích cực từ bên ngoài.

Tương tự như trong văn hóa truyền thống Việt Nam, văn hóa Ê-đê cũng khẳng định lễ phải và tình thương trong mối quan hệ con người - cộng đồng - vũ trụ. Trong lễ hội truyền thống, không gian thiêng ấy vẫn là nơi gọi nhắc người Ê-đê về cội nguồn, về nghĩa tình buôn làng, về sự biết ơn với đất trời, tổ tiên. Những giá trị như lòng nhân ái, khoan dung, trọng nghĩa tình, tinh thần cộng đồng, đạo lý tổ tiên vốn cũng là tinh thần chung của văn hóa dân tộc Việt Nam vẫn hiện hữu rõ nét trong văn hóa Ê-đê. Như Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (khoá VIII) đã chỉ rõ: “Đó là lòng yêu nước nồng nàn, ý chí tự cường dân tộc, tinh thần đoàn kết, ý thức cộng đồng gắn kết cá nhân - gia đình - làng xã - Tổ quốc; lòng nhân ái khoan dung, trọng nghĩa tình, đạo lý, đức tính cần cù, sáng tạo trong lao động; sự tinh tế trong ứng xử, tính giản dị trong lối sống...” [48; tr.56]. Những phẩm chất này không chỉ tạo nên sức mạnh văn hóa Việt Nam trong suốt chiều dài lịch sử, mà còn chính là điểm tựa tinh thần vững chắc giúp đồng bào Ê-đê định hình một nhân sinh quan tích cực, biết tự hào về nguồn cội, biết tiếp thu cái mới một cách có chọn lọc, và đặc biệt là giữ được tinh thần tự lực - tự cường, gắn bó cộng đồng trong thời đại hội nhập.

Nhân sinh quan của người Ê-đê đang ở thời điểm giao thoa giữa cái cũ và cái mới, giữa bảo tồn và tiếp biến. Chính truyền thống văn hóa dân tộc nếu được đặt vào trung tâm trong quá trình phát triển sẽ là lực đẩy nội sinh quan trọng giúp người Ê-đê không bị cuốn trôi trong làn sóng toàn cầu hóa, mà ngược lại, có thể bước đi vững chắc trên con đường hiện đại với bản sắc riêng của mình.

Do đó, trong bối cảnh biến đổi mạnh mẽ hiện nay, thay vì chỉ “bảo tồn” dưới dạng hình thức, cần làm sống lại tinh thần cốt lõi của văn hóa Ê-đê như nhân đạo, chính nghĩa, yêu cuộc sống và gắn bó cộng đồng như là phương tiện định hướng, điều chỉnh và phát

triển nhân sinh quan theo hướng hài hòa, cân bằng giữa truyền thống và hiện đại, giữa bản sắc và hội nhập.

Tiêu kết chương 2

Chương 2 của luận án tập trung làm rõ các khái niệm công cụ và tiền đề lý luận cơ bản, làm cơ sở cho nghiên cứu ở chương 3, gồm các nội dung sau:

Thứ nhất, trình bày hệ thống các khái niệm công cụ như: nhân sinh quan, nhân sinh quan của người Ê-đê ở tỉnh Đắk Lắk. Việc làm rõ các khái niệm này giúp xác định phạm vi, nội hàm nghiên cứu và phương pháp tiếp cận phù hợp. Tuy nhiên, cách tiếp cận vẫn thiên về đặc thù, chưa khai thác triệt để các khía cạnh khái quát có thể áp dụng cho nghiên cứu nhân sinh quan ở các cộng đồng khác hoặc phân tích so sánh trong bối cảnh văn hóa đa dạng.

Thứ hai, phân tích các nội dung cơ bản của sự biến đổi nhân sinh quan, gồm: quan niệm về ý nghĩa và mục đích sống, thái độ sống trong cộng đồng; quan niệm về sự biết ơn, trân trọng thần linh, tổ tiên, cộng đồng; cùng các biểu hiện của khát vọng về cuộc sống ấm no, hạnh phúc. Đây là trục nội dung trung tâm, làm cơ sở nhận diện và đánh giá các chiều hướng biến đổi nhân sinh quan của người Ê-đê. Tuy nhiên, phần trình bày có thể mở rộng để bao quát các yếu tố chung hơn, thể hiện sự tương đồng và khác biệt với các cộng đồng dân tộc thiểu số khác, từ đó tăng tính khái quát của khung lý thuyết.

Thứ ba, phân tích các nhân tố tác động đến sự biến đổi nhân sinh quan, gồm: điều kiện kinh tế - xã hội; chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật; tiến trình hội nhập quốc tế và giao lưu văn hóa; cùng các yếu tố truyền thống văn hóa, tín ngưỡng, tập quán. Phân tích có thể mở rộng hơn để rút ra quy luật tác động chung, không chỉ giới hạn trong bối cảnh người Ê-đê, nhằm nâng cao giá trị khái quát của nghiên cứu.

Nhìn chung, nội dung lý luận trong chương này vừa định hình khung lý thuyết, vừa là cơ sở phương pháp luận cho khảo sát thực địa, phân tích thực trạng và xác lập hướng phát triển nhân sinh quan của người Ê-đê. Nếu tăng cường mức độ khái quát, khung lý thuyết này sẽ không chỉ phục vụ nghiên cứu chuyên sâu về người Ê-đê, mà còn mở rộng tham chiếu và so sánh với các cộng đồng khác.

Chương 3

SỰ BIẾN ĐỔI NHÂN SINH QUAN CỦA NGƯỜI Ê-ĐÊ Ở TỈNH ĐẮK LẮK HIỆN NAY - THỰC TRẠNG VÀ VẤN ĐỀ ĐẶT RA

3.1. Thực trạng sự biến đổi nhân sinh quan của người Ê-đê ở tỉnh Đắk Lắk hiện nay

3.1.1. Thực trạng sự biến đổi tích cực nhân sinh quan của người Ê-đê ở tỉnh Đắk Lắk hiện nay

3.1.1.1. Thực trạng sự biến đổi tích cực trong quan niệm về cuộc sống

Trong bối cảnh phát triển bền vững và bảo vệ môi trường ngày càng trở thành ưu tiên hàng đầu của xã hội hiện đại, việc khám phá và nhận diện lại những quan niệm truyền thống về mối quan hệ giữa con người và tự nhiên của các dân tộc thiểu số không chỉ có ý nghĩa học thuật mà còn góp phần xây dựng chiến lược phát triển phù hợp với văn hóa bản địa. Đối với người Ê-đê – một cộng đồng cư dân bản địa sinh sống lâu đời trên vùng đất cao nguyên Đắk Lắk – nhân sinh quan truyền thống thể hiện sự gắn kết hài hòa với tự nhiên, tình cảm cộng đồng sâu sắc và triết lý sống đề cao lòng bao dung, yêu thương. Trong dòng chảy hiện đại, những giá trị ấy đang được kế thừa, thích nghi và biến đổi theo hướng tích cực, phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội và quá trình hội nhập văn hóa đang diễn ra ngày càng sâu rộng.

Trên cơ sở kết quả khảo sát thực tế và phân tích tư liệu điền dã, có thể nhận diện những chiều hướng biến đổi quan trọng sau đây:

Thứ nhất, tinh thần cố kết cộng đồng và tình nghĩa đồng bào vẫn được kế thừa và chuyển hóa tích cực.

Trong cấu trúc nhân sinh quan truyền thống của người Ê-đê, tính cộng đồng giữ vai trò như một nguyên lý nền tảng chi phối nhận thức và hành vi xã hội. Sự gắn bó cộng cư không chỉ là hình thức tổ chức đời sống, mà còn là biểu hiện của một quan niệm sống coi cá nhân luôn tồn tại trong mối liên hệ hữu cơ với huyết thống, buôn làng và cộng đồng. Nhà dài – với tư cách là không gian sinh tồn chung của nhiều thế hệ – không đơn thuần là kiến trúc cư trú, mà là biểu tượng vật chất hóa của ý thức cộng mệnh, nơi cái “tôi” cá nhân được định hình và giới hạn trong cái “chúng ta” cộng đồng. Các sinh hoạt lễ hội, nghi lễ, hiếu hỉ diễn ra với sự tham gia của cả buôn làng phản ánh một hệ đạo lý trong đó cá nhân được thừa nhận thông qua sự gắn kết và trách nhiệm đối với tập thể.

Tuy nhiên, cấu trúc cộng đồng này chủ yếu vận hành trong phạm vi nội bộ tộc người, ít mở rộng sang các cộng đồng dân tộc khác, cho thấy tính khép kín tương đối của mô hình nhân sinh quan truyền thống.

Quá trình phát triển kinh tế – xã hội đã làm biến đổi sâu sắc mối quan hệ giữa cá nhân và cộng đồng trong đời sống người Ê-đê. Những chính sách định canh, định cư và sự chia tách đại gia đình mẫu hệ thành các hộ gia đình hạt nhân đã tạo ra bước ngoặt trong cấu trúc xã hội, làm thay đổi nền tảng tồn tại của ý thức cộng cư truyền thống. Đồng thời, các làn sóng di dân và sự hình thành các buôn làng đa tộc người đã đặt người Ê-đê vào không gian xã hội mở, nơi các chuẩn mực cộng đồng cũ phải đối diện với những hệ giá trị mới. Sự thu hẹp của nhà dài và sự phổ biến của mô hình gia đình hạt nhân từ những năm 1980 không chỉ là thay đổi về hình thức cư trú, mà phản ánh sự dịch chuyển trong nhân sinh quan: từ mô hình cộng đồng huyết tộc sang mô hình cộng đồng xã hội đa dạng hơn.

Sự chuyển đổi đó tiếp tục được đẩy mạnh bởi áp lực dân số, nhu cầu cải thiện điều kiện sống và tác động của quá trình tiếp biến văn hóa với người Kinh, cùng với sự lan tỏa của đạo Tin Lành. Việc lựa chọn kiến trúc nhà xây hiện đại không chỉ nhằm đáp ứng công năng sinh hoạt, mà còn mang ý nghĩa biểu trưng cho khát vọng sung túc, hiện đại hóa và hòa nhập xã hội. Qua đó, có thể nhận thấy một sự chuyển hóa trong nhân sinh quan của người Ê-đê: từ chỗ coi trọng sự cố định của không gian cộng cư truyền thống sang đề cao khả năng thích nghi, mở rộng quan hệ xã hội và tiếp nhận các giá trị mới trong môi trường đa văn hóa.

Khi buôn làng trở thành không gian cư trú đa tộc người và trong một số địa bàn đô thị hóa người Ê-đê dần trở thành nhóm thiểu số, quá trình tiếp biến văn hóa diễn ra như một tất yếu lịch sử. Người Ê-đê không thụ động tiếp nhận các giá trị bên ngoài, mà chủ động chọn lọc, điều chỉnh và tích hợp vào hệ giá trị của mình, hình thành những khuôn mẫu nhân sinh mới. Những thay đổi trong phương thức sản xuất, sinh hoạt và lối sống vì vậy không chỉ là biểu hiện kinh tế – xã hội, mà còn phản ánh sự tái cấu trúc quan niệm sống, trong đó cá nhân ngày càng được khẳng định trong mối quan hệ linh hoạt với cộng đồng.

Kết quả khảo sát cho thấy, dù hình thức cộng cư truyền thống như nhà dài đang mai một, tinh thần cố kết cộng đồng vẫn được bảo lưu và tái cấu trúc dưới những hình

thức mới. Có 61,4% người được hỏi cho biết “thường xuyên” tham gia các hoạt động cộng đồng như lễ hội, hiếu hỉ, hỗ trợ buôn làng; 22,6% tham gia “thỉnh thoảng”. Về lối sống “vì cộng đồng, vì buôn làng”, 36,9% đánh giá là “còn rất mạnh”, 31,5% cho rằng “có nhưng yếu dần”, cho thấy các giá trị cộng đồng truyền thống vẫn hiện diện như một nền tảng đạo lý, dù đã có sự phân hóa trong mức độ biểu hiện.

Đáng chú ý, nhân sinh quan của người Ê-đê hiện nay ngày càng thể hiện xu hướng dung hòa giữa lợi ích cá nhân và lợi ích cộng đồng. Theo khảo sát, có 48,7% lựa chọn “chăm lo gia đình”, 37,8% chọn “sống vui vẻ, hòa thuận” và 29,2% chọn “đóng góp cho cộng đồng”, phản ánh sự dịch chuyển từ mô hình hy sinh cá nhân tuyệt đối cho cộng đồng sang mô hình cân bằng giữa cái riêng và cái chung. Điều này được củng cố bằng thực tiễn đóng góp xã hội: theo báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk, tổng nguồn lực huy động cho xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021–2025 đạt trên 18.678 tỷ đồng, trong đó riêng cộng đồng dân cư đóng góp hơn 830 tỷ đồng [167, tr.43–44]. Những con số này cho thấy tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ thể và niềm tin vào phát triển chung – những yếu tố cốt lõi của một nhân sinh quan tích cực đang được tái tạo trong điều kiện mới.

Một biểu hiện quan trọng khác của sự biến đổi nhân sinh quan là sự điều chỉnh trong cơ chế điều tiết các mối quan hệ xã hội thông qua việc kết hợp giữa luật tục và luật pháp. Luật tục Ê-đê, vốn dựa trên nền tảng dân chủ cộng đồng, công bằng và hữu ái, từng giữ vai trò trung tâm trong việc kiểm soát hành vi cá nhân và duy trì trật tự xã hội. Hiện nay, sự hiện diện của pháp luật Nhà nước đã làm thay đổi vị thế và nội dung của luật tục, buộc nó phải thích nghi để tồn tại. Quy ước của buôn Tring, xã Ea Blang, huyện Ea H’leo yêu cầu trưởng thôn phải công tâm, tổ chức họp buôn định kỳ và lồng ghép pháp luật trong xử lý các quan hệ xã hội, trong đó có việc chia tài sản theo Luật Hôn nhân và Gia đình trong trường hợp góa bụa, là minh chứng cho sự dung hợp giữa truyền thống và hiện đại.

Sự kết hợp giữa luật tục và luật pháp không chỉ tạo ra sự thay đổi về cơ chế quản lý cộng đồng – từ vai trò độc tôn của già làng, người uy tín sang mô hình đồng quản trị với chính quyền – mà còn phản ánh một bước chuyển trong nhân sinh quan: từ quan niệm đạo đức giới hạn trong phạm vi buôn làng sang cách nhìn rộng mở hơn về công lý, trách nhiệm và nghĩa vụ công dân. Qua đó, có thể thấy nhân sinh quan của người Ê-đê

đang vận động theo hướng mở, linh hoạt và thích ứng, vừa bảo lưu các giá trị cộng đồng truyền thống, vừa tiếp nhận những chuẩn mực phổ quát của xã hội hiện đại.

Thứ hai, tình yêu thương con người, lòng bao dung và đùm bọc được khẳng định trong hệ giá trị sống.

Trong nhân sinh quan truyền thống của người Ê-đê, lòng nhân ái, sự bao dung và tinh thần đùm bọc lẫn nhau không chỉ được xem như những phẩm chất đạo đức riêng lẻ, mà là những nguyên tắc nền tảng chi phối toàn bộ cách con người tồn tại và ứng xử trong cộng đồng. Tình nghĩa đồng bào vì vậy không dừng lại ở phương diện cảm xúc hay lý tưởng luân lý, mà được hiện thực hóa thành một phương thức tổ chức đời sống xã hội, trong đó cá nhân được bảo đảm sự tồn tại và phát triển thông qua mối quan hệ tương trợ bền chặt với buôn làng. Câu tục ngữ Ê-đê “Khi cái rìu rơi xuống suối, cả buôn cùng xuống mò” là sự khái quát súc tích quan niệm “một người vì mọi người”, phản ánh cách cộng đồng được đặt lên trên lợi ích cá nhân trong hệ giá trị truyền thống.

Sự biến đổi tích cực trong nhân sinh quan của người Ê-đê hiện nay diễn ra không phải bằng sự phủ định các giá trị truyền thống, mà thông qua quá trình kế thừa có chọn lọc và thích nghi sáng tạo với bối cảnh xã hội mới. Trong tiến trình đó, tinh thần đoàn kết cộng đồng, lòng nhân ái, sự khoan dung và đạo lý sống vì con người tiếp tục giữ vai trò hạt nhân, đồng thời được tái cấu trúc về nội dung và hình thức biểu hiện. Những giá trị này vốn đã được thể hiện tập trung trong các lễ hội truyền thống như lễ cúng bến nước, lễ mừng lúa mới, lễ cúng thần rừng – nơi cộng đồng không chỉ cầu mong sự che chở của thần linh mà còn tái khẳng định mối quan hệ gắn bó giữa con người với con người, giữa cá nhân với buôn làng. Ở tầng sâu hơn, đó là sự biểu đạt của một triết lý sống coi con người chỉ có thể sống đúng nghĩa khi “sống cùng, sống với và sống cho nhau”.

Trên nền tảng nhân sinh quan ấy, các chuẩn mực ứng xử như tôn trọng con người, sẻ chia *труд труд*, giúp đỡ nhau trong lao động và đời sống, trân trọng giá trị lao động, đồng thời lên án và ngăn chặn những hành vi gây tổn hại đến cộng đồng đã được hình thành và duy trì như những quy tắc đạo lý bất thành văn. Trong bối cảnh hiện đại, các giá trị này không mất đi mà tiếp tục được điều chỉnh linh hoạt để phù hợp với những điều kiện tồn tại mới, qua đó cho thấy khả năng tự thích ứng nội sinh của nhân sinh quan Ê-đê.

Với truyền thống coi buôn làng là trung tâm của đời sống sinh hoạt, sản xuất và tín ngưỡng, người Ê-đê từ lâu đã hình thành một quan niệm sống trong đó cá nhân luôn gắn chặt trách nhiệm của mình với sự ổn định và phát triển của cộng đồng. Chính nền tảng nhân sinh quan đó đã tạo điều kiện thuận lợi để người Ê-đê tiếp nhận và hòa nhập các giá trị nhân văn phổ quát khi giao lưu với cộng đồng người Kinh. Những điểm tương đồng giữa truyền thống Ê-đê “giúp nhau dựng nhà, góp lúa khi mất mùa, cùng cúng khi có tai ương” và triết lý sống của người Việt như “lá lành đùm lá rách”, “thương người như thể thương thân” đã tạo nên sự đồng điệu sâu sắc về mặt đạo lý, qua đó hình thành cơ sở tinh thần cho việc lan tỏa quan niệm sống “không để ai bị bỏ lại phía sau” trong bối cảnh xã hội hiện đại.

Thực tiễn hiện nay cho thấy, các giá trị nhân văn cốt lõi ấy vẫn tiếp tục giữ vị trí quan trọng trong hệ giá trị sống của người Ê-đê. Dữ liệu khảo sát phản ánh rõ điều này khi có gần 60% số người được hỏi cho rằng tình thương con người là giá trị sống quan trọng nhất; khoảng 47% nhấn mạnh vai trò của đoàn kết cộng đồng và gần 42% đề cao lòng bao dung, tha thứ. Những con số này cho thấy sự bền vững của các giá trị nhân sinh truyền thống, đồng thời khẳng định chúng đang được bảo tồn và tái tạo trong điều kiện mới, chứ không bị mai một hay thay thế hoàn toàn.

Đáng chú ý, sự vận động của nhân sinh quan Ê-đê hiện nay còn thể hiện ở việc mở rộng không gian thực hành các giá trị nhân ái từ phạm vi buôn làng truyền thống sang các hoạt động cộng đồng rộng lớn hơn. Việc tham gia các phong trào thiện nguyện, hỗ trợ người nghèo, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, người mắc bệnh hiểm nghèo, hiến máu nhân đạo hay cứu trợ thiên tai cho thấy sự tiếp nhận chủ động và có chọn lọc những chuẩn mực đạo đức tích cực của xã hội hiện đại. Qua đó, nhân sinh quan Ê-đê không chỉ được bảo lưu mà còn được làm giàu thêm về nội dung, từng bước tiệm cận với các giá trị nhân văn phổ quát của nhân loại.

Sự biến đổi tích cực này phù hợp với định hướng chung của Đảng về phát triển văn hóa và con người Việt Nam trong thời kỳ mới. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII khẳng định: “Phát triển toàn diện, đồng bộ các lĩnh vực văn hóa, bảo đảm vừa phát huy những giá trị tốt đẹp của dân tộc, vừa tiếp thu những tinh hoa văn hóa nhân loại tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế” [56, tr. 262]. Trong tinh thần đó, người Ê-đê không chỉ bảo tồn các giá trị cốt lõi của bản sắc văn hóa dân tộc

mình, mà còn chủ động làm mới và nâng tầm chúng để thích ứng với yêu cầu phát triển bền vững.

Có thể khẳng định rằng, sự lan tỏa của tinh thần cố kết cộng đồng, lòng nhân ái, khát vọng vươn lên và trách nhiệm xã hội đang góp phần định hình một nhân sinh quan Ê-đê mang tính mở, nhân văn và tiến bộ. Đây là kết quả của sự dung hòa biện chứng giữa truyền thống và hiện đại, giữa bản sắc tộc người và các giá trị phổ quát, giúp cộng đồng Ê-đê từng bước hội nhập vào dòng chảy chung của xã hội đương đại mà vẫn giữ được cốt cách văn hóa đặc thù của mình.

Thứ ba, quan niệm sống tôn trọng và hòa hợp với tự nhiên được tiếp nối và nâng cao nhận thức.

Trong nhân sinh quan truyền thống của người Ê-đê, mối quan hệ giữa con người và tự nhiên không được nhìn nhận như quan hệ khai thác – sử dụng thuần túy, mà được đặt trong một chỉnh thể tồn tại mang tính thiêng và cộng sinh. Thiên nhiên không chỉ là môi trường sinh tồn vật chất, mà còn là không gian tinh thần, nơi cư ngụ của thần linh, tổ tiên và các lực lượng siêu nhiên chi phối đời sống con người. Những quan niệm như “rừng là mẹ”, “suối là máu”, “đất là nhà” phản ánh một thế giới quan – nhân sinh quan sinh thái, trong đó con người tự ý thức mình là một bộ phận của tự nhiên, tồn tại trong mối quan hệ phụ thuộc, tôn trọng và hài hòa. Chính từ nền tảng đó, các hoạt động sản xuất, sinh hoạt và nghi lễ của người Ê-đê – từ canh tác nương rẫy, lựa chọn đất đai, chế tác nông cụ đến tổ chức lễ nghi – đều hàm chứa nguyên tắc đạo lý: không xâm hại, không tàn diệt, mà ứng xử tiết độ với môi trường sống.

Tuy nhiên, tiến trình đổi mới từ năm 1986 đã tạo ra những biến đổi căn bản trong điều kiện tồn tại vật chất và môi trường sinh thái của người Ê-đê, qua đó tác động trực tiếp đến nhân sinh quan truyền thống. Việc đưa đồng bào vào các nông – lâm trường và chuyển đổi đất rừng thành sở hữu toàn dân đã làm thay đổi cấu trúc quan hệ giữa con người với đất đai và rừng núi – từ mối quan hệ mang tính linh thiêng – cộng sinh sang quan hệ sản xuất chịu sự điều tiết của cơ chế kinh tế thị trường. Người Ê-đê từng bước chuyển từ canh tác nương rẫy sang trồng cây công nghiệp lâu năm như cà phê, sầu riêng, hồ tiêu... Đến năm 2023, diện tích trồng cây công nghiệp ở Đắk Lắk đạt 311.000 ha, trong đó diện tích cà phê chiếm 213.000 ha (hơn 68% diện tích cây công nghiệp của tỉnh và trên 40% của cả vùng Tây Nguyên), sản lượng đạt 526.000 tấn, kim ngạch xuất khẩu

đạt 798 triệu USD, chiếm 53,2% tổng kim ngạch xuất khẩu của tỉnh. Những con số này phản ánh sự dịch chuyển mạnh mẽ của phương thức sản xuất, đồng thời đặt ra yêu cầu điều chỉnh nhân sinh quan trong mối quan hệ với tự nhiên.

Dưới tác động của công tác khuyến nông và quá trình cộng cư, giao lưu với người Kinh, người Ê-đê dần tiếp cận các tri thức khoa học – kỹ thuật mới, qua đó hình thành những cách thức ứng xử mới với môi trường. Ở nhiều địa phương như Buôn Ma Thuật, Cư M'gar, Krông Pắc, việc hạn chế sử dụng thuốc diệt cỏ, duy trì thảm thực vật tự nhiên và kết hợp phân bón hữu cơ với hóa học cho thấy sự vận động của nhân sinh quan theo hướng dung hòa giữa truyền thống tôn trọng tự nhiên và tư duy canh tác bền vững hiện đại. Đây không đơn thuần là thay đổi kỹ thuật sản xuất, mà phản ánh sự tái cấu trúc quan niệm sống trước những thách thức sinh thái mới.

Kết quả khảo sát tiếp tục khẳng định chiều hướng biến đổi tích cực trong quan niệm sinh thái của người Ê-đê. Có 64,8% người được hỏi cho rằng con người và tự nhiên “phụ thuộc và tôn trọng lẫn nhau”; 55,2% coi tự nhiên là không gian “thiên liêng cần bảo vệ”; và 44,6% khẳng định “tôn trọng thiên nhiên” là một giá trị sống quan trọng hiện nay. Những tỷ lệ này cho thấy, dù chịu tác động của kinh tế thị trường và hiện đại hóa, các giá trị cốt lõi của nhân sinh quan sinh thái truyền thống vẫn được bảo lưu và chuyển hóa theo hướng phù hợp với điều kiện mới.

Quá trình thể chế hóa các giá trị ấy được thể hiện rõ qua việc xây dựng quy ước thôn buôn từ đầu những năm 2000 tại nhiều địa phương như Cư M'gar, Krông Pắc, Krông Buk. Việc kết hợp luật tục truyền thống với các quy định pháp luật hiện hành cho thấy sự chuyển dịch từ cơ chế điều chỉnh mang tính tín ngưỡng – cộng đồng sang mô hình quản lý xã hội dựa trên ý thức công dân sinh thái. Buôn Tring, huyện Krông Buk, với bộ quy ước gồm 33 điều, trong đó có 6 điều liên quan trực tiếp đến bảo vệ môi trường (như Điều 23 về bảo vệ thác Drai Ga, hang đá, cây cổ thụ, sông suối; Điều 24 về kiểm soát chăn nuôi, sử dụng thuốc bảo vệ thực vật), là minh chứng cho quá trình nâng tầm quan niệm sinh thái từ đạo lý truyền thống sang chuẩn mực pháp lý – xã hội hiện đại.

Dẫu vậy, sự biến đổi nhân sinh quan sinh thái cũng diễn ra trong bối cảnh nhiều giá trị văn hóa truyền thống đang suy giảm hoặc phải điều chỉnh. Một số nghi lễ gắn với môi trường tự nhiên, như lễ đâm trâu, ngày càng ít phổ biến. Thực trạng suy giảm tài

nguyên sinh học thể hiện rõ qua việc đến năm 2023, toàn tỉnh Đắk Lắk chỉ còn khoảng 140 con voi, giảm 90% so với năm 1980. Trước tình hình đó, việc Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk ký kết hợp tác với tổ chức Animals Asia vào tháng 12/2021 để chuyển đổi từ du lịch cưỡi voi sang mô hình du lịch sinh thái thân thiện với voi cho thấy sự điều chỉnh quan trọng trong cách tiếp cận phát triển. Việc cộng đồng người Ê-đê đồng thuận với chủ trương này phản ánh khả năng thích ứng của nhân sinh quan truyền thống trước các chuẩn mực sinh thái mới mang tính toàn cầu.

Có thể khẳng định rằng, quan niệm sống tôn trọng và hòa hợp với tự nhiên của người Ê-đê không bị triệt tiêu trong quá trình hiện đại hóa, mà đang được kế thừa, điều chỉnh và tái cấu trúc trên nền tảng mới. Nhân sinh quan sinh thái của người Ê-đê hiện nay vừa gắn với cội nguồn văn hóa bản địa, vừa tiếp cận tư duy công dân hiện đại, trong đó môi trường không chỉ là không gian thiêng mà còn được nhận thức như nền tảng sống còn cho sự phát triển lâu dài, hài hòa và bền vững của cộng đồng.

3.1.1.2. Thực trạng sự biến đổi tích cực trong quan niệm về sự trân trọng, lòng biết ơn

Lòng biết ơn là một trong những giá trị nền tảng cấu thành hệ thống nhân sinh quan truyền thống của người Ê-đê. Đây không chỉ là một chuẩn mực đạo đức cá nhân, mà còn là nguyên tắc tổ chức đời sống tinh thần và cộng đồng, được thể hiện thông qua các sinh hoạt văn hóa – tín ngưỡng mang tính bền vững. Trong xã hội truyền thống, quan niệm “biết ơn và đền đáp” của người Ê-đê gắn liền với ý thức về cội nguồn, về mối quan hệ hữu cơ giữa con người với tổ tiên, thần linh, buôn làng và môi trường tự nhiên. Các nghi lễ như thờ cúng tổ tiên, lễ cúng bến nước, lễ mừng lúa mới, lễ cúng thần rừng không chỉ mang ý nghĩa cầu phúc hay trấn an tâm linh, mà còn là cơ chế giáo dục đạo lý, qua đó truyền dẫn ý thức trách nhiệm liên thế hệ, gắn kết quá khứ – hiện tại – tương lai trong một chỉnh thể nhân sinh quan thống nhất.

Trong bối cảnh xã hội hiện đại, dưới tác động của công nghiệp hóa, hiện đại hóa và giao thoa văn hóa, quan niệm về sự trân trọng và lòng biết ơn của người Ê-đê đã và đang có những chuyển biến theo hướng tích cực, thể hiện năng lực thích nghi và tái cấu trúc giá trị truyền thống. Kết quả khảo sát tại 6 địa bàn tập trung đồng bào Ê-đê sinh sống cho thấy, lòng biết ơn không bị mai một mà được vận động, điều chỉnh và biểu hiện đa dạng hơn trong những điều kiện xã hội mới.

Thứ nhất, công tác bảo tồn văn hóa dân tộc trong thời gian qua đã góp phần quan trọng vào việc tái tạo và lan tỏa các giá trị tri ân truyền thống. Việc tổ chức 12 lớp truyền dạy di sản văn hóa phi vật thể như công chiêng, sử thi, dân ca, Klei duê... cho thế hệ trẻ [167, tr.22–23] không chỉ nhằm lưu giữ các hình thức biểu đạt văn hóa, mà còn là quá trình phục hồi chiều sâu tinh thần của cộng đồng. Cùng với đó, việc thực hành các nghi lễ truyền thống vẫn được duy trì với tần suất đáng kể: 41,2% người Ê-đê cho biết thường xuyên thực hiện các nghi lễ nông nghiệp; 36,7% thỉnh thoảng tham gia; chỉ 22,1% không còn thực hiện. Đối với các nghi lễ vòng đời người, tỷ lệ tham gia thường xuyên đạt 37,9%, thỉnh thoảng là 39,4%. Những số liệu này phản ánh sự tiếp nối có chọn lọc của các thực hành văn hóa gắn với lòng biết ơn trong điều kiện hiện đại.

Xét dưới góc độ triết học, thực tiễn này cho thấy bản sắc văn hóa không phải là một cấu trúc tĩnh, mà là một quá trình vận động biến chứng, trong đó truyền thống và hiện đại, cá nhân và cộng đồng, yếu tố vật chất và tinh thần luôn tương tác, bổ sung và điều chỉnh lẫn nhau. Việc duy trì nghi lễ và truyền dạy di sản không chỉ mang ý nghĩa bảo tồn, mà còn tái khẳng định tính liên tục lịch sử của ý thức xã hội – nơi lòng tri ân trở thành sợi dây liên kết các thế hệ, góp phần nuôi dưỡng nhân sinh quan dựa trên trách nhiệm cộng đồng, sự hòa hợp với tự nhiên và ý thức về nguồn cội.

Thứ hai, lòng biết ơn của người Ê-đê không còn giới hạn trong không gian buôn làng truyền thống, mà từng bước lan tỏa vào không gian xã hội rộng lớn hơn. Mặc dù nhiều gia đình không còn tổ chức các nghi lễ quy mô như trước, nhưng việc duy trì bàn thờ tổ tiên trong các ngôi nhà xây hiện đại cho thấy sự linh hoạt trong cách biểu đạt giá trị tri ân. Ở các địa bàn như Cư M'gar, M'Drăk, Krông Năng..., việc tưởng nhớ người đã khuất được kết hợp với các hình thức sinh hoạt cộng đồng có sự tham gia của các tổ chức đoàn thể. Điều này phản ánh sự giao thoa giữa truyền thống và hiện đại, trong đó lòng biết ơn được chuyển hóa thành một giá trị sống thích ứng với nhịp sống mới.

Thứ ba, các nguyên nhân dẫn đến việc không thực hiện nghi lễ chủ yếu xuất phát từ những rào cản khách quan hơn là sự phủ nhận giá trị truyền thống. Trong số những người không còn thực hành nghi lễ, 48,5% do điều kiện kinh tế khó khăn; 44,3% thiếu người am hiểu nghi lễ; 32,7% chịu ảnh hưởng của tôn giáo mới; và 21,6% không còn niềm tin vào tín ngưỡng cũ. Những yếu tố này cho thấy sự gián đoạn mang tính hoàn cảnh, chứ không phải là sự đoạn tuyệt về mặt nhân sinh quan, qua đó khẳng định vẫn

còn dư địa để phục hồi và phát huy các giá trị tri ân nếu có sự hỗ trợ phù hợp về chính sách và giáo dục văn hóa.

Thứ tư, quan niệm “uống nước nhớ nguồn” vẫn giữ vị trí quan trọng trong hệ giá trị đạo lý của người Ê-đê. Có 64,8% số người được hỏi cho rằng giá trị này vẫn “được duy trì tốt”, 22,6% nhận định có xu hướng suy giảm, và chỉ 8,3% cho rằng gần như mai một. Một khảo sát khác cho thấy 66,2% người Ê-đê vẫn tổ chức các lễ giỗ tổ, lễ mừng thọ, lễ tạ ơn mùa màng. Những con số này phản ánh sức sống bền bỉ của lòng biết ơn trong đời sống tinh thần cộng đồng.

Thứ năm, lòng biết ơn ngày càng được biểu hiện dưới những hình thức cụ thể, gần gũi trong đời sống thường nhật. 59,7% người Ê-đê cho rằng lòng biết ơn thể hiện qua việc chăm sóc người cao tuổi; 47,2% thông qua sự giúp đỡ lẫn nhau trong buôn làng; và 42,9% qua việc duy trì thờ cúng tổ tiên. Điều này cho thấy sự chuyển hóa từ các hành vi mang tính nghi lễ sang các chuẩn mực ứng xử xã hội, từ không gian thiêng sang các mối quan hệ đời sống hàng ngày.

Thứ sáu, giáo dục lòng biết ơn được nhìn nhận như một yêu cầu cấp thiết trong bối cảnh xã hội hiện nay. Có 71,5% người được khảo sát cho rằng giáo dục lòng biết ơn trong gia đình và nhà trường là “rất cần thiết”, và 19,4% cho rằng “có nhưng chưa sâu”. Điều này phản ánh nhận thức ngày càng rõ về vai trò của đạo lý tri ân trong việc hình thành nhân cách, duy trì sự ổn định và gắn kết cộng đồng.

Thứ bảy, các phong trào và hoạt động cộng đồng như “Ngày hội đại đoàn kết toàn dân tộc”, “Uống nước nhớ nguồn”, “Đền ơn đáp nghĩa”... được người Ê-đê hưởng ứng tích cực. Những hành vi như hiến máu tình nguyện, giúp đỡ người nghèo, hỗ trợ thương binh, liệt sĩ cho thấy sự mở rộng của khái niệm lòng biết ơn từ phạm vi tộc người sang không gian xã hội – quốc gia. Đây là biểu hiện rõ nét của sự chuyển hóa từ nhân sinh quan truyền thống sang nhân sinh quan công dân trong bối cảnh hội nhập.

Thứ tám, lòng biết ơn còn được thể chế hóa thông qua các quy ước buôn làng kết hợp giữa luật tục truyền thống và pháp luật Nhà nước. Tại buôn Tring, xã Ea Blang, huyện Ea H'leo, quy ước cộng đồng quy định cụ thể trách nhiệm tổ chức lễ cúng chung, bảo vệ không gian tâm linh và xử lý các hành vi bất kính với tổ tiên. Điều này cho thấy lòng biết ơn đã vượt khỏi phạm vi cảm xúc cá nhân để trở thành chuẩn mực xã hội có tính ràng buộc.

Cuối cùng, các thiết chế văn hóa cộng đồng như nhà sàn dài tiếp tục được nhìn nhận là không gian quan trọng trong việc bảo tồn và truyền dạy giá trị tri ân. 44,8% người được hỏi cho rằng “rất cần thiết”, 31,7% đánh giá là “cần thiết”, và chỉ 9,6% cho rằng không cần thiết. Điều này khẳng định vai trò của không gian văn hóa chung trong việc kết nối các thế hệ và duy trì bản sắc.

Từ những phân tích trên có thể khẳng định rằng, quan niệm về sự trân trọng và lòng biết ơn của người Ê-đê đang được củng cố và phát triển theo hướng tích hợp giữa truyền thống và hiện đại. Sự chuyển hóa từ nghi lễ mang tính huyền linh sang hành vi ứng xử xã hội, từ đạo lý tộc người sang đạo lý công dân phản ánh năng lực thích nghi văn hóa của cộng đồng Ê-đê trong thời đại mới. Điều này phù hợp với định hướng của Đảng được nêu trong Văn kiện Đại hội XIII: “Phát triển toàn diện, đồng bộ các lĩnh vực văn hóa, bảo đảm vừa phát huy những giá trị tốt đẹp của dân tộc, vừa tiếp thu những tinh hoa văn hóa nhân loại tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế” [56, tr. 262].

3.1.1.3. Thực trạng sự biến đổi tích cực trong ước mơ, khát vọng về cuộc sống ấm no, hạnh phúc

Khát vọng về một cuộc sống ấm no, hạnh phúc là nội dung mang tính phổ quát trong nhân sinh quan của các cộng đồng cư dân bản địa, trong đó có người Ê-đê. Trong xã hội truyền thống, khát vọng ấy không được biểu đạt dưới dạng những mục tiêu cá nhân cụ thể, mà được chuyển tải thông qua hệ thống tín ngưỡng – lễ nghi gắn với tự nhiên và cộng đồng, phản ánh mong ước về một trật tự hài hòa giữa con người, buôn làng và thế giới siêu nhiên. Những hình dung về cuộc sống “mưa thuận gió hòa, con người khang thái, buôn làng thịnh vượng” được thể hiện tập trung trong các nghi lễ như cúng bến nước, mừng lúa mới, cúng thần rừng – nơi khát vọng sinh tồn và phát triển được cộng đồng hóa, thiêng hóa và truyền dẫn qua nhiều thế hệ.

Trong bối cảnh hiện đại, khi cấu trúc kinh tế – xã hội có sự chuyển biến sâu sắc, các khát vọng truyền thống ấy không mất đi mà đang được tái cấu trúc theo hướng hiện thực hơn, gắn với điều kiện sống cụ thể và vai trò chủ thể ngày càng rõ nét của cá nhân. Sự chuyển hóa này phản ánh quá trình vận động biện chứng của nhân sinh quan người Ê-đê từ hình thức biểu đạt mang tính huyền linh – cộng đồng sang những mục tiêu đời sống mang tính xã hội – cá nhân, từ ước vọng trừu tượng sang hành động thực tiễn.

Thứ nhất, việc bảo đảm các điều kiện sống cơ bản, đặc biệt là chăm sóc sức khỏe cộng đồng, đã tạo ra tiền đề quan trọng cho sự hình thành khát vọng sống ấm no, hạnh phúc theo nghĩa hiện đại. Đến hết năm 2024, toàn tỉnh có 185 trạm y tế, trong đó 161 trạm đạt chuẩn quốc gia và 179 trạm có bác sĩ phục vụ [167, tr.20–21]. Dưới góc độ triết học, sự phát triển của hệ thống y tế không chỉ đáp ứng nhu cầu sinh học của con người, mà còn góp phần định hình một nhân sinh quan mới, trong đó sức khỏe được nhận thức như giá trị xã hội nền tảng, là điều kiện để con người hiện thực hóa các mục tiêu sống cao hơn. Điều này cho thấy sự thống nhất biện chứng giữa tồn tại vật chất và đời sống tinh thần: khi những nhu cầu thiết yếu được bảo đảm, ý thức xã hội có điều kiện chuyển từ “lo tồn tại” sang “hướng phát triển”.

Trên nền tảng đó, khát vọng sống của người Ê-đê ngày càng trở nên rõ nét và cụ thể hơn. Kết quả khảo sát cho thấy, 36,8% lựa chọn “có thu nhập ổn định”, 27,4% mong “con cái học hành tốt”, 18,5% kỳ vọng “buôn làng phát triển” và 17,3% mong muốn “gìn giữ văn hóa truyền thống”. Những số liệu này phản ánh một logic phát triển mang tính quy luật: khi điều kiện sinh tồn được bảo đảm, khát vọng của con người dịch chuyển từ nhu cầu sinh học sang các mục tiêu kinh tế, giáo dục và văn hóa. Nhân sinh quan người Ê-đê vì thế đang vận động trong mối quan hệ biện chứng giữa cái tất yếu và cái tự do, giữa điều kiện khách quan và khát vọng chủ quan, tạo nên một hệ giá trị vừa kế thừa truyền thống vừa thích ứng với hiện đại.

Thứ hai, quá trình phát triển sản xuất hàng hóa, đặc biệt là canh tác cây công nghiệp như cà phê, hồ tiêu, sầu riêng..., đã trở thành cơ sở vật chất trực tiếp cho khát vọng làm giàu chính đáng. Có 62,9% người được khảo sát cho biết đời sống gia đình được cải thiện rõ rệt; 48,6% hình thành kỹ năng sản xuất và lập kế hoạch; 41,5% mở rộng quan hệ xã hội từ hoạt động kinh tế. Những con số này cho thấy khát vọng từng được gửi gắm trong lễ hội và tín ngưỡng truyền thống đang được hiện thực hóa trong đời sống lao động thường ngày. Việc triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới với 81/149 xã đạt chuẩn (54,4%) và dự kiến 97 xã vào năm 2025 [167, tr.27–28] tiếp tục khẳng định vai trò của nền tảng vật chất trong việc thúc đẩy sự biến đổi tích cực của nhân sinh quan.

Một biểu hiện sinh động cho sự chuyển hóa này là các mô hình phát triển kinh tế gắn với bảo tồn văn hóa, tiêu biểu như buôn Ako Dông (thành phố Buôn Ma Thuột).

Việc kết hợp kiến trúc nhà dài, công chiêng, ẩm thực và nghề thủ công với du lịch cộng đồng cho thấy khát vọng ấm no của người Ê-đê không còn giới hạn trong nông nghiệp truyền thống, mà mở rộng sang lĩnh vực dịch vụ và kinh tế sáng tạo. Về mặt triết học, đây là biểu hiện của quá trình tự ý thức về nội lực văn hóa, trong đó bản sắc không còn là “di sản tĩnh” mà trở thành nguồn lực phát triển.

Thứ ba, sự chuyển dịch vai trò truyền cảm hứng khát vọng từ cộng đồng sang cá nhân phản ánh sự thay đổi sâu sắc trong cấu trúc nhân sinh quan. Có 41,1% cho rằng bản thân là người định hướng cuộc đời; 28,6% chịu ảnh hưởng từ cha mẹ; chỉ 18,7% từ già làng và 11,6% từ lãnh đạo buôn, xã. Điều này cho thấy ý thức chủ thể cá nhân đang được nâng cao, đánh dấu sự chuyển biến từ mô hình nhân sinh quan phụ thuộc sang nhân sinh quan tự chủ, dù vẫn duy trì mối liên hệ với cộng đồng truyền thống.

Các mô hình khởi nghiệp của Y Pốt Niê, H'Blây Niê hay H'Gon Niê là những minh chứng cụ thể cho sự hiện thực hóa khát vọng sống ấm no, hạnh phúc thông qua hành động cá nhân gắn với trách nhiệm cộng đồng. Dưới góc độ triết học, đây là biểu hiện của sự thống nhất giữa lợi ích cá nhân và lợi ích xã hội, giữa khát vọng tự thân và giá trị cộng đồng – một đặc điểm quan trọng của nhân sinh quan tiến bộ.

Tuy nhiên, các rào cản như thiếu tri thức (39,2%), thiếu vốn và đất sản xuất (35,7%), chính sách chưa phù hợp (14,3%) và thiếu người hướng dẫn (10,8%) cho thấy sự vận động của nhân sinh quan vẫn chịu sự quy định của điều kiện khách quan. Điều này khẳng định rằng khát vọng chỉ có thể được hiện thực hóa bền vững khi có sự hỗ trợ đồng bộ về giáo dục, chính sách và nguồn lực.

Thứ tư, giáo dục ngày càng được nhận thức như con đường căn bản để hiện thực hóa khát vọng sống. Có 74,3% cho rằng giáo dục là “chìa khóa thoát nghèo”, 53,8% nhấn mạnh vai trò nâng cao vị thế xã hội và 47,5% coi giáo dục là yếu tố thay đổi cách nhìn và phát triển. Đây là dấu hiệu rõ ràng của sự chuyển dịch từ kinh nghiệm truyền thống sang tư duy tri thức, phản ánh bước phát triển mới trong nhân sinh quan người Ê-đê.

Thứ năm, quan niệm về hạnh phúc của người Ê-đê hiện nay thể hiện rõ tính toàn diện và biện chứng. Các yếu tố như quan hệ gia đình – cộng đồng (35,1%), sức khỏe – bình an (32,7%), tiền bạc – tài sản (18,3%) và tri thức – văn hóa (13,9%) cho thấy hạnh

phúc được hiểu như sự hòa hợp giữa vật chất và tinh thần, giữa cá nhân và cộng đồng – một quan niệm mang chiều sâu nhân văn.

Thứ sáu, mức độ hài lòng với cuộc sống hiện tại (72,8%) theo báo cáo của UBND tỉnh Đắk Lắk (2024) phản ánh sự trưởng thành trong nhận thức giá trị sống của cộng đồng Ê-đê. Đây không chỉ là kết quả của phát triển kinh tế – xã hội, mà còn là biểu hiện của sự điều chỉnh nhân sinh quan trong quá trình thích ứng với hiện đại.

Thứ bảy, sự phân hóa trong lý tưởng sống của thế hệ trẻ Ê-đê cho thấy quá trình hình thành các cấu trúc giá trị mới, nơi truyền thống và hiện đại đan xen, vừa tạo cơ hội phát triển, vừa đặt ra những thách thức về định hướng giá trị.

Thứ tám, các ưu tiên chi tiêu dài hạn và niềm tin ngày càng lớn vào vai trò quyết định của bản thân (61,4%) cho thấy sự chuyển dịch từ tư duy định mệnh sang tư duy chủ thể. Đây là dấu hiệu quan trọng của sự trưởng thành trong nhân sinh quan, phản ánh năng lực tự ý thức và tự quyết của con người trong bối cảnh hiện đại.

Như vậy, từ khát vọng truyền thống về “mưa thuận gió hòa, buôn làng ấm no”, người Ê-đê đã chuyển hóa lý tưởng sống thành những mục tiêu cụ thể, hiện đại và mang tính chủ động hơn. Sự kết hợp giữa truyền thống tín ngưỡng, phát triển kinh tế, giáo dục và chính sách xã hội đã tạo nên một nền tảng nhân sinh quan tích cực, tiến bộ, phù hợp với định hướng “khơi dậy mạnh mẽ khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc” được nêu trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng [56, tr.23].

3.1.2. Thực trạng sự biến đổi tiêu cực nhân sinh quan của người Ê-đê ở tỉnh Đắk Lắk hiện nay

Bên cạnh những chuyển biến tích cực, quá trình phát triển kinh tế - xã hội ở tỉnh Đắk Lắk trong thời gian qua cũng đã và đang tạo ra nhiều hệ lụy, làm nảy sinh các biểu hiện tiêu cực trong nhân sinh quan của một bộ phận người Ê-đê. Dưới tác động của mặt trái cơ chế thị trường và sự hội nhập thiếu chọn lọc, những giá trị truyền thống như tinh thần cộng đồng, lòng biết ơn, sự sẻ chia, thái độ sống hướng thiện... đang bị lấn át bởi xu hướng thực dụng, cá nhân hóa, và chạy theo lợi ích vật chất ngắn hạn.

Một trong những biểu hiện rõ nét nhất là tình trạng phân hóa giàu nghèo ngày càng gia tăng giữa các buôn làng, khu vực phát triển và khu vực còn đặc biệt khó khăn. Theo báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk, đến năm 2024 vẫn còn 75/149 xã (chiếm trên 50%) chưa đạt chuẩn nông thôn mới, chủ yếu tập trung ở các địa bàn có điều kiện

kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, trong đó 54 xã thuộc khu vực III (địa bàn đặc biệt khó khăn theo phân vùng chính sách). Các xã này có tỷ lệ hộ nghèo đa chiều cao, thu nhập bình quân đầu người thấp, nhiều nơi dân cư sống phân tán, thiếu hạ tầng cơ bản và dịch vụ xã hội thiết yếu. Thực tế này tạo ra khoảng cách ngày càng lớn về cơ hội tiếp cận giáo dục, y tế, văn hóa và sinh kế giữa các nhóm cư dân Ê-đê, làm xuất hiện tâm lý mặc cảm, buông xuôi ở người nghèo và sự thờ ơ, thiếu trách nhiệm cộng đồng ở một bộ phận người khá giả.

Cùng với đó, trong khi một số cá nhân thành công trong khởi nghiệp hoặc nắm bắt được cơ hội chuyển đổi mô hình sản xuất - du lịch - dịch vụ đã nhanh chóng cải thiện đời sống, thì không ít người khác, nhất là thanh niên Ê-đê, lại rơi vào tình trạng thiếu định hướng, mơ hồ về lý tưởng sống, dễ bị cuốn theo các giá trị lệch chuẩn như hưởng thụ, cầu may, sống vội, sống ảo. Mặt khác, một bộ phận cán bộ cơ sở và người có ảnh hưởng trong buôn làng bị tha hóa, lợi dụng chính sách hỗ trợ, dẫn đến tình trạng mất niềm tin của người dân vào thiết chế cộng đồng và hệ giá trị truyền thống.

Chính trong bối cảnh đó, sự thay đổi trong nhân sinh quan không còn chỉ là kết quả của nhận thức và chuyển hóa văn hóa tích cực như trước, mà ngày càng chịu ảnh hưởng bởi sự phân cực về lợi ích kinh tế - xã hội, sự xâm thực của chủ nghĩa cá nhân, và sự suy yếu của các thiết chế truyền thống vốn từng là nền tảng vững chắc của đời sống tinh thần người Ê-đê. Đây là thách thức không nhỏ đặt ra đối với công tác bảo tồn văn hóa, định hướng lối sống và xây dựng khối đoàn kết dân tộc trong thời kỳ mới. Sự biến đổi tiêu cực trong nhân sinh quan của người Ê-đê ở tỉnh Đắk Lắk thể hiện qua các nội dung cụ thể sau:

3.1.2.1. Thực trạng sự biến đổi tiêu cực trong quan niệm về cuộc sống

Bên cạnh những chuyển biến tích cực, sự biến đổi nhân sinh quan của người Ê-đê hiện nay cũng bộc lộ nhiều xu hướng tiêu cực, nảy sinh từ sự tác động đồng thời, đa chiều và đan xen của quá trình đô thị hóa, kinh tế thị trường, cộng cư và hội nhập văn hóa diễn ra với tốc độ nhanh và phạm vi rộng. Những biến đổi này không diễn ra một cách tuyến tính hay đơn giản, mà thể hiện rõ tính phức tạp của quá trình vận động xã hội trong giai đoạn quá độ, nơi các yếu tố truyền thống và hiện đại, bản địa và ngoại sinh, cộng đồng và cá nhân cùng tồn tại, va chạm và tác động lẫn nhau. Dưới góc độ triết học Mác – Lênin, đây là hệ quả tất yếu của sự vận động mạnh mẽ của tồn tại xã hội,

khi phương thức sản xuất, quan hệ sở hữu và cấu trúc đời sống xã hội thay đổi sâu sắc, trong khi ý thức xã hội – với tư cách là sự phản ánh tồn tại xã hội – lại có độ trễ lịch sử nhất định, không thể chuyển biến đồng bộ và tức thời.

Chủ nghĩa duy vật lịch sử chỉ ra rằng, trong những thời kỳ biến đổi xã hội sâu sắc, sự không tương thích tạm thời giữa tồn tại xã hội mới và ý thức xã hội cũ là hiện tượng phổ biến. Đối với cộng đồng Ê-đê, sự chuyển đổi nhanh chóng từ xã hội nông nghiệp truyền thống sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, từ lối sống cộng đồng khép kín sang đời sống mở và giao lưu rộng rãi, đã làm xuất hiện trạng thái “lệch pha” trong đời sống tinh thần. Những tác động ấy không chỉ làm thay đổi các điều kiện sinh tồn vật chất của cộng đồng Ê-đê, mà sâu xa hơn còn làm biến đổi cấu trúc nền tảng của đời sống tinh thần – nơi các giá trị truyền thống từng giữ vai trò điều chỉnh nhận thức, định hướng hành vi và bảo đảm sự ổn định xã hội qua nhiều thế hệ.

Khi các giá trị cũ bị suy yếu nhưng các giá trị mới chưa kịp hình thành một cách bền vững và được nội tâm hóa, đời sống tinh thần của cộng đồng rơi vào trạng thái quá độ kéo dài. Trạng thái này làm xuất hiện những biểu hiện khủng hoảng trong nhận thức, hành vi xã hội và định hướng giá trị sống của một bộ phận không nhỏ người Ê-đê, đặc biệt là thế hệ trẻ. Xét dưới góc độ triết học xã hội, có thể nhận thấy rõ mâu thuẫn giữa sự biến đổi nhanh chóng của tồn tại xã hội và khả năng thích ứng còn hạn chế của ý thức xã hội, tạo nên trạng thái vận động không cân xứng trong nhân sinh quan, biểu hiện ở sự đan xen giữa kế thừa và đứt gãy, giữa thích ứng và kháng cự văn hóa, giữa nhu cầu hội nhập và mong muốn bảo tồn bản sắc.

Thứ nhất, sự mai một của không gian cộng đồng truyền thống như nhà dài, cùng với quá trình phân rã của đại gia đình mẫu hệ thành các gia đình hạt nhân độc lập, đã trực tiếp làm suy giảm tính cố kết cộng đồng – một trụ cột căn bản trong cấu trúc nhân sinh quan Ê-đê. Trong xã hội truyền thống, nhà dài không chỉ là hình thức cư trú thuần túy mà còn là biểu hiện vật chất tập trung của một kiểu tổ chức đời sống dựa trên quan hệ huyết thống, cộng cư và cộng mệnh. Cá nhân Ê-đê trong không gian nhà dài không tồn tại như một chủ thể biệt lập, mà luôn được định vị trong mối quan hệ hữu cơ với dòng họ, buôn làng và các thế hệ trước – sau. Ở đây, không gian cư trú, quan hệ xã hội và ý thức cộng đồng tồn tại trong một chỉnh thể thống nhất, phản ánh sự phù hợp tương đối giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội trong điều kiện lịch sử cụ thể.

Tuy nhiên, dưới tác động của chương trình định canh định cư từ thập niên 1980, sự gia tăng dân số và quá trình hiện đại hóa đời sống, không gian nhà dài – với tư cách là biểu tượng của lối sống cộng đồng – dần bị thay thế bởi các kiểu nhà bê tông hiện đại mang tính cá thể hóa cao. Sự chuyển dịch này phản ánh xu hướng chuyển từ “đời sống cộng đồng” sang “đời sống cá nhân hóa”, từ các quan hệ xã hội dựa trên huyết thống, nghĩa vụ và trách nhiệm cộng đồng sang các quan hệ mang tính hợp đồng, lợi ích và lựa chọn cá nhân. Theo thống kê của Ban Dân tộc tỉnh Đắk Lắk, nhà sàn chỉ còn chiếm khoảng 10% trong cơ cấu nhà ở của các buôn, thậm chí ở các buôn thuộc khu vực thành phố, tỷ lệ này chỉ còn 1–2%. Cụ thể, tại buôn Alê A có 726 nhân khẩu với 172 hộ nhưng chỉ còn 02 hộ sống trong nhà sàn; tại buôn Cuôr Đăng, huyện Cư M’gar, trong số 416 gia đình nhỏ chỉ có 52 gia đình còn duy trì nhà sàn; ở buôn Ea Nail, xã Ea Kwer, huyện Krông Păk, chỉ còn 11 nhà dài trong tổng số 239 hộ gia đình. Những con số này không chỉ phản ánh sự suy giảm về mặt số lượng của nhà dài, mà sâu xa hơn cho thấy sự suy yếu của một thiết chế xã hội – văn hóa từng giữ vai trò trung tâm trong việc duy trì, tái sản xuất và truyền thừa nhân sinh quan truyền thống.

Với tư cách là một di sản lịch sử – văn hóa, nhà dài từng giữ vai trò như một “thiết chế trung gian” giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội, nơi các chuẩn mực đạo lý, các giá trị cộng đồng và ý thức trách nhiệm liên thế hệ được hình thành, củng cố và tái khẳng định thông qua thực hành xã hội thường nhật. Việc mất đi những biểu tượng cổ kết như nhà dài vì thế không chỉ đơn thuần là sự thay đổi về kiến trúc cư trú, mà sâu xa hơn là sự đứt đoạn trong quá trình nội tâm hóa các giá trị cộng đồng, đặc biệt đối với thế hệ trẻ – những chủ thể đang hình thành nhân sinh quan trong bối cảnh thiếu vắng các không gian văn hóa mang tính biểu tượng và thiêng liêng.

Mặc dù mang lại những tiện ích nhất định cho đời sống cá nhân và phù hợp với yêu cầu hiện đại hóa, sự thay đổi này đồng thời làm xói mòn các mối quan hệ gắn bó huyết thống và làm suy yếu tinh thần “sống cùng, sống với và sống cho nhau” – vốn là hạt nhân đạo lý trong nhân sinh quan Ê-đê. Kết quả khảo sát cho thấy, dù có tới 61,4% người Ê-đê vẫn tham gia “thường xuyên” vào các hoạt động cộng đồng, nhưng chỉ 36,9% cho rằng tinh thần sống vì cộng đồng còn “rất mạnh”, trong khi 31,5% thừa nhận tinh thần này đang suy giảm. Sự chênh lệch giữa mức độ tham gia mang tính hình thức và chiều sâu giá trị nội tại phản ánh sự suy giảm trong cảm thức cộng đồng, cho thấy

nhân sinh quan đang chuyển dịch từ định hướng cộng đồng sang định hướng cá nhân – một biểu hiện tiêu cực nảy sinh từ mâu thuẫn giữa hình thức sinh hoạt xã hội mới và nội dung giá trị truyền thống chưa được tái cấu trúc phù hợp.

Trong xã hội Ê-đê truyền thống, các sinh hoạt cộng đồng chủ yếu diễn ra tại phòng chung (gah), bến nước, rừng thiêng và nghĩa địa buôn làng – những không gian vừa mang chức năng xã hội vừa hàm chứa ý nghĩa thiêng liêng, góp phần kết nối con người với tổ tiên, thần linh và cộng đồng. Tuy nhiên, cùng với sự biến đổi kinh tế – xã hội, các không gian này dần bị thu hẹp hoặc biến mất; có tới 91% thôn, buôn không còn hoặc không sử dụng bến nước làm điểm sinh hoạt cộng đồng. Sự ra đời của nhà văn hóa nhằm bù đắp “khoảng trống” chức năng ấy, song do không được hình thành từ nhu cầu tự thân của cộng đồng, thiếu sự tham gia thực chất của người dân trong thiết kế và vận hành, lại thiên về chức năng hành chính, nên không thể thay thế vai trò biểu tượng và tính thiêng của các thiết chế truyền thống. Hệ quả là các cơ chế cổ kết tinh thần và tái sản xuất nhân sinh quan cộng đồng ngày càng suy yếu.

Cùng với đó, sự thay đổi chế độ sở hữu tài nguyên đã làm lung lay nền tảng kinh tế – xã hội của thiết chế tự quản buôn làng truyền thống. Việc chuyển từ sở hữu cộng đồng sang sở hữu toàn dân, cùng với sự thay thế buôn làng bằng xã, phường trong vai trò đơn vị hành chính cơ sở, đã làm suy yếu cơ chế điều chỉnh xã hội dựa trên luật tục – vốn gắn chặt với nhân sinh quan cộng đồng. Trong bối cảnh ấy, vai trò của già làng và các thiết chế truyền thống ngày càng mờ nhạt, trong khi các thiết chế hành chính và tôn giáo mới dần chi phối đời sống cộng đồng, tạo ra sự phân mảnh trong hệ thống giá trị và chuẩn mực xã hội.

Đặc biệt, quan hệ sở hữu đất đai trở thành một điểm đứt gãy nghiêm trọng trong nhân sinh quan Ê-đê. Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật lịch sử, quan hệ sở hữu giữ vai trò nền tảng trong cấu trúc của tồn tại xã hội; do đó, sự khác biệt giữa luật pháp Nhà nước và luật tục truyền thống, cùng với quá trình di dân tự do và lấn chiếm đất đai, đã phá vỡ quan niệm sở hữu cộng đồng thiêng liêng vốn tồn tại lâu đời. Các vụ tranh chấp đất đai kéo dài tại xã Ea Knuéc, huyện Krông Pắc hay xã Ea H’Ding, huyện Cư M’gar không chỉ gây tổn hại về kinh tế mà còn làm suy giảm niềm tin xã hội, thậm chí bị lợi dụng cho các hoạt động chống phá, điển hình là vụ việc xảy ra tại huyện Cư Kuin vào

tháng 6/2023. Điều này cho thấy sự liên hệ chặt chẽ giữa đứt gãy nhân sinh quan và những bất ổn xã hội nảy sinh trong bối cảnh chuyển đổi mạnh mẽ của tồn tại xã hội.

Thứ hai, quá trình tiếp biến văn hóa trong môi trường cộng cư với người Kinh đã làm biến đổi sâu sắc hệ giá trị truyền thống của người Ê-đê. Những chuẩn mực đạo đức dựa trên tinh thần cộng đồng, sự bao dung và hài hòa với tự nhiên dần bị thay thế bởi tư duy thực dụng và cá nhân chủ nghĩa – những giá trị phù hợp với kinh tế thị trường nhưng lại mâu thuẫn với nền tảng nhân sinh quan truyền thống. Điều này khiến một bộ phận thanh niên Ê-đê rơi vào trạng thái khủng hoảng định hướng giá trị, thể hiện qua việc 29,7% “chưa rõ mục tiêu sống” và 21,4% “thiếu định hướng rõ ràng”, phản ánh sự suy yếu của hệ quy chiếu giá trị cộng đồng.

Sự chuyển dịch từ tín ngưỡng đa thần sang các tôn giáo độc thần đã làm biến đổi căn bản cấu trúc niềm tin. Từ mối quan hệ cộng mệnh với thần linh cộng đồng, nhân sinh quan Ê-đê chuyển sang mối quan hệ cá nhân hóa với một Đấng tối cao, làm suy yếu nền tảng thiêng gắn kết cộng đồng. Dù các tôn giáo mới đáp ứng nhu cầu tâm linh trong bối cảnh hiện đại, song sự dịch chuyển này cũng góp phần làm đứt gãy các thực hành văn hóa truyền thống như cúng chiêng, lễ hiến sinh và lễ bỏ mả – những hình thức biểu hiện tập trung của nhân sinh quan cộng đồng.

Thứ ba, quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế sang sản xuất cây công nghiệp dài ngày đã làm biến đổi sâu sắc mối quan hệ giữa con người và tự nhiên. Khi đất đai ngày càng bị nhìn nhận chủ yếu như một tài sản kinh tế, giá trị thiêng và ý nghĩa biểu tượng của tự nhiên trong nhân sinh quan Ê-đê dần bị suy giảm. Thống kê năm 2023 cho thấy toàn tỉnh có 15.896 hộ đồng bào dân tộc thiểu số thiếu đất sản xuất [169, tr.9], phản ánh sự rạn nứt nghiêm trọng trong mối quan hệ truyền thống giữa con người Ê-đê với môi trường sinh tồn – vốn là nền tảng vật chất và tinh thần của nhân sinh quan truyền thống.

Thứ tư, kinh tế thị trường thúc đẩy sự phân hóa giàu nghèo trong nội bộ buôn làng, làm biến dạng nhân sinh quan vốn đề cao sự bình đẳng và sẻ chia. Hiện tượng “nhà lầu – nhà tranh” cùng tồn tại không chỉ phản ánh sự bất cân đối trong phát triển mà còn làm gia tăng ganh đua, đố kỵ, bào mòn các mối quan hệ cộng đồng truyền thống, từ đó làm suy yếu nền tảng đạo lý của đời sống xã hội Ê-đê.

Từ những phân tích trên có thể thấy, nhân sinh quan của người Ê-đê hiện nay đang đứng trước nguy cơ đứt gãy khi các giá trị truyền thống chưa kịp tái cấu trúc để

thích ứng với những biến đổi sâu sắc của tồn tại xã hội. Việc nhận diện những biểu hiện tiêu cực này không nhằm phủ định tiến trình biến đổi, mà nhằm làm rõ quy luật vận động biện chứng của nhân sinh quan trong điều kiện lịch sử – xã hội mới, qua đó tạo cơ sở khoa học cho việc đề xuất các giải pháp bảo tồn, phục hồi và định hướng lại những giá trị cốt lõi, góp phần bảo đảm sự phát triển bền vững của cộng đồng Ê-đê trong bối cảnh hiện đại hóa và hội nhập.

3.1.2.2. Thực trạng sự biến đổi tiêu cực trong quan niệm về sự trân trọng, lòng biết ơn

Trong hệ thống giá trị truyền thống của người Ê-đê, sự trân trọng và lòng biết ơn không chỉ là những phẩm chất đạo lý mang tính cá nhân, mà còn là một phạm trù ý thức xã hội gắn chặt với cơ sở tồn tại xã hội, giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong việc điều tiết các mối quan hệ giữa con người với cộng đồng, giữa con người với tự nhiên và giữa các thế hệ trong dòng chảy lịch sử của buôn làng. Dưới góc nhìn của chủ nghĩa duy vật lịch sử, các giá trị này không tồn tại như những chuẩn mực đạo đức trừu tượng, mà được hình thành, củng cố và tái sản xuất trong những điều kiện sinh tồn cụ thể, gắn liền với phương thức sản xuất nông nghiệp truyền thống, chế độ sở hữu cộng đồng và cấu trúc xã hội mẫu hệ của người Ê-đê. Chúng được vật chất hóa và duy trì thông qua hệ thống lễ thức truyền thống như lễ tạ ơn thần linh, lễ cúng bến nước, lễ mừng lúa mới hay lễ cúng thần rừng – những hình thức sinh hoạt văn hóa vừa mang nội dung tín ngưỡng, vừa đảm nhiệm chức năng xã hội – giáo dục sâu sắc. Thông qua đó, ý thức về công ơn thiên nhiên, tổ tiên và buôn làng được truyền đạt một cách tự nhiên cho thế hệ kế tục, đồng thời khẳng định và tái khẳng định mối quan hệ cộng mệnh giữa cá nhân và cộng đồng như một nguyên tắc nền tảng của nhân sinh quan Ê-đê.

Tuy nhiên, trong bối cảnh hiện đại hóa và chuyển đổi xã hội sâu sắc hiện nay, cùng với sự biến đổi mạnh mẽ của phương thức sản xuất, cơ cấu xã hội và môi trường văn hóa, quan niệm cũng như hành vi liên quan đến lòng biết ơn của người Ê-đê đang bộc lộ những dấu hiệu suy giảm rõ rệt. Dưới góc độ triết học Mác – Lênin, hiện tượng này không phải là sự sa sút thuần túy về mặt đạo đức, mà phản ánh mâu thuẫn biện chứng giữa sự vận động nhanh chóng của tồn tại xã hội và khả năng thích ứng có độ trễ của ý thức xã hội, trong đó các giá trị truyền thống chưa kịp tái cấu trúc để phù hợp với những điều kiện lịch sử – xã hội mới. Khi nền tảng vật chất của đời sống cộng đồng biến

đổi sâu sắc, trong khi các cơ chế bảo tồn và truyền thừa giá trị tinh thần chưa được điều chỉnh tương xứng, các chuẩn mực đạo lý truyền thống, trong đó có lòng biết ơn, tất yếu rơi vào trạng thái dao động và phân hóa.

Trước hết, kết quả khảo sát tại 6 địa bàn có đông đồng bào Ê-đê sinh sống cho thấy tỷ lệ người không còn thực hành các nghi lễ truyền thống – vốn là hình thức biểu đạt tập trung của lòng biết ơn – đang chiếm tỷ lệ đáng kể: 22,1% không còn thực hiện các nghi lễ nông nghiệp và 23,7% không còn tham gia các nghi lễ vòng đời. Những con số này phản ánh sự suy yếu của các hình thức ý thức xã hội mang tính tập thể, đồng thời cho thấy quá trình gián đoạn trong cơ chế tái sản xuất các giá trị tri ân, vốn trước đây được duy trì thông qua thực hành nghi lễ gắn chặt với chu kỳ sản xuất, nhịp điệu tự nhiên và đời sống cộng đồng buôn làng. Xét theo logic biện chứng, khi hình thức tồn tại vật chất của nghi lễ bị thu hẹp hoặc mất đi, nội dung tinh thần của lòng biết ơn cũng dần bị làm rỗng, dẫn tới tình trạng giá trị vẫn được thừa nhận về mặt danh nghĩa nhưng không còn được nuôi dưỡng bằng thực hành xã hội thường xuyên.

Bên cạnh đó, khi phân tích nguyên nhân của hiện tượng này, có tới 32,7% người Ê-đê thừa nhận việc không còn thực hành nghi lễ xuất phát từ ảnh hưởng của tôn giáo mới, và 21,6% cho biết họ không còn niềm tin vào tín ngưỡng truyền thống. Điều này cho thấy sự dịch chuyển trong cấu trúc niềm tin – một yếu tố quan trọng của ý thức xã hội – kéo theo sự biến đổi trong hành vi tri ân mang tính nghi lễ. Theo phép biện chứng duy vật, sự thay đổi hình thức tín ngưỡng không chỉ là vấn đề tinh thần thuần túy, mà còn gắn liền với sự tái cấu trúc các quan hệ xã hội, làm nảy sinh mâu thuẫn giữa hệ giá trị truyền thống vốn mang tính cộng đồng, đa thần và gắn với tự nhiên, với hệ giá trị tôn giáo mới mang tính cá nhân hóa và hướng nội nhiều hơn.

Mặt khác, lòng biết ơn hiện nay vẫn được biểu hiện qua một số hành vi xã hội như chăm sóc người già (59,7%) hay giúp đỡ lẫn nhau trong buôn làng (47,2%). Tuy nhiên, sự tồn tại rời rạc của các hành vi này cho thấy sự phân mảnh trong cấu trúc giá trị, thay vì sự thống nhất hữu cơ như trong xã hội truyền thống, nơi các hành vi tri ân luôn được đặt trong một chỉnh thể nghi lễ – cộng đồng – tín ngưỡng. Đặc biệt, chỉ 42,9% số người được khảo sát duy trì thờ cúng tổ tiên, cho thấy ngay cả trong không gian thiêng của gia đình – vốn từng là điểm tựa căn bản của ý thức tri ân và đạo lý liên thế hệ – cũng đang xuất hiện xu hướng suy giảm. Đây là biểu hiện cụ thể của mâu thuẫn giữa hình

thức sinh hoạt gia đình ngày càng cá thể hóa và nội dung đạo lý cộng đồng vốn được hình thành trong mô hình gia đình mẫu hệ truyền thống.

Đáng lưu ý hơn, khi được hỏi về quan niệm “uống nước nhớ nguồn”, có tới 22,6% người được khảo sát cho rằng giá trị này đang suy giảm và 8,3% cho rằng gần như mai một. Khi đặt các số liệu này trong mối tương quan với sự suy yếu của các nghi lễ truyền thống, có thể nhận thấy nguy cơ đứt gãy biểu tượng tri ân – vốn là trụ cột tinh thần quan trọng trong nhân sinh quan Ê-đê. Theo quan điểm của triết học xã hội, sự suy giảm của các biểu tượng chung sẽ dẫn tới khủng hoảng trong định hướng giá trị, làm suy yếu cơ chế cố kết cộng đồng và giảm khả năng tự điều chỉnh của đời sống xã hội.

Ngoài ra, dù các hình thức tri ân hiện đại như “Ngày hội đại đoàn kết toàn dân tộc” hay phong trào “Đền ơn đáp nghĩa” vẫn được người Ê-đê hưởng ứng, song hiệu quả lan tỏa chiều sâu trong buôn làng còn hạn chế nếu thiếu sự gắn kết với các thiết chế văn hóa truyền thống như nhà dài, bến nước hay rừng thiêng. Việc chỉ có 44,8% người Ê-đê đánh giá các không gian này là “rất cần thiết” cho việc giữ gìn lòng biết ơn cho thấy sự thay đổi trong nhận thức về vai trò của các thiết chế truyền thống – một biểu hiện sinh động của mâu thuẫn giữa hình thức tổ chức đời sống mới và nội dung giá trị cũ chưa được tái cấu trúc một cách phù hợp.

Từ những dẫn liệu trên có thể thấy, sự trân trọng và lòng biết ơn – vốn là hằng số trong nhân sinh quan của người Ê-đê – đang đứng trước nguy cơ phân hóa và suy yếu dưới tác động của các biến chuyển xã hội hiện đại. Việc chuyển từ các hình thức tri ân mang tính cộng đồng, nghi lễ sang các hành vi cá nhân hóa, phi nghi lễ, tuy phản ánh khả năng thích nghi nhất định của cá nhân trong điều kiện mới, nhưng đồng thời cũng làm suy giảm chiều sâu tinh thần của lòng biết ơn như một giá trị gắn kết các thế hệ và duy trì tính cộng mệnh của cộng đồng Ê-đê.

Do đó, trong bối cảnh hiện đại hóa và hội nhập, việc nhận diện đầy đủ những biến đổi tiêu cực trong quan niệm và thực hành lòng biết ơn không chỉ mang ý nghĩa mô tả thực trạng, mà còn có ý nghĩa phương pháp luận trong việc làm rõ quy luật vận động biện chứng của nhân sinh quan Ê-đê trong điều kiện lịch sử – xã hội mới. Đây là cơ sở khoa học quan trọng để đề xuất các giải pháp bảo tồn, phục hồi và phát huy những giá trị nền tảng, bảo đảm sự phát triển văn hóa bền vững và giữ gìn bản sắc tộc người trong tiến trình phát triển hiện nay.

3.1.2.3. Thực trạng sự biến đổi tiêu cực trong ước mơ, khát vọng về cuộc sống ấm no, hạnh phúc

Khát vọng về một cuộc sống ấm no, hạnh phúc vốn là nội dung trung tâm, xuyên suốt và mang tính hằng số giá trị trong hệ thống nhân sinh quan truyền thống của người Ê-đê. Trong tiến trình lịch sử tồn tại lâu dài, cộng đồng cư dân bản địa này đã không ngừng kiến tạo, tích lũy và tái sản xuất khát vọng sống thông qua mối quan hệ thống nhất biện chứng giữa con người – cộng đồng – tự nhiên. Ở đó, hạnh phúc không được quan niệm như sự thỏa mãn nhu cầu cá nhân đơn lẻ, mà được hiểu là trạng thái hài hòa, ổn định và bền vững của toàn thể buôn làng, nơi đời sống vật chất đủ đầy gắn liền với trật tự xã hội, đạo lý cộng đồng và sự cân bằng với môi trường tự nhiên. Chính cách hiểu này đã tạo nên sự khác biệt căn bản giữa nhân sinh quan Ê-đê truyền thống với các quan niệm hạnh phúc mang tính cá nhân chủ nghĩa trong xã hội hiện đại.

Khát vọng ấy được biểu đạt một cách tập trung và sinh động thông qua hệ thống lễ hội, nghi lễ và thực hành tâm linh như lễ cúng bến nước, lễ mừng lúa mới, lễ cúng thần rừng, lễ cầu mùa... Những nghi lễ này không chỉ mang chức năng tín ngưỡng nhằm cầu mong mưa thuận gió hòa, mùa màng tươi tốt, đời sống đủ đầy, mà sâu xa hơn còn là hình thức tồn tại đặc thù của ý thức xã hội, nơi cộng đồng cùng nhau tái khẳng định các giá trị nền tảng về sự no đủ, yên lành và hòa hợp. Trong không gian nghi lễ, cá nhân không tách rời cộng đồng, lợi ích riêng không đối lập lợi ích chung; khát vọng sống được “xã hội hóa”, trở thành lý tưởng nhân sinh mang tính cộng mệnh, gắn số phận mỗi con người với vận mệnh của buôn làng và tự nhiên.

Dưới góc nhìn của chủ nghĩa duy vật lịch sử, có thể thấy rằng khát vọng hạnh phúc của người Ê-đê truyền thống không phải là sản phẩm của ý niệm trừu tượng, mà được hình thành trên cơ sở những điều kiện sinh tồn vật chất – xã hội cụ thể. Đó là phương thức sản xuất nông nghiệp tự cung tự cấp phụ thuộc chặt chẽ vào tự nhiên; chế độ sở hữu cộng đồng đối với đất đai, rừng và nguồn nước; cùng với cấu trúc xã hội buôn làng mang tính cố kết cao, trong đó các mối quan hệ huyết thống, cộng cư và cộng mệnh giữ vai trò chủ đạo. Trong chỉnh thể ấy, hạnh phúc không tách rời đạo lý, không đối lập với trách nhiệm xã hội, mà tồn tại như kết quả của sự cân bằng biện chứng giữa lao động sản xuất – nghi lễ tín ngưỡng – niềm tin thiêng liêng – quan hệ xã hội cộng đồng. Đây

chính là nền tảng vật chất – xã hội tạo nên tính ổn định tương đối của nhân sinh quan Ê-đê trong một thời gian dài.

Tuy nhiên, trong bối cảnh chuyển mình mạnh mẽ của nền kinh tế thị trường, quá trình đô thị hóa, hiện đại hóa và hội nhập sâu rộng hiện nay, tồn tại xã hội của người Ê-đê đã có những biến đổi căn bản. Phương thức sản xuất chuyển dần sang nông nghiệp hàng hóa; quan hệ sở hữu cộng đồng bị thu hẹp; không gian cư trú, sinh hoạt và cấu trúc gia đình – buôn làng thay đổi sâu sắc. Những biến đổi này tất yếu kéo theo sự vận động phức tạp của ý thức xã hội. Song, theo quy luật mà C. Mác và V.I. Lênin đã chỉ ra, ý thức xã hội thường có độ trễ lịch sử so với sự biến đổi của tồn tại xã hội. Chính sự “lệch pha” đó đã làm cho khát vọng về cuộc sống hạnh phúc của người Ê-đê hiện nay rơi vào trạng thái vừa kế thừa, vừa đứt gãy, vừa thích ứng, vừa khủng hoảng, trong đó xuất hiện không ít xu hướng tiêu cực cần được nhận diện một cách biện chứng và toàn diện.

Trước hết, sự biến đổi tiêu cực thể hiện rõ ở sự lệch chuẩn trong quan niệm về “hạnh phúc”. Từ chỗ gắn chặt với cộng đồng, buôn làng và sự hài hòa với tự nhiên, quan niệm hạnh phúc của một bộ phận người Ê-đê đang chuyển dần sang việc đề cao lợi ích cá nhân và giá trị vật chất. Kết quả khảo sát cho thấy, dù 35,1% người Ê-đê vẫn xác định “quan hệ gia đình, cộng đồng tốt” là yếu tố quan trọng nhất của hạnh phúc lâu dài, nhưng có tới 18,3% đã xem “tiền bạc, tài sản” là trung tâm của hạnh phúc. Dưới góc độ triết học Mác – Lênin, đây là biểu hiện sinh động của sự xâm nhập logic giá trị của kinh tế thị trường vào đời sống tinh thần, làm nảy sinh mâu thuẫn giữa hệ giá trị truyền thống mang tính cộng đồng và lối sống thực dụng, cá nhân hóa. Nếu không được định hướng và điều tiết bằng các chuẩn mực văn hóa – đạo lý phù hợp, sự chuyển dịch này dễ dẫn đến lối sống vị lợi, cạnh tranh thiếu lành mạnh, làm xói mòn tinh thần cố kết buôn làng – vốn là trụ cột của nhân sinh quan Ê-đê.

Thứ hai, bên cạnh những mô hình khởi nghiệp văn hóa – kinh tế mang tính tích cực tại một số buôn như Ako Đông, Krông Ana hay Krông Păk, thì ở chiều ngược lại, một bộ phận không nhỏ thanh niên Ê-đê đang rơi vào khủng hoảng về lý tưởng và mục tiêu sống. Các con số 28,4% cho rằng thanh niên “sống thực dụng, ngắn hạn”, 29,7% “chưa rõ mục tiêu” và 21,4% “thiếu định hướng” phản ánh mâu thuẫn sâu sắc giữa khát vọng vươn lên trong điều kiện mới với sự thiếu hụt hệ giá trị dẫn dắt. Trong bối cảnh ấy, nhiều thanh niên dễ rơi vào trạng thái sống gấp, chạy theo hưởng thụ trước mắt, thay vì

hình thành lý tưởng sống bền vững gắn với trách nhiệm cộng đồng và tương lai lâu dài của buôn làng.

Thứ ba, các rào cản về tri thức, kỹ năng và nguồn lực kinh tế đang kìm hãm đáng kể khả năng hiện thực hóa khát vọng sống ấm no, hạnh phúc của người Ê-đê. Việc 39,2% thiếu kiến thức – kỹ năng, 35,7% thiếu vốn và đất sản xuất cho thấy mâu thuẫn giữa nhu cầu phát triển và điều kiện hiện thực, phản ánh hạn chế trong việc khơi thông năng lực nội sinh của cộng đồng Ê-đê. Theo quan điểm duy vật lịch sử, khi điều kiện vật chất chưa tạo được nền tảng vững chắc, khát vọng tinh thần rất dễ bị biến dạng hoặc chuyển hóa theo hướng tiêu cực.

Thứ tư, giáo dục – dù được cộng đồng nhìn nhận là con đường căn bản để thoát nghèo và vươn lên – vẫn chưa thực sự trở thành động lực tái thiết nhân sinh quan một cách toàn diện. Nỗi lo về “học vấn thấp” (51,3%) và “thiếu việc làm” (38,7%) cho thấy nghịch lý giữa kỳ vọng xã hội vào giáo dục và hiệu quả thực tế của hệ thống giáo dục vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Sự gián đoạn trong quá trình tích lũy tri thức này trực tiếp làm suy yếu nền tảng tinh thần của khát vọng phát triển bền vững.

Thứ năm, sự bào mòn của niềm tin truyền thống và trạng thái dao động trong xác lập chủ thể hành động cũng tác động tiêu cực đến khát vọng sống. Việc niềm tin bị phân tán giữa Yang, tổ tiên và bản thân phản ánh quá trình chuyển hóa chưa hoàn tất từ ý thức phụ thuộc sang ý thức tự chủ, khiến nhiều người Ê-đê rơi vào trạng thái vừa trông chờ, vừa bất định trong việc kiến tạo tương lai.

Thứ sáu, sự xuống cấp đạo đức xã hội, cùng với tác động của đô thị hóa và di cư lao động, làm phai nhạt các giá trị nhân văn truyền thống như lòng nhân ái, thủy chung và trách nhiệm với cộng đồng. Khi mối liên hệ giữa cá nhân và buôn làng bị suy yếu, khát vọng sống dễ bị cá nhân hóa, tách rời khỏi nền tảng đạo lý cộng đồng vốn là điểm tựa tinh thần lâu dài.

Thứ bảy, sự phân hóa giàu – nghèo trong nội bộ cộng đồng làm nảy sinh tâm lý so bì, hơn thua, tác động tiêu cực đến quan niệm về hạnh phúc. Một bộ phận rơi vào tâm lý bi quan, buông xuôi; trong khi bộ phận khác lại chạy theo tiện nghi vật chất, xa rời lối sống “biết đủ, biết dừng” của truyền thống, làm sâu sắc thêm sự phân hóa trong nhân sinh quan.

Nhìn tổng thể, sự biến đổi tiêu cực trong khát vọng sống ấm no, hạnh phúc của người Ê-đê ở tỉnh Đắk Lắk là kết quả tất yếu của mối quan hệ biện chứng giữa điều kiện khách quan và nhân tố chủ quan, giữa sự vận động nhanh chóng của tồn tại xã hội và sự điều chỉnh chưa đồng bộ của ý thức xã hội. Việc nhận diện đầy đủ các biểu hiện và nguyên nhân này không nhằm phủ định khát vọng phát triển của người Ê-đê, mà nhằm làm rõ các mâu thuẫn nội tại để từ đó định hướng tái cấu trúc nhân sinh quan theo hướng vừa phù hợp với điều kiện hiện đại, vừa bảo tồn và phát huy những giá trị truyền thống cốt lõi – nền tảng tinh thần cho sự phát triển bền vững của cộng đồng Ê-đê trong giai đoạn hiện nay.

3.2. Vấn đề đặt ra từ thực trạng biến đổi nhân sinh quan của người Ê-đê ở tỉnh Đắk Lắk hiện nay

3.2.1. Mâu thuẫn giữa đảm bảo ổn định chính trị - xã hội và phát triển kinh tế với nguy cơ phá vỡ ổn định, phân hóa, xung đột trong cộng đồng người Ê-đê ở tỉnh Đắk Lắk

Sự biến đổi nhân sinh quan của người Ê-đê ở tỉnh Đắk Lắk hiện nay không chỉ là kết quả tất yếu của quá trình hiện đại hóa, đô thị hóa và hội nhập quốc tế, mà còn đặt ra những vấn đề cấp thiết liên quan đến chiến lược phát triển bền vững, ổn định chính trị và giữ gìn bản sắc văn hóa tộc người. Những biến đổi này diễn ra trên nhiều phương diện – từ nhận thức, lối sống đến hệ giá trị - tạo nên những xu hướng chuyển động phức tạp và đôi khi mâu thuẫn trong nội tại cộng đồng người Ê-đê.

Trong bối cảnh xã hội chuyển mình mạnh mẽ, một mặt, nhân sinh quan của người Ê-đê có xu hướng tiệm cận các giá trị hiện đại như đề cao tính cá nhân, mưu cầu đời sống vật chất đầy đủ, khát vọng vươn lên thông qua giáo dục, khởi nghiệp, làm giàu chính đáng... Mặt khác, chính quá trình chuyển hóa này lại tạo ra một sự xung đột âm ỉ nhưng dai dẳng giữa các hệ giá trị mới và cũ. Những giá trị truyền thống từng là nền tảng gắn kết cộng đồng - như tinh thần cộng cảm, sự cố kết dòng tộc, niềm tin thiêng liêng vào thần linh và tự nhiên, lối sống chia sẻ, trọng tình hơn lý – dần bị đặt ra ngoài lề trong hệ thống ưu tiên của một bộ phận cư dân. Điều này dẫn tới sự thay đổi trong hành vi xã hội, đặc biệt là trong cách các thế hệ trẻ người Ê-đê tiếp cận cuộc sống, xác lập lý tưởng sống và định hình khát vọng tương lai.

Chính sự biến đổi nhân sinh quan đó, xét trên phương diện tổng thể, đã và đang làm nảy sinh một mâu thuẫn sâu sắc: giữa yêu cầu duy trì ổn định chính trị - xã hội và mục tiêu phát triển bền vững, với nguy cơ tiềm ẩn của sự rạn nứt, phân hóa và thậm chí là bất ổn trong nội tại cộng đồng Ê-đê. Sự ổn định về chính trị - xã hội vốn được xây dựng từ nền tảng đoàn kết cộng đồng, lòng tin vào thể chế và sự đồng thuận văn hóa, hiện nay đang bị thách thức bởi các biểu hiện lệch chuẩn, phân hóa hệ giá trị và sự gia tăng khoảng cách giữa các nhóm dân cư trong cùng một cộng đồng. Một bộ phận người Ê-đê - đặc biệt là thanh niên - có xu hướng xa rời các thiết chế truyền thống như già làng, luật tục, cộng đồng dòng tộc để tiếp cận với những giá trị ngoại sinh, trong đó có tôn giáo độc thần, chủ nghĩa cá nhân và mô hình sống đô thị hóa. Trong khi đó, các thiết chế trung gian như gia đình, nhà trường và buôn làng chưa kịp thích nghi để thực hiện vai trò truyền dẫn, điều tiết và định hướng giá trị một cách hiệu quả.

Hệ quả tất yếu là sự xuất hiện của những hiện tượng phân hóa nội bộ, như mâu thuẫn thế hệ, mâu thuẫn giữa tín ngưỡng truyền thống và tôn giáo mới, giữa lối sống cộng đồng và khuynh hướng sống cá nhân, giữa người giữ gìn bản sắc văn hóa và người sẵn sàng từ bỏ để hội nhập. Mối quan hệ giữa cá nhân - cộng đồng - xã hội rộng lớn trở nên lỏng lẻo, niềm tin vào hệ thống chuẩn mực đạo lý, pháp lý có dấu hiệu suy giảm, làm nảy sinh các nguy cơ bất ổn. Một số vụ việc đáng tiếc đã xảy ra, trong đó đáng chú ý là sự kiện tháng 6/2023 tại huyện Cư Kuin - khi một số đối tượng là người dân tộc thiểu số bị kích động, lợi dụng tôn giáo và tâm lý bất mãn để tiến hành hành vi bạo lực chống đối chính quyền - đã trở thành lời cảnh báo rõ rệt về nguy cơ phá vỡ ổn định chính trị - xã hội từ bên trong cộng đồng.

Vấn đề không dừng lại ở hành vi bộc phát hay phản ứng tức thời, mà phản ánh những lỗ hổng trong hệ thống bảo vệ và nuôi dưỡng nhân sinh quan tích cực cho người Ê-đê. Khi các giá trị nhân văn như sự bao dung, tinh thần đoàn kết, khát vọng vươn lên vì buôn làng không còn là mẫu số chung, khi thanh niên cảm thấy bị bỏ rơi trong các chiến lược phát triển và không tìm thấy động lực hành động trong các thiết chế xã hội hiện hành, thì sự suy yếu về tinh thần cộng đồng là điều khó tránh khỏi. Những yếu tố này tích tụ theo thời gian, âm thầm làm xói mòn nền tảng ổn định chính trị - xã hội từ cấp cơ sở - nơi vốn được xem là pháo đài kiên cố nhất trong công cuộc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc.

Chính vì vậy, vấn đề bảo đảm ổn định chính trị - xã hội không thể chỉ được hiểu là sự vắng mặt của xung đột bề mặt, mà phải được xây dựng từ chiều sâu văn hóa, từ sự hài hòa giữa các hệ giá trị truyền thống và hiện đại. Chính quyền và các cơ quan quản lý cần nhận diện rõ những biến đổi trong nhân sinh quan để có chiến lược điều chỉnh chính sách văn hóa - xã hội phù hợp, đặt con người - với tư cách là chủ thể văn hóa vào trung tâm của mọi hoạt động phát triển.

Hơn nữa, bài toán phát triển bền vững trong cộng đồng người Ê-đê cần được tiếp cận từ nhiều chiều: vừa bảo đảm sinh kế và phát triển kinh tế, vừa củng cố bản sắc văn hóa và tái thiết lại hệ thống giá trị nhân văn. Các mô hình phát triển kinh tế cộng đồng cần được gắn với gìn giữ văn hóa, giáo dục đạo lý và xây dựng thiết chế truyền thống - hiện đại song hành. Bên cạnh đó, cần có sự đầu tư cho các chương trình giáo dục liên thế hệ, nơi người trẻ được tiếp cận với tinh thần truyền thống một cách chủ động, không áp đặt, để từ đó hình thành nhân sinh quan dung hòa, bền vững.

Cuối cùng, cần nhấn mạnh rằng việc giải quyết mâu thuẫn giữa ổn định và phát triển trong cộng đồng Ê-đê không chỉ là trách nhiệm của chính quyền hay cộng đồng địa phương, mà còn đòi hỏi sự tham gia phối hợp của toàn hệ thống chính trị, xã hội dân sự và các tổ chức quốc tế đang hoạt động trên địa bàn. Cần có các nghiên cứu chuyên sâu hơn về hệ giá trị, hành vi xã hội và tâm lý cộng đồng của người Ê-đê, để từ đó hoạch định chính sách phù hợp, bảo đảm nguyên tắc phát triển dựa trên bản sắc và giữ gìn sự hài hòa giữa truyền thống và hiện đại.

Tóm lại, sự biến đổi nhân sinh quan của người Ê-đê hiện nay không thể nhìn nhận đơn tuyến như một quá trình tiến hóa hay suy đồi, mà cần được tiếp cận dưới dạng một chuỗi xung đột nội sinh giữa các giá trị cũ và mới, giữa truyền thống và hiện đại, giữa cá nhân và cộng đồng. Những xung đột đó, nếu không được nhận diện và điều tiết đúng cách, có thể dẫn đến nguy cơ phá vỡ ổn định chính trị - xã hội, làm chậm lại tiến trình phát triển bền vững ở khu vực Tây Nguyên nói chung và tỉnh Đắk Lắk nói riêng. Do đó, việc nghiên cứu sâu sắc vấn đề này không chỉ mang ý nghĩa học thuật mà còn có giá trị thực tiễn lớn trong việc xây dựng chính sách phát triển đồng bộ, toàn diện và nhân văn cho cộng đồng dân tộc Ê-đê trong thời kỳ mới.

3.2.2. Mâu thuẫn giữa nhận thức và hành vi của các chủ thể đối với nội dung, phương thức bảo tồn, phát huy các giá trị nhân sinh quan tích cực của người Ê-đê ở tỉnh Đắk Lắk hiện nay

Một trong những vấn đề đặt ra hiện nay trong quá trình bảo tồn và phát huy các giá trị nhân sinh quan tích cực của người Ê-đê là sự thiếu nhất quán giữa nhận thức và hành vi của các chủ thể có liên quan. Mâu thuẫn này biểu hiện dưới nhiều hình thức và cấp độ khác nhau, từ các cơ quan quản lý nhà nước đến cộng đồng cư dân và các tổ chức xã hội, dẫn đến nhiều hệ quả tiêu cực, làm suy giảm hiệu quả của các chính sách và chương trình văn hóa - xã hội hiện hành.

Thứ nhất, giữa các cấp quản lý nhà nước và cộng đồng người Ê-đê còn tồn tại sự không thống nhất trong nhận thức về nội dung và ý nghĩa của các giá trị nhân sinh quan truyền thống. Trong khi chính quyền địa phương và một số tổ chức văn hóa - xã hội thường nhấn mạnh vai trò bảo tồn nguyên trạng các thiết chế văn hóa truyền thống như lễ hội, luật tục, nhà dài, công chiêng..., thì không ít người dân, đặc biệt là thanh niên Ê-đê, lại xem đây là những di sản mang tính nghi thức, xa rời đời sống thực tế, khó ứng dụng trong điều kiện hiện đại. Điều này phản ánh sự đứt gãy trong quan niệm giữa “di sản tinh thần” và “giá trị sử dụng xã hội” của nhân sinh quan. Việc duy trì các lễ cúng thần rừng, lễ mừng lúa mới hay lễ bỏ mả... đối với một số người trẻ trở thành gánh nặng, dẫn tới tâm lý né tránh hoặc thực hiện mang tính hình thức, trong khi người già và người có uy tín trong buôn làng lại coi đó là trách nhiệm đạo lý không thể từ bỏ.

Thứ hai, các thiết chế văn hóa truyền thống của người Ê-đê chưa được tổ chức lại một cách phù hợp với điều kiện sống mới. Mặc dù nhiều chủ trương của tỉnh Đắk Lắk đã khẳng định tầm quan trọng của bảo tồn di sản văn hóa phi vật thể gắn với phát triển du lịch cộng đồng, nhưng việc triển khai trên thực tế vẫn còn mang tính phong trào, thiếu chiều sâu và thiếu sự phối hợp liên ngành. Ví dụ, một số lễ hội truyền thống được phục dựng nhằm phục vụ du lịch hoặc sự kiện chính trị - xã hội, nhưng lại tách rời khỏi không gian văn hóa nguyên gốc, làm biến đổi hoặc phi thực hành các giá trị nhân sinh quan gắn với cộng đồng. Điều này dẫn đến mâu thuẫn giữa mong muốn gìn giữ bản sắc văn hóa và hành vi thực thi mang tính thương mại hóa, biểu diễn.

Thứ ba, trong nội bộ cộng đồng Ê-đê cũng tồn tại sự khác biệt lớn giữa nhận thức của các thế hệ. Người cao tuổi thường có nhận thức sâu sắc về triết lý sống “sống cùng,

sống với và sống cho nhau”, trân trọng lễ nghi, nghi thức thể hiện lòng biết ơn, sự bao dung và hòa hợp với tự nhiên. Trong khi đó, không ít thanh niên chịu ảnh hưởng của lối sống đô thị, toàn cầu hóa và công nghệ, có xu hướng cá nhân hóa khát vọng sống, ít tham gia các nghi lễ cộng đồng, và xem các giá trị truyền thống là “quá khứ văn hóa” thay vì nền tảng nhân sinh cần được kế thừa. Tình trạng này cho thấy sự lệch pha giữa truyền thống và hiện đại trong cùng một cộng đồng, dẫn đến hiện tượng “lệch chuẩn văn hóa” và mất dần sự lan tỏa của các giá trị nhân sinh tích cực trong đời sống hằng ngày.

Thứ tư, trong khi nhiều cán bộ văn hóa, giáo viên, nhà nghiên cứu nỗ lực đưa các giá trị văn hóa Ê-đê vào giáo dục học đường, truyền thông đại chúng... thì sự hưởng ứng từ cộng đồng lại không đồng đều. Một số chương trình bảo tồn công chiêng, dạy tiếng Ê-đê, tổ chức ngày hội văn hóa dân tộc thiểu số... tuy được triển khai, nhưng thiếu sự kết nối liên tục với đời sống thực tiễn của người dân. Người dân không thấy được lợi ích thiết thực từ các hoạt động đó nên việc tham gia chủ yếu mang tính hưởng ứng, thiếu tự nguyện và chưa tạo được động lực nội sinh để thúc đẩy quá trình bảo tồn một cách bền vững.

Thứ năm, về mặt phương thức, nhiều mô hình bảo tồn hiện nay vẫn còn đơn lẻ, thiếu tính hệ thống và đồng bộ. Một số địa phương đã xây dựng quy ước buôn làng, kết hợp luật tục với pháp luật để điều chỉnh hành vi ứng xử xã hội, nhưng việc triển khai chưa thật sự đi vào chiều sâu, chưa gắn kết chặt chẽ giữa bảo tồn nhân sinh quan truyền thống với các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, giáo dục đạo đức, nâng cao chất lượng cuộc sống. Hơn nữa, ở một số nơi, luật tục truyền thống đang bị thay thế quá nhanh bởi pháp luật hiện đại mà không có sự trung chuyển nhận thức, gây ra tình trạng “quá độ văn hóa” - tức là sự đứt đoạn trong hình thành hệ giá trị sống phù hợp với bối cảnh mới.

Thứ sáu, một số chủ thể quản lý còn lúng túng trong việc xác định đâu là giá trị cần bảo tồn, đâu là yếu tố có thể thích nghi và sáng tạo. Thiếu một chiến lược tổng thể và cơ chế hướng dẫn cụ thể dẫn đến tình trạng hoặc là sao chép nguyên trạng các yếu tố truyền thống không còn phù hợp, hoặc là biến tấu quá mức làm mất bản sắc. Việc đưa công chiêng, trang phục, lễ hội Ê-đê vào du lịch - nếu không có định hướng nhân sinh quan - dễ dẫn đến nguy cơ phi văn hóa hóa các thực hành văn hóa, biến những giá trị sống sâu sắc trở thành phương tiện thương mại đơn thuần.

Thứ bảy, các phương tiện truyền thông và giáo dục văn hóa hiện nay chưa phát huy đầy đủ vai trò trong việc kiến tạo sự thống nhất nhận thức và truyền cảm hứng về nhân sinh quan tích cực. Số lượng các chương trình dành riêng cho người Ê-đê trên các đài phát thanh, truyền hình, mạng xã hội... còn hạn chế, chưa tạo được không gian học tập, trao đổi và lan tỏa các giá trị truyền thống một cách hấp dẫn và hiệu quả. Trong khi đó, các yếu tố văn hóa ngoại lai với nội dung giải trí thiếu chọn lọc lại chiếm lĩnh đời sống tinh thần của giới trẻ Ê-đê, khiến cho những giá trị nhân sinh như lòng biết ơn, tình nghĩa đồng bào, ý thức cộng đồng... bị mờ nhạt, thậm chí bị thay thế bằng những biểu tượng và lối sống không phù hợp.

Tóm lại, mâu thuẫn giữa nhận thức và hành vi trong quá trình bảo tồn, phát huy các giá trị nhân sinh quan tích cực của người Ê-đê ở tỉnh Đắk Lắk là một vấn đề nghiêm trọng và cần được nhận diện rõ ràng. Nếu không được giải quyết một cách đồng bộ, khoa học và có sự phối hợp đa chiều giữa các chủ thể - từ nhà nước, nhà trường, cộng đồng đến từng cá nhân thì không những bản sắc văn hóa Ê-đê bị mai một, mà còn dẫn đến sự suy yếu của nền tảng nhân sinh quan vốn là cốt lõi gắn kết cộng đồng, điều hướng hành vi, thúc đẩy phát triển bền vững. Trong bối cảnh hiện nay, yêu cầu cấp thiết đặt ra là phải xây dựng một chiến lược tổng thể, có hệ thống, vừa đảm bảo sự kế thừa truyền thống, vừa thích nghi với thời đại; đồng thời phải chú trọng truyền thông văn hóa, giáo dục liên thế hệ và phát huy vai trò chủ thể của chính cộng đồng Ê-đê trong hành trình gìn giữ và phát triển bản sắc nhân sinh.

3.2.3. Mâu thuẫn giữa sự phong phú của các giá trị tích cực trong nhân sinh quan người Ê-đê và mức độ nghiên cứu khoa học còn chưa tương xứng

Thực trạng nghiên cứu nhân sinh quan của người Ê-đê ở tỉnh Đắk Lắk hiện nay bộc lộ rõ mâu thuẫn giữa sự phong phú, giàu giá trị của nhân sinh quan tích cực trong đời sống cộng đồng và mức độ nghiên cứu khoa học còn chưa tương xứng. Một mặt, nhân sinh quan Ê-đê hàm chứa nhiều giá trị nhân văn có ý nghĩa quan trọng đối với việc bảo tồn bản sắc văn hóa, củng cố nền tảng đạo đức – tinh thần và định hướng phát triển bền vững cho cộng đồng. Mặt khác, các công trình nghiên cứu hiện có chủ yếu mới dừng lại ở việc mô tả phong tục, nghi lễ, tín ngưỡng và các yếu tố văn hóa bề nổi, trong khi thiếu những phân tích mang tính hệ thống về chiều sâu triết học, đạo đức học và xã hội học tri thức của các giá trị ấy.

Mâu thuẫn này càng trở nên rõ nét trong bối cảnh đô thị hóa, toàn cầu hóa và giao thoa tộc người diễn ra ngày càng mạnh mẽ. Thực tiễn đòi hỏi phải tiếp cận nhân sinh quan Ê-đê không chỉ như tập hợp các thực hành văn hóa truyền thống, mà như một cấu trúc tư tưởng – giá trị có khả năng định hướng hành vi xã hội, giáo dục con người và hoạch định chính sách văn hóa – xã hội hiện nay. Tuy nhiên, những triết lý nhân sinh giàu ý nghĩa như tinh thần “sống cùng, sống với, sống cho nhau”, ý thức cộng mệnh, tinh thần bao dung hay khát vọng sống hài hòa tuy thường xuyên được nhắc tới, song vẫn chưa được luận giải một cách đầy đủ như những phạm trù nhân sinh học có tính khái quát và khả năng ứng dụng thực tiễn.

Một biểu hiện khác của mâu thuẫn này là khuynh hướng nghiên cứu còn mang tính đơn ngành, thiếu sự kết nối liên ngành giữa dân tộc học, triết học, xã hội học và giáo dục học. Điều đó dẫn đến việc chưa nhận diện đầy đủ vai trò của nhân sinh quan Ê-đê trong việc định hình lối sống, điều chỉnh hành vi và xây dựng bản lĩnh văn hóa cộng đồng. Không ít nghiên cứu vẫn thiên về mô tả các nghi lễ như lễ bỏ mả, lễ mừng lúa mới, lễ cúng bến nước..., nhưng chưa đi sâu làm rõ triết lý nền tảng chi phối các nghi lễ ấy, khiến hoạt động bảo tồn văn hóa dễ nghiêng về hình thức, thiếu chiều sâu tư tưởng.

Bên cạnh đó, mâu thuẫn còn thể hiện ở sự thiếu gắn kết chiến lược giữa nghiên cứu nhân sinh quan Ê-đê với các thiết chế giáo dục và truyền thông. Mặc dù tỉnh Đắk Lắk đã triển khai nhiều chương trình bảo tồn văn hóa dân tộc thiểu số, song chưa có định hướng riêng về nghiên cứu, xây dựng và truyền thông hệ giá trị nhân sinh quan như một nguồn lực nội sinh cho phát triển. Hệ quả là thiếu đội ngũ nghiên cứu liên ngành, thiếu tư liệu chuyên sâu, và thiếu các sản phẩm giáo dục – truyền thông có khả năng lan tỏa những giá trị sống tích cực tới thế hệ trẻ người Ê-đê.

Từ những phân tích trên có thể khẳng định, việc giải quyết mâu thuẫn giữa sự phong phú của các giá trị nhân sinh quan tích cực và mức độ nghiên cứu khoa học còn hạn chế là yêu cầu cấp thiết hiện nay. Điều đó đòi hỏi phải chuyển từ cách tiếp cận mô tả phong tục sang xây dựng hệ luận điểm khoa học về nhân sinh quan Ê-đê trên nền tảng triết học và xã hội học, đồng thời gắn kết chặt chẽ nghiên cứu với giáo dục, chính sách và truyền thông cộng đồng. Chỉ trên cơ sở đó, nhân sinh quan Ê-đê mới được khẳng định đúng vị trí như một di sản tư tưởng – văn hóa có giá trị lâu dài, vừa góp phần bảo

tồn bản sắc, vừa phục vụ thiết thực cho mục tiêu phát triển bền vững ở Tây Nguyên hiện nay.

3.2.4. Mâu thuẫn giữa công tác bảo tồn, phát huy các giá trị tích cực trong nhân sinh quan của người Ê-đê ở tỉnh Đắk Lắk với yêu cầu đổi mới, phát triển

Trong tiến trình phát triển kinh tế - xã hội hiện nay, đặc biệt dưới tác động mạnh mẽ của công cuộc hiện đại hóa, đô thị hóa và hội nhập quốc tế, một mâu thuẫn lớn đang đặt ra đối với cộng đồng người Ê-đê tại tỉnh Đắk Lắk: đó là mâu thuẫn giữa yêu cầu bảo tồn và phát huy các giá trị nhân sinh quan tích cực truyền thống với áp lực đổi mới và phát triển. Mâu thuẫn này không chỉ phản ánh đặc điểm chung của các dân tộc thiểu số trong thời kỳ đổi mới, mà còn mang tính đặc thù với người Ê-đê - một cộng đồng cư dân bản địa có lịch sử định cư lâu đời, hệ giá trị văn hóa riêng biệt, đang chịu tác động sâu sắc từ các biến động xã hội đương đại.

Trước hết, cần khẳng định rằng hệ giá trị nhân sinh quan truyền thống của người Ê-đê bao gồm tinh thần cộng đồng, lòng biết ơn tổ tiên, quan hệ hài hòa với tự nhiên, khát vọng sống yên ổn và sung túc - là nền tảng cốt lõi trong cấu trúc văn hóa tộc người. Những giá trị này được gìn giữ và truyền thừa thông qua nhà dài, luật tục, lễ hội, phong tục, sử thi và sinh hoạt văn hóa dân gian. Chúng định hướng hành vi, điều tiết quan hệ xã hội và góp phần duy trì sự ổn định của cộng đồng Ê-đê suốt chiều dài lịch sử.

Tuy nhiên, trong bối cảnh Đắk Lắk đang trở thành trung tâm phát triển kinh tế - xã hội của Tây Nguyên, quá trình đô thị hóa, cơ giới hóa nông nghiệp, phát triển du lịch và tiếp biến văn hóa đã tạo ra nhiều thay đổi nhanh chóng về không gian sống, lối sống và cơ cấu kinh tế. Những chuyển biến này gây áp lực lên việc bảo tồn các giá trị nhân sinh quan truyền thống, làm nảy sinh nhiều mâu thuẫn giữa bảo tồn và phát triển.

Một mặt, quá trình phát triển đòi hỏi cộng đồng, trong đó có người Ê-đê, chuyển đổi từ sản xuất tự cung tự cấp sang sản xuất hàng hóa, từ đại gia đình mẫu hệ sang gia đình hạt nhân, từ không gian cộng đồng sang lối sống cá nhân hóa. Những thay đổi này làm suy yếu cơ chế bảo tồn nhân sinh quan truyền thống vốn gắn với không gian cộng đồng. Nhà dài truyền thống dần nhường chỗ cho kiến trúc hiện đại; lễ hội cộng đồng bị mai một hoặc tổ chức hình thức; rừng thiêng, bến nước - không gian linh thiêng - bị xâm lấn bởi quá trình phân bổ đất đai. Cùng với đó, sự phát triển mạnh của các tôn giáo mới dù tạo ra đời sống tâm linh mới cho cá nhân - lại thay thế dần tín ngưỡng truyền thống

như lễ cúng Yang, luật tục mẫu hệ, các hình thức giao tiếp cộng cảm gắn với bản sắc Ê-đê.

Mặt khác, chính sách phát triển văn hóa tuy đã có nhiều định hướng tích cực, nhưng nhiều chương trình mới chỉ dừng ở mức phục dựng, mô phỏng hoặc phục vụ mục tiêu du lịch, dẫn đến sự phi văn hóa hóa các giá trị sâu sắc gắn với nhân sinh quan. Khi tách rời các nghi thức, biểu tượng và phong tục khỏi không gian sống thực chất, việc bảo tồn trở nên phiến diện, thiếu sức sống nội tại và khó bền vững.

Thực tế tại tỉnh Đắk Lắk cho thấy, thế hệ trẻ Ê-đê đang bị giằng xé giữa hai chiều định hướng: một bên là khao khát tri thức, kinh tế và tiếp cận lối sống hiện đại; một bên là mối liên kết văn hóa và đạo lý với truyền thống buôn làng. Không ít thanh niên sau thời gian học tập, làm ăn ở thành phố trở về không còn nhận diện được bản thân trong không gian văn hóa tộc người. Tình trạng “rời rạc giá trị”, “mất gốc” ngày càng phổ biến, phản ánh sự đứt gãy trong lựa chọn lối sống và mục tiêu phát triển cá nhân.

Ngoài ra, các mô hình kinh tế - văn hóa cộng đồng hiện nay như ở buôn Ako Đông, Kmrông Prông B, Kô Tam... dù có một số thành tựu nhưng vẫn mang tính thí điểm, chưa lan tỏa rộng và thiếu chiến lược dài hạn. Việc thiếu liên kết giữa bảo tồn - giáo dục - kinh tế - truyền thông đang làm hạn chế hiệu quả của các nỗ lực phát triển dựa trên nền tảng văn hóa truyền thống. Nếu không có chính sách tổng thể và liên ngành, nguy cơ đứt gãy văn hóa là hoàn toàn hiện hữu.

Từ những phân tích trên có thể thấy, mâu thuẫn giữa việc bảo tồn và phát huy nhân sinh quan truyền thống với yêu cầu đổi mới là một thực tế tất yếu, có tính hai mặt. Nếu không nhận diện rõ và xử lý hài hòa, mâu thuẫn này có thể dẫn đến lạc hướng chính sách, mai một bản sắc, mất phương hướng giá trị và suy giảm sức đề kháng văn hóa - xã hội của cộng đồng Ê-đê trước các tác động toàn cầu hóa.

Vấn đề đặt ra hiện nay không phải là lựa chọn giữa bảo tồn hay phát triển, mà là cần một định hướng phát triển hài hòa. Trong đó, bảo tồn các giá trị nhân sinh quan Ê-đê cần gắn với điều kiện hiện đại hóa, bằng cách “hiện đại hóa” phương thức thể hiện, gắn với sinh kế, giáo dục, truyền thông và công nghệ. Ngược lại, đổi mới cũng phải xuất phát từ nội lực văn hóa, kế thừa và phát huy các giá trị truyền thống như một trụ cột tinh thần cho phát triển bền vững của cộng đồng.

3.2.5. Mâu thuẫn giữa yêu cầu lan tỏa các giá trị nhân sinh quan tích cực của người Ê-đê và tính đơn điệu trong phương thức giáo dục, tuyên truyền hiện nay

Trong bối cảnh hiện đại hóa, đô thị hóa và giao lưu văn hóa ngày càng sâu rộng, yêu cầu lan tỏa các giá trị nhân sinh quan tích cực của người Ê-đê trở nên ngày càng cấp thiết, không chỉ nhằm bảo tồn bản sắc văn hóa mà còn để xây dựng nền tảng đạo đức – tinh thần cho sự phát triển bền vững của cộng đồng. Tuy nhiên, thực tiễn ở tỉnh Đắk Lắk hiện nay đang bộc lộ một mâu thuẫn rõ nét: trong khi nhu cầu truyền tải, phổ biến và làm sống động hệ giá trị nhân sinh quan Ê-đê ngày càng lớn, thì các phương thức giáo dục, tuyên truyền vẫn còn đơn điệu, chậm đổi mới và chưa tương xứng với yêu cầu đặt ra.

Biểu hiện trước hết của mâu thuẫn này thể hiện trong hệ thống giáo dục chính quy. Hoạt động giáo dục về văn hóa và nhân sinh quan Ê-đê chủ yếu dừng lại ở việc truyền đạt kiến thức mang tính lý thuyết, thiếu các hình thức trải nghiệm, tương tác và thực hành gắn với đời sống cộng đồng. Trong khi đó, nhân sinh quan Ê-đê vốn được hình thành, lưu truyền và củng cố thông qua nghi lễ, lễ hội, luật tục, quan hệ buôn làng và mối quan hệ hài hòa với thiên nhiên. Sự lệch pha giữa đặc trưng nội dung cần giáo dục và phương thức giáo dục hiện hành đã làm suy giảm hiệu quả lan tỏa các giá trị nhân sinh quan tích cực tới thế hệ trẻ.

Mâu thuẫn này còn thể hiện ở việc chưa lồng ghép một cách có hệ thống các giá trị nhân sinh quan nội sinh vào chương trình giáo dục và hoạt động ngoại khóa, kể cả tại các trường phổ thông dân tộc nội trú. Điều đó dẫn đến nguy cơ một bộ phận thanh thiếu niên Ê-đê ngày càng xa rời các biểu tượng văn hóa truyền thống, chưa ý thức đầy đủ rằng nhân sinh quan bản địa không chỉ là di sản quá khứ mà còn là nguồn lực tinh thần có giá trị định hướng cho hiện tại và tương lai.

Trong lĩnh vực tuyên truyền, mâu thuẫn tiếp tục bộc lộ rõ khi các hình thức phổ biến hiện nay vẫn thiên về lối tiếp cận hành chính, áp đặt từ trên xuống, thiếu tính sinh động và khả năng tạo cảm hứng. Các hội nghị, tọa đàm, buổi nói chuyện chuyên đề thường mang tính hình thức, chưa chuyển hóa được nội dung tuyên truyền thành nhận thức sâu sắc và hành vi cụ thể trong đời sống cộng đồng. Trong khi đó, yêu cầu lan tỏa nhân sinh quan tích cực đòi hỏi những phương thức mềm dẻo, gần gũi, giàu tính cảm xúc và phù hợp với đặc điểm văn hóa của người Ê-đê.

Một biểu hiện khác của mâu thuẫn là việc chưa khai thác hiệu quả các phương tiện truyền thông hiện đại như mạng xã hội, nền tảng số, truyền hình và phát thanh dân tộc để lan tỏa các thông điệp tích cực về nhân sinh quan Ê-đê, đặc biệt đối với thanh thiếu niên. Trong khi đó, các hình thức sáng tạo như phim tài liệu, phóng sự văn hóa, chương trình trải nghiệm, sản phẩm truyền thông song ngữ hoàn toàn có khả năng tạo hiệu ứng lan tỏa sâu rộng nếu được đầu tư bài bản.

Bên cạnh đó, vai trò của các chủ thể văn hóa truyền thống như già làng, nghệ nhân, người có uy tín trong buôn làng – những “người mang ký ức văn hóa sống” – vẫn chưa được phát huy đúng mức trong công tác giáo dục và tuyên truyền. Các hoạt động truyền dạy công chiêng, kể Khan, diễn sử thi, giao lưu liên thế hệ còn thưa thớt, thiếu sự hỗ trợ thường xuyên từ các cơ quan quản lý, khiến khả năng truyền nối các giá trị nhân sinh quan bị suy giảm.

Cuối cùng, công tác giáo dục và tuyên truyền hiện nay còn thiếu định hướng đối tượng rõ ràng, chưa phân hóa theo độ tuổi, vùng cư trú, trình độ nhận thức và nhu cầu tiếp nhận khác nhau của cộng đồng Ê-đê đang sinh sống đan xen giữa đô thị – nông thôn, giữa các hệ tín ngưỡng và tôn giáo, giữa các thế hệ. Điều này làm cho quá trình lan tỏa các giá trị nhân sinh quan tích cực thiếu chiều sâu và tính bền vững.

Từ những phân tích trên có thể khẳng định rằng, mâu thuẫn giữa yêu cầu lan tỏa các giá trị nhân sinh quan tích cực của người Ê-đê và tính đơn điệu trong phương thức giáo dục, tuyên truyền hiện nay là một vấn đề nổi bật cần được giải quyết. Việc xây dựng một chiến lược giáo dục và tuyên truyền đa dạng, sáng tạo, linh hoạt, kết hợp giữa truyền thông hiện đại, trải nghiệm văn hóa và vai trò của cộng đồng, nghệ nhân, nhà nghiên cứu không chỉ là yêu cầu thực tiễn cấp bách mà còn là nhiệm vụ lý luận quan trọng trong bảo tồn và phát huy hệ giá trị nhân sinh quan Ê-đê trong điều kiện mới.

Tiểu kết chương 3

Chương 3 của luận án tập trung khảo sát và phân tích thực trạng biến đổi nhân sinh quan của người Ê-đê ở tỉnh Đắk Lắk hiện nay, được nhìn nhận trên hai phương diện chính: tích cực và tiêu cực. Sự biến đổi này được thể hiện qua ba nội dung trọng yếu: quan niệm về cuộc sống; sự trân trọng, lòng biết ơn; và khát vọng sống ấm no, hạnh phúc. Phân tích cho thấy rõ xu hướng vận động trong hệ giá trị sống của người Ê-đê từ các chuẩn mực truyền thống sang các biểu hiện thích ứng với đời sống hiện đại.

Luận án cũng chỉ ra các nguyên nhân dẫn đến thực trạng trên, bao gồm cả yếu tố khách quan – như tác động của kinh tế thị trường, quá trình đô thị hóa, và cộng cư liên tộc người – cũng như yếu tố chủ quan, điển hình là hiệu quả giáo dục văn hóa truyền thống còn hạn chế, vai trò của thiết chế buôn làng suy giảm, chiến lược tuyên truyền chưa phù hợp và quá trình truyền thừa giá trị sống qua các thế hệ gặp nhiều đứt gãy.

Trên cơ sở thực trạng này, chương 3 nêu ra những vấn đề khoa học, lý luận và thực tiễn cần giải quyết để giữ gìn, phát huy các giá trị nhân sinh quan của người Ê-đê tại địa phương. Các vấn đề nổi bật gồm: mâu thuẫn giữa yêu cầu ổn định chính trị – xã hội với nguy cơ phân hóa nội bộ tộc người; sự chưa thống nhất giữa nhận thức và hành vi trong bảo tồn giá trị sống; thiếu các nghiên cứu sâu về giá trị triết lý nhân sinh Ê-đê; các phương thức giáo dục, truyền thông văn hóa còn khô cứng và đơn điệu; cùng với thách thức cân bằng giữa bảo tồn bản sắc và đáp ứng yêu cầu đổi mới, hội nhập.

Những phân tích này cung cấp cơ sở lý luận và thực tiễn quan trọng, định hướng cho việc xây dựng các giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị nhân sinh quan tích cực của người Ê-đê trong chương tiếp theo của luận án.

Chương 4

QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP PHÁT HUY NHỮNG BIẾN ĐỔI TÍCH CỰC, HẠN CHẾ NHỮNG BIẾN ĐỔI TIÊU CỰC TRONG NHÂN SINH QUAN CỦA NGƯỜI Ê-ĐÊ Ở TỈNH ĐẮK LẮK HIỆN NAY

4.1. Quan điểm phát huy những biến đổi tích cực, hạn chế những biến đổi tiêu cực trong nhân sinh quan của người Ê-đê ở tỉnh Đắk Lắk hiện nay

4.1.1. Phát huy những biến đổi tích cực, hạn chế những biến đổi tiêu cực trong nhân sinh quan của người Ê-đê ở tỉnh Đắk Lắk hiện nay theo định hướng xã hội chủ nghĩa, phù hợp với những giá trị chung của nhân loại

Trong bối cảnh Đắk Lắk triển khai chiến lược phát triển kinh tế - xã hội gắn liền với bảo tồn văn hóa các dân tộc thiểu số, việc nhận diện và định hướng sự biến đổi nhân sinh quan của người Ê-đê không chỉ là vấn đề cấp thiết trên bình diện chính sách, mà còn là một tất yếu trong tiến trình phát triển xã hội. Bởi lẽ, nhân sinh quan - với tư cách là hệ thống những quan niệm của con người về ý nghĩa, mục đích và giá trị của đời sống - khi biến đổi sẽ phản ánh trực tiếp sự chuyển động của đời sống vật chất, tinh thần và văn hóa. Do đó, việc định hướng nhân sinh quan Ê-đê không thể dừng lại ở việc bảo tồn bản sắc, mà phải đặt trong tổng thể xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, đồng thời hòa nhịp cùng các giá trị phổ quát mà nhân loại đang cùng hướng tới: công bằng, nhân văn, trách nhiệm xã hội và phát triển bền vững.

Thứ nhất, tinh thần cộng đồng và ý thức trách nhiệm xã hội - vốn là những hằng số giá trị trong nhân sinh quan truyền thống Ê-đê - cần được nhìn nhận như nền tảng bản thể cho định hướng xã hội chủ nghĩa. Truyền thống “sống cùng, sống với và sống cho nhau” thể hiện trong quan hệ làng buôn, trong lễ hội, lao động sản xuất, và trong cách giải quyết xung đột bằng luật tục, chính là hiện thân sinh động của nguyên lý “cộng đồng làm trung tâm”. Điều 87 của Luật tục quy định: “Cùi nặng thì mang giùm, nước nặng thì gùi giúp, công việc nương rẫy muộn màng thì phải giúp nhau làm cho kịp thời vụ; ai ốm, ai đau phải được mọi người trông nom săn sóc... Tất cả phải nghe cùng một tai, nói cùng một miệng, tất cả phải cùng một lòng, một dạ” [142, tr. 284]. Khi được kế thừa và phát huy, tinh thần ấy trở thành động lực nội sinh củng cố khối đại đoàn kết các

dân tộc, đồng thời hình thành nhân cách công dân với ý thức xã hội – một tiêu chí trung tâm trong xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa.

Thứ hai, sự phát triển con người Ê-đê cần được định hướng theo nguyên tắc toàn diện và hài hòa giữa truyền thống và hiện đại. Nhân sinh quan đương đại của họ đã xuất hiện những giá trị mới như khát vọng vươn lên chính đáng, ý thức học tập, tinh thần khởi nghiệp gắn với văn hóa. Đây là những biểu hiện của sự chuyển hóa năng động, cần được khuyến khích và lan tỏa. Tuy nhiên, sự phát triển này chỉ có ý nghĩa bền vững khi được đặt trên nền tảng đạo đức lành mạnh, có sự chọn lọc và tiếp biến tinh hoa nhân loại. Giáo dục thế hệ trẻ Ê-đê vì vậy không chỉ là chức năng của nhà trường, mà còn là sự kết hợp của giáo dục gia đình, buôn làng và cộng đồng, nhằm vừa bảo tồn căn tính văn hóa, vừa mở rộng năng lực hội nhập hiện đại.

Thứ ba, nhân sinh quan Ê-đê cần được định hướng rõ ràng theo mục tiêu dân chủ, công bằng, văn minh - những trụ cột của xã hội chủ nghĩa. Các thực hành truyền thống như chia sẻ sản phẩm lao động, phân phối công việc công bằng hay cơ chế tham gia quản lý cộng đồng vốn đã tiềm tàng tinh thần dân chủ cơ sở, nơi mọi thành viên - bao gồm cả phụ nữ và thanh niên - đều có quyền lên tiếng. Trên phương diện chính sách, việc bảo đảm sự tiếp cận bình đẳng của đồng bào Ê-đê với các nguồn lực phát triển là yêu cầu tất yếu. Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nhấn mạnh: “Không sợ thiếu, chỉ sợ không công bằng; Không sợ nghèo, chỉ sợ lòng dân không yên” [100, tr. 224]; đồng thời khẳng định: “Nước ta là một nước thống nhất gồm nhiều dân tộc. Các dân tộc sống trên đất nước Việt Nam đều bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ” [104, tr. 371]. Tư tưởng ấy tiếp tục được kế thừa trong đường lối của Đảng, thể hiện ở định hướng “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”. Văn kiện Đại hội XIII của Đảng đã nêu rõ: “Gắn kết giữa tăng trưởng kinh tế với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; phát huy nhân tố con người, lấy nhân dân làm trung tâm; phát huy vai trò của văn hóa - nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu, động lực của sự phát triển” [50, tr. 99], đồng thời đề ra mục tiêu “tạo điều kiện cho mọi người, nhất là trẻ em, nhóm yếu thế, đồng bào DTTS, người di cư hòa nhập, tiếp cận bình đẳng nguồn lực, cơ hội phát triển và hưởng thụ công bằng các dịch vụ xã hội cơ bản” [56, tr. 264].

Thứ tư, việc gắn kết nhân sinh quan truyền thống Ê-đê với định hướng phát triển bền vững cần được xem như một tất yếu triết học trong thời đại khủng hoảng sinh thái.

Niềm tin vào Yang, các luật tục bảo vệ rừng thiêng, nghi lễ cúng suối nguồn đã kiến tạo một nền văn hóa coi trọng thiên nhiên. Đây không chỉ là yếu tố bản sắc, mà còn là hạt nhân giá trị để địa phương xây dựng các mô hình phát triển mới như nông nghiệp hữu cơ, du lịch sinh thái, kinh tế tuần hoàn. Khi đó, việc phát huy nhân sinh quan Ê-đê sẽ đồng thời trở thành nền tảng nuôi dưỡng ý thức sinh thái, đưa con người vào mối quan hệ hòa hợp với tự nhiên như một tất yếu của phát triển bền vững.

Thứ năm, định hướng nhân sinh quan Ê-đê theo con đường xã hội chủ nghĩa cần được đặt trong không gian hội nhập văn hóa toàn cầu. Các giá trị phổ quát như hòa bình, bình đẳng giới, tôn trọng nhân quyền, học tập suốt đời vốn đã cộng hưởng với những yếu tố tiên bộ trong nhân sinh quan truyền thống Ê-đê. Điều quan trọng là phải thiết lập cơ chế tiếp nhận có chọn lọc, thông qua vai trò trung gian của giáo dục, truyền thông và các thiết chế văn hóa, để đồng bào Ê-đê vừa giữ vững căn tính dân tộc, vừa từng bước tiếp nhận tinh hoa văn minh nhân loại.

Tóm lại, việc phát huy những biến đổi tích cực và hạn chế những biểu hiện tiêu cực trong nhân sinh quan người Ê-đê theo định hướng xã hội chủ nghĩa không chỉ là nhiệm vụ của lĩnh vực văn hóa - tư tưởng, mà còn là một nguyên tắc triết học trong quá trình kiến tạo con người và xã hội mới. Khi những giá trị bản địa được soi chiếu, khái quát và phát triển trong mối tương quan với các giá trị phổ quát như công bằng, tự do, trách nhiệm và hòa hợp, thì người Ê-đê không chỉ giữ gìn được bản sắc, mà còn trở thành chủ thể tích cực của tiến trình xây dựng một xã hội văn minh, nhân văn và giàu đẹp – đúng như khát vọng mà Đảng và nhân dân Việt Nam đã xác lập trên con đường đi lên chủ nghĩa xã hội.

4.1.2. Phát huy biến đổi tích cực, hạn chế những biến đổi tiêu cực trong nhân sinh quan của người Ê-đê ở tỉnh Đắk Lắk hiện nay phù hợp với hệ giá trị văn hóa, con người Việt Nam

Việc phát huy những biến đổi tích cực và hạn chế những biến đổi tiêu cực trong nhân sinh quan của người Ê-đê ở tỉnh Đắk Lắk hiện nay cần được đặt trong mối tương quan hài hòa với hệ giá trị văn hóa và con người Việt Nam hiện đại. Đây không chỉ là yêu cầu mang tính văn hóa – xã hội mà còn là định hướng cơ bản, nhằm xây dựng nền tảng đạo lý, chuẩn mực sống và tinh thần cộng đồng cho sự phát triển bền vững của các dân tộc trong thời kỳ hội nhập. Khái quát này giúp chúng ta nhìn nhận nhân sinh quan

Ê-đê không tách rời mà là một bộ phận cấu thành trong bức tranh văn hóa Việt Nam, đồng thời làm rõ cách thức giá trị truyền thống có thể bổ sung, làm phong phú cho giá trị văn hóa dân tộc hiện nay.

Người Ê-đê là một bộ phận không thể tách rời trong cộng đồng 54 dân tộc anh em ở Việt Nam, với truyền thống văn hóa đặc sắc và hệ giá trị nhân sinh mang đậm tính cộng đồng, tinh thần hòa hợp với thiên nhiên, lòng biết ơn tổ tiên, khát vọng sống yên ổn và phát triển buôn làng. Những giá trị ấy – nếu được phát huy đúng hướng – không chỉ bảo tồn bản sắc văn hóa Ê-đê mà còn bổ sung vào dòng chảy chung của văn hóa Việt Nam, góp phần làm phong phú bức tranh con người Việt Nam hiện đại với những phẩm chất như nhân ái, trách nhiệm, đoàn kết, lao động sáng tạo, kỷ luật và khát vọng vươn lên. Sự luận giải này nhấn mạnh tương thích giữa giá trị bản địa và hệ giá trị dân tộc, từ đó xác lập cơ sở lý luận cho việc triển khai các chiến lược bảo tồn – phát huy nhân sinh quan trong thực tiễn.

Trong bối cảnh kinh tế - xã hội ngày càng biến động, đặc biệt ở khu vực Tây Nguyên nói chung và tỉnh Đắk Lắk nói riêng – nơi chịu nhiều áp lực từ quá trình đô thị hóa, công nghiệp hóa và tiếp biến văn hóa – những biểu hiện tích cực trong nhân sinh quan của người Ê-đê, như tinh thần cộng đồng, ý thức vì buôn làng, tôn trọng thiên nhiên, hiếu kính ông bà, trách nhiệm với cộng đồng..., cần được nhận diện, nâng đỡ và cụ thể hóa như những giá trị cốt lõi của con người Việt Nam mới. Những giá trị này gắn chặt với hệ giá trị cơ bản của con người Việt Nam hiện nay, bao gồm:

Thứ nhất, yêu nước - giá trị hạt nhân, định hướng và chi phối các giá trị khác, hình thành trong quá trình bảo vệ cộng đồng và chống ngoại xâm, vừa là truyền thống vừa là sức mạnh nội sinh, được khẳng định qua thực tiễn cách mạng và triết lý phát triển xã hội chủ nghĩa. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta. Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng, thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước” [103, tr. 38]

Thứ hai, đoàn kết, nhân ái, khoan dung - tinh thần thống nhất trong đa dạng, là cơ sở tạo nên sức mạnh tổng hợp trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đồng thời là giá trị cần được bảo tồn, phát huy trong giai đoạn hội nhập, vừa thể hiện trong cộng đồng Ê-

đê, vừa liên kết với hệ giá trị dân tộc. Đoàn kết là một giá trị tinh thần vô cùng quan trọng, đồng thời là động lực then chốt thúc đẩy quá trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Chính vì vậy, trong định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021 – 2030, Đại hội XIII của Đảng khẳng định: “Phát huy ... tính cộng đồng..., xây dựng môi trường văn hóa, con người giàu lòng nhân ái, khoan dung, chân thành, tín nghĩa, trọng đạo lý” [56, tr. 262 - 263].

Thứ ba, tính kỷ luật và sáng tạo - yêu cầu của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đổi mới sáng tạo trong mọi lĩnh vực; vừa đáp ứng nhu cầu phát triển xã hội, vừa giúp định hình con người Việt Nam thời đại mới, có khả năng thích ứng, giải quyết vấn đề và chủ động đóng góp vào sự phát triển bền vững của đất nước. Con người vừa là chủ thể, vừa là động lực cho sự phát triển xã hội. Đảng ta chỉ rõ: “Khuyến khích, tạo điều kiện để mọi người dân được phát huy các năng lực tự do sáng tạo trong đời sống kinh tế, xã hội” [56, tr. 262 – 263].

Các giá trị này hòa quyện với nhân sinh quan Ê-đê tạo nên nền tảng để phát triển mẫu hình con người Ê-đê hiện đại, vừa giữ bản sắc dân tộc, vừa có đạo lý sống, tri thức hội nhập và trách nhiệm với cộng đồng, quê hương, đất nước. Đây cũng là sự cụ thể hóa quan điểm của Đảng về phát triển con người toàn diện và xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc: “Phát triển con người toàn diện... tăng đầu tư cho sự nghiệp phát triển văn hóa... khơi dậy truyền thống yêu nước, niềm tự hào dân tộc, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc...” [56, tr.115–116].

Để những biến đổi tích cực trong nhân sinh quan Ê-đê thực sự đồng hành với hệ giá trị con người Việt Nam, cần đặt chúng trong chiến lược giáo dục – truyền thông – chính sách phát triển bền vững. Các giá trị như lòng nhân ái, khoan dung, tinh thần cộng đồng, hòa hợp với thiên nhiên... cần được thể chế hóa thành nội dung giáo dục đạo đức, truyền thông bằng ngôn ngữ hiện đại và kết nối với mục tiêu phát triển kinh tế – văn hóa ở địa phương.

Mặt khác, việc phát huy các giá trị nhân sinh tích cực cũng phải gắn với phòng ngừa những biểu hiện tiêu cực, như chủ nghĩa thực dụng, thờ ơ với cộng đồng, lối sống hưởng thụ, xa rời văn hóa truyền thống, lệch chuẩn đạo lý. Đây càng cho thấy tầm quan trọng của việc đồng bộ hóa giữa bảo tồn nhân sinh quan truyền thống và định hướng xây

dựng hệ giá trị con người Việt Nam trong thời kỳ hội nhập, hướng tới một xã hội nhân văn, tiến bộ, nghĩa tình và phát triển bền vững.

Tóm lại, phát huy những biến đổi tích cực trong nhân sinh quan của người Ê-đê không chỉ có ý nghĩa riêng đối với cộng đồng này mà còn là sự đóng góp thiết thực vào xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, tạo cơ sở hình thành lớp người Việt Nam mới - có bản lĩnh văn hóa, đạo đức sống đẹp, tinh thần sáng tạo và khát vọng phát triển vì sự hưng thịnh chung của đất nước.

4.1.3. Phát huy những biến đổi tích cực, hạn chế những biến đổi tiêu cực trong nhân sinh quan của người Ê-đê ở tỉnh Đắk Lắk hiện nay phải đảm bảo nguyên tắc khách quan, toàn diện, lịch sử - cụ thể và nguyên tắc phát triển

Trong bối cảnh phát triển kinh tế - xã hội mạnh mẽ và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, việc phát huy những biến đổi tích cực và hạn chế những biến đổi tiêu cực trong nhân sinh quan của người Ê-đê ở tỉnh Đắk Lắk không chỉ là một yêu cầu thực tiễn, mà còn là một tất yếu mang tính quy luật, phù hợp với xu hướng vận động của lịch sử. Thực hiện nhiệm vụ này đòi hỏi phải quán triệt một cách sâu sắc các nguyên tắc phương pháp luận cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, đó là: nguyên tắc khách quan, nguyên tắc toàn diện, nguyên tắc lịch sử - cụ thể và nguyên tắc phát triển. Chính sự vận dụng đúng đắn, linh hoạt và sáng tạo các nguyên tắc này mới đảm bảo cho việc nhận diện, phân tích và đánh giá bản chất của nhân sinh quan Ê-đê trên cơ sở khoa học, đồng thời định hướng đúng cho quá trình hoạch định chính sách bảo tồn và phát triển phù hợp với đặc điểm địa phương cũng như yêu cầu của thời đại. Đây là sự tiếp cận khoa học, tránh được lối nhìn phiến diện, cảm tính hay áp đặt từ bên ngoài, vốn từng để lại những hệ lụy nặng nề trong quá khứ.

Thứ nhất, nguyên tắc khách quan đặt ra yêu cầu phải tiếp cận nhân sinh quan Ê-đê từ chính thực tế tồn tại và điều kiện lịch sử cụ thể của cộng đồng, không được áp đặt những định kiến văn hóa từ bên ngoài hay nhìn nhận một cách chủ quan duy ý chí. Nhân sinh quan Ê-đê được kết tinh qua hàng nghìn năm cư trú ở cao nguyên trung phần, hình thành nên triết lý sống cộng đồng, sự hài hòa với tự nhiên, lòng tôn kính tổ tiên và niềm tin vào thế giới tâm linh. Chỉ khi được nhận thức đúng đắn như một bộ phận hữu cơ trong chỉnh thể văn hóa Việt Nam thống nhất trong đa dạng, các giá trị này mới phát huy đầy đủ nội dung nhân văn của nó. Ngược lại, nếu tiếp cận phiến diện, dễ dẫn đến định

kiến hoặc phủ định cực đoan, chẳng hạn như coi tục “ăn trâu” là hành vi lạc hậu, tàn phá sức kéo mà không thấy được nội dung thiêng liêng gắn với cầu mong mưa thuận gió hòa, mùa màng bội thu, sự cố kết cộng đồng. Sự thiếu khách quan ấy từng khiến nhiều giá trị nhân sinh bị loại bỏ hoặc bị biến dạng, các biểu tượng văn hóa như nhà dài, bến nước thiêng, hay lễ hội truyền thống bị thay thế bằng những hình thức xa lạ, cắt rời khỏi đời sống cộng đồng.

Thứ hai, nguyên tắc toàn diện nhấn mạnh rằng nhân sinh quan không tồn tại biệt lập, mà là kết quả của toàn bộ mối quan hệ kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục và môi trường. Với người Ê-đê, nhân sinh quan được nuôi dưỡng bởi không gian cư trú rừng núi, nương rẫy, chế độ mẫu hệ, tín ngưỡng đa thần, luật tục buôn làng và các hình thức sinh hoạt văn hóa cộng đồng. Do vậy, việc phát huy những giá trị tích cực như tinh thần đoàn kết buôn làng, lối sống tiết chế, ý thức sinh thái phải được đặt trong chỉnh thể toàn diện đời sống xã hội. Ví dụ, phát triển du lịch cộng đồng chỉ bền vững khi kết hợp với giáo dục truyền thống, phục dựng lễ hội gắn với bối cảnh nguyên gốc, đồng thời tạo ra nguồn sinh kế ổn định cho cư dân địa phương. Ngược lại, hạn chế những biểu hiện tiêu cực như sự thực dụng hóa, đứt gãy quan hệ thế hệ, suy giảm tính cộng đồng... phải đi đôi với các chính sách xã hội như hỗ trợ thanh niên lập nghiệp, mở rộng cơ hội học tập, phát triển nguồn nhân lực, qua đó tạo dựng môi trường sống nhân văn, cân bằng giữa truyền thống và hiện đại.

Thứ ba, nguyên tắc lịch sử - cụ thể nhấn mạnh việc nghiên cứu và vận dụng nhân sinh quan Ê-đê phải gắn với tiến trình phát triển lịch sử của cộng đồng cũng như đặc điểm vùng, miền, tộc người. Người Ê-đê vừa là chủ nhân của nhà dài, sử thi, luật tục mẫu hệ, vừa góp phần hình thành bản sắc Tây Nguyên độc đáo. Do vậy, đánh giá nhân sinh quan của họ không thể tách rời bối cảnh tín ngưỡng đa thần, kinh tế nương rẫy hay chế độ mẫu hệ truyền thống. Đồng thời, trong bối cảnh hiện nay, sự khác biệt giữa các buôn làng như Buôn Ma Thuột, Krông Búk, Cư M'gar hay Buôn Đôn về tôn giáo, học vấn, mức sống đòi hỏi chính sách phải được cụ thể hóa, tránh rập khuôn, áp đặt một mô hình duy nhất. Nếu bỏ qua yếu tố lịch sử - cụ thể, dễ dẫn đến sai lầm phương pháp luận, khiến giải pháp xa rời thực tiễn, thậm chí gây phản ứng từ chính cộng đồng. Đặc biệt, nếu không đặt biến đổi nhân sinh quan Ê-đê trong bối cảnh toàn cầu hóa, đô thị hóa,

giao thoa tôn giáo và truyền thông đại chúng, thì việc lý giải sẽ phiến diện, nghèo nàn, bỏ qua động lực nội sinh và ngoại sinh đang tác động mạnh mẽ.

Thứ tư, nguyên tắc phát triển khẳng định rằng bảo tồn không đồng nghĩa với đóng khung, giữ nguyên trạng giá trị truyền thống, mà phải kế thừa trên cơ sở sáng tạo, tiếp biến phù hợp với điều kiện mới. Nhân sinh quan Ê-đê với những phẩm chất tích cực như lòng bao dung, tinh thần cố kết cộng đồng, sự hòa hợp với tự nhiên, lòng biết ơn tổ tiên cần được truyền tải bằng các phương thức hiện đại qua giáo dục, truyền thông, các loại hình nghệ thuật, để trở thành nền tảng tinh thần của phát triển bền vững. Đồng thời, những yếu tố lạc hậu như hủ tục hôn nhân, ma chay, sự lệ thuộc cực đoan vào thế giới siêu nhiên hay những luật tục đi ngược pháp luật phải được cải biến, loại bỏ theo hướng văn minh, nhân văn, phù hợp với quyền con người và xu thế hội nhập. Chỉ bằng cách đó, nhân sinh quan Ê-đê mới thực sự trở thành động lực của sự phát triển, thay vì là rào cản.

Tóm lại, việc phát huy những biến đổi tích cực và hạn chế những biến đổi tiêu cực trong nhân sinh quan Ê-đê ở Đắk Lắk chỉ đạt hiệu quả khi được soi sáng bằng các nguyên tắc khách quan, toàn diện, lịch sử - cụ thể và phát triển. Đây là điều kiện để tạo nên sự hài hòa giữa truyền thống và hiện đại, giữa đặc thù tộc người và yêu cầu hội nhập, giữa giá trị văn hóa và mục tiêu phát triển bền vững. Chính nhờ sự vận dụng đúng đắn những nguyên tắc phương pháp luận này mà chúng ta không chỉ giữ gìn hồn cốt của văn hóa Ê-đê, mà còn góp phần làm phong phú và bền vững hơn nền văn hóa Việt Nam thống nhất trong đa dạng, có sức sống lâu dài trong kỷ nguyên toàn cầu hóa.

4.1.4. Thống nhất giữa bảo tồn, phát huy những biến đổi tích cực, hạn chế những biến đổi tiêu cực trong nhân sinh quan của người Ê-đê ở tỉnh Đắk Lắk hiện nay với yêu cầu đổi mới, phát triển của địa phương và của đất nước

Trong tiến trình hiện đại hóa và hội nhập quốc tế sâu rộng hiện nay, Đắk Lắk – với tư cách là một trung tâm kinh tế và văn hóa của Tây Nguyên – đang đối diện với vấn đề: làm thế nào để phát triển kinh tế mà vẫn bảo tồn và phát huy được bản sắc văn hóa các dân tộc thiểu số, trong đó có người Ê-đê. Vấn đề này không chỉ là một sự lựa chọn chính sách đơn thuần, mà còn là sự thống nhất giữa cái tất yếu khách quan và định hướng chủ quan, vừa phản ánh nhu cầu hiện thực, vừa xác lập một định hướng chiến lược cho mục tiêu phát triển nhanh và bền vững.

Trước hết, cần nhận thức rằng nhân sinh quan là thành tố cấu thành bản chất của văn hóa dân tộc, biểu hiện cách thức cộng đồng xác lập quan hệ với con người, xã hội và thế giới tự nhiên. Nhân sinh quan của người Ê-đê – với những giá trị cốt lõi như tinh thần cộng đồng, sự tôn kính tổ tiên, ý thức hòa hợp với tự nhiên và khát vọng sống an lạc – vừa quy định bản sắc riêng của tộc người này, vừa làm giàu thêm tính đa dạng của văn hóa Việt Nam. Chủ tịch Hồ Chí Minh trong bức thư gửi Đại hội các dân tộc thiểu số miền Nam (1946) đã khẳng định chân lý đoàn kết như một nguyên tắc tồn tại: “Đồng bào Kinh hay Thô, Mường hay Mán, Gia-rai hay Ê-đê, Xơ-đăng hay Ba-na... đều là con cháu Việt Nam, đều là anh em ruột thịt. Chúng ta sống chết có nhau, sướng khổ cùng nhau, no đói giúp nhau” [101, tr. 249]. Đây là sự minh chứng cho tính thống nhất bản thể của văn hóa Việt Nam trong sự đa dạng biểu hiện của các cộng đồng tộc người.

Tuy nhiên, thực tiễn đổi mới, đô thị hóa, chuyển đổi sinh kế và giao thoa văn hóa đã đặt nhân sinh quan Ê-đê vào tình trạng biến đổi. Sự biến đổi này mang tính hai mặt: một mặt, nó mở ra khả năng mới với việc hình thành ý thức học tập, khát vọng làm giàu chính đáng, ý thức bảo vệ môi trường, và sự tiếp thu văn minh pháp luật; mặt khác, nó cũng đồng thời làm nảy sinh nguy cơ tha hóa như thực dụng hóa, suy giảm tinh thần cộng đồng, cá nhân hóa lối sống và mai một các lễ thức truyền thống. Đây là biểu hiện cụ thể của quy luật mâu thuẫn giữa yếu tố kế thừa và yếu tố cải biến trong tiến trình phát triển văn hóa.

Trong bối cảnh đó, thống nhất giữa bảo tồn và phát triển phải được hiểu như sự tích hợp biện chứng giữa truyền thống và hiện đại, giữa tính đặc thù của văn hóa tộc người và tính phổ quát của mục tiêu phát triển. Quan điểm này tương thích với định hướng của Đảng về xây dựng văn hóa Việt Nam: “Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, phát triển toàn diện, thống nhất trong đa dạng, thấm nhuần tinh thần nhân văn, dân chủ, tiến bộ; làm cho văn hóa gắn kết chặt chẽ và thâm sâu vào toàn bộ đời sống xã hội, trở thành nền tảng tinh thần vững chắc, sức mạnh nội sinh quan trọng của phát triển” [52, tr. 75–76]. Thực tiễn chứng minh rằng, không có mâu thuẫn đối kháng giữa bảo tồn và phát triển nếu ta biết vận dụng đúng nguyên tắc “thống nhất trong đa dạng”. Sự đa dạng của nhân sinh quan các dân tộc thiểu số, trong đó có Ê-đê, không chỉ cần được thừa nhận mà còn phải được coi như một nguồn lực tái tạo bản sắc, nuôi dưỡng sức sống lâu dài của nền văn hóa Việt Nam trong không gian quốc tế.

Trong xu thế toàn cầu hóa, “thống nhất trong đa dạng” không còn chỉ là một khẩu hiệu, mà phải được nhận thức như một chiến lược văn hóa có tính nền tảng. Bản sắc Ê-đê không thể bị đồng hóa, cũng không nên dừng lại ở sự phục dựng hình thức, mà cần được hiện sinh hóa trong đời sống hiện đại. Các giá trị nhân sinh như ý thức cộng đồng, lòng yêu thiên nhiên, tinh thần tương trợ, lối sống tiết chế... cần được tích hợp một cách sáng tạo vào giáo dục, phát triển du lịch cộng đồng, kinh tế xanh và quản lý tài nguyên, để vừa giữ được bản chất, vừa phù hợp với điều kiện mới.

Đồng thời, việc phát huy các giá trị tích cực trong nhân sinh quan Ê-đê phải gắn với đổi mới thể chế và nâng cao năng lực quản lý văn hóa. Sự quy hoạch không gian văn hóa dân tộc, việc thiết lập thiết chế văn hóa cơ sở, đưa giáo dục văn hóa dân tộc vào nhà trường, cũng như đào tạo nguồn nhân lực bản địa am hiểu truyền thống... chính là những phương thức cụ thể để dung hợp giữa bảo tồn và phát triển, giữa cội nguồn và hiện đại.

Hơn nữa, mọi chính sách phát triển bền vững chỉ thực sự hiệu quả nếu được lồng ghép với bảo tồn di sản văn hóa phi vật thể, bao gồm hệ giá trị nhân sinh quan. Trọng tâm của tiến trình này là nguyên tắc “dân là chủ thể”, nghĩa là cộng đồng Ê-đê phải tự mình lựa chọn, sáng tạo và thực hành văn hóa. Đó là sự chuyển hóa từ bảo tồn bị động sang phát huy chủ động, từ sự mô phỏng hình thức sang thực hành văn hóa hiện sinh, sáng tạo.

Tóm lại, bảo tồn và phát huy những biến đổi tích cực, hạn chế những biến đổi tiêu cực trong nhân sinh quan Ê-đê không đối lập với phát triển, mà chính là điều kiện tất yếu để phát triển bền vững. “Thống nhất trong đa dạng” cần được hiểu như một phương thức hành động cụ thể, chứ không chỉ là một định ngữ mang tính biểu tượng. Trên nền tảng tôn trọng sự khác biệt, phát huy giá trị bản sắc và kiến tạo không gian sáng tạo văn hóa, cộng đồng Ê-đê sẽ tiếp tục khẳng định vai trò chủ thể văn hóa, đồng thời đóng góp vào sự nghiệp phát triển toàn diện và bền vững của Đắk Lắk cũng như của cả nước.

4.1.5. Phát huy những biến đổi tích cực, hạn chế những biến đổi tiêu cực trong nhân sinh quan của người Ê-đê ở tỉnh Đắk Lắk hiện nay gắn liền với mục tiêu phát triển bền vững

Trong bối cảnh toàn cầu đang đứng trước những thách thức mang tính hệ thống về môi trường, văn hóa và xã hội, phát triển bền vững không chỉ nổi lên như một định

hướng chính sách mà còn trở thành một tất yếu lịch sử. Nó phản ánh sự vận động biện chứng giữa nhu cầu hiện tại và trách nhiệm đối với các thế hệ tương lai, giữa tăng trưởng kinh tế và bảo toàn nền tảng sinh thái – văn hóa của nhân loại. Đối với tỉnh Đắk Lắk – nơi người Ê-đê giữ vị trí trung tâm trong cấu trúc xã hội – văn hóa Tây Nguyên, việc phát huy những biến đổi tích cực và hạn chế những biến đổi tiêu cực trong nhân sinh quan của họ không chỉ mang tính cục bộ địa phương, mà còn là một nội dung chiến lược của phát triển bền vững. Bởi ở đây, văn hóa và con người không tồn tại bên ngoài mà chính là nền tảng và động lực nội sinh của kinh tế, xã hội và môi trường. Nội dung này có thể được triển khai theo các phương diện sau:

Thứ nhất, nhân sinh quan Ê-đê và mối liên hệ nội tại với phát triển bền vững. Nhân sinh quan truyền thống của người Ê-đê vốn hàm chứa những giá trị bền vững mang tính triết lý: gắn bó cộng đồng như một “chủ thể tập thể” vượt lên cá nhân; tôn kính tổ tiên và tự nhiên như là sự gắn kết hữu cơ giữa con người với cội nguồn; sống hài hòa, tiết chế nhu cầu cá nhân như một cách giữ thăng bằng trong đời sống; bao dung, trách nhiệm cộng đồng như nền tảng của trật tự xã hội. Chính những yếu tố này đã bảo đảm sự ổn định của cấu trúc xã hội truyền thống và duy trì thế cân bằng sinh thái. Tuy nhiên, sự xuất hiện của các nhân tố mới – cơ giới hóa nông nghiệp, dịch chuyển dân cư, quá trình hội nhập – đã làm cho nhân sinh quan Ê-đê biến đổi theo hai chiều: tích cực và tiêu cực. Một mặt, khát vọng học tập, tinh thần làm giàu chính đáng, ý thức pháp lý, bảo vệ môi trường... cho thấy sự thích ứng sáng tạo. Mặt khác, xu hướng thực dụng, cá nhân hóa, sự suy giảm vai trò của già làng, mai một lễ thức cộng đồng lại bộc lộ nguy cơ làm suy yếu nền tảng văn hóa – xã hội. Như vậy, nhân sinh quan Ê-đê vừa là nguồn lực, vừa là thách thức đối với phát triển bền vững.

Thứ hai, ba trụ cột phát triển bền vững và định hướng đối với nhân sinh quan của người Ê-đê.

Theo định nghĩa của Liên hợp quốc, phát triển bền vững dựa trên ba trụ cột: kinh tế, xã hội và môi trường. Khi đặt nhân sinh quan Ê-đê vào cấu trúc này, có thể nhận thấy sự tương tác biện chứng:

Một là, Trụ cột kinh tế – sinh kế bền vững. Việc chuyển từ nương rẫy sang cây công nghiệp (cà phê, hồ tiêu, sầu riêng) biểu hiện sự biến đổi nhận thức theo hướng hiện đại hóa. Tuy nhiên, nếu không dựa trên sinh kế bền vững thì hệ quả là khai thác kiệt quệ tài

nguyên và lệ thuộc thị trường. Ở đây, triết lý Ê-đê về “sống tiết chế, hài hòa, không chiếm hữu quá mức” cần được khôi phục, trở thành một nguyên tắc kinh tế sinh thái, được lồng ghép vào chính sách nông nghiệp hữu cơ, sản xuất tuần hoàn và phát triển du lịch cộng đồng.

Hai là, trụ cột xã hội - củng cố tinh thần cộng đồng và công bằng xã hội: Cấu trúc nhà dài, lễ hội cộng đồng, luật tục chính là biểu hiện cụ thể của quan niệm “ăn chung, làm chung, vui buồn cùng nhau”. Đây là vốn văn hóa phù hợp với nguyên lý công bằng xã hội của phát triển bền vững. Song, quá trình đô thị hóa đang dẫn tới rạn vỡ thể hệ, phai nhạt bản sắc, thiếu hụt giáo dục văn hóa tộc người. Điều này đòi hỏi một chiến lược tái tạo: phục dựng nghi lễ có chọn lọc, giáo dục nhân sinh quan Ê-đê trong trường học, tăng cường vai trò của già làng, coi đó như một thiết chế xã hội – văn hóa nhằm củng cố tinh thần cộng đồng.

Ba là, trụ cột môi trường - tái sinh tinh thần “sống hòa hợp với thiên nhiên”: Người Ê-đê có quan niệm độc đáo coi rừng là mẹ, suối là máu, đất là nhà, thể hiện một triết lý nhân sinh sâu sắc gắn liền với sinh thái bền vững. Đây là nền tảng quan trọng cho các chính sách bảo vệ môi trường trong vùng Tây Nguyên. Tuy nhiên, trong quá trình phát triển, nhiều vùng đất thiêng, rừng thiêng bị xâm hại do quy hoạch đất đai thiếu bền vững hoặc chuyển đổi mục đích sử dụng đất không hợp lý.

Phát triển bền vững yêu cầu khôi phục và duy trì tinh thần “tôn trọng thiên nhiên” trong nhân sinh quan Ê-đê như một thành tố của đạo đức sinh thái. Cần lồng ghép nội dung này vào quy ước thôn buôn, nâng cao vai trò của cộng đồng trong giám sát môi trường, khuyến khích người dân bản địa tham gia vào các mô hình bảo tồn rừng, sử dụng tài nguyên hợp lý và truyền thông giáo dục về phát triển xanh.

Như vậy, phát triển bền vững không chỉ đơn thuần là sự dung hòa giữa kinh tế và môi trường, mà còn bao hàm chiều kích sâu xa về văn hóa – nhân sinh. Nhân sinh quan Ê-đê, nếu được phát huy như một nguồn lực nội sinh, sẽ không chỉ góp phần duy trì bản sắc dân tộc mà còn trở thành động lực triết học và thực tiễn của phát triển bền vững. Điều này cho thấy, vấn đề ở đây không chỉ thuộc phạm vi văn hóa, mà thực chất là một chiến lược phát triển có tính nền tảng đối với Đắk Lắk nói riêng và Tây Nguyên nói chung.

4.2. Một số giải pháp phát huy những biến đổi tích cực, hạn chế những biến đổi tiêu cực trong nhân sinh quan của người Ê-đê ở tỉnh Đắk Lắk hiện nay

4.2.1. Tăng cường công tác nghiên cứu, xây dựng chương trình bảo tồn, khai thác, phát huy những biến đổi tích cực, hạn chế những biến đổi tiêu cực trong nhân sinh quan của người Ê-đê ở tỉnh Đắk Lắk hiện nay

Trước hết, cần khẳng định rằng, nhân sinh quan của người Ê-đê – bao gồm hệ thống quan niệm về cuộc sống, về ý nghĩa tồn tại của con người, về mối quan hệ giữa cá nhân với cộng đồng buôn làng, giữa con người với tự nhiên và với thế giới siêu hình – là một hệ thống tư tưởng tương đối hoàn chỉnh, phong phú và giàu tính nhân văn, được hình thành, bồi đắp và truyền thừa lâu dài trong những điều kiện lịch sử – xã hội đặc thù của cư dân bản địa Tây Nguyên. Nhân sinh quan ấy không phải là tập hợp rời rạc các niềm tin, tập tục hay quy phạm ứng xử đơn lẻ, mà là sự kết tinh biện chứng của kinh nghiệm sinh tồn, lao động sản xuất, tổ chức xã hội, quan hệ cộng đồng và đời sống tâm linh của người Ê-đê qua nhiều thế hệ lịch sử.

Trong chính thể nhân sinh quan đó, con người được nhận thức không phải như một cá thể cô lập, mà luôn tồn tại trong mối quan hệ hữu cơ với cộng đồng buôn làng, với môi trường tự nhiên và với thế giới linh thiêng – nơi các giá trị tinh thần, đạo đức, tín ngưỡng và phong tục tập quán đan xen chặt chẽ với nhau. Hạnh phúc cá nhân vì thế không được hiểu theo nghĩa cá nhân chủ nghĩa thuần túy, mà gắn liền với sự yên ổn, no đủ, đoàn kết và hài hòa của cộng đồng. Đây chính là biểu hiện sinh động của tính cộng đồng và tính nhân văn sâu sắc trong nhân sinh quan truyền thống của người Ê-đê, đồng thời phản ánh một hình thức ý thức xã hội phù hợp với phương thức sản xuất và điều kiện sinh tồn của cư dân nông nghiệp – rừng núi Tây Nguyên trong lịch sử.

Tuy nhiên, dưới tác động của những biến đổi sâu sắc trong tồn tại xã hội hiện nay, nhân sinh quan của người Ê-đê không còn tồn tại trong trạng thái ổn định tương đối như trong xã hội truyền thống, mà đang vận động, biến đổi nhanh chóng, đa chiều và phức tạp. Sự phát triển của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, quá trình đô thị hóa và hiện đại hóa diễn ra mạnh mẽ, sự mở rộng giao lưu văn hóa – xã hội, tác động ngày càng sâu của truyền thông đại chúng và mạng xã hội, cùng với những biến đổi trong cấu trúc xã hội buôn làng (phân hóa giàu – nghèo, thay đổi sinh kế, di cư, đứt gãy

không gian văn hóa truyền thống) đã tạo ra những tiền đề khách quan mới, buộc hệ thống nhân sinh quan Ê-đê phải điều chỉnh để thích ứng.

Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật lịch sử, sự biến đổi của ý thức xã hội – trong đó có nhân sinh quan – không phải là hiện tượng ngẫu nhiên hay chủ quan, mà là kết quả tất yếu của sự biến đổi trong tồn tại xã hội. Khi phương thức sản xuất, quan hệ xã hội và điều kiện sống thay đổi, thì những quan niệm về con người, cuộc sống, giá trị và mục đích tồn tại cũng không thể đứng yên. Do đó, những biến đổi trong nhân sinh quan của người Ê-đê hiện nay cần được nhìn nhận như một quá trình lịch sử – xã hội khách quan, phản ánh sự thích ứng của ý thức cộng đồng trước những điều kiện sống mới, chứ không thể giản đơn quy kết thành sự “mai một”, “suy thoái” hay “đánh mất bản sắc” theo cách nhìn phiến diện, siêu hình.

Điều quan trọng cần nhấn mạnh là, sự biến đổi nhân sinh quan của người Ê-đê không diễn ra theo logic tuyến tính “mất – còn”, mà là quá trình tiếp xúc, va chạm, chọn lọc, dung hợp và tái cấu trúc giữa các hệ giá trị truyền thống và hiện đại. Trong quá trình đó, có những giá trị truyền thống tiếp tục được bảo lưu và củng cố, có những yếu tố được cải biến cho phù hợp với điều kiện mới, đồng thời cũng xuất hiện những nội dung giá trị mới được tiếp nhận và nội tại hóa. Chính sự đan xen giữa kế thừa và đổi mới, giữa ổn định và biến động, giữa truyền thống và hiện đại đã tạo nên tính phức hợp, đa tầng và mâu thuẫn nội tại của nhân sinh quan Ê-đê trong giai đoạn hiện nay.

Vì vậy, việc bảo tồn và phát huy các giá trị tiến bộ trong nhân sinh quan Ê-đê không thể dừng lại ở các biện pháp mang tính hình thức, như phục dựng lễ hội, tôn vinh biểu tượng văn hóa hay kêu gọi ý thức đạo đức chung chung, mà đòi hỏi phải được đặt trên nền tảng nghiên cứu khoa học nghiêm túc, có chiều sâu lý luận, mang tính liên ngành và gắn chặt với thực tiễn phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh Đắk Lắk hiện nay. Chỉ trên cơ sở đó, việc định hướng, điều chỉnh và phát huy nhân sinh quan mới có thể đạt được tính bền vững và hiệu quả thực chất.

Thứ nhất, triển khai các nghiên cứu chuyên sâu, liên ngành nhằm nhận diện một cách khách quan, toàn diện thực trạng biến đổi nhân sinh quan của người Ê-đê. Đây là khâu mang tính nền tảng, có ý nghĩa quyết định đến tính khoa học, tính định hướng và tính khả thi của toàn bộ hệ thống giải pháp tiếp theo. Trong bối cảnh nhân sinh quan đang biến đổi nhanh, đa chiều và có sự phân hóa rõ rệt giữa các nhóm xã hội khác

nhau, nếu thiếu những nghiên cứu cập nhật, các chủ trương và chính sách rất dễ rơi vào tình trạng áp đặt từ trên xuống, thiếu phù hợp với đời sống cộng đồng hoặc lạc hậu so với thực tiễn vận động của xã hội.

Việc huy động các ngành khoa học như nhân học, xã hội học, triết học, văn hóa học, giáo dục học và quản lý công không chỉ nhằm mô tả các biểu hiện bề ngoài, mà quan trọng hơn là làm rõ bản chất tư tưởng, cơ chế vận động, các mâu thuẫn nội tại và chiều hướng biến đổi của nhân sinh quan Ê-đê trong bối cảnh mới. Đối tượng nghiên cứu cần được tiếp cận theo nhiều lát cắt xã hội khác nhau như độ tuổi, giới tính, trình độ học vấn, nghề nghiệp và không gian cư trú, nhằm phản ánh đầy đủ sự phân hóa nội tại của cộng đồng Ê-đê – một đặc trưng tất yếu của quá trình hiện đại hóa và hội nhập.

Đặc biệt, các nghiên cứu cần đặt sự biến đổi nhân sinh quan Ê-đê trong chỉnh thể lịch sử – xã hội đặc thù của tỉnh Đắk Lắk, nơi đang diễn ra đồng thời các quá trình đô thị hóa nhanh, tái cơ cấu kinh tế, biến đổi sinh kế, di cư dân cư và giao thoa văn hóa mạnh mẽ. Nhân sinh quan vì thế cần được lý giải như một hình thái ý thức xã hội đang tự điều chỉnh để thích ứng với tồn tại xã hội mới, chứ không phải như một “di sản bất biến” tồn tại bên ngoài đời sống hiện thực. Trên cơ sở đó, cần triển khai đồng bộ các nhiệm vụ cụ thể sau:

Một là, xây dựng đề cương tổng thể và xác định rõ phạm vi khảo sát phù hợp với đặc điểm văn hóa - xã hội của người Ê-đê ở đô thị, ven đô và nông thôn. Các yếu tố như độ tuổi, giới tính, nghề nghiệp, học vấn, sinh kế và mức độ tiếp xúc hiện đại cần đưa vào tiêu chí chọn mẫu. Cần lựa chọn buôn làng tiêu biểu cho các hình thức biến đổi như đô thị hóa nhanh, bảo lưu luật tục hay có nhiều thanh niên di cư để đảm bảo khả năng so sánh, khái quát. Chính quyền địa phương cần có chính sách hỗ trợ như cấp kinh phí cho các dự án bảo tồn văn hóa, thu hút đầu tư quốc tế và hợp tác với các tổ chức nghiên cứu, NGO. Đây cũng là cách hiện thực hóa yêu cầu của Nghị quyết 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 về hội nhập quốc tế, khuyến khích tăng cường hợp tác nghiên cứu, trao đổi học thuật và tranh thủ nguồn lực quốc tế để phát triển văn hóa, giáo dục và khoa học - công nghệ.

Hai là, thành lập nhóm nghiên cứu liên ngành gồm chuyên gia trong các lĩnh vực liên quan. Cách tiếp cận này giúp phân tích cả biểu hiện và chiều sâu tư tưởng của sự biến đổi nhân sinh quan, làm rõ các nguyên nhân tâm lý - xã hội - cấu trúc. Nhóm nghiên

cứu nên có người Ê-đê và cán bộ văn hóa cơ sở để đảm bảo tính thấu cảm và khả năng tiếp cận cộng đồng. Nội dung phải tập trung làm rõ: sự thay đổi trong quan niệm về hạnh phúc (từ gắn bó cộng đồng sang đề cao cá nhân), biến chuyển trong quan hệ với tự nhiên (từ quan niệm “thiên hòa” thiên nhiên sang tiếp cận kinh tế - khai thác), sự điều chỉnh trong thái độ với luật tục và tín ngưỡng truyền thống, cùng với tác động của tôn giáo mới và truyền thông hiện đại. Đây là cách tiếp cận phù hợp với Nghị quyết 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng, trong đó nhấn mạnh “lấy doanh nghiệp làm trung tâm, là chủ thể;... tôn vinh, cổ vũ, phát triển đội ngũ doanh nhân lớn mạnh, có tinh thần yêu nước, tự tôn dân tộc..., tích cực thực hiện trách nhiệm xã hội” [14, tr.3]. Điều này có ý nghĩa sâu xa: nghiên cứu về nhân sinh quan Ê-đê không chỉ dừng lại ở phạm vi học thuật mà còn trực tiếp định hướng mô hình phát triển kinh tế - văn hóa cộng đồng.

Ba là, thiết kế hệ công cụ nghiên cứu gồm bảng hỏi định lượng, bộ câu hỏi định tính, kịch bản phỏng vấn sâu và thảo luận nhóm, dựa trên khung lý thuyết về nhân sinh quan với các phạm trù như: hạnh phúc, cộng đồng, tự nhiên, đạo đức, trách nhiệm... Đặc biệt chú trọng nhóm thanh thiếu niên - những người chịu ảnh hưởng rõ nét từ văn hóa hiện đại.

Bốn là, triển khai khảo sát thực địa tại các địa bàn đã chọn với sự tham gia của đầy đủ các nhóm xã hội Ê-đê. Thực hiện quan sát tham dự, ghi âm - ghi hình lễ nghi, phỏng vấn sâu người cao tuổi, người trẻ, cán bộ buôn, giáo viên, tín đồ tôn giáo mới... Khảo sát gắn liền với đời sống thực tế như lễ hội, lao động sản xuất, sinh hoạt cộng đồng, giáo dục... để đảm bảo dữ liệu sống động và sát thực.

Năm là, phân tích bối cảnh lịch sử - xã hội đặc thù của Đắk Lắk để làm rõ nguyên nhân và động lực của sự biến đổi. Đây là địa phương có tốc độ đô thị hóa nhanh, biến động mạnh về dân cư, tín ngưỡng, nghề nghiệp và sinh kế. Cần đánh giá tác động của truyền thông hiện đại, kinh tế thị trường, tôn giáo mới, chính sách đất đai và giáo dục trong mối liên hệ với sự thay đổi trong quan niệm sống, hành vi ứng xử và quan hệ cộng đồng của người Ê-đê.

Sáu là, hệ thống hóa kết quả và phân loại các dạng biến đổi nhân sinh quan theo hướng tích cực - tiêu cực; theo nhóm chủ thể (già - trẻ, nam - nữ); theo yếu tố tác động (nội sinh - ngoại sinh); và theo chiều sâu (hành vi - tư tưởng). Nhóm giá trị tích cực như

ý thức pháp luật, trách nhiệm, khát vọng vươn lên cần được khẳng định. Các giá trị tiêu cực như chủ nghĩa cá nhân, thực dụng, suy giảm lòng biết ơn, đứt gãy thể hệ cần được lý giải và có cảnh báo kèm theo giải pháp phù hợp.

Bây là, xây dựng cơ sở dữ liệu khoa học và số hóa về nhân sinh quan người Ê-đê và các biểu hiện biến đổi hiện nay, phục vụ lưu trữ, giáo dục, hoạch định chính sách và phát triển cộng đồng. Cơ sở dữ liệu gồm bản đồ nhân sinh quan theo buôn làng, tư liệu hình ảnh, âm thanh, văn bản về lễ hội, luật tục, nghi lễ, bài giảng dân gian... Đồng thời, cần xây dựng hệ thống chỉ báo theo dõi, đánh giá định kỳ sự biến đổi nhân sinh quan để hỗ trợ quản lý và ra quyết định theo tinh thần Nghị quyết 57-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương nhằm “đổi mới phương thức quản trị quốc gia, phát triển kinh tế - xã hội, ngăn chặn nguy cơ tụt hậu, đưa đất nước phát triển bức phá, giàu mạnh trong kỷ nguyên mới” [11, tr. 1 - 2].

Tám là, chuyển hóa kết quả nghiên cứu thành chính sách cụ thể trong lĩnh vực văn hóa, giáo dục, phát triển cộng đồng và truyền thông. Có thể xây dựng chương trình giáo dục nhân sinh quan Ê-đê trong trường học, mô hình lễ hội cộng đồng gắn bảo tồn với giá trị sống, sản phẩm truyền thông lan tỏa nhận thức tích cực. Đồng thời, tích hợp kết quả nghiên cứu vào quy hoạch văn hóa, tín ngưỡng, du lịch sinh thái, phát triển kinh tế cộng đồng bền vững.

Chín là, khuyến khích cộng đồng Ê-đê tham gia chủ động vào hoạt động bảo tồn và quảng bá văn hóa. Tổ chức lớp học, câu lạc bộ, nhóm nghệ thuật; hợp tác với tổ chức văn hóa, giáo dục, du lịch để triển khai dự án đại chúng hóa văn hóa Ê-đê. Viện nghiên cứu, trường đại học và tổ chức phi chính phủ có thể hỗ trợ đáng kể trong quá trình này.

Thứ hai, trên cơ sở nghiên cứu, cần phát huy các biến đổi tích cực trong nhân sinh quan như những nguồn lực tinh thần và văn hóa nội sinh cho phát triển bền vững, biến các giá trị tích cực từ hiện tượng cá biệt thành xu hướng xã hội.

Một số biến đổi đáng ghi nhận như: (1) sự cởi mở hơn trong tư duy, tiếp thu kiến thức hiện đại nhưng vẫn giữ lòng tự hào dân tộc; (2) sự hài hòa trong nhận thức giữa lợi ích cá nhân và lợi ích cộng đồng thể hiện qua việc người Ê-đê ngày càng có ý thức chăm lo phát triển kinh tế gia đình, đồng thời vẫn tích cực tham gia các hoạt động buôn làng; (3) thái độ tôn trọng luật pháp Nhà nước đồng thời vẫn duy trì luật tục truyền thống trong xử lý các vấn đề cộng đồng.

Những yếu tố này cần được lan tỏa rộng rãi thông qua các chương trình truyền thông cộng đồng, giáo dục liên thế hệ, hoạt động văn hóa nghệ thuật, lễ hội và phong trào thi đua trong thôn buôn. Cụ thể, có thể tổ chức các lớp học chuyên đề về văn hóa Ê-đê trong trường học; lồng ghép nội dung giáo dục nhân sinh quan vào chương trình dân vận, đoàn thể; tôn vinh các cá nhân tiêu biểu trong gìn giữ và phát huy giá trị sống tích cực. Phát huy biến đổi tích cực không chỉ là ghi nhận mà còn là nhân rộng, làm giàu và truyền cảm hứng để cộng đồng nâng cao nội lực, bản lĩnh và bản sắc. Để thực hiện giải pháp này, cần giải quyết các nhiệm vụ sau:

Một là, trên cơ sở kết quả nghiên cứu, cần tổng hợp và hệ thống hóa các biểu hiện tiêu biểu của sự biến đổi tích cực trong nhân sinh quan của người Ê-đê. Việc tổng kết này không chỉ dừng lại ở mô tả mà phải đi sâu phân tích các đặc điểm, điều kiện hình thành và giá trị thực tiễn của các biến đổi tích cực. Các nội dung trọng tâm cần được làm rõ bao gồm: sự thay đổi trong tư duy tiếp nhận tri thức, thể hiện ở thái độ cầu thị, cởi mở hơn với khoa học kỹ thuật nhưng vẫn giữ gìn lòng tự hào dân tộc; sự cân bằng giữa lợi ích cá nhân và cộng đồng thể hiện qua mô hình phát triển kinh tế hộ song hành với tham gia sinh hoạt buôn làng; hay tinh thần chấp hành luật pháp quốc gia gắn liền với duy trì luật tục xử lý tranh chấp trong cộng đồng. Công việc này cần được thực hiện bởi nhóm nghiên cứu liên ngành, có sự tham gia của cán bộ văn hóa, già làng, trí thức người Ê-đê và đại diện cộng đồng cư dân.

Hai là, xây dựng các bộ tiêu chí và biểu mẫu đánh giá nhằm nhận diện, phân loại và đo lường mức độ lan tỏa của các giá trị nhân sinh tích cực trong từng nhóm dân cư, từng buôn làng. Các bộ công cụ này cần linh hoạt, có tính ứng dụng cao, giúp chính quyền cấp cơ sở và các tổ chức đoàn thể xác định được những biểu hiện tích cực trong thực tiễn để kịp thời tuyên dương và nhân rộng. Nội dung của tiêu chí có thể bao gồm: mức độ tham gia hoạt động cộng đồng; tinh thần tương thân tương ái; biểu hiện tôn trọng thiên nhiên; cách ứng xử hài hòa giữa truyền thống và hiện đại... Việc xây dựng và thử nghiệm các bộ công cụ này nên do Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch tỉnh Đắk Lắk chủ trì, phối hợp với các viện nghiên cứu, trường đại học và chính quyền địa phương.

Ba là, ngành giáo dục phối hợp cùng Trung tâm Văn hóa các dân tộc thiểu số và các trường học địa phương thường xuyên tổ chức các hoạt động tuyên truyền, giáo dục nhằm lan tỏa sâu rộng các giá trị nhân sinh tích cực thông qua nhiều kênh, phương thức

khác nhau. Trong lĩnh vực giáo dục, cần đưa nội dung về nhân sinh quan Ê-đê vào chương trình ngoại khóa, hoạt động trải nghiệm sáng tạo tại các trường phổ thông dân tộc nội trú hoặc trường phổ thông nơi có đông học sinh Ê-đê theo học. Các hoạt động như giao lưu với nghệ nhân, già làng, xây dựng tủ sách “Nhân sinh Ê-đê”, tổ chức ngày hội văn hóa tộc người... là những hình thức vừa mang tính giáo dục vừa tạo động lực truyền cảm hứng.

Bốn là, lồng ghép nội dung phát huy nhân sinh quan tích cực vào các chương trình dân vận, hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể (Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Hội Nông dân...). Thông qua các buổi sinh hoạt chi hội, lớp tập huấn, hội nghị biểu dương, có thể đưa những câu chuyện, tấm gương người thật – việc thật nhằm minh chứng và truyền cảm hứng về sự kết hợp hài hòa giữa giá trị truyền thống và tinh thần đổi mới. Đồng thời, khuyến khích tổ chức các cuộc thi, sáng kiến cộng đồng như “Buôn làng đoàn kết, nhân văn”, “Gương sáng nhân sinh Ê-đê”... để tạo không gian thi đua, lan tỏa giá trị sống tích cực.

Năm là, trung tâm văn hóa tỉnh, huyện, các hội văn học nghệ thuật và sự tham gia của nghệ sĩ, tác giả dân gian người Ê-đê cần phối hợp tổ chức các hoạt động văn hóa – nghệ thuật, lễ hội mang tính sáng tạo, hiện đại hóa nhưng vẫn giữ hồn cốt truyền thống, qua đó làm sống động và gần gũi hóa các giá trị nhân sinh tích cực. Cần đổi mới nội dung và cách thức tổ chức lễ hội truyền thống như lễ mừng lúa mới, lễ cúng bến nước, để không chỉ dừng lại ở yếu tố nghi lễ mà còn chuyển tải được tinh thần yêu thiên nhiên, cộng đồng và sự gắn bó giữa các thế hệ. Khuyến khích sáng tác các tác phẩm nghệ thuật, đặc biệt là âm nhạc, kịch bản sân khấu hóa, phim ngắn, truyện tranh... thể hiện hình ảnh người Ê-đê mới: vừa kế thừa truyền thống, vừa biết chủ động hội nhập.

Sáu là, xây dựng cơ chế tôn vinh, khen thưởng và nhân rộng các cá nhân, gia đình, buôn làng điển hình trong việc gìn giữ và phát huy giá trị sống tích cực. Việc tôn vinh không chỉ dừng lại ở hình thức biểu dương mà cần có chính sách cụ thể như hỗ trợ sản xuất, khuyến học, xây dựng mô hình điểm... nhằm khích lệ tinh thần tự lực, sáng tạo và hướng thiện.

Tóm lại, việc phát huy các biến đổi tích cực trong nhân sinh quan của người Ê-đê không thể chỉ dừng lại ở việc ghi nhận, mà cần được tổ chức thành một chiến lược hành động có tính hệ thống, liên ngành và liên kết chặt chẽ với các thiết chế văn hóa, giáo

dục, chính trị, xã hội tại cơ sở. Qua đó, không chỉ nâng cao nội lực và bản lĩnh văn hóa cho cộng đồng người Ê-đê, mà còn đóng góp tích cực vào sự phát triển bền vững của tỉnh Đắk Lắk nói riêng và vùng Tây Nguyên nói chung.

Thứ ba, việc nhận diện và khắc phục các xu hướng tiêu cực cần được tiến hành song song với phát huy tích cực, trên tinh thần biện chứng “xây – chống”, hướng tới tái cấu trúc nhân sinh quan thay vì phủ định truyền thống.

Một số biểu hiện cần lưu ý gồm: (1) lối sống cá nhân thực dụng, ít quan tâm đến đời sống cộng đồng; (2) sự lệch chuẩn trong nhận thức giá trị văn hóa - chẳng hạn, xem lễ hội chỉ là hình thức giải trí chứ không còn là không gian linh thiêng giáo dục truyền thống; (3) suy giảm niềm tin vào luật tục, tín ngưỡng cổ truyền, từ đó dẫn đến đứt gãy các thế hệ trong truyền thừa giá trị. Đặc biệt, với lớp trẻ Ê-đê vốn chịu ảnh hưởng mạnh từ mạng xã hội, giáo dục hiện đại và môi trường sống đa dạng, việc định hướng nhân sinh quan là vô cùng cấp thiết. Đối tượng này cần được đặt vào trung tâm của công tác giáo dục, truyền thông với phương pháp gần gũi, sáng tạo, dễ tiếp cận nhưng vẫn giữ được chiều sâu văn hóa. Nghiên cứu và nhận diện rõ những biến đổi tiêu cực nhân sinh quan của người Ê-đê ở tỉnh Đắk Lắk hiện nay là cơ sở để đưa ra các giải pháp hiệu quả nhằm ngăn chặn, khắc phục và điều chỉnh kịp thời những vấn đề nảy sinh trong đời sống cộng đồng Ê-đê, đồng thời bảo tồn giá trị văn hóa truyền thống một cách đúng đắn và bền vững. Do đó cần thực hiện:

Một là, các viện nghiên cứu, trường đại học, Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch tỉnh, phối hợp cùng chính quyền cấp xã và già làng, trưởng buôn phối hợp tổ chức các cuộc khảo sát, nghiên cứu chuyên sâu nhằm nhận diện đầy đủ, khách quan và kịp thời các xu hướng tiêu cực trong nhân sinh quan của người Ê-đê. Nội dung khảo sát cần tập trung vào ba nhóm biểu hiện chính: (1) sự gia tăng khuynh hướng cá nhân chủ nghĩa, đặt lợi ích cá nhân trên cộng đồng, dẫn đến lối sống thực dụng, thờ ơ với các giá trị truyền thống; (2) hiện tượng lễ hội bị thương mại hóa, giải trí hóa, mất dần chức năng thiêng liêng trong việc giáo dục đạo lý, truyền thống văn hóa; và (3) suy giảm niềm tin vào tín ngưỡng cổ truyền, luật tục, khiến quá trình truyền thừa văn hóa giữa các thế hệ bị gián đoạn. Phương thức thực hiện gồm các hình thức như phỏng vấn sâu, thảo luận nhóm, điều tra xã hội học bằng bảng hỏi và quan sát điền dã.

Hai là, đội ngũ chuyên gia liên ngành: nhân học, xã hội học, giáo dục học, truyền thông và quản lý văn hóa phân tích các nguyên nhân dẫn đến xu hướng tiêu cực, đặc biệt làm rõ tác động của các yếu tố như toàn cầu hóa, đô thị hóa, ảnh hưởng từ mạng xã hội, thay đổi mô hình giáo dục và cơ cấu gia đình. Cần đánh giá sự khác biệt giữa các nhóm dân cư Ê-đê (trẻ tuổi - trung niên - cao niên; cư trú ở đô thị - nông thôn - vùng sâu) để xác định trọng điểm can thiệp. Ngoài ra, cần so sánh với các cộng đồng dân tộc khác ở Tây Nguyên để thấy được tính đặc thù và tính phổ quát của các vấn đề nhân sinh.

Ba là, thiết kế các chương trình truyền thông, giáo dục để điều chỉnh nhận thức, hành vi sống lệch chuẩn - đặc biệt tập trung vào giới trẻ Ê-đê. Các chương trình cần lồng ghép nội dung nhân sinh quan vào hình thức gần gũi, dễ tiếp nhận như: sân khấu hóa truyền thống, phim tài liệu ngắn trên mạng xã hội, mô hình “truyền thông văn hóa học đường” hoặc hoạt động trải nghiệm “một ngày làm người Ê-đê”. Đồng thời, triển khai các hoạt động ngoại khóa, hội thi, câu lạc bộ thanh niên với chủ đề sống nghĩa tình, gắn bó cộng đồng, ứng xử nhân văn.

Bốn là, tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn dành cho cán bộ đoàn thể, giáo viên và cán bộ truyền thông cơ sở nhằm nâng cao năng lực nhận diện, ứng phó và giáo dục về các xu hướng nhân sinh quan tiêu cực. Nội dung đào tạo bao gồm kỹ năng tiếp cận giới trẻ dân tộc thiểu số, phương pháp giáo dục văn hóa phi chính quy, cách lồng ghép nội dung nhân sinh quan trong hoạt động thường nhật của thôn buôn.

Năm là, xây dựng cơ chế phản hồi cộng đồng và giám sát xã hội để kịp thời phát hiện và xử lý những biểu hiện nhân sinh quan lệch chuẩn tại cơ sở. Cần phát huy vai trò của già làng, người có uy tín, hội đồng luật tục, và các tổ chức mặt trận trong việc theo dõi đời sống văn hóa - đạo đức của cộng đồng. Mỗi buôn cần xây dựng bộ quy ước ứng xử văn hóa mới, kế thừa luật tục truyền thống nhưng có bổ sung các nội dung về lối sống tích cực trong bối cảnh hội nhập. Hằng năm, tổ chức sơ kết, đánh giá các mô hình buôn làng “không có biểu hiện nhân sinh lệch chuẩn” để biểu dương và nhân rộng.

Sáu là, ban hành chính sách hỗ trợ vật chất và khuyến khích tinh thần đối với các mô hình giáo dục và điều chỉnh nhân sinh quan tiêu biểu. Có thể lồng ghép các nội dung này vào các chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển bền vững vùng đồng bào dân tộc thiểu số, trong đó quy định ngân sách dành cho các hoạt động tuyên truyền, mô hình thí điểm, sản phẩm truyền thông văn hóa bằng tiếng Ê-đê. Đồng thời, xây dựng cơ chế

tôn vinh, khen thưởng các cá nhân, buôn làng có sáng kiến hoặc thành tích trong việc duy trì lối sống nhân văn, gắn bó cộng đồng, bảo tồn tri thức văn hóa. Chủ thể thực hiện gồm HĐND tỉnh, Sở Kế hoạch – Đầu tư, Ban Dân tộc, các tổ chức chính trị – xã hội và các cơ quan truyền thông.

Thứ tư, các kết quả nghiên cứu cần được cụ thể hóa thành mô hình thực tiễn gắn với đời sống buôn làng, bảo đảm nhân sinh quan được thực hành và nội tại hóa trong không gian xã hội cụ thể.

Các mô hình có thể bao gồm: “Buôn làng phát triển dựa trên giá trị văn hóa Ê-đê”, “Trường học giữ gìn và phát huy nhân sinh quan truyền thống”, “Lễ hội cộng đồng tôn vinh giá trị sống Ê-đê”, hay các câu lạc bộ thanh niên gìn giữ di sản văn hóa – tinh thần. Mỗi mô hình cần có mục tiêu rõ ràng, phương pháp triển khai cụ thể, nguồn lực đảm bảo và cơ chế giám sát, đánh giá. Ngoài ra, việc lồng ghép bảo tồn giá trị tinh thần với phát triển kinh tế, du lịch, sinh kế bền vững là hướng đi hiệu quả. Ví dụ, phát triển du lịch cộng đồng gắn với trải nghiệm đời sống, nghi lễ Ê-đê có thể vừa tạo thu nhập cho người dân, vừa nâng cao lòng tự hào và trách nhiệm gìn giữ bản sắc.

Thứ năm, sự phối hợp liên ngành, liên cấp và sự tham gia của cộng đồng là điều kiện quyết định để các giải pháp đi vào cuộc sống một cách thực chất, tránh tình trạng hình thức hoặc ngắn hạn. Trong đó, Nhà nước đóng vai trò kiến tạo chính sách, hỗ trợ kinh phí, quy hoạch phát triển và đào tạo nguồn nhân lực. Các viện nghiên cứu, trường đại học đóng vai trò cung cấp tri thức khoa học, phân tích chính sách và triển khai thực nghiệm. Cộng đồng người Ê-đê đóng vai trò chủ thể trung tâm - từ khâu tham gia khảo sát đến thực hiện và giám sát các mô hình văn hóa. Các tổ chức phi chính phủ, đoàn thể xã hội có thể hỗ trợ về kỹ năng, truyền thông và kết nối quốc tế. Đặc biệt, cần xây dựng cơ chế tài chính đa dạng – kết hợp ngân sách Nhà nước, xã hội hóa và hợp tác quốc tế để đảm bảo tính lâu dài cho các chương trình.

Cuối cùng, cần xây dựng hệ thống theo dõi, đánh giá thường xuyên sự biến đổi nhân sinh quan để kịp thời điều chỉnh chính sách, bảo đảm quá trình bảo tồn và phát huy giá trị nhân sinh Ê-đê diễn ra linh hoạt, thích ứng và bền vững trong bối cảnh lịch sử – xã hội mới. Việc đánh giá không chỉ dừng ở kết quả đầu ra mà phải đi vào tác động thực sự đến đời sống văn hóa - xã hội, sự thay đổi nhận thức và hành vi của người dân. Cần có các tiêu chí đánh giá chất lượng nhân sinh quan mới - như mức độ gắn bó cộng

đồng, hành vi thân thiện môi trường, tinh thần hiếu học, lòng biết ơn, ý thức công dân... để điều chỉnh chương trình theo hướng ngày càng phù hợp và hiệu quả hơn.

4.2.2. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục để nâng cao nhận thức cho người Ê-đê nói riêng và mọi tầng lớp nhân dân nói chung phát huy những biến đổi tích cực, hạn chế những biến đổi tiêu cực nhân sinh quan của người Ê-đê ở tỉnh Đắk Lắk hiện nay

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục để nâng cao nhận thức cho người Ê-đê nói riêng và mọi tầng lớp nhân dân nói chung trong việc phát huy những biến đổi tích cực, hạn chế những biến đổi tiêu cực trong nhân sinh quan của người Ê-đê ở tỉnh Đắk Lắk hiện nay là một trong những nhiệm vụ có ý nghĩa chiến lược trong tiến trình xây dựng con người mới và phát triển bền vững vùng dân tộc thiểu số. Nghị quyết số 33-NQ/TW (2014) đã khẳng định cần “xây dựng văn hóa và con người Việt Nam phát triển toàn diện, hướng đến chân - thiện - mỹ” [7, tr. 2], do đó, việc định hướng nhân sinh quan cho đồng bào Ê-đê càng trở nên cấp thiết. Trong bối cảnh Đắk Lắk đang chịu tác động mạnh từ đô thị hóa, chuyển dịch kinh tế, giao thoa văn hóa và ảnh hưởng của truyền thông hiện đại, việc định hướng nhân sinh quan không chỉ mang ý nghĩa đối với cộng đồng Ê-đê mà còn góp phần củng cố nền tảng tinh thần chung của toàn xã hội. Nhiệm vụ này cũng phù hợp với tinh thần của Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 về đột phá khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, khi nhấn mạnh yêu cầu phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, nâng cao dân trí và ý thức công dân trong kỷ nguyên số, đồng thời củng cố bản lĩnh văn hóa và nhân sinh quan khoa học để cộng đồng người Ê-đê tự tin hội nhập theo tinh thần của Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 của Ban chấp hành Trung ương về hội nhập quốc tế. Để công tác tuyên truyền - giáo dục đạt hiệu quả, cần thực hiện một số định hướng và giải pháp trọng tâm sau:

Thứ nhất, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục để nâng cao nhận thức cho người Ê-đê nói riêng và mọi tầng lớp nhân dân nói chung về những biến đổi tích cực trong nhân sinh quan của người Ê-đê ở tỉnh Đắk Lắk hiện nay.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức cho người Ê-đê nói riêng và mọi tầng lớp nhân dân nói chung về những biến đổi tích cực trong nhân sinh quan của người Ê-đê ở tỉnh Đắk Lắk hiện nay là nhiệm vụ quan trọng

và cấp thiết, góp phần củng cố nền tảng tư tưởng – văn hóa, tạo động lực tinh thần bền vững cho sự phát triển của vùng Tây Nguyên trong bối cảnh mới. Trong điều kiện tồn tại xã hội đang biến đổi nhanh chóng, nhân sinh quan của người Ê-đê cũng vận động theo những chiều hướng đa dạng, vừa kế thừa giá trị truyền thống, vừa tiếp nhận các yếu tố mới của đời sống hiện đại. Vì vậy, công tác tuyên truyền – giáo dục không chỉ nhằm bảo tồn cái “đã có”, mà quan trọng hơn là giúp cộng đồng và xã hội nhận thức đúng, đánh giá đúng và định hướng đúng những biến đổi tích cực đang hình thành trong nhân sinh quan Ê-đê, từ đó biến chúng thành nguồn lực tinh thần cho phát triển.

Việc nhận diện, tôn vinh và lan tỏa những chuyển biến tích cực về tư duy, lối sống, quan hệ cộng đồng và khát vọng vươn lên của người Ê-đê không nên được hiểu như sự đối lập giữa truyền thống và hiện đại, mà cần được đặt trong mối quan hệ biện chứng giữa ổn định và phát triển của ý thức xã hội. Những chuyển biến ấy vừa thể hiện sự thích ứng linh hoạt của cộng đồng Ê-đê trước các điều kiện sống mới, vừa phản ánh khả năng tự điều chỉnh của nhân sinh quan nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững. Do đó, công tác tuyên truyền – giáo dục cần được triển khai trên cơ sở khoa học, bám sát thực tiễn đời sống, tránh cách tiếp cận áp đặt hoặc lý tưởng hóa truyền thống.

Một là, tập trung tuyên truyền và giáo dục sâu rộng về các biểu hiện tích cực đang hình thành trong nhân sinh quan người Ê-đê hiện nay, như tinh thần hiếu học, ý chí vươn lên trong lao động sản xuất, sự linh hoạt trong thích ứng với môi trường sống đa tộc người, tinh thần gắn bó với buôn làng, ý thức trách nhiệm với cộng đồng, cũng như sự dung hòa ngày càng rõ nét giữa tôn trọng luật tục và chấp hành pháp luật của Nhà nước. Những biểu hiện này cho thấy nhân sinh quan Ê-đê không đứng ngoài quá trình hiện đại hóa, mà đang từng bước tái cấu trúc để phù hợp với các chuẩn mực xã hội mới.

Các chuyển biến tích cực ấy được thể hiện cụ thể qua việc nhiều thanh niên Ê-đê chủ động học nghề, tiếp cận tri thức mới, khởi nghiệp trong nông nghiệp, du lịch cộng đồng, dịch vụ văn hóa, đồng thời vẫn tham gia gìn giữ lễ hội, tiếng nói, trang phục và các tập tục truyền thống của dân tộc mình. Việc tuyên truyền cần làm rõ rằng đây không phải là sự “đánh đổi” giữa truyền thống và phát triển, mà là kết quả của quá trình chọn lọc và dung hợp giá trị, trong đó những yếu tố nhân văn của nhân sinh quan truyền thống tiếp tục được phát huy trong hình thức mới.

Trong bối cảnh hiện nay, công tác tuyên truyền – giáo dục cần đặc biệt chú trọng tới thế hệ trẻ Ê-đê, lực lượng đang chịu tác động trực tiếp và mạnh mẽ của kinh tế thị trường, giáo dục hiện đại và mạng xã hội. Việc nâng cao nhận thức cho thanh niên cần hướng tới giúp họ hiểu rằng nhân sinh quan truyền thống không đồng nghĩa với lạc hậu, mà chính là nền tảng tinh thần để họ định vị bản thân, xác lập bản lĩnh văn hóa và lựa chọn con đường phát triển phù hợp. Các hình thức giáo dục trải nghiệm, học tập liên thế hệ, hoạt động ngoại khóa tại nhà dài, không gian văn hóa Ê-đê cần được tổ chức linh hoạt, gắn với đời sống thực tiễn để tăng tính thuyết phục và hiệu quả.

Đặc biệt, giáo dục nhận thức cần gắn chặt với việc nuôi dưỡng khát vọng phát triển chính đáng. Nếu trong xã hội truyền thống, tình yêu quê hương của người Ê-đê chủ yếu được thể hiện qua việc bảo vệ đất đai, buôn làng và luật tục, thì trong bối cảnh mới, tình yêu đó cần được chuyển hóa thành ý chí học tập, lao động sáng tạo, khởi nghiệp bền vững và nâng cao chất lượng cuộc sống gia đình, cộng đồng. Nhân sinh quan Ê-đê hiện đại vì thế cần được định hướng như sự kết hợp hài hòa giữa cội nguồn văn hóa và khát vọng vươn lên, giữa tinh thần cộng đồng và trách nhiệm cá nhân trong xã hội.

Hai là, khuyến khích và lan tỏa các tấm gương người Ê-đê tiêu biểu – những cá nhân dám nghĩ, dám làm, biết khai thác giá trị văn hóa truyền thống để phát triển kinh tế, làm giàu hợp pháp và đóng góp tích cực cho cộng đồng. Việc tuyên dương các điển hình này trên các phương tiện truyền thông, trong nhà trường và thông qua hoạt động của các đoàn thể không chỉ mang ý nghĩa cổ vũ tinh thần, mà còn góp phần cụ thể hóa những biến đổi tích cực của nhân sinh quan thành các hình mẫu sống động, dễ tiếp nhận và có sức lan tỏa xã hội.

Ba là, đổi mới hình thức và phương thức tuyên truyền – giáo dục theo hướng phù hợp với điều kiện tiếp cận và đặc thù văn hóa của người Ê-đê. Việc sử dụng song ngữ Ê-đê – Việt, kết hợp truyền thông truyền thống với truyền thông hiện đại, phát huy hiệu quả các kênh như loa phát thanh buôn làng, sân khấu hóa trong lễ hội, phim tài liệu, tranh cổ động văn hóa sẽ giúp thông điệp giáo dục thấm sâu hơn vào đời sống cộng đồng. Đồng thời, cần phát huy vai trò chủ thể của già làng, nghệ nhân, cán bộ xã – buôn, giáo viên và các tổ chức đoàn thể, bởi họ vừa là người am hiểu văn hóa Ê-đê, vừa có uy tín và khả năng tác động trực tiếp đến sự điều chỉnh nhận thức và hành vi của cộng đồng trong quá trình biến đổi nhân sinh quan hiện nay.

Thứ hai, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục, định hướng để người Ê-đê nói riêng và mọi tầng lớp nhân dân nói chung nhận diện, khắc phục những biến đổi tiêu cực trong nhân sinh quan của người Ê-đê ở tỉnh Đắk Lắk hiện nay.

Trong tiến trình hội nhập và phát triển, cộng đồng người Ê-đê tại tỉnh Đắk Lắk đang trải qua những biến đổi sâu sắc không chỉ trong điều kiện kinh tế – xã hội mà còn trong hệ giá trị tinh thần định hướng lối sống và hành vi xã hội. Nhân sinh quan, với tư cách là hạt nhân tinh thần chi phối cách con người nhìn nhận về ý nghĩa cuộc sống, mối quan hệ giữa cá nhân với cộng đồng, giữa con người với tự nhiên và thế giới siêu hình, tất yếu chịu sự tác động trực tiếp của những biến đổi đó. Bên cạnh những chuyển biến tích cực góp phần nâng cao ý thức cá nhân, tinh thần chủ động, sáng tạo và hội nhập, thực tiễn cũng cho thấy sự xuất hiện ngày càng rõ của những biểu hiện tiêu cực trong nhân sinh quan như xu hướng thực dụng hóa các giá trị sống, sự suy giảm tính cố kết cộng đồng, lệch chuẩn trong tiếp nhận giá trị văn hóa ngoại lai, cũng như tình trạng phai nhạt niềm tin vào các thiết chế truyền thống như luật tục, tín ngưỡng và nghi lễ cộng đồng.

Dưới góc nhìn của chủ nghĩa duy vật lịch sử, những biểu hiện tiêu cực này không phải là hiện tượng ngẫu nhiên, mà phản ánh mâu thuẫn giữa sự biến đổi nhanh chóng của tồn tại xã hội với khả năng điều chỉnh chưa kịp thời của ý thức xã hội. Chính vì vậy, công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục và định hướng nhân sinh quan có vai trò đặc biệt quan trọng và cấp thiết, không chỉ nhằm “phê phán” các biểu hiện lệch chuẩn, mà quan trọng hơn là giúp cộng đồng nhận diện đúng bản chất của sự biến đổi, từ đó chủ động điều chỉnh nhận thức và hành vi theo hướng phù hợp với yêu cầu phát triển bền vững.

Trong bối cảnh lớp trẻ người Ê-đê đang chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của môi trường sống đa văn hóa, truyền thông số và lối sống thị trường, việc định hướng giá trị sống càng cần được tiến hành một cách có hệ thống, linh hoạt nhưng vẫn bảo đảm chiều sâu văn hóa và bản sắc dân tộc. Công tác tuyên truyền – giáo dục vì thế phải được xem như một quá trình tác động lâu dài, liên tục, hướng tới khơi dậy năng lực tự nhận thức, tự điều chỉnh và tự bảo vệ hệ giá trị của cộng đồng trước những tác động tiêu cực từ bên ngoài.

Việc xây dựng chiến lược truyền thông và giáo dục phù hợp sẽ giúp người Ê-đê và các tầng lớp nhân dân nhận diện rõ những biến đổi tiêu cực trong nhân sinh quan hiện nay, như: một bộ phận thanh niên xa rời sinh hoạt buôn làng, thờ ơ với lễ hội và nghi lễ truyền thống, thiên về lối sống cá nhân hóa, chịu ảnh hưởng mạnh của mạng xã hội và văn hóa tiêu dùng. Trong lĩnh vực tín ngưỡng – tâm linh, xuất hiện xu hướng thực dụng hóa nghi lễ, xem cúng bái như phương tiện cầu lợi cá nhân hơn là không gian củng cố niềm tin cộng đồng và đạo lý truyền thống. Các giá trị đạo đức cốt lõi như tình nghĩa buôn làng, lòng biết ơn tổ tiên, tinh thần đoàn kết và trách nhiệm cộng đồng cũng có dấu hiệu suy giảm. Việc tuyên truyền, giáo dục và định hướng nhận thức vì vậy cần tạo nền tảng cho quá trình khắc phục các biểu hiện này, hướng tới sự điều chỉnh hài hòa giữa truyền thống và hiện đại.

Đồng thời, công tác giáo dục cần gắn với việc nâng cao ý thức pháp luật, bảo đảm sự thống nhất giữa luật tục và pháp luật Nhà nước, đúng với tinh thần Nghị quyết số 66-NQ/TW năm 2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật. Đây là điều kiện quan trọng để hạn chế các hành vi lệch chuẩn, củng cố trật tự xã hội và tạo môi trường thuận lợi cho sự phát triển nhân sinh quan lành mạnh trong cộng đồng Ê-đê hiện nay.

Trên cơ sở đó, việc đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục và định hướng nhận thức cần được triển khai bài bản, phù hợp với ngôn ngữ, văn hóa và bối cảnh sinh hoạt của người Ê-đê. Để phát huy các biến đổi tích cực, đồng thời hạn chế và từng bước khắc phục các biến đổi tiêu cực trong nhân sinh quan của người Ê-đê ở tỉnh Đắk Lắk hiện nay, cần thực hiện đồng bộ các biện pháp sau:

Một là, xây dựng nội dung tuyên truyền phù hợp với văn hóa truyền thống của người Ê-đê. Việc xác định đúng nội dung tuyên truyền có ý nghĩa nền tảng trong định hướng nhận thức xã hội. Nội dung cần dựa trên các giá trị nhân sinh cốt lõi của người Ê-đê như tinh thần đoàn kết buôn làng, lòng biết ơn tổ tiên, sự hòa hợp với thiên nhiên, quan niệm sống vì cộng đồng, tôn trọng luật tục và đạo lý truyền thống. Đồng thời, cần nhấn mạnh tính tiếp biến tích cực giữa truyền thống và hiện đại, làm rõ rằng hội nhập không đồng nghĩa với đánh mất bản sắc. Bên cạnh đó, các nội dung tuyên truyền cũng cần chỉ ra và cảnh báo rõ những xu hướng tiêu cực như lối sống thực dụng, suy giảm đạo lý buôn làng, xem nhẹ luật tục và nghi lễ truyền thống. Việc sử dụng song ngữ Ê-đê

– Việt, kết hợp với các hình thức kể chuyện dân gian, giai thoại quen thuộc sẽ giúp thông điệp trở nên gần gũi, dễ tiếp nhận và dễ thực hành.

Hai là, sử dụng linh hoạt, hiệu quả các phương tiện và hình thức tuyên truyền phù hợp với điều kiện tiếp nhận của người Ê-đê. Cần kết hợp hài hòa giữa truyền thông hiện đại và các hình thức truyền thống như phát thanh buôn làng, sinh hoạt cộng đồng, sân khấu hóa, trình diễn văn hóa dân gian. Việc ứng dụng mạng xã hội, video ngắn, phóng sự truyền hình bằng tiếng Ê-đê sẽ giúp tiếp cận hiệu quả giới trẻ, trong khi các thiết chế văn hóa cơ sở như nhà sinh hoạt cộng đồng, trường học là không gian quan trọng để tổ chức tọa đàm, chiếu phim, trưng bày tư liệu, qua đó lan tỏa các giá trị nhân sinh quan tích cực.

Ba là, phát triển nội dung giáo dục và đào tạo chuyên sâu về giá trị nhân sinh quan Ê-đê trong hệ thống giáo dục. Cần tích hợp các giá trị văn hóa, nhân sinh quan Ê-đê vào chương trình giáo dục phổ thông vùng dân tộc thiểu số; biên soạn tài liệu, sách song ngữ Ê-đê – Việt; tổ chức các khóa học, chuyên đề về văn hóa và nhân sinh quan Ê-đê. Đồng thời, đào tạo đội ngũ giáo viên, cán bộ văn hóa có năng lực truyền đạt các giá trị này một cách linh hoạt, phù hợp với bối cảnh biến đổi xã hội hiện nay.

Bốn là, khuyến khích sự tham gia chủ động của cộng đồng, phát huy vai trò của cá nhân uy tín như già làng, trưởng buôn. Các già làng, nghệ nhân, chức sắc tôn giáo và cá nhân tiêu biểu là những chủ thể có ảnh hưởng trực tiếp đến việc điều chỉnh nhân sinh quan trong cộng đồng. Việc huy động họ tham gia vào công tác tuyên truyền, giáo dục thông qua kể chuyện truyền thống, tổ chức nghi lễ, cổ vấn văn hóa buôn làng sẽ nâng cao tính thuyết phục và hiệu quả. Đồng thời, cần tạo điều kiện để thanh niên Ê-đê tham gia các mô hình truyền thông sáng tạo, câu lạc bộ văn hóa, nhóm nghiên cứu trẻ, qua đó hình thành lực lượng kế cận có ý thức gìn giữ và phát triển nhân sinh quan Ê-đê trong thời đại mới.

Thứ ba, cần tăng cường giáo dục ý thức pháp luật cho cộng đồng người Ê-đê và toàn thể nhân dân để công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục để nâng cao nhận thức cho người Ê-đê nói riêng và mọi tầng lớp nhân dân nói chung hiểu rõ những biến đổi tích cực và biến đổi tiêu cực nhân sinh quan của người Ê-đê ở tỉnh Đắk Lắk hiện nay.

Để công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục nâng cao nhận thức cho người Ê-đê nói riêng và mọi tầng lớp nhân dân nói chung đạt được hiệu quả thiết thực, không thể

tách rời vai trò của giáo dục ý thức pháp luật. Trong bối cảnh hiện nay, việc tăng cường giáo dục pháp luật có ý nghĩa đặc biệt quan trọng không chỉ ở phương diện quản lý xã hội, mà còn ở phương diện định hướng và điều chỉnh nhân sinh quan của người Ê-đê trước những biến đổi sâu sắc do quá trình đô thị hóa, thị trường hóa và giao thoa văn hóa mang lại. Giáo dục pháp luật giúp cộng đồng nhận thức đúng rằng sống nhân văn, tôn trọng luật tục truyền thống và chấp hành pháp luật Nhà nước không phải là những yêu cầu đối lập, mà là những yếu tố bổ sung, hỗ trợ lẫn nhau trong việc hình thành một nhân sinh quan tiến bộ, phù hợp với điều kiện lịch sử – xã hội mới. Đây là yêu cầu nhất quán của Nghị quyết 66-NQ/TW, đồng thời phù hợp với mục tiêu xây dựng xã hội công bằng, kỷ cương, văn minh và phát triển bền vững mà các nghị quyết chiến lược của Đảng đã xác định.

Trước hết, giáo dục pháp luật là công cụ quan trọng để định hướng và củng cố những yếu tố tích cực trong nhân sinh quan của người Ê-đê. Trong xã hội hiện đại, khi các giá trị truyền thống như sự gắn bó cộng đồng, lòng kính trọng tổ tiên, lối sống hài hòa với tự nhiên đứng trước nguy cơ bị lấn át bởi lối sống thực dụng, cá nhân hóa và xu hướng lệch chuẩn đạo đức, thì ý thức pháp luật đóng vai trò như một khuôn khổ chuẩn mực giúp cá nhân tự điều chỉnh hành vi. Dưới góc nhìn triết học Mác – Lênin, pháp luật là một hình thái ý thức xã hội có chức năng điều chỉnh hành vi con người phù hợp với lợi ích chung. Vì vậy, giáo dục pháp luật không chỉ dừng lại ở việc truyền đạt quy định hay chế tài, mà sâu xa hơn là giúp mỗi người dân, đặc biệt là thế hệ trẻ Ê-đê, hiểu rõ mối quan hệ giữa quyền – nghĩa vụ – trách nhiệm xã hội, từ đó củng cố các giá trị nhân sinh cốt lõi như tôn trọng con người, bảo vệ môi trường sống và gìn giữ bản sắc buôn làng trong điều kiện mới.

Hai là, ý thức pháp luật góp phần trực tiếp ngăn chặn và khắc phục những biến đổi tiêu cực trong nhân sinh quan của người Ê-đê. Những hiện tượng như buông lỏng luật tục, thờ ơ với sinh hoạt cộng đồng, chạy theo lối sống hưởng thụ, hoặc xem nhẹ các chuẩn mực đạo đức buôn làng không chỉ phản ánh sự suy giảm giá trị truyền thống, mà còn tiềm ẩn nguy cơ dẫn tới các hành vi vi phạm pháp luật như tảo hôn, bạo lực gia đình, tranh chấp đất đai, khai thác tài nguyên bừa bãi. Trong trường hợp này, giáo dục pháp luật giúp cộng đồng nhận diện rõ ranh giới giữa truyền thống cần bảo tồn và những tập quán không còn phù hợp với yêu cầu phát triển xã hội hiện đại; đồng thời thiết lập các

chuẩn mực chung để điều chỉnh hành vi theo hướng tiến bộ, góp phần làm lành mạnh hóa các quan hệ xã hội trong buôn làng.

Ba là, giáo dục pháp luật cần được triển khai song song với việc bảo tồn và phát huy những giá trị truyền thống tốt đẹp trong nhân sinh quan của người Ê-đê. Các nghi lễ, phong tục, luật tục không chỉ là biểu hiện văn hóa, mà còn là những chuẩn mực đạo đức có chức năng điều tiết hành vi cá nhân trong cộng đồng. Do đó, giáo dục pháp luật không nên được thực hiện theo cách áp đặt cơ học các quy định hiện đại, mà cần tiếp cận theo hướng biện chứng, kết hợp hài hòa giữa pháp luật Nhà nước và các quy tắc buôn làng tiến bộ. Việc lồng ghép các giá trị truyền thống như tinh thần đoàn kết, trách nhiệm cộng đồng, lòng biết ơn tổ tiên vào hệ chuẩn mực pháp lý hiện đại sẽ giúp cộng đồng Ê-đê tiếp nhận pháp luật một cách tự nguyện, từ đó thúc đẩy quá trình nội tâm hóa pháp luật trong đời sống tinh thần và nhân sinh quan của người dân.

Bốn là, tăng cường giáo dục pháp luật là điều kiện quan trọng để hình thành nhân sinh quan tích cực, chủ động và có trách nhiệm của người Ê-đê trong xã hội hiện đại. Một nhân sinh quan tích cực không chỉ thể hiện ở lối sống chan hòa với buôn làng, tôn trọng thiên nhiên, mà còn ở ý thức công dân, tinh thần thượng tôn pháp luật và trách nhiệm xã hội. Khi hiểu luật và sống theo luật, người Ê-đê có điều kiện phát huy vai trò chủ thể của mình trong phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường, đấu tranh với các hành vi sai trái, đồng thời chủ động học tập, lao động và cống hiến cho sự phát triển bền vững của cộng đồng và địa phương. Ở đây, pháp luật không chỉ là công cụ cưỡng chế, mà trở thành nền tảng đạo đức – xã hội góp phần hoàn thiện nhân sinh quan trong bối cảnh đa văn hóa của tỉnh Đắk Lắk.

Cuối cùng, để nâng cao hiệu quả giáo dục pháp luật cho người Ê-đê, cần có sự phối hợp đồng bộ giữa các cơ quan nhà nước, hệ thống giáo dục, các tổ chức đoàn thể và chính cộng đồng dân tộc thiểu số. Việc tổ chức các lớp phổ biến pháp luật bằng tiếng Ê-đê, xây dựng tài liệu pháp lý song ngữ, lồng ghép nội dung giáo dục pháp luật vào lễ hội truyền thống, chương trình học đường và các mô hình buôn làng không vi phạm pháp luật là những giải pháp thiết thực, có tính khả thi cao. Đặc biệt, cần phát huy vai trò của già làng, trưởng buôn, chức sắc tôn giáo và người có uy tín như những “cầu nối văn hóa – pháp lý”, giúp chuyển tải nội dung pháp luật một cách mềm dẻo, phù hợp với tâm lý và nhân sinh quan của cộng đồng Ê-đê hiện nay.

Thứ tư, tăng cường tuyên truyền, phổ biến, giáo dục nhân sinh quan khoa học, cách mạng cho người dân nhằm phát huy những biến đổi tích cực trong nhân sinh quan của người Ê-đê ở tỉnh Đắk Lắk hiện nay.

Việc tăng cường tuyên truyền, phổ biến và giáo dục nhân sinh quan khoa học, cách mạng cho người Ê-đê ở tỉnh Đắk Lắk hiện nay là yêu cầu cấp thiết, xuất phát từ thực tiễn chuyển biến nhanh chóng và sâu sắc của đời sống kinh tế, xã hội và văn hóa trong bối cảnh hội nhập quốc tế và hiện đại hóa đất nước. Trước sự biến đổi mạnh mẽ của tồn tại xã hội – thể hiện qua chuyển dịch cơ cấu kinh tế, thay đổi phương thức sinh kế, mở rộng giao lưu văn hóa và tác động của truyền thông hiện đại – nhân sinh quan của người Ê-đê với tư cách là một hình thái ý thức xã hội cũng đang vận động, điều chỉnh và tái cấu trúc. Do đó, việc định hướng nhân sinh quan theo tinh thần khoa học, cách mạng, tiến bộ, đồng thời gắn bó chặt chẽ với các giá trị truyền thống tốt đẹp không chỉ có ý nghĩa trước mắt mà còn mang tính chiến lược lâu dài trong việc củng cố nội lực tinh thần, phát huy yếu tố tích cực trong tư duy và lối sống của cộng đồng Ê-đê, hạn chế nguy cơ lệch chuẩn giá trị hoặc mai một bản sắc văn hóa. Để thực hiện có hiệu quả giải pháp này, cần tập trung triển khai các nhiệm vụ cơ bản sau:

Một là, giáo dục nhân sinh quan khoa học, cách mạng gắn với khát vọng phát triển, hội nhập và sáng tạo của người Ê-đê trong bối cảnh mới. Nhân sinh quan khoa học, cách mạng theo tinh thần chủ nghĩa Mác – Lênin không phải là hệ thống giáo điều trù tượng, mà là sự thống nhất biện chứng giữa nhận thức khoa học về thế giới, niềm tin vào khả năng cải biến hiện thực và ý chí hành động tích cực của con người. Việc giáo dục nhân sinh quan này cho người Ê-đê vừa kế thừa tinh thần đổi mới sáng tạo theo Nghị quyết 57-NQ/TW, vừa hiện thực hóa khát vọng làm giàu chính đáng, cống hiến cho cộng đồng theo Nghị quyết 68-NQ/TW. Trong văn hóa Ê-đê truyền thống, ý thức cộng đồng luôn được đề cao thông qua hình thức nhà dài, sự chia sẻ lao động sản xuất, các nghi lễ gắn kết buôn làng và vai trò của già làng. Đây chính là nền tảng thuận lợi để lan tỏa những giá trị của nhân sinh quan khoa học: sống không chỉ vì bản thân mà còn vì cộng đồng, vì sự phát triển hài hòa giữa con người – xã hội – tự nhiên. Do đó, cần định hướng cho người Ê-đê, đặc biệt là thế hệ trẻ, hiểu rằng lòng yêu quê hương, tự hào dân tộc không chỉ dừng lại ở biểu tượng hay nghi lễ, mà phải được cụ thể hóa bằng hành

động thiết thực như học tập, lao động sáng tạo, khởi nghiệp, làm giàu chính đáng và chủ động gìn giữ, phát triển bản sắc văn hóa dân tộc trong điều kiện hiện đại.

Hai là, nhân sinh quan khoa học, cách mạng cần khơi dậy tư duy thực tiễn, tinh thần tự lực, tự cường và ý chí vươn lên của mỗi cá nhân trong cộng đồng Ê-đê. Theo quan điểm duy vật lịch sử, con người vừa là sản phẩm của hoàn cảnh lịch sử – xã hội, vừa là chủ thể cải biến hoàn cảnh ấy thông qua hoạt động thực tiễn. Trong quá khứ, do những điều kiện lịch sử, địa lý và kinh tế – xã hội đặc thù, người Ê-đê từng phải đối mặt với nhiều khó khăn, hạn chế. Tuy nhiên, trong giai đoạn hiện nay, cộng đồng Ê-đê đang đứng trước nhiều cơ hội mới từ các chính sách phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số, từ quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế và mở rộng giao lưu văn hóa. Để tận dụng hiệu quả các cơ hội đó, giáo dục nhân sinh quan khoa học cần giúp người Ê-đê chuyển biến tư duy từ trông chờ, ỷ lại sang chủ động, sáng tạo; từ quan niệm “sống đủ”, “an phận” sang khát vọng vươn lên xây dựng cuộc sống ấm no, văn minh và hạnh phúc. Sự thay đổi này không chỉ nâng cao chất lượng sống của từng cá nhân, mà còn tạo động lực nội sinh thúc đẩy sự phát triển bền vững của buôn làng và địa phương.

Ba là, nhân sinh quan khoa học, cách mạng phải được kết hợp chặt chẽ với lòng tự hào dân tộc và khát vọng hội nhập có bản lĩnh. Giáo dục nhân sinh quan tiến bộ không đồng nghĩa với phủ định các giá trị truyền thống của người Ê-đê như sử thi, luật tục, lễ hội, không gian văn hóa công chiêng, mà là làm cho những giá trị ấy thích ứng với điều kiện lịch sử – xã hội mới. Việc bảo tồn công chiêng thông qua giáo dục học đường, số hóa các sử thi như Đam San, hay tổ chức lễ hội truyền thống gắn với du lịch cộng đồng chính là những biểu hiện sinh động của quá trình chuyển hóa giá trị truyền thống trong điều kiện hiện đại. Qua đó, nhân sinh quan của người Ê-đê không chỉ “hòa nhập” mà còn được “nâng tầm”, giúp cộng đồng tự tin khẳng định bản sắc văn hóa của mình trong tiến trình hội nhập quốc gia và quốc tế, với tư cách là chủ thể sáng tạo và kiến tạo tương lai.

Bốn là, công tác tuyên truyền, phổ biến và giáo dục nhân sinh quan khoa học cần được tổ chức đồng bộ, sáng tạo và phù hợp với đặc trưng văn hóa – tâm lý của người Ê-đê. Các chương trình tuyên truyền cần được lồng ghép linh hoạt vào hoạt động của các thiết chế văn hóa cộng đồng thông qua vai trò của già làng, trưởng buôn, các hội nhóm văn hóa, tổ chức thanh niên và phụ nữ. Sự kết hợp giữa hình thức truyền miệng truyền

thống với các phương tiện truyền thông hiện đại như truyền hình, mạng xã hội, video bằng tiếng Ê-đê sẽ tạo hiệu ứng lan tỏa mạnh mẽ, đặc biệt đối với giới trẻ. Đồng thời, các cơ sở giáo dục cần đưa nội dung giáo dục nhân sinh quan khoa học, cách mạng vào hoạt động ngoại khóa, sinh hoạt chuyên đề và các phong trào thi đua học tập, sáng tạo, cống hiến.

Năm là, giáo dục nhân sinh quan khoa học, cách mạng phải gắn chặt với hành động thực tiễn và hệ thống chính sách phát triển cụ thể. Nhân sinh quan khoa học chỉ thực sự phát huy tác dụng khi được hiện thực hóa trong các chương trình phát triển kinh tế – xã hội, xây dựng nông thôn mới, xây dựng buôn làng văn hóa và hỗ trợ khởi nghiệp cho thanh niên dân tộc thiểu số. Thông qua việc gắn giáo dục nhân sinh quan với chính sách, mỗi người Ê-đê sẽ có điều kiện làm chủ cuộc sống, phát huy năng lực cá nhân và đóng góp tích cực cho cộng đồng. Chính quá trình này sẽ tạo ra động lực nội sinh bền vững, thúc đẩy sự phát triển hài hòa giữa kinh tế, văn hóa và con người ở tỉnh Đắk Lắk trong giai đoạn mới.

Thứ năm, tiếp tục đẩy mạnh giáo dục truyền thống, lòng tự hào, tự tôn dân tộc; phát huy có hiệu quả vai trò của sự biến đổi tích cực trong nhân sinh quan của người Ê-đê ở tỉnh Đắk Lắk hiện nay.

Việc tiếp tục đẩy mạnh giáo dục truyền thống, bồi dưỡng lòng tự hào và tự tôn dân tộc; đồng thời phát huy hiệu quả những biến đổi tích cực trong nhân sinh quan của người Ê-đê ở tỉnh Đắk Lắk hiện nay là một trong những giải pháp có ý nghĩa then chốt nhằm củng cố nền tảng văn hóa – tinh thần, nuôi dưỡng bản lĩnh dân tộc trong điều kiện hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng. Từ góc độ triết học Mác – Lênin, đây chính là quá trình tác động có ý thức vào lĩnh vực ý thức xã hội, nhằm định hướng sự vận động của nhân sinh quan theo hướng tiến bộ, phù hợp với yêu cầu của tồn tại xã hội mới nhưng vẫn bảo đảm tính kế thừa lịch sử.

Giáo dục truyền thống và tinh thần tự hào dân tộc đối với người Ê-đê cần được đặt trong mối liên hệ biện chứng với lịch sử – văn hóa bản địa, nơi kết tinh những giá trị nhân sinh được hình thành và bồi đắp qua nhiều thế hệ. Những giá trị ấy không chỉ biểu hiện ở các hình thức sinh hoạt văn hóa đặc trưng như lễ cúng bến nước, lễ mừng lúa mới, diễn xướng sử thi, không gian văn hóa công chiêng..., mà còn thấm sâu vào lối sống cộng đồng, tinh thần lao động cần cù, ý thức cố kết buôn làng và truyền thống yêu

thương, đùm bọc lẫn nhau. Chính hệ giá trị nhân sinh này đã đóng vai trò như một “lực cản văn hóa tích cực”, giúp cộng đồng Ê-đê giữ vững bản sắc và bản lĩnh tinh thần trước những biến động phức tạp của lịch sử.

Tuy nhiên, dưới góc nhìn duy vật biện chứng, giáo dục truyền thống không thể chỉ dừng lại ở việc tái hiện quá khứ một cách bảo tồn thụ động, mà cần được chuyển hóa thành động lực tinh thần thúc đẩy nhận thức và hành động của chủ thể trong hiện tại. Đặc biệt, đối với thế hệ trẻ Ê-đê – lực lượng đang trực tiếp chịu tác động mạnh mẽ của toàn cầu hóa và đa dạng hóa giá trị – việc giúp họ hiểu rõ ý nghĩa nhân sinh sâu xa của lối sống cộng đồng, của nghi lễ tạ ơn rừng, của lễ mừng lúa mới như biểu tượng của mối quan hệ hài hòa giữa con người và tự nhiên sẽ góp phần hình thành khả năng “tiếp biến văn hóa có chọn lọc”. Khi đó, tinh thần tự hào truyền thống không chỉ là cảm xúc, mà được nâng lên thành ý thức trách nhiệm và năng lực sáng tạo trong việc bảo vệ, phát triển văn hóa dân tộc trong điều kiện mới.

Phát huy hiệu quả những biểu hiện tích cực trong sự biến đổi nhân sinh quan hiện nay của người Ê-đê cũng chính là một hình thức giáo dục truyền thống theo cách tiếp cận hiện đại và biện chứng. Thực tiễn cho thấy, những biểu hiện như sự dung hòa giữa luật tục và pháp luật, giữa lợi ích cá nhân và lợi ích cộng đồng, tinh thần chủ động học tập, làm kinh tế, cùng thái độ cởi mở trong giao lưu văn hóa nhưng không đánh mất bản sắc đã phản ánh xu hướng vận động tích cực của nhân sinh quan Ê-đê trong bối cảnh phát triển. Đây là kết quả của quá trình tương tác giữa điều kiện kinh tế – xã hội mới và nền tảng giá trị truyền thống, cho thấy khả năng tự điều chỉnh của ý thức xã hội nhằm thích ứng với sự biến đổi của tồn tại xã hội.

Chẳng hạn, nhiều thanh niên Ê-đê hiện nay dù sinh sống, học tập và làm việc ở đô thị vẫn tích cực tham gia lễ hội buôn làng, trân trọng vai trò của già làng, học đánh cồng chiêng, kể sử thi, hiểu và tôn trọng luật tục. Đây không phải là sự quay trở lại giản đơn với quá khứ, mà là sự kế thừa và tái cấu trúc nhân sinh quan theo hướng hiện đại, góp phần kết nối các thế hệ và tái tạo không gian văn hóa Ê-đê trong điều kiện sống mới. Việc phát hiện, tổng kết, tuyên truyền và nhân rộng những mô hình, tấm gương như vậy sẽ tạo ra hiệu ứng lan tỏa tích cực, thúc đẩy sự hình thành hệ giá trị sống tiến bộ trong cộng đồng.

Để công tác giáo dục truyền thống và phát huy nhân sinh quan tích cực đạt hiệu quả bền vững, cần có sự phối hợp đồng bộ giữa hệ thống giáo dục, các cơ quan văn hóa, chính quyền địa phương và chính cộng đồng người Ê-đê. Trường học cần tích hợp nội dung giáo dục văn hóa, phong tục, nhân sinh quan Ê-đê vào các hoạt động ngoại khóa; nhà sinh hoạt cộng đồng cần trở thành không gian diễn xướng sử thi, truyền dạy công chiêng và sinh hoạt văn hóa thường xuyên. Đặc biệt, phải phát huy vai trò của già làng, nghệ nhân, người có uy tín như những “chủ thể giáo dục văn hóa” – vừa là người truyền thụ tri thức truyền thống, vừa là hình mẫu nhân sinh sống động cho thế hệ trẻ noi theo.

Cùng với đó, công tác tuyên truyền, giáo dục nhân sinh quan cần được đặt ngang tầm với các nhiệm vụ phát triển kinh tế – xã hội. Nhà nước và các tổ chức chính trị – xã hội cần có chính sách đầu tư dài hạn và đồng bộ, từ truyền thông bằng tiếng Ê-đê, đào tạo đội ngũ cán bộ giáo dục văn hóa dân tộc, đến khuyến khích các mô hình phát triển cộng đồng gắn với bảo tồn văn hóa. Thông qua đó, nhân sinh quan Ê-đê sẽ tiếp tục được bồi đắp theo hướng khoa học, tiến bộ và giàu bản sắc, trở thành nguồn lực tinh thần quan trọng cho sự phát triển bền vững của tỉnh Đắk Lắk trong giai đoạn mới.

Thứ sáu, nâng cao vai trò của gia đình, nhà trường và xã hội trong giáo dục giá trị của sự biến đổi tích cực trong nhân sinh quan của người Ê-đê ở tỉnh Đắk Lắk hiện nay cho thế hệ thanh thiếu niên.

Việc nâng cao vai trò của gia đình, nhà trường và xã hội trong giáo dục các giá trị của sự biến đổi tích cực trong nhân sinh quan của người Ê-đê ở tỉnh Đắk Lắk hiện nay cho thế hệ thanh thiếu niên là yêu cầu cấp thiết, xuất phát từ thực tiễn vận động nhanh chóng của đời sống kinh tế – xã hội, quá trình hội nhập sâu rộng và sự giao thoa đa chiều của các hệ giá trị văn hóa. Đây không chỉ là vấn đề giáo dục đạo đức đơn thuần, mà là quá trình tác động có định hướng vào ý thức xã hội của thế hệ kế thừa, nhằm hình thành nhân cách, đạo đức và bản lĩnh văn hóa phù hợp với điều kiện phát triển mới, đồng thời bảo đảm sự kế tục bền vững các giá trị nhân sinh quan Ê-đê.

Một là, gia đình giữ vai trò nền tảng, lâu dài và trực tiếp nhất trong việc hình thành và chuyển hóa nhân sinh quan cho thanh thiếu niên Ê-đê. Trong cấu trúc xã hội truyền thống của người Ê-đê, gia đình không chỉ là đơn vị sinh hoạt kinh tế mà còn là không gian lưu giữ và truyền tải các giá trị nhân sinh cốt lõi thông qua quan hệ huyết thống, quan hệ thế hệ và đời sống thường nhật. Chính trong môi trường gần gũi giữa

ông bà, cha mẹ và con cháu, những giá trị như lòng biết ơn tổ tiên, ý thức cộng đồng, tinh thần tôn trọng tự nhiên, sự gắn bó với buôn làng được tiếp nhận một cách tự nhiên và bền vững. Trong bối cảnh hiện nay, gia đình cần chủ động định hướng cho con cháu nhận diện và trân trọng những biểu hiện tích cực trong sự biến đổi nhân sinh quan của người Ê-đê, như sự năng động trong lao động, phát triển kinh tế gắn với gìn giữ phong tục, sự linh hoạt trong thích ứng với môi trường sống mới nhưng không đánh mất mối liên hệ tinh thần với cộng đồng. Đặc biệt, vai trò nêu gương của ông bà, cha mẹ có ý nghĩa quyết định trong việc “hiện thực hóa” các giá trị nhân sinh quan tích cực, giúp thế hệ trẻ tiếp nhận không phải bằng lý thuyết trừu tượng mà bằng trải nghiệm sống cụ thể.

Hai là, nhà trường có vai trò then chốt trong việc hệ thống hóa, chuẩn hóa và lan tỏa các giá trị biến đổi tích cực trong nhân sinh quan người Ê-đê theo cách khoa học, có định hướng và phù hợp với đặc điểm tâm lý lứa tuổi. Thông qua chương trình giảng dạy chính khóa, hoạt động ngoại khóa và các chuyên đề giáo dục văn hóa dân tộc, nhà trường giúp học sinh không chỉ hiểu truyền thống Ê-đê là “đã có”, mà quan trọng hơn là nhận thức được truyền thống ấy đang vận động, thích ứng và biến đổi như thế nào trong bối cảnh hiện đại. Các nội dung giáo dục cần tập trung làm rõ những biểu hiện tích cực của sự biến đổi nhân sinh quan, như tinh thần hội nhập mà không hòa tan, tiếp thu có chọn lọc các giá trị văn minh hiện đại, ý thức giữ gìn ngôn ngữ, trang phục, tín ngưỡng, cũng như vai trò chủ thể của người Ê-đê trong phát triển văn hóa – xã hội. Qua đó, nhà trường góp phần hình thành cho học sinh nhận thức rằng, sống hiện đại không phải là từ bỏ truyền thống, mà là quá trình tiếp biến sáng tạo để làm giàu bản sắc dân tộc trong điều kiện mới.

Ba là, xã hội với hệ thống các thiết chế cộng đồng, tổ chức chính trị – xã hội và phương tiện truyền thông giữ vai trò tạo lập môi trường thực tiễn để củng cố và lan tỏa nhân sinh quan tích cực cho thế hệ trẻ Ê-đê. Các hình thức sinh hoạt cộng đồng như hội nghị buôn làng, sinh hoạt đoàn thể, ngày hội đại đoàn kết dân tộc, lễ hội truyền thống cần được tổ chức theo hướng lồng ghép nội dung giáo dục giá trị sống, lý tưởng sống và trách nhiệm công dân. Đặc biệt, cần phát huy vai trò của những người có uy tín như già làng, trưởng buôn, nghệ nhân, cán bộ văn hóa – những chủ thể vừa am hiểu truyền thống, vừa có khả năng dẫn dắt cộng đồng trong quá trình thích ứng với cái mới. Họ chính là “cầu nối sống động” giữa các giá trị truyền thống và những yêu cầu hiện đại, góp phần

làm cho sự biến đổi nhân sinh quan diễn ra theo hướng tích cực, có kiểm soát và phù hợp với đặc thù văn hóa Ê-đê.

Bốn là, trong bối cảnh chuyển đổi số và truyền thông hiện đại, cần tận dụng hiệu quả các phương tiện truyền thông đại chúng, mạng xã hội và học liệu số để lan tỏa các giá trị nhân sinh quan tích cực của người Ê-đê. Việc xây dựng các sản phẩm truyền thông bằng tiếng Ê-đê và tiếng phổ thông, giới thiệu các tấm gương thanh niên Ê-đê tiêu biểu trong học tập, lao động, khởi nghiệp, bảo tồn văn hóa sẽ tạo ra hình mẫu nhân sinh cụ thể, gần gũi và có sức thuyết phục cao đối với giới trẻ. Thông qua đó, nhân sinh quan tích cực không chỉ được truyền đạt bằng lời kêu gọi, mà được “hiện thân” trong những câu chuyện đời sống thực, góp phần khơi dậy niềm tự hào, tự tôn dân tộc và ý chí vươn lên trong mỗi cá nhân.

Năm là, sự phối hợp giữa gia đình – nhà trường – xã hội phải được tổ chức một cách đồng bộ, liên tục và có cơ chế cụ thể, lấy thanh thiếu niên Ê-đê làm trung tâm của quá trình giáo dục nhân sinh quan. Việc giáo dục sẽ khó đạt hiệu quả bền vững nếu thiếu sự thống nhất về nội dung, phương pháp và trách nhiệm giữa các chủ thể giáo dục. Do đó, cần thiết lập cơ chế phối hợp liên ngành giữa giáo dục, văn hóa, dân tộc, truyền thông và các tổ chức đoàn thể trong việc lồng ghép các giá trị nhân sinh quan Ê-đê vào chương trình hành động, phong trào thi đua và các cuộc vận động xây dựng đời sống văn hóa mới. Trên cơ sở đó, thế hệ trẻ Ê-đê sẽ được trang bị đầy đủ tri thức, bản lĩnh văn hóa và ý thức trách nhiệm xã hội để kế thừa, phát huy và phát triển những giá trị nhân sinh quan tích cực của dân tộc mình trong hành trình hướng tới tương lai bền vững.

4.2.3. Tạo môi trường thuận lợi cho việc phát huy những biến đổi tích cực, hạn chế những biến đổi tiêu cực nhân sinh quan của người Ê-đê ở tỉnh Đắk Lắk hiện nay

Tạo môi trường thuận lợi để phát huy những biến đổi tích cực, hạn chế những biến đổi tiêu cực trong nhân sinh quan của người Ê-đê ở tỉnh Đắk Lắk hiện nay là một nhiệm vụ mang tính chiến lược, gắn liền với yêu cầu bảo đảm sự vận động, chuyển hóa của đời sống tinh thần theo hướng tiến bộ, bền vững. Trong logic của triết học Mác – Lênin, nhân sinh quan thuộc về ý thức xã hội, chịu sự quy định sâu sắc của tồn tại xã hội; do đó, chỉ khi các điều kiện kinh tế – văn hóa – xã hội được cải thiện một cách căn bản và hài hòa thì những biến đổi trong nhân sinh quan mới diễn ra theo chiều hướng tích cực, ổn định và có tính lâu dài.

Các điều kiện kinh tế, văn hóa và xã hội không chỉ là nền tảng vật chất – tinh thần cho sự vận hành của đời sống xã hội, mà còn là môi trường trực tiếp hình thành, nuôi dưỡng và điều chỉnh đời sống nội tâm của con người. Chính trong môi trường ấy, các rung cảm giá trị, khuynh hướng tư duy, chuẩn mực hành vi và lý tưởng sống được hình thành và củng cố. Vì vậy, môi trường kinh tế – văn hóa – xã hội không chỉ là “bối cảnh bên ngoài”, mà là nhân tố nội tại tham gia trực tiếp vào quá trình kiến tạo nhân cách và định hướng nhân sinh quan của mỗi cá nhân trong cộng đồng Ê-đê. Trên cơ sở đó, để phát huy những biến đổi tích cực, đồng thời hạn chế những biểu hiện tiêu cực trong nhân sinh quan của người Ê-đê ở tỉnh Đắk Lắk hiện nay, cần tập trung thực hiện các nhiệm vụ cơ bản sau:

Thứ nhất, phát triển kinh tế gắn với nâng cao đời sống vật chất của đồng bào dân tộc thiểu số, trong đó có người Ê-đê, là điều kiện nền tảng để định hướng những biến đổi nhân sinh quan theo chiều hướng tích cực. Trong kết cấu của đời sống xã hội, kinh tế giữ vai trò là cơ sở hạ tầng, quyết định đến kiến trúc thượng tầng, trong đó có đời sống tinh thần, giá trị sống và nhân sinh quan. Khi đời sống vật chất được bảo đảm, các nhu cầu sinh tồn cơ bản được đáp ứng, con người có điều kiện vươn tới những nhu cầu cao hơn về văn hóa, đạo đức và phát triển bản thân. Điều này phù hợp với tinh thần của Nghị quyết 68-NQ/TW ngày 4/5/2025 về phát triển kinh tế tư nhân, trong đó khẳng định vai trò nòng cốt của các thành phần kinh tế trong xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ và phát triển thịnh vượng [14, tr. 2].

Đối với cộng đồng Ê-đê, khi mức sống được cải thiện, người dân có điều kiện tái kết nối với các giá trị văn hóa – nhân sinh truyền thống như lễ cúng bến nước, lễ mừng lúa mới, lễ bỏ mả... bằng thái độ chủ động, tỉnh táo và có chọn lọc. Trong môi trường kinh tế lành mạnh, những biểu hiện nhân sinh quan tích cực như tinh thần cố kết cộng đồng, lòng biết ơn tổ tiên, ý thức gìn giữ thiên nhiên và xu hướng hướng thiện trong đời sống tâm linh có điều kiện được củng cố và phát huy. Ngược lại, sự nghèo đói kéo dài hoặc những lệch lạc của kinh tế thị trường như phân hóa xã hội, chạy theo lợi ích vật chất thuần túy, dễ dẫn tới sự biến dạng trong nhân sinh quan, biểu hiện ở lối sống thực dụng, mê tín dị đoan, thương mại hóa nghi lễ, thờ ơ với cộng đồng. Vì vậy, phát triển kinh tế không chỉ là mục tiêu kinh tế – xã hội, mà còn là giải pháp căn bản để điều chỉnh, nâng cao đời sống tinh thần và nhân sinh quan của người Ê-đê. Vì vậy cần:

Một là, tiếp tục chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh Đắk Lắk theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, gắn với tạo việc làm và nâng cao thu nhập cho đồng bào dân tộc thiểu số. Nội dung này phù hợp với định hướng đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số được nêu trong Nghị quyết 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 [11, tr. 1], qua đó tạo tiền đề vật chất cho việc hình thành khát vọng phát triển, ý chí vươn lên và nhân sinh quan tích cực trong cộng đồng Ê-đê.

Hai là, đa dạng hóa các hình thức tổ chức sản xuất và thành phần kinh tế nhằm giải phóng năng lực sản xuất, kết hợp hài hòa giữa phương thức sản xuất truyền thống và hiện đại. Trong quá trình giao khoán đất đai, rừng cây công nghiệp, đàn gia súc, cần chú trọng vận dụng kinh nghiệm quản lý tài nguyên theo mô thức truyền thống của người Ê-đê, trong đó có yếu tố tín ngưỡng và luật tục, nhằm bảo đảm sự thống nhất giữa hiệu quả kinh tế và giá trị văn hóa – nhân sinh.

Ba là, tiếp tục hoàn thiện chính sách phát triển kinh tế, đặc biệt là chính sách đất đai và quản lý tài nguyên rừng, phù hợp với đặc thù tộc người Ê-đê. Đất đai và rừng không chỉ là tư liệu sản xuất, mà còn là không gian văn hóa – sinh tồn gắn bó hữu cơ với đời sống tinh thần và nhân sinh quan của người Ê-đê. Việc giải quyết hợp lý các vấn đề về sở hữu, sử dụng đất đai, giao rừng cho cộng đồng buôn làng quản lý sẽ vừa bảo đảm sinh kế, vừa khôi phục không gian văn hóa truyền thống, góp phần củng cố ý thức trách nhiệm, tinh thần cộng đồng và thái độ tôn trọng tự nhiên.

Bốn là, đầu tư xây dựng hạ tầng kinh tế – xã hội ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, đặc biệt là vùng sâu, vùng xa. Việc bảo đảm giao thông, điện, trường học, trạm y tế và phương tiện truyền thông không chỉ thúc đẩy phát triển kinh tế mà còn mở rộng khả năng tiếp cận thông tin, văn hóa và tri thức, từ đó tác động tích cực đến sự hình thành nhân sinh quan mới của người Ê-đê theo tinh thần Nghị quyết 57-NQ/TW.

Năm là, tiếp tục thực hiện các chính sách ưu tiên phát triển kinh tế – xã hội vùng dân tộc thiểu số đến năm 2030, tầm nhìn 2045, đồng thời huy động nguồn lực xã hội và phát huy tính chủ động của chính cộng đồng Ê-đê. Việc lồng ghép các chương trình mục tiêu quốc gia, khuyến khích liên kết sản xuất, phát triển du lịch cộng đồng và làng nghề truyền thống sẽ tạo sinh kế bền vững, qua đó hình thành nhân sinh quan đề cao lao động, tự lực, sáng tạo và trách nhiệm xã hội. Điều này phù hợp với tinh thần hoàn thiện môi

trường pháp lý kiến tạo phát triển được nêu trong Nghị quyết 66-NQ/TW năm 2025 [13, tr. 2].

Thứ hai, tạo dựng môi trường văn hóa - xã hội thuận lợi để thúc đẩy những chuyển biến tích cực trong nhân sinh quan của người Ê-đê.

Nhân sinh quan của con người, với tư cách là hệ thống các quan niệm về ý nghĩa cuộc sống, mục tiêu tồn tại, thái độ sống và định hướng hành vi, không hình thành một cách tự phát hay ngẫu nhiên, mà chịu sự quy định sâu sắc của điều kiện lịch sử – xã hội cụ thể. Theo quan điểm của triết học Mác – Lênin, nhân sinh quan thuộc về ý thức xã hội, phản ánh tồn tại xã hội và vận động cùng với sự biến đổi của các điều kiện kinh tế, văn hóa và xã hội. Đối với cộng đồng người Ê-đê ở tỉnh Đắk Lắk, môi trường văn hóa – xã hội truyền thống không chỉ là không gian sinh tồn, mà còn là “môi trường giá trị” nuôi dưỡng và định hình những quan niệm sống mang đậm tính cộng đồng, sự gắn bó hài hòa với thiên nhiên và tinh thần nhân văn sâu sắc.

Tuy nhiên, trong bối cảnh đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, những biến đổi mạnh mẽ về điều kiện sống, cơ cấu kinh tế, phương thức giao tiếp xã hội và chuẩn mực giá trị đang tác động ngày càng sâu sắc tới nhân sinh quan của người Ê-đê. Sự vận động này vừa mở ra cơ hội làm giàu đời sống tinh thần, vừa tiềm ẩn nguy cơ làm phai nhạt hoặc biến dạng những giá trị nhân sinh truyền thống nếu thiếu môi trường văn hóa – xã hội lành mạnh để định hướng. Do đó, để các giá trị nhân sinh tích cực tiếp tục được bảo lưu, phát triển, đồng thời hạn chế và khắc phục những biểu hiện tiêu cực trong nhân sinh quan, cần chủ động kiến tạo một môi trường văn hóa – xã hội mang tính hỗ trợ, điều tiết và định hướng rõ ràng. Trong đó, việc bảo tồn và phát huy các giá trị nhân sinh quan thông qua lễ hội truyền thống có thể được xem là một điểm tựa tinh thần quan trọng của cộng đồng người Ê-đê hiện nay. Trên cơ sở đó, cần tập trung thực hiện một số giải pháp chủ yếu sau:

Một là, đẩy mạnh xây dựng đời sống văn hóa cộng đồng ở các buôn làng Ê-đê, gắn các hoạt động lễ hội truyền thống với các phong trào xã hội như “Buôn làng văn hóa”, “Gia đình văn hóa”, “Thanh niên tình nguyện vì cộng đồng”. Cách làm này phù hợp với tinh thần của Nghị quyết 59-NQ/TW ngày 24/1/2025 về hội nhập quốc tế trong tình hình mới, trong đó nhấn mạnh yêu cầu hội nhập văn hóa – xã hội phải gắn với giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam. Thông qua các hoạt động

lễ hội được tổ chức trong không gian cộng đồng, những giá trị nhân sinh quan tích cực như lòng biết ơn tổ tiên, tinh thần đoàn kết buôn làng, sự yêu thương, khoan dung và niềm tin vào cuộc sống tốt đẹp được tái hiện, củng cố và lan tỏa, đặc biệt đối với thế hệ trẻ. Lễ hội vì thế không chỉ là sinh hoạt văn hóa truyền thống, mà còn là môi trường giáo dục nhân sinh quan thông qua thực hành nghi lễ, diễn xướng sử thi, trò chơi dân gian và các hình thức sinh hoạt cộng đồng mang tính cố kết xã hội cao.

Hai là, chủ động hạn chế và khắc phục các biểu hiện lệch chuẩn đang xâm nhập vào đời sống lễ hội và tín ngưỡng của người Ê-đê, như mê tín dị đoan, lợi dụng tín ngưỡng để trục lợi, hay xu hướng thương mại hóa các nghi lễ truyền thống. Những hiện tượng như bói toán, cúng bái cầu may không chỉ làm suy giảm tính linh thiêng của lễ hội, mà còn làm lệch lạc chức năng giáo dục nhân sinh quan vốn có của các sinh hoạt văn hóa truyền thống. Vì vậy, chính quyền địa phương và các tổ chức đoàn thể cần phối hợp xây dựng các quy định, quy tắc tổ chức lễ hội phù hợp với văn hóa Ê-đê, tăng cường giám sát và xử lý nghiêm các hành vi làm biến dạng lễ hội, qua đó góp phần hình thành môi trường sinh hoạt lễ hội trong sáng, lành mạnh và có giá trị định hướng nhân sinh quan tích cực.

Ba là, quan tâm giải quyết tốt các vấn đề an sinh xã hội nhằm tạo nền tảng vật chất ổn định cho cộng đồng người Ê-đê. Thực tiễn ở Đắk Lắk cho thấy, tại những vùng còn nhiều khó khăn, thiếu việc làm và thu nhập bấp bênh, người dân dễ rơi vào tâm lý thụ động, trông chờ, phó mặc số phận cho các thế lực siêu nhiên, từ đó hình thành những quan niệm sống lệch lạc, thiếu ý chí vươn lên. Do đó, việc đẩy mạnh các chương trình giảm nghèo bền vững, hỗ trợ sinh kế, đào tạo nghề và nâng cao năng lực nội sinh cho người Ê-đê không chỉ có ý nghĩa kinh tế – xã hội, mà còn là điều kiện quan trọng để điều chỉnh nhân sinh quan theo hướng tích cực, giúp người dân tin vào giá trị của lao động, tri thức và nỗ lực cá nhân.

Bốn là, trong lĩnh vực giáo dục và truyền thông, cần tăng cường tuyên truyền, giáo dục về giá trị nhân văn, tính cộng đồng và tinh thần khai sáng được kết tinh trong các lễ hội Ê-đê. Thông qua trường học, phương tiện truyền thông đại chúng và các thiết chế văn hóa cơ sở, cần tổ chức các hoạt động giao lưu, đối thoại, trình diễn văn hóa – nghệ thuật nhằm lan tỏa nhận thức đúng đắn về vai trò của lễ hội trong đời sống tinh thần cộng đồng. Đồng thời, khuyến khích thanh thiếu niên Ê-đê tham gia trực tiếp vào

quá trình bảo tồn và thực hành lễ hội để từ đó hình thành ý thức trách nhiệm, lòng tự hào dân tộc và nhân sinh quan tích cực, chủ động hội nhập mà không đánh mất bản sắc.

Cuối cùng, để các giải pháp trên thực sự đi vào đời sống, cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa Nhà nước, các tổ chức xã hội và chính cộng đồng người Ê-đê. Nhà nước giữ vai trò định hướng, hỗ trợ và tạo hành lang pháp lý, nhưng cộng đồng Ê-đê phải là chủ thể trung tâm trong việc sáng tạo, gìn giữ và phát huy không gian văn hóa của mình. Môi trường văn hóa – xã hội chỉ thực sự phát huy hiệu quả khi được xây dựng trên cơ sở nhu cầu nội tại, niềm tin và khát vọng phát triển của cộng đồng, qua đó tạo điều kiện cho nhân sinh quan người Ê-đê tiếp tục vận động theo hướng tích cực, bền vững trong bối cảnh mới.

4.2.4. Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách của Đảng và Nhà nước về công tác dân tộc

Trong thời kỳ đổi mới, nhận thức và cách tiếp cận đối với công tác dân tộc ở nước ta đã có sự chuyển biến mạnh mẽ, trở thành nội dung quan trọng trong quá trình phát triển đất nước. Kể từ Đại hội VI (1986), Đảng và Nhà nước đã xác định rõ vai trò then chốt của công tác dân tộc trong chiến lược phát triển toàn diện, trong đó người Ê-đê, một trong những cộng đồng dân tộc thiểu số sinh sống lâu đời tại Đắk Lắk được thụ hưởng nhiều chính sách lớn về kinh tế, văn hóa, giáo dục và bảo tồn di sản văn hóa. Những chủ trương này đã tác động sâu sắc đến đời sống vật chất, tinh thần, cũng như nhân sinh quan của đồng bào Ê-đê trong bối cảnh đổi mới và hội nhập.

Các chính sách lớn như Nghị quyết 24-NQ/TW ngày 27/11/1989 của Bộ Chính trị, Quyết định 72-HĐBT ngày 13/3/1990 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ). Hai văn kiện này đã mở đường cho sự đổi mới về công tác dân tộc. Quan điểm định hướng nội dung về công tác dân tộc trong giai đoạn mới được Đảng đánh giá, nhìn nhận một cách khoa học, khách quan: “Vấn đề dân tộc và đoàn kết dân tộc là vấn đề chiến lược cơ bản, lâu dài, đồng thời cũng là vấn đề cấp bách hiện nay của cách mạng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tương trợ giúp đỡ nhau cùng phát triển, cùng nhau phấn đấu thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Kiên quyết đấu tranh với mọi âm mưu chia rẽ dân tộc” [5, tr 34-35].

Chính sách dân tộc của Nhà nước đã được đề cập, phát triển qua từng giai đoạn, thể hiện ở các bản Hiến pháp 1946, 1959, 1980, 1992, 2013. Ở các điều, khoản trong Hiến pháp năm 2013 nêu rõ: “Các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển; nghiêm cấm mọi hành vi kỳ thị, chia rẽ dân tộc; Khoản 4 ghi: “Nhà nước thực hiện chính sách phát triển toàn diện và tạo điều kiện để tất cả các dân tộc thiểu số phát huy nội lực, cùng phát triển với đất nước; Điều 70, khoản 5 quy định: “Quốc hội quyết định chính sách dân tộc, chính sách tôn giáo của Nhà nước”...

Trong giai đoạn hiện nay, nhiều chính sách lớn về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi đã được ban hành, thể hiện sự quan tâm của Đảng và Nhà nước thông qua các văn bản chỉ đạo như: Quyết định số 135/1998/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt chương trình phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn miền núi và vùng sâu, vùng xa; Kết luận số 65-KL/TW ngày 30/10/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác dân tộc trong tình hình mới; các Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X, XI, XII, XIII luôn xác định công tác dân tộc là vấn đề chiến lược cơ bản, lâu dài, cấp bách, là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân và của cả hệ thống chính trị. Đặc biệt, Quốc hội hóa XIV đã phê duyệt Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18/11/2019 về phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030; Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển KT-Xh vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021 - 2030.

Về mặt văn hóa, khoản 3 điều 5 Hiến pháp 2013 quy định: “Các dân tộc có quyền dùng tiếng nói, chữ viết, giữ gìn bản sắc dân tộc, phát huy phong tục, tập quán truyền thống và văn hóa tốt đẹp của mình”.

Nhà nước đã ban hành nhiều chính sách mang tính chiến lược trong việc bảo tồn và phát huy giá trị bản sắc văn hóa dân tộc. Đối với người Ê-đê, các chương trình như Đề án bảo tồn phát triển văn hóa dân tộc thiểu số đến năm 2020, Quyết định số 1270/QĐ-TTg ngày 27/7/2011 và chỉ thị 194/CT-BVHTTDL ngày 20/10/2011... đã tạo hành lang pháp lý và nguồn lực cho các hoạt động phục dựng lễ hội truyền thống, bảo tồn công nghệ, truyền dạy tiếng Ê-đê trong cộng đồng, góp phần nuôi dưỡng niềm tự hào dân

tộc và củng cố nhân sinh quan tích cực, đề cao truyền thống, yêu thương cộng đồng và sống có trách nhiệm. Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09/6/2014 của Hội nghị lần thứ 9 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước: “... Giữ gìn và phát huy di sản văn hóa các dân tộc thiểu số, nhất là tiếng nói, chữ viết, trang phục truyền thống các dân tộc thiểu số...” [7, tr. 4].

Nghị quyết 23 của Bộ Chính trị về “Phương hướng phát triển kinh tế xã hội, bảo đảm quốc phòng an ninh vùng Tây Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn 2045” xác định: “Xây dựng nền văn hóa Tây Nguyên tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, thống nhất trong đa dạng, tôn trọng các giá trị văn hóa khác biệt giữa các dân tộc, coi đây là động lực, nền tảng cho phát triển và hội nhập quốc tế của vùng. Ưu tiên bảo vệ, phát huy giá trị văn hóa, giá trị truyền thống, bản sắc văn hóa của các dân tộc thiểu số” [10, tr.4] đồng thời đặt ra những mục tiêu rất rõ ràng: “Nâng cao trình độ dân trí, đời sống vật chất và tinh thần của người dân; hình thành nếp sống văn minh; gia đình văn hóa trong đồng bào các dân tộc. Bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa, tín ngưỡng, tôn giáo, truyền thống tốt đẹp” [10, tr. 9].

Về công tác dân tộc ở địa phương, Tỉnh ủy Đắk Lắk đã ban hành Chỉ thị số 18-CT/TU ngày 25/11/2021 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân tộc giai đoạn 2021 - 2030. Đây là văn bản có ý nghĩa quan trọng thể hiện sự quan tâm của Tỉnh ủy đối với công tác dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc trong tình hình mới. Tháng 7 năm 2022, Hội đồng Nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành Nghị quyết số 06/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 Quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk [67].

Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành các kế hoạch cụ thể để triển khai chỉ thị của Tỉnh ủy và Nghị quyết của HĐND tỉnh như Kế hoạch số 11768/KH-UBND ngày 30/11/2021 về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 nhằm phát huy tiềm năng, lợi thế và tinh thần tự lực vươn lên của đồng bào các dân tộc để phát triển nhanh, bền vững vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của tỉnh; Kế hoạch số 119/KH-UBND ngày 07/6/2022 triển khai thực hiện

Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh. Ủy ban nhân dân tỉnh đã kiện toàn Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG tỉnh Đắk Lắk tại Quyết định số 194/QĐ-UBND ngày 07/02/2023; ban hành Chương trình công tác năm 2023 tại Quyết định số 31/QĐ-BCĐ ngày 07/3/2023 để triển khai thực hiện.

Năm 2021, Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk ra Quyết định số 576/QĐ-UBND về việc ban hành kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 01/NQ/ĐH ngày 02 tháng 11 năm 2020 của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đắk Lắk lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2020 - 2025 với mục tiêu: “Xây dựng tỉnh Đắk Lắk giàu đẹp, văn minh, bản sắc, xứng đáng vị trí trung tâm vùng Tây Nguyên; đảm bảo nâng cao đời sống vật chất và văn hóa, tinh thần của nhân dân” [162, tr. 4] và nhiệm vụ: “Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước trong lĩnh vực văn hóa, văn nghệ và thể dục, thể thao. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 102/NQ-CP ngày 31/12/2014 của Quốc hội về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09/6/2014 tại Hội nghị lần thứ 9 Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”” [7, tr. 18]. Năm 2022, Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt dự án hỗ trợ kỹ thuật bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa cộng chiêng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk do Trung tâm Hợp tác quốc tế tỉnh Jeollabuk (Hàn Quốc) tài trợ với giá trị trên 25.000 USD.

Những định hướng này đã từng bước nâng cao điều kiện sống, phát huy tiềm năng nội lực và định hình nhân sinh quan mới cho người Ê-đê – từ lối sống nặng tính cộng đồng làng buôn, thiên về tự cung tự cấp, sang tư duy phát triển kinh tế hộ gia đình, khát vọng vươn lên làm giàu chính đáng và hội nhập xã hội hiện đại. Tuy nhiên, trên thực tế, một số chính sách vẫn còn hạn chế. Chẳng hạn, quy định về hỗ trợ đất sản xuất cho đồng bào dân tộc thiểu số tuy đã ban hành nhưng chưa gắn với điều kiện thổ nhưỡng và kết cấu hạ tầng thực tế, khiến một bộ phận người Ê-đê không thể khai thác hiệu quả nguồn lực này để cải thiện sinh kế. Mặt khác, chính sách đào tạo nghề còn chung chung, thiếu phân biệt giữa dân tộc Kinh và đồng bào dân tộc thiểu số, trong khi quá trình đào tạo người Ê-đê thường cần nhiều thời gian, kinh phí, cách tiếp cận linh hoạt hơn do rào cản về ngôn ngữ và tập quán.

Về mặt nhân sinh quan, sự hỗ trợ về văn hóa, giáo dục, kinh tế đã thúc đẩy người Ê-đê hình thành những biến đổi tích cực như: tăng cường ý thức làm chủ cuộc sống, đề

cao học vấn và lao động chân chính, quan tâm đến sức khỏe, giáo dục con cái, phát huy truyền thống yêu nước, lòng biết ơn tổ tiên, sống có nghĩa, có tình. Những chuyển biến này góp phần nâng cao năng lực tự chủ, từ bỏ dần tư duy lệ thuộc vào trợ cấp Nhà nước, thay bằng tư duy vươn lên từ nội lực.

Tuy nhiên, một số xu hướng tiêu cực cũng xuất hiện như: chủ nghĩa tiêu dùng thực dụng, tâm lý cầu may, mê tín dị đoan, lệch chuẩn trong ứng xử văn hóa... Các biểu hiện này là hệ quả của khoảng cách trong tiếp cận dịch vụ công, thông tin và giáo dục pháp luật, đặc biệt ở vùng sâu, vùng xa. Do đó, việc nâng cao hiệu quả các chính sách dân tộc cần gắn với quá trình điều chỉnh phù hợp đặc điểm văn hóa, xã hội của người Ê-đê. Đồng thời, cần quan tâm phát triển cơ chế đặc thù về văn hóa, giáo dục, đào tạo nghề cho thanh niên Ê-đê, tăng cường sự tham gia của cộng đồng trong xây dựng chính sách.

Trong bối cảnh đó, việc xây dựng một khung chính sách tổng thể, hài hòa giữa truyền thống và hiện đại là hết sức cần thiết, nhằm vừa bảo đảm quyền lợi chính đáng của người Ê-đê trong quá trình phát triển, vừa giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc. Những giá trị cốt lõi như lòng biết ơn tổ tiên, tinh thần đoàn kết buôn làng, thái độ tôn trọng thiên nhiên và lối sống hài hòa trong cộng đồng cần tiếp tục được gìn giữ và nuôi dưỡng thông qua các hoạt động truyền thông, giáo dục, chính sách hỗ trợ, cũng như tạo điều kiện phát triển kinh tế - xã hội phù hợp với đặc thù tộc người. Đồng thời, để hạn chế những biến đổi tiêu cực trong nhân sinh quan, cần thực hiện các định hướng và giải pháp cụ thể sau:

Trước hết, đối với Trung ương, cần sớm ban hành Luật về công tác dân tộc trên cơ sở tích hợp các nội dung đã thể hiện trong các nghị định, thông tư liên quan, làm cơ sở pháp lý cao nhất để tổ chức, điều phối, triển khai các chương trình, dự án phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số, trong đó có người Ê-đê. Đồng thời, cần hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu dân tộc học toàn quốc, cập nhật đầy đủ đặc trưng văn hóa, phong tục, tín ngưỡng, phương thức sản xuất và quá trình biến đổi xã hội của các dân tộc thiểu số, đặc biệt là cư dân bản địa như người Ê-đê, làm cơ sở khoa học xây dựng chính sách đặc thù. Trung ương cũng cần xây dựng cơ chế giám sát, phản biện chính sách từ cộng đồng, tạo điều kiện để người dân tộc thiểu số có tiếng nói trong quá trình hoạch định và giám sát thực hiện, nhất là các già làng, trưởng buôn, nghệ nhân, người uy tín – những chủ thể quan trọng trong việc duy trì, định hướng và điều chỉnh nhân sinh quan cộng đồng.

Ngoài ra, cần ưu tiên bố trí vốn cho các chương trình phát triển sinh kế thích nghi văn hóa, kết hợp bảo tồn bản sắc Ê-đê với phát triển du lịch cộng đồng, làng nghề như dệt thổ cẩm, chế tác nhạc cụ, ẩm thực..., góp phần thúc đẩy kinh tế văn hóa địa phương theo hướng bền vững.

Đối với chính quyền tỉnh Đắk Lắk, cần xây dựng kế hoạch phát triển nhân sinh quan bền vững trong cộng đồng Ê-đê thông qua các chương trình nghiên cứu, khảo sát chuyên sâu về nhận thức, hành vi, chuẩn giá trị; từ đó đề xuất các mô hình giáo dục, truyền thông, sinh hoạt văn hóa phù hợp. Cần thành lập Quỹ bảo tồn và phát huy văn hóa Ê-đê do Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh điều hành, huy động từ ngân sách Nhà nước, tổ chức quốc tế, doanh nghiệp và cộng đồng. Quỹ sẽ tài trợ cho các hoạt động như phục hồi lễ hội, truyền dạy văn hóa cho thế hệ trẻ, hỗ trợ nghệ nhân, tổ chức liên hoan, xây dựng không gian văn hóa cộng đồng. Đồng thời, cần tổ chức tập huấn cho cán bộ dân tộc cấp huyện, xã và trưởng buôn về tiếp cận nhân sinh quan trong phát triển bền vững, nâng cao khả năng “giải mã” sự thay đổi cộng đồng, tránh áp đặt chính sách không phù hợp. Việc lồng ghép nội dung giáo dục giá trị nhân sinh quan tích cực vào chương trình học tại các trường phổ thông dân tộc nội trú và trung học phổ thông có đông học sinh Ê-đê cũng cần được chú trọng, cùng với việc tổ chức diễn đàn, câu lạc bộ văn hóa trong thanh niên, học sinh để khơi dậy lòng tự hào, bản lĩnh văn hóa trong bối cảnh hội nhập.

Đối với cộng đồng người Ê-đê, cần phát huy vai trò của già làng, trưởng buôn, nghệ nhân và người có uy tín trong việc định hướng tư tưởng, nêu gương lối sống đẹp, nuôi dưỡng tinh thần “trách nhiệm với cộng đồng” – một yếu tố cốt lõi trong nhân sinh quan truyền thống của người Ê-đê. Đồng thời, cần khuyến khích sự sáng tạo văn hóa mới dựa trên nền tảng truyền thống, thúc đẩy sự kết hợp hài hòa giữa bản sắc Ê-đê với các giá trị tiến bộ, hiện đại, góp phần làm phong phú nhân sinh quan cộng đồng mà không làm mai một bản sắc văn hóa. Cuối cùng, cộng đồng người Ê-đê cần chủ động tham gia các mô hình phát triển kinh tế - xã hội có tính đến yếu tố văn hóa, tránh xu hướng chạy theo lợi ích ngắn hạn mà làm tổn hại đến các giá trị truyền thống, dẫn đến sự biến đổi nhân sinh quan theo hướng thực dụng và cá nhân hóa.

4.2.5. Mở rộng, tăng cường hợp tác, kết hợp giữa kế thừa và đổi mới, truyền thống và hiện đại trong phát huy những biến đổi tích cực, hạn chế những biến đổi tiêu cực nhân sinh quan của người Ê-đê ở tỉnh Đắk Lắk hiện nay

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế và toàn cầu hóa ngày càng sâu rộng, các cộng đồng dân tộc thiểu số nói chung và người Ê-đê ở tỉnh Đắk Lắk nói riêng đang đứng trước những chuyển biến nhanh chóng, đa chiều và phức tạp về văn hóa – xã hội. Quá trình này không chỉ mở rộng không gian tiếp xúc, giao lưu và tiếp biến văn hóa giữa các cộng đồng tộc người, mà còn làm biến đổi sâu sắc các điều kiện tồn tại xã hội – cơ sở hiện thực khách quan quy định sự vận động, chuyển hóa của ý thức xã hội nói chung và nhân sinh quan nói riêng. Những biến đổi về cơ cấu kinh tế, phương thức sản xuất, phân tầng xã hội, cũng như sự gia tăng ảnh hưởng của truyền thông hiện đại đang trực tiếp tác động đến cách người Ê-đê nhận thức về thế giới, về bản thân và về ý nghĩa cuộc sống. Trước yêu cầu đó, việc mở rộng và tăng cường hợp tác văn hóa – xã hội, đồng thời kết hợp hài hòa giữa kế thừa và đổi mới, giữa truyền thống bản địa và xu hướng hiện đại, không chỉ là một đòi hỏi mang tính tình thế, mà đã trở thành giải pháp mang ý nghĩa chiến lược nhằm định hướng quá trình tái cấu trúc hệ giá trị, qua đó phát huy những biến đổi tích cực và chủ động kiểm soát các xu hướng tiêu cực trong sự vận động của nhân sinh quan người Ê-đê.

Các giá trị nhân sinh quan truyền thống của người Ê-đê là kết tinh của quá trình thích ứng lịch sử lâu dài với điều kiện tự nhiên và xã hội đặc thù của vùng Tây Nguyên, được thể hiện qua hệ thống tín ngưỡng, chuẩn mực đạo đức, tập quán sinh hoạt, quan niệm về cộng đồng và triết lý sống hài hòa với thiên nhiên. Những giá trị này từng đóng vai trò định hướng hành vi, cố kết cộng đồng và tạo nên sức bền văn hóa của tộc người. Tuy nhiên, trong điều kiện hiện đại, khi bối cảnh tồn tại xã hội đã có nhiều biến đổi căn bản, nếu các giá trị truyền thống không được đặt trong mối quan hệ biện chứng với các dòng chảy văn hóa mới – đặc biệt là các giá trị tiến bộ về dân chủ, pháp quyền, bình đẳng giới và phát triển bền vững – thì rất dễ rơi vào trạng thái bảo tồn hình thức, tách rời đời sống đương đại, hoặc bị suy giảm trước sự lan tỏa mạnh mẽ của lối sống tiêu dùng, thực dụng và cá nhân chủ nghĩa. Vì vậy, yêu cầu đặt ra không phải là “giữ nguyên” truyền thống theo nghĩa bất biến, mà là tái cấu trúc các giá trị nhân sinh quan truyền

thống trên cơ sở sàng lọc, kế thừa và nâng cao, làm cho chúng tiếp tục phát huy vai trò định hướng trong điều kiện tồn tại xã hội mới.

Thực tiễn tại tỉnh Đắk Lắk cho thấy, quá trình hội nhập khu vực và quốc gia đã tạo điều kiện cho cộng đồng người Ê-đê mở rộng quan hệ giao lưu với các dân tộc khác, qua đó tiếp nhận nhiều giá trị tiến bộ trong tổ chức sản xuất, giáo dục – đào tạo, chăm sóc sức khỏe, quản lý xã hội và đời sống gia đình. Những yếu tố này góp phần làm phong phú thêm nội dung nhân sinh quan, thúc đẩy sự hình thành các quan niệm mới về lao động, học tập, trách nhiệm cá nhân và vị thế của con người trong cộng đồng. Tuy nhiên, sự giao lưu và tiếp biến này cũng làm nảy sinh mâu thuẫn giữa nhu cầu tiếp thu cái mới với khả năng tự điều chỉnh từ bên trong cộng đồng. Trong trường hợp thiếu định hướng, thiếu cơ chế hỗ trợ để cộng đồng chủ động lựa chọn và “nội hóa” giá trị, quá trình tiếp biến dễ chuyển thành sự tiếp nhận thụ động hoặc sao chép hình thức, làm suy giảm vai trò định hướng của nhân sinh quan truyền thống, thậm chí dẫn đến khủng hoảng giá trị ở một bộ phận người Ê-đê. Do đó, tăng cường năng lực chủ thể của cộng đồng trong quá trình hội nhập chính là điều kiện then chốt để bảo đảm sự biến đổi nhân sinh quan diễn ra theo hướng tích cực, có kiểm soát và bền vững.

Xuất phát từ yêu cầu đó, việc định hình một nhân sinh quan vừa kế thừa các giá trị nền tảng của truyền thống Ê-đê, vừa tiếp nhận có chọn lọc các giá trị hiện đại phù hợp với đặc điểm dân tộc – vùng miền cần được triển khai như một quá trình biện chứng, dung hòa giữa truyền thống và hiện đại, giữa nội sinh và ngoại sinh, giữa cái đặc thù của văn hóa tộc người và cái phổ quát của thời đại. Quá trình này đòi hỏi sự tham gia đồng bộ của nhiều chủ thể xã hội, trong đó giáo dục văn hóa, truyền thông và nghiên cứu khoa học giữ vai trò định hướng, giúp cộng đồng nâng cao năng lực phản tư, nhận diện các mâu thuẫn giá trị nảy sinh trong quá trình biến đổi xã hội và chủ động tái cấu trúc nhân sinh quan phù hợp với bối cảnh phát triển mới.

Một giải pháp có tính khả thi cao là phát huy vai trò của các chủ thể bản địa như trí thức, nghệ nhân, già làng, trưởng buôn trong tiến trình kiến tạo những giá trị nhân sinh mới. Đây là lực lượng có uy tín xã hội và khả năng kết nối truyền thống với hiện đại, vừa bảo đảm tính xác thực của tri thức bản địa, vừa đóng vai trò trung gian trong việc chuyển hóa các giá trị mới vào đời sống cộng đồng. Việc trao quyền và tạo điều kiện để các chủ thể này tham gia trực tiếp vào hoạt động giáo dục, truyền thông và hoạch

định chính sách văn hóa sẽ góp phần biến quá trình biến đổi nhân sinh quan từ sự tác động bên ngoài thành nhu cầu tự thân của cộng đồng, qua đó nâng cao tính chủ động và bền vững của các giải pháp.

Song song với đó, cần đổi mới phương thức vận hành các thiết chế văn hóa cộng đồng theo hướng mở, linh hoạt và gắn với đời sống đương đại. Nhà văn hóa, bảo tàng, thư viện không chỉ là nơi lưu giữ ký ức văn hóa, mà cần trở thành không gian đối thoại liên thế hệ, liên tộc người, nơi các giá trị truyền thống được đặt trong tương tác với các hình thức biểu đạt mới. Thông qua các hoạt động liên văn hóa có sự tham gia bình đẳng của cộng đồng, nhân sinh quan Ê-đê được làm mới trong thực tiễn sống động, thay vì tồn tại như một hệ chuẩn mực khép kín và tĩnh tại.

Bên cạnh đó, mở rộng hợp tác quốc tế trong lĩnh vực bảo tồn và phát triển văn hóa tộc người cần được triển khai theo nguyên tắc đồng kiến tạo, coi cộng đồng bản địa là chủ thể trung tâm. Việc tiếp nhận nguồn lực kỹ thuật, tài chính và tri thức từ bên ngoài chỉ thực sự có ý nghĩa khi gắn với nhu cầu nội sinh và tôn trọng hệ giá trị văn hóa Ê-đê, qua đó vừa tránh nguy cơ áp đặt, vừa bảo đảm tính bền vững của quá trình biến đổi nhân sinh quan trong bối cảnh toàn cầu hóa.

Việc tích hợp giáo dục văn hóa – nhân sinh vào hệ thống giáo dục chính quy và không chính quy cũng là giải pháp có tính khả thi cao trong bối cảnh mới. Thông qua việc lồng ghép tri thức văn hóa tộc người với giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống, thế hệ trẻ Ê-đê có điều kiện hình thành nhân sinh quan mới trên nền tảng truyền thống, đồng thời nâng cao năng lực thích ứng với yêu cầu của xã hội hiện đại và hội nhập quốc tế.

Cuối cùng, các thực tiễn như chuyển đổi số trong bảo tồn văn hóa, phát triển du lịch cộng đồng và kinh tế tư nhân gắn với văn hóa cho thấy, khi văn hóa được đặt trong mối quan hệ hữu cơ với phát triển kinh tế – xã hội, nhân sinh quan Ê-đê cũng vận động theo hướng tích cực, vừa gìn giữ bản sắc, vừa mở rộng không gian phát triển. Đây chính là cơ sở thực tiễn quan trọng khẳng định rằng, sự kết hợp biện chứng giữa truyền thống và hiện đại, giữa kinh tế và văn hóa, là con đường khả thi để phát huy những biến đổi tích cực và hạn chế những xu hướng tiêu cực trong nhân sinh quan của người Ê-đê ở tỉnh Đắk Lắk hiện nay.

4.2.6. Phát huy vai trò chủ thể của người Ê-đê ở tỉnh Đắk Lắk trong quá trình biến đổi nhân sinh quan hiện nay

Theo quan điểm mácxít, vai trò chủ thể luôn được xem là hạt nhân lý luận căn bản để lý giải sự vận động và phát triển của đời sống xã hội. Chủ nghĩa duy vật lịch sử khẳng định rằng, mặc dù điều kiện kinh tế – xã hội giữ vai trò quyết định cuối cùng, song sự vận động của lịch sử không diễn ra một cách tự phát, mà luôn thông qua hoạt động có ý thức của con người. Ph. Ăngghen đã nhấn mạnh rõ: “Mọi hoạt động của con người đều thông qua đầu óc của con người” [30, tr. 438], qua đó khẳng định vai trò trung gian mang tính quyết định của nhân tố chủ quan trong việc hiện thực hóa các điều kiện khách quan. Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, con người – trước hết là nhân dân lao động – không chỉ là đối tượng thụ hưởng thành quả phát triển, mà quan trọng hơn, là chủ thể sáng tạo lịch sử, là lực lượng quyết định sự thành bại của mọi sự nghiệp cách mạng. Điều này được soi sáng sâu sắc trong phạm trù “chủ thể – khách thể” của triết học Mác – Lênin, theo đó con người vừa là chủ thể có ý thức, có khả năng nhận thức, định hướng và tổ chức hoạt động thực tiễn, vừa là lực lượng trực tiếp cải biến hiện thực khách quan; đồng thời, chính con người cũng chịu sự quy định của những điều kiện khách thể trong những hoàn cảnh lịch sử – xã hội cụ thể. Hồ Chí Minh đã kế thừa và phát triển tinh thần đó khi khẳng định: “Vô luận việc gì đều do con người làm ra, và từ nhỏ đến to, từ gần đến xa, đều thế cả” [102, tr. 241]. Như vậy, con người vừa là mục tiêu tối hậu của sự nghiệp giải phóng và phát triển, vừa là động lực quyết định trong mối quan hệ biện chứng với thế giới khách quan. Tính chủ thể, khi được khơi dậy và phát huy, chính là điều kiện tất yếu để biến khả năng thành hiện thực lịch sử.

Trong thực tiễn Đắk Lắk, cộng đồng Ê-đê với truyền thống văn hóa, tín ngưỡng và lịch sử đặc thù không chỉ là đối tượng chịu tác động của quá trình đổi mới, công nghiệp hóa và hội nhập quốc tế, mà quan trọng hơn, chính họ là chủ thể trực tiếp định hình chiều hướng và nội dung biến đổi nhân sinh quan của mình. Việc phát huy nhân tố chủ quan của người Ê-đê vì vậy không chỉ dừng lại ở bảo tồn văn hóa, mà là quá trình khơi dậy ý thức tự thân, năng lực tự quyết và khả năng tự điều chỉnh hệ giá trị, để cộng đồng trở thành tác nhân chủ động trong việc lựa chọn, tiếp nhận, cải biến và sáng tạo những giá trị mới phù hợp với yêu cầu phát triển bền vững. Nếu thiếu sự tự giác, chủ động và tinh thần làm chủ của cộng đồng, sự biến đổi nhân sinh quan dễ rơi vào trạng thái bị

động, lệch hướng hoặc phụ thuộc vào các tác động bên ngoài. Đại hội XIII của Đảng đã nhấn mạnh rõ: “Phát huy tối đa nhân tố con người, coi con người là trung tâm, chủ thể, nguồn lực quan trọng nhất và mục tiêu của sự phát triển” [56, tr. 215–216], đồng thời khẳng định yêu cầu “thực hành và phát huy rộng rãi dân chủ xã hội chủ nghĩa, quyền làm chủ và vai trò chủ thể của nhân dân” [56, tr. 38].

Trong bối cảnh hiện nay, nhân sinh quan của người Ê-đê đang vận động trong sự đan xen giữa những xu hướng tích cực và tiêu cực. Một mặt, quá trình hội nhập kinh tế và giao lưu văn hóa góp phần hình thành tinh thần học hỏi, ý thức bảo vệ môi trường, sự thay đổi vai trò của phụ nữ trong gia đình và cộng đồng; mặt khác, cũng xuất hiện những biểu hiện thực dụng, cá nhân hóa, sự suy giảm vai trò của các thiết chế truyền thống. Trước thực trạng đó, việc khẳng định vai trò chủ thể của người Ê-đê cần được triển khai đồng bộ ở ba cấp độ: (1) ở cấp độ cá nhân, mỗi người phải tự ý thức giá trị bản thân và trách nhiệm xã hội trong mối quan hệ biện chứng với cộng đồng; (2) ở cấp độ cộng đồng, buôn làng, già làng và các thiết chế truyền thống cần giữ vai trò trung tâm trong việc giáo dục, truyền thụ và điều chỉnh hệ giá trị; (3) ở cấp độ xã hội, người Ê-đê cần tham gia bình đẳng và tích cực vào quá trình phát triển kinh tế – xã hội của địa phương, qua đó từng bước nâng cao vị thế chủ thể của mình.

Để hiện thực hóa yêu cầu này, các nhiệm vụ và giải pháp cần được đặt trọng tâm vào việc phát huy năng lực tự thân của cộng đồng Ê-đê.

Một là, nâng cao nhận thức và bồi dưỡng ý thức chủ thể. Theo triết học Mác – Lênin, ý thức không chỉ phản ánh hiện thực mà còn có khả năng tác động trở lại hiện thực thông qua hoạt động thực tiễn. Do đó, nâng cao ý thức tự thân của người Ê-đê trở thành nhiệm vụ nền tảng trong quá trình biến đổi nhân sinh quan. Các chương trình giáo dục song ngữ (Ê-đê – Việt), bồi dưỡng kỹ năng sống, quản lý kinh tế hộ gia đình, giáo dục bình đẳng giới và bảo vệ môi trường cần được triển khai theo hướng cộng đồng chủ động tham gia và tự tổ chức, qua đó mở rộng nhân sinh quan trên nền tảng tri thức và tinh thần tự chủ.

Hai là, phát huy vai trò của cộng đồng buôn làng và già làng. Trong cấu trúc xã hội truyền thống Ê-đê, buôn làng và già làng giữ vai trò trung tâm trong việc cố kết cộng đồng và duy trì chuẩn mực giá trị. Việc tái khẳng định vai trò này không phải là sự phục cổ, mà là sự kế thừa có chọn lọc, gắn với yêu cầu phát triển mới. Khi già làng, nghệ

nhân, trí thức Ê-đê tham gia trực tiếp vào quá trình truyền dạy luật tục, sử thi và giá trị đạo đức truyền thống, nhân sinh quan cộng đồng sẽ được củng cố trên nền tảng uy tín xã hội và nhu cầu thực tiễn.

Ba là, tạo điều kiện để người Ê-đê tham gia chủ động vào phát triển kinh tế – xã hội. Như Ăngghen đã chỉ ra, điều kiện kinh tế giữ vai trò quyết định cuối cùng, nhưng chỉ thông qua hoạt động tự giác của con người thì điều kiện ấy mới được hiện thực hóa. Việc người Ê-đê chủ động tham gia các mô hình sản xuất, hợp tác xã cộng đồng, khởi nghiệp gắn với thế mạnh địa phương sẽ góp phần hình thành nhân sinh quan mới dựa trên tinh thần tự chủ, tự cường và trách nhiệm xã hội.

Bốn là, khuyến khích sự tham gia tích cực vào các hoạt động chính trị – xã hội. Theo Lênin, không có sự tham gia tự giác của quần chúng thì không thể có sự phát triển xã hội tiến bộ. Việc bồi dưỡng cán bộ trẻ Ê-đê, mở rộng cơ hội tham gia quản lý nhà nước và phát huy vai trò của các tổ chức đoàn thể sẽ giúp người Ê-đê khẳng định vị thế chủ thể trong đời sống chính trị – xã hội.

Năm là, kết hợp hài hòa giữa truyền thống và hiện đại trên cơ sở kế thừa biện chứng. Người Ê-đê cần tự giác lựa chọn và “hiện đại hóa” các giá trị truyền thống phù hợp, đồng thời chủ động loại bỏ những yếu tố lạc hậu như tảo hôn, bắt bình đẳng giới. Đây chính là biểu hiện sinh động của nguyên tắc kế thừa có chọn lọc trong phép biện chứng duy vật.

Sáu là, tăng cường tuyên truyền, động viên và nhân rộng các điển hình tiên tiến trong cộng đồng. Việc biểu dương các cá nhân, tập thể Ê-đê tiêu biểu cần được thực hiện trên cơ sở cộng đồng tự thừa nhận và lan tỏa, để các giá trị tích cực trở thành chuẩn mực xã hội được tự giác noi theo.

Tóm lại, phát huy vai trò chủ thể của người Ê-đê trong quá trình biến đổi nhân sinh quan là cách tiếp cận mang tính biện chứng, trong đó nội lực – ý thức, tinh thần tự giác và bản lĩnh văn hóa của cộng đồng – giữ vai trò quyết định. Đây không chỉ là giải pháp văn hóa – xã hội trước mắt, mà còn là yêu cầu chiến lược nhằm biến nhân sinh quan Ê-đê thành nguồn lực nội sinh quan trọng cho sự phát triển bền vững của Đắk Lắk nói riêng và Tây Nguyên nói chung.

Tiểu kết chương 4

Trong chương này, luận án đã tiếp cận vấn đề từ bình diện triết học, coi sự biến đổi nhân sinh quan của người Ê-đê ở tỉnh Đắk Lắk không chỉ là hiện tượng văn hóa – xã hội cụ thể, mà còn là biểu hiện sinh động của quy luật vận động và phát triển trong mối quan hệ biện chứng giữa con người và thế giới. Trên nền tảng phương pháp luận duy vật biện chứng, các phân tích không dừng lại ở việc mô tả thực trạng, mà còn khái quát thành những nguyên lý mang tính phổ biến: sự biến đổi nhân sinh quan là quá trình lịch sử – xã hội khách quan, đồng thời là sản phẩm của mối tương tác giữa chủ thể và khách thể, giữa truyền thống và hiện đại, giữa cộng đồng Ê-đê và bối cảnh hội nhập toàn cầu.

Từ cơ sở lý luận ấy, luận án xác lập một số định hướng có tính nguyên tắc: Một là, phát huy và định hướng những biến đổi tích cực, khắc phục những biến đổi tiêu cực phù hợp với hệ giá trị văn hóa, con người Việt Nam; hai là, đặt sự biến đổi nhân sinh quan trong quỹ đạo của tiến bộ xã hội và định hướng xã hội chủ nghĩa, gắn với giá trị chung của nhân loại; ba là, bảo đảm sự thống nhất biện chứng giữa bảo tồn và phát triển, giữa đặc thù địa phương và yêu cầu đổi mới của đất nước; bốn là, định hình sự biến đổi gắn với mục tiêu phát triển bền vững; năm là, quán triệt các nguyên tắc khách quan, toàn diện, lịch sử - cụ thể và phát triển.

Trên cơ sở các quan điểm đó và từ việc phân tích thực trạng sự biến đổi nhân sinh quan của người Ê-đê ở các chương trước, luận án đã đề xuất sáu nhóm giải pháp cụ thể: một là, tăng cường nghiên cứu, xây dựng chương trình bảo tồn và phát huy giá trị nhân sinh quan Ê-đê trong điều kiện mới; hai là, đẩy mạnh công tác tuyên truyền - giáo dục nhằm nâng cao nhận thức, định hướng biến đổi nhân sinh quan theo hướng tiến bộ; ba là, tạo lập môi trường xã hội thuận lợi để nuôi dưỡng các giá trị tích cực; bốn là, tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách dân tộc theo tinh thần đổi mới; năm là, kết hợp hài hòa giữa kế thừa và sáng tạo, giữa truyền thống và hiện đại; sáu là, phát huy vai trò chủ thể sáng tạo của chính người Ê-đê trong tiến trình biến đổi.

Như vậy, toàn bộ chương này không chỉ củng cố cơ sở lý luận cho các kết luận chung của luận án, mà còn gợi mở một định hướng triết học và thực tiễn nhằm đảm bảo sự phát triển bền vững, hài hòa giữa cá nhân, cộng đồng và tự nhiên trong đời sống của người Ê-đê hiện nay.

KẾT LUẬN

Luận án đã tiến hành nghiên cứu một cách toàn diện và hệ thống quá trình biến đổi nhân sinh quan của người Ê-đê trong bối cảnh đổi mới, hội nhập và phát triển hiện nay, từ đó rút ra những nguyên lý cơ bản về mối quan hệ giữa con người, cộng đồng, văn hóa và điều kiện xã hội. Nghiên cứu không chỉ tập trung vào mô tả hiện tượng mà còn khái quát hóa những quy luật vận động của nhân sinh quan dưới ánh sáng của tư duy biện chứng duy vật, qua đó làm rõ cách thức mà nhân sinh quan phản ánh và điều chỉnh đời sống vật chất, tinh thần của cộng đồng Ê-đê. Trên cơ sở phân tích, luận án đã làm rõ những nội dung sau:

Thứ nhất, luận án đã làm rõ cơ sở lý luận về nhân sinh quan và những nội dung nhân sinh quan của người Ê-đê ở tỉnh Đắk Lắk, là hệ thống những quan niệm của họ về mục đích, ý nghĩa của cuộc sống phản ánh điều kiện sống, điều kiện sinh hoạt của mỗi thành viên và của cả cộng đồng người Ê-đê ở những giai đoạn lịch sử nhất định. Nhân sinh quan của người Ê-đê ở tỉnh Đắk Lắk là những quan niệm về cuộc sống; về sự trân trọng, lòng biết ơn; về ước mơ, khát vọng về một cuộc sống ấm no, hạnh phúc mang tính cộng đồng sâu sắc, thể hiện trong mối quan hệ giữa con người với thiên nhiên, với buôn làng, với tổ tiên và thần linh, đồng thời phản ánh khát vọng về một cuộc sống hạnh phúc, hài hòa, gắn bó bền chặt với đất và người.

Thứ hai, luận án đã khảo sát và phân tích thực trạng sự biến đổi nhân sinh quan của người Ê-đê ở tỉnh Đắk Lắk hiện nay trên các phương diện: một là, quan niệm về cuộc sống; hai là, quan niệm về sự trân trọng, lòng biết ơn; ba là, quan niệm về ước mơ, khát vọng về cuộc sống ấm no, hạnh phúc. Kết quả nghiên cứu cho thấy, quá trình biến đổi nhân sinh quan diễn ra theo cả hai chiều hướng: tích cực, góp phần nâng cao ý thức chủ động, năng lực thích nghi và khát vọng vươn lên trong cuộc sống của người Ê-đê; và tiêu cực, bộc lộ xu hướng thực dụng, đứt gãy giá trị truyền thống, cá nhân hóa và phai nhạt các chuẩn mực cộng đồng.

Thứ ba, từ thực trạng trên, luận án đã xác lập năm nhóm quan điểm định hướng nhằm phát huy những biến đổi tích cực, hạn chế những biến đổi tiêu cực trong nhân sinh quan của người Ê-đê. Đó là: một là, phát huy biến đổi tích cực, hạn chế những biến đổi tiêu cực trong nhân sinh quan của người Ê-đê ở tỉnh Đắk Lắk hiện nay phù hợp với hệ giá trị văn hóa, con người Việt Nam; hai là, phát huy những biến đổi tích cực, hạn chế

những biến đổi tiêu cực trong nhân sinh quan của người Ê-đê ở tỉnh Đắk Lắk hiện nay theo định hướng xã hội chủ nghĩa, phù hợp với những giá trị chung của nhân loại; ba là, thống nhất giữa bảo tồn, phát huy những biến đổi tích cực, hạn chế những biến đổi tiêu cực trong nhân sinh quan của người Ê-đê ở tỉnh Đắk Lắk hiện nay với yêu cầu đổi mới, phát triển của địa phương và của đất nước; bốn là, phát huy những biến đổi tích cực, hạn chế những biến đổi tiêu cực trong nhân sinh quan của người Ê-đê ở tỉnh Đắk Lắk hiện nay gắn liền với mục tiêu phát triển bền vững; năm là, phát huy những biến đổi tích cực, hạn chế những biến đổi tiêu cực trong nhân sinh quan của người Ê-đê ở tỉnh Đắk Lắk hiện nay phải đảm bảo nguyên tắc khách quan, toàn diện, lịch sử - cụ thể và nguyên tắc phát triển.

Thứ tư, trên nền tảng các quan điểm nêu trên, luận án đã đề xuất một số giải pháp có tính khả thi và bền vững, bao gồm: một là, tăng cường công tác nghiên cứu, xây dựng chương trình bảo tồn, khai thác, phát huy những biến đổi tích cực, hạn chế những biến đổi tiêu cực trong nhân sinh quan của người Ê-đê ở tỉnh Đắk Lắk hiện nay; hai là, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục để nâng cao nhận thức cho người Ê-đê nói riêng và mọi tầng lớp nhân dân nói chung phát huy những biến đổi tích cực, hạn chế những biến đổi tiêu cực nhân sinh quan của người Ê-đê ở tỉnh Đắk Lắk hiện nay; ba là, tạo môi trường thuận lợi cho việc phát huy những biến đổi tích cực, hạn chế những biến đổi tiêu cực nhân sinh quan của người Ê-đê ở tỉnh Đắk Lắk hiện nay; bốn là, tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách của Đảng và Nhà nước về công tác dân tộc; năm là, mở rộng, tăng cường hợp tác, kết hợp giữa kế thừa và đổi mới, truyền thống và hiện đại trong phát huy những biến đổi tích cực, hạn chế những biến đổi tiêu cực nhân sinh quan của người Ê-đê ở tỉnh Đắk Lắk hiện nay; sáu là, phát huy vai trò chủ thể của người Ê-đê ở tỉnh Đắk Lắk trong quá trình biến đổi nhân sinh quan hiện nay

Những đóng góp của luận án không chỉ làm phong phú tri thức triết học dân tộc và hệ hình nhân sinh trong triết học Việt Nam, mà còn mang giá trị thực tiễn sâu sắc trong hoạch định chính sách, giáo dục văn hóa và phát triển cộng đồng Ê-đê. Việc triển khai đồng bộ các giải pháp sẽ góp phần nâng cao đời sống tinh thần, giữ gìn bản sắc văn hóa và củng cố sức mạnh nội sinh của cộng đồng Ê-đê, đồng thời thể hiện một cách sinh động mối quan hệ biện chứng giữa truyền thống - hiện đại, địa phương - quốc gia trong bối cảnh phát triển bền vững và hội nhập hiện nay.

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ
LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN**

1. Nguyễn Đình Huân - Phạm Thị Tâm (2023), “Community solidarity in the life perspective through marriage of ede people in Buon Ma Thuot city, Dak Lak province, Vietnam”, *Synesis*, v. 16, n.1, 2024, ISSN 1984-6754
<https://seer.ucp.br/seer/index.php/synesis/article/view/2929>
2. Nguyễn Đình Huân (2024), “Nhân sinh quan của người Ê-đê biểu hiện qua Luật tục - Truyền thống và biến đổi”, Tạp chí *Sinh hoạt Lý luận*, số 8 (205).
3. Nguyễn Đình Huân (2025), “Nhân sinh quan của người Ê-đê qua tín ngưỡng - truyền thống và biến đổi”, Tạp chí *Lý luận Chính trị điện tử*, số tháng 01/2025,
<https://lyluanchinhtri.vn/nhan-sinh-quan-cua-nguoi-edekqua-tin-nguong-truyen-thong-va-bien-doi-6663.html>
4. Nguyễn Đình Huân (2025), “Phát huy những biến đổi tích cực trong nhân sinh quan của người Êđê gắn với bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa”, Tạp chí *Lý luận Chính trị điện tử*, số tháng 01/2025,
<https://lyluanchinhtri.vn/phat-huy-nhung-bien-doi-tich-cuc-trong-nhan-sinh-quan-cua-nguoi-edekgan-voi-bao-dam-dinh-huong-xa-hoi-chu-nghia-6749.html>
5. Nguyễn Đình Huân (2025), “The transformation of the Ede worldview through changes in marriage practices in Buon Ma Thuot City, Dak Lak Province, Vietnam”, *Edelweiss Applied Science and Technology* ISSN: 2576-8484 Vol. 9, No. 3, pp.2089-2098; DOI: 10.55214/25768484.v9i3.5749.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Anne de Hautecloque - Howe (2004), *Người Ê-đê, một xã hội mẫu quyền*, (Nguyễn Ngọc dịch), Nxb dân tộc, Hà Nội.
2. Vi Văn An (2004), *Phát triển du lịch gắn với bảo vệ môi trường và bảo tồn văn hoá các dân tộc Tây Nguyên*, Tạp chí Du lịch Việt Nam, (9).
3. Ban chấp hành Trung ương (1989), *Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 27/11/1989 về một số chủ trương, chính sách lớn phát triển kinh tế - xã hội miền núi*.
4. Ban chấp hành Trung Ương (2002), *Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 18/01/2002 của Bộ Chính trị khóa IX về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên thời kỳ 2001 - 2011*.
5. Ban chấp hành Trung ương (2003), *Nghị quyết 24-NQ/TW ngày 12 - 03 - 2003 của Hội nghị lần thứ 7, Ban Chấp hành Trung ương Đảng, khóa IX về công tác dân tộc*.
6. Ban chấp hành Trung Ương (2011), *Kết luận số 12-KL/TW ngày 24/10/2011 của Bộ Chính trị khóa XI về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa IX) phát triển vùng Tây Nguyên thời kỳ 2011- 2020*.
7. Ban chấp hành Trung ương (2014), *Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09 - 06 - 2014 của Hội nghị lần thứ 9 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước*.
8. Ban chấp hành Trung ương (2019), *Kết luận số 67-KL/TW ngày 16/12/2019 của Bộ Chính trị khóa X về xây dựng và phát triển thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*.
9. Ban chấp hành Trung ương (2022), *Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 06 tháng 10 năm 2022 về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*.
10. Ban chấp hành Trung Ương (2022), *Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 06/10/2022 của Bộ Chính trị khóa XIII về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*.
11. Ban chấp hành Trung ương (2024), *Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới*

sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

12. Ban chấp hành Trung ương (2025), *Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 của Bộ chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới.*
13. Ban chấp hành Trung ương (2025), *Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30 tháng 4 năm 2025 của Bộ chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.*
14. Ban chấp hành Trung ương (2025), *Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04 tháng 5 năm 2025 của Bộ chính trị về phát triển kinh tế tư nhân.*
15. Ban dân tộc tỉnh Đắk Lắk (2022), *Báo cáo số 25/BC-BDT về Tổng kết công tác dân tộc, thực hiện chính sách dân tộc năm 2022 ngày 20 tháng 12 năm 2022.*
16. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (2011), *Chỉ thị số 194/CT - BVHTTDL ngày 20 - 10 - 2011 về việc triển khai thực hiện Đề án Bảo tồn, phát triển văn hóa dân tộc thiểu số đến năm 2020.*
17. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (2013), *Quyết định số 3508/QĐ-BVHTTDL ngày 10/10/2013 “Về việc phê duyệt dự án bảo tồn khẩn cấp và hỗ trợ, tăng cường năng lực bảo tồn, phát triển văn hóa các dân tộc, bài trừ hủ tục ở vùng đồng bào DTTS”.*
18. Trương Bi - Bùi Minh Vũ - Kra Y Won (2007), *Vận dụng luật tục Ê-đê vào việc xây dựng gia đình, buôn, thôn văn hóa*, Nxb văn hóa dân tộc, Hà Nội.
19. Trương Bi (2010), *Nghi lễ - Lễ hội Ê-đê*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội
20. Trương Bi (2011), *Lễ hội truyền thống dân tộc Ê-đê*, Nxb Thanh niên, Hà Nội.
21. Trương Bi - Y Won (2017), *Các bài cúng trong nghi lễ vòng đời người của dân tộc Ê-đê ở Đắk Lắk*, Nxb hội nhà văn, Hà Nội.
22. Trương Bi - Y Won (2017), *Các bài cúng trong nghi lễ nông nghiệp của dân tộc Ê-đê: Sưu tâm, biên dịch và giới thiệu*, Nxb hội nhà văn, Hà Nội.
23. Nguyễn Văn Bình (1999), *Cách xem xét, đánh giá con người thông qua các mối quan hệ xã hội cơ bản của Nho giáo - một giá trị cần kế thừa và phát triển*, Tạp chí Triết học, (3).
24. Byă, Y Wai, (2014), *Lễ cúng bến nước [Tuh Pin Êa] của dân tộc Ê-đê tỉnh Đắk Lắk*, Nxb văn hóa dân tộc, Hà Nội.
25. C.Mác và Ph.Ăngghen (1993), *Toàn tập*, tập 12, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật,

Hà Nội.

26. C.Mác và Ph.Ăngghen (1993), *Toàn tập*, tập 13. Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
27. C.Mác và Ph.Ăngghen (1993), *Toàn tập*, tập 23. Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
28. C. Mác và Ph. Ăngghen (1994), *Toàn tập*, tập 20, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
29. C. Mác và Ph. Ăngghen (1995), *Toàn tập*, tập 1, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
30. C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập*, tập 21, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
31. C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập*, tập 40, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
32. C.Mác và Ph.Ăngghen (2000), *Toàn tập*, tập 3, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
33. Lê Kiến Cầu, Chu Quý (2008), *Triết lý nhân sinh*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
34. Hoàng Đình Cúc (2008), *Vấn đề con người trong học thuyết Mác và phương hướng, giải pháp phát triển con người cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam hiện nay*, Tạp chí Triết học (8).
35. Chính phủ nước cộng hòa XHCN Việt Nam (2011), *Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14-01-2011 của Chính phủ về Công tác dân tộc*.
36. Chính phủ nước cộng hòa XHCN Việt Nam (2020), *Nghị quyết số 12/NQ-CP ngày 15 - 02 - 2020 của Chính phủ triển khai thực hiện Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18 -11 - 2019 của Quốc hội về phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030*.
37. Nguyễn Trọng Chuẩn (2005), “Đạo đức học Can tư và ý nghĩa hiện thời của nó”, Tạp chí Triết học, số 6 (169).
38. Nguyễn Trọng Chuẩn (2005), *Để con người có thể phát triển bền vững*, Tạp chí thông tin khoa học xã hội, (2).
39. Nguyễn Trọng Chuẩn (2016), *Nhân tố con người và văn hóa trong sự phát triển*

bền vững của đất nước, Tạp chí Cộng sản, (885).

40. Hoàng Tăng Cường (1996), *Mối quan hệ giữa con người và tự nhiên trong quan niệm Nho giáo*, Tạp chí Triết học, (6).
41. Ngô Văn Doanh - Trương Bi (2012), *Nghi lễ - Lễ hội của người Chăm và người Ê-đê*, Nxb văn hóa dân tộc, Hà Nội.
42. D. Moga, Michael (2014), *Điều gì làm cho con người thực sự là người?* (Lê Đình Trị dịch), Nxb Phương Đông, Thành phố Hồ Chí Minh.
43. Doi, Takeo (2008), *Giải phẫu cái tự ngã: Cá nhân chơi với xã hội*, (Hoàng Hưng dịch), Nxb Tri thức, Hà Nội.
44. Dournes, Jacques (2018), *Miền đất huyền ảo (các dân tộc miền núi Nam Đông Dương)* (Nguyễn Ngọc dịch), Nxb Thông tin và truyền thông, Hà Nội.
45. Dournes, Jacques (2018), *Rừng, Đàn bà, Diên loạn*, Nxb Tri thức, Hà Nội.
46. Trương Minh Đức (2005), *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về dân tộc và quan hệ dân tộc ở Tây Nguyên*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
47. Vũ Trọng Dung (2003), *Hiểu quan điểm của C. Mác về bản chất con người như thế nào?*, Tạp chí Triết học, (8).
48. Đảng Cộng sản Việt Nam (1998), *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật.
49. Đảng cộng sản Việt Nam (2003), *Văn kiện Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương khóa IX*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
50. Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), *Văn kiện Đảng thời kỳ đổi mới (Đại hội VI, VII, VIII, IX) về văn hóa xã hội, khoa học - kỹ thuật, giáo dục, đào tạo*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
51. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
52. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
53. Đảng Cộng sản Việt Nam (2014), *Văn kiện Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa XI*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội.
54. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*,

Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.

55. Đảng Cộng Sản Việt Nam (2019): *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới, phần I*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội
56. Đảng Cộng sản Việt Nam, (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Tập I, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
57. Đảng Cộng Sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Tập II, Nxb Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
58. Y Điêng - Hoàng Thao (2011), *Truyện cổ các dân tộc Tây Nguyên: Truyện cổ Ê-đê*, Nxb văn hóa dân tộc, Hà Nội.
59. Nguyễn Tân Đắc (2005), “*Văn hóa xã hội và con người Tây Nguyên*” Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
60. Bế Viết Đảng, Chu Thái Sơn, Vũ Thị Hồng và Vũ Đình Lợi (1982), “*Đại cương về dân tộc Ê-đê, M'nông ở Đắk Lắk*”, Nxb khoa học xã hội, Hà Nội.
61. Buôn Krông Tuyết Nhung (2009), *Văn hóa ẩm thực của người Ê-đê*, Nxb Văn hóa Dân tộc, Hà Nội.
62. Trịnh Hiểu Giang, Nguyễn An (2009), *Những hiểu biết về cuộc đời*, Nxb Hà Nội.
63. Đặng Hoài Giang (2019), *Biến đổi không gian văn hóa buôn làng Ê-đê ở Buôn Ma Thuột từ sau 1975 đến nay*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
64. Đỗ Hương Giang (2009), *Vấn đề nhân sinh quan trong triết học Phật giáo thời Trần*, Tạp chí Khoa học xã hội, (11).
65. Vũ Thị Phương Hậu (2017), *Bảo tồn, phát huy giá trị văn hoá vùng Tây Nguyên*, Tạp chí Văn học nghệ thuật, (398).
66. G.V. Hêghen (1999) (Phan Ngọc dịch), *Mỹ học, tập 1*, Nxb Văn học, Hà Nội.
67. Đỗ Lan Hiền (2011), “*Đời sống tín ngưỡng tôn giáo của các tộc người ở Tây Nguyên hiện nay, một số vấn đề đặt ra*”, Tạp chí Khoa học xã hội, số 4.
68. Trương Thị Hiền (2017), *Luật tục Ê-đê, một nền tư pháp hòa giải, những giá trị xã hội và sự biến đổi*, Nxb khoa học xã hội, Hà Nội.
69. Nguyễn Ngọc Hòa (2002), *Văn hóa Ê-đê - Truyền thống và biến đổi*, Luận án tiến sĩ lịch sử, Viện nghiên cứu văn hóa nghệ thuật - Bộ Văn hóa - thông tin, Hà Nội.
70. Nguyễn Ngọc Hoà (Chủ biên) (2014), *Sự biến đổi những giá trị xã hội truyền thống*

của đồng bào các dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên hiện nay, Nxb Chính trị quốc gia Sự Thật, Hà Nội.

71. Trịnh Sơn Hoan (2018), *Triết học nhân sinh Mỹ và một số vấn đề nhân sinh cơ bản trong triết học Mỹ*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
72. Đỗ Huy (2005), *Triết học mácxít - Hình thức tư duy lý luận đúng đắn để tiếp cận tính toàn vẹn về con người và thế giới con người*, Tạp chí Triết học (2).
73. Hội đồng Nhân dân tỉnh Đắk Lắk (2022), *Nghị quyết số 06/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 Quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi, giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk*, Đắk Lắk.
74. Hội đồng trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh (1999), *Giáo trình triết học Mác - Lênin*, Nxb Chính trị quốc gia. Hà Nội.
75. Hội đồng Quốc gia chỉ đạo biên soạn Từ điển Bách khoa Việt Nam (2003), *Từ điển Bách khoa Việt Nam*, Tập 3, Nxb Từ điển Bách khoa, Hà Nội.
76. Nghiêm Xuân Hồng (1960), *"Xây dựng nhân sinh quan"*, Nxb Quan điểm, Sài Gòn.
77. Lưu Hùng (1994), *Buôn làng cổ truyền xứ Thượng*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
78. Lưu Hùng (1996), *"Văn hóa cổ truyền Tây Nguyên"*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
79. Đặng Văn Hường (2008), *Tây Nguyên - nét độc đáo của văn hoá truyền thống các dân tộc*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
80. Phạm Thị Hường (2016), *Vai trò của con người trong môi trường sinh thái nhân văn*, Tạp chí Triết học (10).
81. Đặng Văn Hường (2013), *Tìm hiểu một số phong tục, tập quán, tín ngưỡng, tôn giáo các dân tộc vùng Tây Nguyên*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
82. Jullien, Francois (2013), *Bàn về triết sống*, (Đa Huyền, Nguyễn Hồi Thủ dịch), Nxb Lao động, Hà Nội.
83. Trần Nguyên Khoa (2018), *Nhân sinh quan của người Chăm Nam Trung Bộ qua*

hiện tượng văn hóa tộc người, Tạp chí Triết học, (3).

84. Nguyễn Văn Kim (2021), *Huyền thoại về một vùng đất, không gian văn hóa Tây Nguyên qua sử thi Ê - Đê*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
85. Đỗ Hồng Kỳ (2007), *Vũ trụ quan và một số tín ngưỡng ở người Ê-đê*, Mơ Nông, Tạp chí Văn hóa dân gian, (5).
86. Đỗ Hồng Kỳ (2012), *Văn học dân gian Ê-đê*, Mơ Nông, Nxb Lao động, Hà Nội.
87. Đỗ Hồng Kỳ (2015), *Vai trò của văn hóa truyền thống các tộc người bản địa Tây Nguyên đối với sự phát triển bền vững vùng*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
88. Đỗ Hồng Kỳ & Y Kô Niê (2017), “*Niềm tin tôn giáo của người Êđê ở Đắk Lắk trong xã hội cổ truyền và xã hội đương đại*”, Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo, số 03,04.
89. Đỗ Hồng Kỳ (2018), “*Lễ hội bỏ mả của người Êđê: Vai trò, giá trị của nó trong đời sống cộng đồng*”, Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo, số 08.
90. Lê Văn Kỳ (2007), *Phong tục tập quán cổ truyền một số dân tộc thiểu số ở Nam Tây Nguyên*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
91. Kōnosuke, Matsushita (2008), *Mạn đàm nhân sinh*, (Phạm Thu Giang dịch), Nxb Hà Nội.
92. Hoàng Thị Lan (chủ biên) (2021), *Đời sống tôn giáo, tín ngưỡng vùng dân tộc thiểu số ở Việt Nam hiện nay*, Nxb Lý luận Chính trị, Hà Nội.
93. L. Robert (2008), *Không gian văn hóa nguyên thủy (nhìn theo lý thuyết chức năng)*, (Vũ Xuân Ba, Ngô Bình Lâm dịch), Nxb Tri thức, Hà Nội.
94. Lévi - Strauss (1996), *Chúng tộc và lịch sử*, Nxb Khoa học lịch sử Việt Nam, Hà Nội.
95. Bùi Bá Linh (2003), *Quan niệm của C. Mác và Ph. Ăngghen về con người và sự nghiệp giải phóng con người*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
96. Lê Văn Liêm (2015), *Tây Nguyên vùng văn hoá đặc sắc: Khảo cứu*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
97. Vũ Đình Lợi (1994), *Gia đình và hôn nhân truyền thống ở các dân tộc Malayo-Polinesia Trường Sơn - Tây Nguyên*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
98. Lê Văn Lợi (2019), *Giải quyết vấn đề dân tộc, tôn giáo ở Việt Nam hiện nay*, Nxb

Lý luận Chính trị, Hà Nội.

99. Henri Maitre (2008), *Rừng người Thượng*, Lưu Đình Tuân dịch, Nxb. Tri thức, Hà Nội
100. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Tập 3, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
101. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Tập 4, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
102. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 5 Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
103. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Tập 7, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
104. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Tập 12, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
105. Trần Văn Hiến Minh (1966), “*Từ điển danh từ Triết học*”, Nhà in Nguyễn Bá Tông, Sài Gòn.
106. Nguyễn Văn Minh (2017), *Những hiện tượng tôn giáo mới ở một số dân tộc thiểu số tại chỗ vùng Tây Nguyên hiện nay*, Nxb Công an Nhân dân, Hà Nội.
107. Phùng Thị An Na (2015), “*Nhân sinh quan người Việt qua folklore Việt Nam*”, Luận án Tiến sĩ Triết học, Viện Triết học, Học viện CTQG Hồ Chí Minh, Hà Nội.
108. Nguyễn Văn Nam (1996), *Giữ gìn và phát huy giá trị văn hoá Tây Nguyên*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
109. Trịnh Thị Nghĩa (2016), *Quan điểm của C. Mác về điều kiện cho sự phát triển tự do của con người*, Tạp chí Triết học, (9).
110. Nguyễn Minh Ngọc, Phạm Quang Tùng (2013), *Đa dạng tôn giáo và vấn đề bảo tồn tín ngưỡng truyền thống của các dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên hiện nay (qua khảo sát hai tỉnh Đắk Lắk và Đắk Nông)*, Tạp chí Nghiên cứu tôn giáo, (10).
111. Nguyễn Thị Ngọc (2020), “*Triết lý nhân sinh của cư dân đồng bằng Bắc bộ trong truyện cổ tích Việt Nam*” - Luận án Tiến sĩ Triết học, Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Học viện CTQG Hồ Chí Minh, Hà Nội.
112. Nguyễn Tôn Nhan, Phú Văn Hãn (đồng chủ biên) (2013), *Từ điển tiếng Việt*, Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ, Nxb Từ điển Bách khoa, Hà Nội.
113. Phạm Công Nhất (2016), *Từ tư tưởng nhân nghĩa trong Nho giáo truyền thống Trung Quốc đến triết lý nhân nghĩa trong văn hóa ứng xử của người Việt Nam*, Tạp chí Triết học, (9).
114. Phan Đăng Nhật (1999), *Vùng sử thi Tây Nguyên*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

115. Phan Đăng Nhật (2004), *Vai trò của luật tục Tây Nguyên trong việc bảo vệ bản sắc văn hoá dân tộc và thực hiện dân chủ ở cơ sở*, Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam, (1).
116. Piere, Dourisboure (2015), *Dân làng Hồ*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội.
117. Hoàng Phê (Chủ biên) (2012), *"Từ điển tiếng Việt"*, Viện Ngôn ngữ học, Nxb Từ điển Bách khoa, Hà Nội.
118. Nguyễn Thế Phúc - Ngô Văn Trân (đồng chủ biên) (2016), *Triết học tôn giáo với những vấn đề nhân sinh quan: lý luận và thực tiễn*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội.
119. Phạm Quỳnh Phương (2014), *Sự biến đổi tâm thức tôn giáo truyền thống của người Tây Nguyên hiện nay*, Tạp chí Nghiên cứu tôn giáo, (130).
120. Phạm Quỳnh Phương (2015), *Nhận diện các xu hướng biến đổi trong đời sống tôn giáo ở Tây Nguyên hiện nay*, Tạp chí Nghiên cứu tôn giáo, (5).
121. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2013), *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
122. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2019), *Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18/11/2019 về phê duyệt Đề án tổng thể phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021 - 2030*.
123. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2020), *Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19/6/2020 về phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển KT-Xh vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021 - 2030*.
124. Hồ Sĩ Quý (1999), *Về triết lý con người chinh phục tự nhiên*, Tạp chí Triết học, (6).
125. Hồ Sĩ Quý (Chủ biên) 2003, *Con người và phát triển con người trong quan niệm của C. Mác và Ph. Ăngghen*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
126. Hồ Tấn Sáng (2013), *Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá lối sống của đồng bào các dân tộc ở Tây Nguyên*, Tạp chí Cộng sản, (845).
127. Saxe Commins và Robert N. Linscott (2005), *Mối quan hệ giữa người với người*, (Nguyễn Kim Dân dịch), Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.
128. Stanley Rosen (2006), *Triết học nhân sinh*, (Nguyễn Minh Sơn, Lưu Văn Hy và

Nguyễn Đức Phú dịch), Nxb Lao động, Hà Nội.

129. Minh Tân, Thanh Nghi, Xuân Lãm (1998), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Thanh Hóa.
130. Hoàng Thúc Lân (Chủ biên) (2017), *Triết lý nhân sinh trong tục ngữ, ca dao Việt Nam*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
131. Tỉnh ủy Đắk Lắk (2021), *Chỉ thị số 18-CT/TU ngày 25/11/2021 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân tộc giai đoạn 2021 - 2030*, Đắk Lắk.
132. Nguyễn Văn Tiệp (chủ biên) (2011), *Một số vấn đề về kinh tế - xã hội và quan hệ dân tộc ở tỉnh Đắk Lắk*, Nxb Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.
133. Tỉnh ủy - Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk (2015), *Địa chí Đắk Lắk*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
134. Ngô Quang Tuệ (2016), *Triết lý nhân sinh của Đạo gia và ảnh hưởng của nó đối với lịch sử tư tưởng Việt Nam từ thế kỷ XV*, Luận án Tiến sĩ Triết học, Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Học viện CTQG Hồ Chí Minh, Hà Nội.
135. *Từ điển triết học* (1986), (Bản tiếng Việt), Nxb Tiến bộ và Nxb Sự thật.
136. Phùng Lô Tường (2010), *Triết lý sinh tử Đông Tây*, (Thích Hoằng Trí dịch), Nxb Phương Đông, Thành phố Hồ Chí Minh.
137. Hà Đình Thành (2012), *Cộng đồng dân tộc Ê-đê ở tỉnh Đắk Lắk hiện nay*, Nxb từ điển bách khoa, Hà Nội.
138. Phạm Huy Thành (2015), *Giá trị đạo đức truyền thống trong văn hoá của đồng bào các dân tộc Tây Nguyên*, Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam, (5).
139. Tô Ngọc Thanh (1998), *Giữ gìn và phát huy tài sản văn hoá các dân tộc ở Tây Bắc và Tây Nguyên*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
140. Phan Văn Thám (2025), *Sự biến đổi nhân sinh quan của người Việt Nam hiện nay qua lễ hội truyền thống*, Luận án tiến sĩ Triết học, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
141. Ngô Đức Thịnh (1992), *Văn hóa dân gian Ê-đê*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội
142. Ngô Đức Thịnh, Chu Thái Sơn và Nguyễn Hữu Thấu (2001), *Luật tục Ê-đê - Tập quán pháp*, Nxb. Văn hóa Dân tộc, Hà Nội.
143. Ngô Đức Thịnh (2003), *Những mảng màu văn hoá Tây Nguyên*, Nxb Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.

144. Ngô Đức Thịnh (2004), *Một số vấn đề về bảo tồn và phát huy văn hóa truyền thống Tây Nguyên*, Tạp chí Cộng sản (19).
145. Ngô Đức Thịnh (2012), *Nghi lễ và phong tục các dân tộc người ở Tây Nguyên*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
146. Nguyễn Tất Thịnh (2011), *Hành trình nhân sinh quan: Phán tỉnh trên đường trải nghiệm*, Nxb thông tin và truyền thông, Hà Nội.
147. Hoàng Thơ (2000), *Vấn đề con người trong đạo Phật*, Tạp chí Triết học, (6).
148. Thủ tướng Chính phủ (1998), *Quyết định số 135/1998/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt chương trình phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn miền núi và vùng sâu, vùng xa*
149. Thủ tướng Chính phủ (2009), *Quyết định số 581/QĐ-TTg ngày 06 tháng 5 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược Phát triển văn hóa đến năm 2020*.
150. Thủ tướng Chính phủ (2011), *Quyết định 1270/QĐ-TTg ngày 27 - 7 - 2011 phê duyệt Đề án Bảo tồn, phát triển văn hóa dân tộc thiểu số đến năm 2020*.
151. Thủ tướng Chính phủ (2016), *Quyết định số 2493/QĐ-TTg ngày 22 tháng 12 năm 2016 về việc phê duyệt Đề án Kiểm kê, sưu tầm bảo quản trưng bày tuyên truyền di sản văn hóa truyền thống điển hình của các dân tộc thiểu số Việt Nam giai đoạn 2017 - 2020*.
152. Thủ tướng Chính phủ (2021), *Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021 - 2025”*.
153. Thủ tướng Chính phủ (2021), *Quyết định số 1230/QĐ-TTg ngày 15/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình Bảo tồn và phát huy bền vững giá trị di sản văn hóa Việt Nam, giai đoạn 2021 - 2025”*.
154. Trương Thị Thu Thủy (2010), *“Lễ hội truyền thống - Bức tranh về đời sống tín ngưỡng của các DTTS ở Tây Nguyên”*, Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo, số 02.
155. Trương Thị Thu Thủy (2014), *Tín ngưỡng của người Ba Na (Huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai)*, Luận án tiến sĩ Triết học, Học viện khoa học xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, Hà Nội.

156. Nguyễn Thế Trắc (2008), *Mạn đàm nhân sinh*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.
157. Phạm Thị Ngọc Trâm (2009), *Xây dựng đạo đức sinh thái - một trách nhiệm xã hội của con người đối với tự nhiên*, Tạp chí Triết học, (6).
158. Nguyễn Tuấn Triết (2007), *Tây Nguyên, những chặng đường lịch sử - văn hoá*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
159. Phạm Thị Trung (2021), *Tín ngưỡng của người Xơ TENG xã Tu Mơ Rông tỉnh Kon Tum*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
160. Ủy ban Dân tộc và Tổng cục thống kê, (2019), *Kết quả Điều tra thu thập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2019*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
161. Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk (2015), *Quyết định số 255/QĐ-UBND ngày 27/01/2015 về việc phê duyệt kết quả thực hiện kiểm kê rừng tỉnh Đắk Lắk*, Đắk Lắk.
162. Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk (2021), *Quyết định số 576/QĐ-UBND về việc ban hành kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 01/NQ/ĐH ngày 02 tháng 11 năm 2020 của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đắk Lắk lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2020 - 2025*, Đắk Lắk.
163. Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk (2021), *Kế hoạch số 11768/KH-UBND ngày 30/11/2021 về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021 - 2030*, Đắk Lắk.
164. Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk (2022), *“Kế hoạch số 46/KH-UBND ngày 01/03/2022 của UBND tỉnh Đắk Lắk về Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS gắn với phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2022 - 2025”*, Đắk Lắk.
165. Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk (2022), *Kế hoạch số 119/KH-UBND ngày 07/6/2022 triển khai thực hiện Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045*, Đắk Lắk.
166. Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk (2022), *“Kế hoạch số 213/KH-UBND ngày 08/11/2022 của UBND tỉnh về tổ chức “Ngày hội Văn hóa dân tộc tỉnh Đắk Lắk năm 2023”*, Đắk Lắk.
167. Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk (2022), *Báo cáo số 351/BC-UBND về Kết quả thực*

hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025, Đắk Lắk.

168. Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk (2023), *Quyết định số 417/QĐ-UBND ngày 08/3/2023 về việc phê duyệt kết quả thực hiện kiểm kê rừng tỉnh Đắk Lắk, Đắk Lắk.*
169. Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk (2023), *báo cáo số 169/BC-UBND của UBND tỉnh ngày 21/6/2023 về Kết quả thực hiện công tác dân tộc 6 tháng đầu năm và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2023, Đắk Lắk.*
170. Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk (2023), *báo cáo số 384/BC-UBND của UBND tỉnh ngày 20/11/2023 về tình hình phát triển KT-XH, bảo đảm quốc phòng - an ninh năm 2023 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2024, Đắk Lắk.*
171. Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk (2025), *báo cáo số 125/BC-UBND của UBND tỉnh ngày 16/01/2025 về Đánh giá kết quả thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 và đề xuất thực hiện giai đoạn 2026 - 2030, Đắk Lắk.*
172. Nguyễn Thị Kim Vân (2011), *Tín ngưỡng và tôn giáo dân tộc Bahnar, Jrai*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
173. Viện Nghiên cứu Văn hóa (2007), *“Nghĩ lễ và phong tục các tộc người ở Tây Nguyên”*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
174. Mai Trọng An Vinh (2021), *Triết lý nhân sinh trong nghi lễ thờ cúng của người Ê-đê ở thành phố Buôn Ma Thuột*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
175. Nguyễn Như Ý (Chủ biên) (1999), *Đại từ điển tiếng Việt*, Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.

PHỤ LỤC

Phụ lục 1

PHIẾU KHẢO SÁT NHÂN SINH QUAN NGƯỜI Ê-ĐÊ Ở TỈNH ĐẮK LẮK

Để đánh giá sự biến đổi nhân sinh quan của người Ê-đê ở tỉnh Đắk Lắk, từ đó có cơ sở đề xuất, kiến nghị những giải pháp hạn chế những biến đổi tiêu cực, phát huy những biến đổi tích cực, chúng tôi rất mong nhận được sự hợp tác của quý Ông/Bà, Anh/Chị, đây sẽ là những thông tin có giá trị đối với công trình nghiên cứu của chúng tôi. Các thông tin của người cung cấp thông tin đảm bảo

I. Thông tin chung

Họ tên: Tuổi: Giới tính: ☐ Nam ☐ Nữ

Trình độ học vấn: ☐ Không đi học ☐ Tiểu học ☐ THCS ☐ THPT ☐ Trung cấp/CD/ĐH

Nghề nghiệp:

Nơi cư trú:

II. Quan niệm về cuộc sống

2.1. Cuộc đời của con người chủ yếu dựa vào đâu?

☐ Ý trời ☐ Tổ tiên, thần linh

☐ Chính mình ☐ Gia đình, cộng đồng

2.2. Mục đích sống hiện tại của Ông/Bà là gì? (Chọn tối đa 2 đáp án)

☐ Làm giàu, ổn định kinh tế ☐ Đóng góp cho cộng đồng

☐ Chăm lo gia đình

☐ Sống vui vẻ, hòa thuận ☐ Khác:

2.3. Quan hệ giữa con người và thiên nhiên là gì?

☐ Phụ thuộc và tôn trọng lẫn nhau

☐ Con người có quyền khai thác thiên nhiên

☐ Không liên quan

2.4. Quan niệm của Ông/Bà về tự nhiên là gì?

☐ Là nơi thiêng liêng cần bảo vệ

☐ Là tài nguyên cần khai thác để sống

☐ Không có ý kiến

2.5. Những giá trị nào sau đây Ông/Bà cho là quan trọng nhất hiện nay?

- ☐ Tình thương con người
☐ Đoàn kết cộng đồng
☐ Tự do cá nhân
☐ Tôn trọng thiên nhiên
☐ Lòng bao dung, tha thứ

2.6. Ông/Bà nghĩ điều gì tạo nên một cuộc sống “có ý nghĩa”?

- ☐ Có ích cho gia đình, xã hội
☐ Có nhà cửa, của cải
☐ Sống đúng với đạo lý
☐ Làm điều mình yêu thích

2.7. Ông/Bà có thường xuyên tham gia các hoạt động cộng đồng (lễ hội, hỗ trợ buôn làng...)?

- ☐ Thường xuyên ☐ thỉnh thoảng
☐ Hiếm khi ☐ Không bao giờ

2.8. Tinh thần sống “vì cộng đồng, vì buôn làng” theo Ông/Bà hiện nay là:

- ☐ Còn rất mạnh ☐ Có nhưng yếu dần
☐ Đang mai một ☐ Không còn

III. Quan niệm về sự trân trọng và lòng biết ơn

3.1. Ông/Bà có thực hành nghi lễ truyền thống liên quan đến tổ tiên, thần linh không?

Loại nghi lễ	Có/ Mức độ		Không thực hiện
	Thường xuyên	Thỉnh thoảng	
Các nghi lễ nông nghiệp			
Các nghi lễ vòng đời người			

3.2. Những lý do khiến Ông/Bà có thể không thực hiện các nghi lễ?

- ☐ Kinh tế khó khăn

- ☐ Thiếu người hiểu nghi lễ
- ☐ Không còn tin vào tín ngưỡng xưa
- ☐ Ảnh hưởng từ tôn giáo mới
- ☐ Khác:

3.3. Ông/Bà cho rằng giá trị đạo lý 'uống nước nhớ nguồn' hiện nay:

- ☐ Được duy trì tốt
- ☐ Có biểu hiện giảm
- ☐ Gần như mai một
- ☐ Không rõ

3.4. Trong đời sống hàng ngày, Ông/Bà thấy lòng biết ơn được thể hiện qua:

- ☐ Chăm sóc người già
- ☐ Giúp đỡ lẫn nhau trong buôn
- ☐ Thờ cúng tổ tiên
- ☐ Không rõ biểu hiện

3.5. Theo Ông/Bà, giáo dục lòng biết ơn trong gia đình, nhà trường và cộng đồng hiện nay:

- ☐ Rất cần thiết
- ☐ Có nhưng chưa sâu
- ☐ Không còn phù hợp
- ☐ Không quan tâm

3.6. Theo Ông/Bà, Anh/Chị, việc xây dựng một nhà sàn dài cho mỗi buôn làng người Ê-đê để sinh hoạt truyền thống là:

- | | |
|--|--|
| ☐ Không cần thiết | ☐ Cần thiết |
| ☐ Rất cần thiết | ☐ Khác (ghi rõ) |

IV. Khát vọng về cuộc sống ấm no, hạnh phúc

4.1. Ước mơ lớn nhất hiện nay của Ông/Bà là gì?

- ☐ Có thu nhập ổn định
- ☐ Con cái học hành tốt

☐ Buôn làng phát triển

☐ Gìn giữ được văn hóa truyền thống

4.2. Cuộc sống của gia đình Ông/Bà, Anh/Chị thay đổi như thế nào từ thu nhập bởi các loại cây trồng như cà phê, hồ tiêu...? (Có thể chọn nhiều đáp án)

☐ Nâng cao mức sống

☐ Hình thành được kỹ thuật, kinh nghiệm sản xuất mới

☐ Biết lên kế hoạch sản xuất

☐ Có thêm các mối quan hệ với nhiều người

4.3. Theo Ông/Bà, đâu là rào cản lớn nhất khiến ước mơ khó thành hiện thực?

☐ Thiếu kiến thức, kỹ năng

☐ Thiếu vốn, đất sản xuất

☐ Chính sách chưa phù hợp

☐ Không có người dẫn dắt

4.4. Ai là người truyền cảm hứng hoặc định hướng khát vọng sống cho Ông/Bà?

☐ Cha mẹ, người thân

☐ Già làng, thầy cúng

☐ Lãnh đạo buôn, xã

☐ Tự mình quyết định

4.5. Theo Ông/Bà, Anh/Chị, vai trò của giáo dục đối với cộng đồng Ê-đê và xã hội là:

☐ Chìa khóa để thoát nghèo

☐ Nâng cao vị thế xã hội

☐ Thay đổi cách nhìn nhận về các mối quan hệ và phát triển

☐ Nâng cao dân trí

4.6. Mức độ hài lòng của Ông/Bà với cuộc sống hiện nay:

☐ Rất hài lòng

☐ Tạm hài lòng

☐ Không hài lòng

☐ Rất lo lắng

4.7. Theo Ông/Bà, thế hệ trẻ Ê-đê hiện nay có lý tưởng sống như thế nào?

- ☐ Có chí làm ăn, học hành
- ☐ Sống thực dụng, ngắn hạn
- ☐ Chưa rõ mục tiêu
- ☐ Thiếu định hướng

4.8. Theo Ông/Bà, Anh/Chị, vấn đề đáng lo ngại nhất cho thanh niên trong buôn làng là gì? (chọn nhiều phương án)

- ☐ Học vấn thấp
- ☐ Không có nghề nghiệp ổn định
- ☐ Thiếu việc làm
- ☐ Sa vào tệ nạn xã hội
- ☐ Không biết về truyền thống (mất gốc)

4.9. Theo Ông/Bà, điều gì quan trọng nhất để đạt được hạnh phúc lâu dài?

- ☐ Tiền bạc, tài sản
- ☐ Sức khỏe, bình an
- ☐ Quan hệ gia đình, cộng đồng tốt
- ☐ Có văn hóa, tri thức

4.10. Ưu tiên chi tiêu của Ông/Bà, Anh/Chị cho các khoản nào dưới đây trong các năm sắp tới?

- ☐ Trồng rừng
- ☐ Xây dựng, sửa chữa nhà cửa
- ☐ Mua công cụ SX
- ☐ Mua sắm đồ dùng gia đình
- ☐ Học phí cho con cái
- ☐ Ăn mặc

Chân thành cảm ơn sự hợp tác của quý Ông/Bà, Anh/Chị!

Phụ lục 2**BẢNG XỬ LÝ KẾT QUẢ KHẢO SÁT SỰ BIẾN ĐỔI NHÂN SINH QUAN CỦA NGƯỜI Ê-ĐÊ Ở TỈNH ĐẮK LẮK HIỆN NAY**

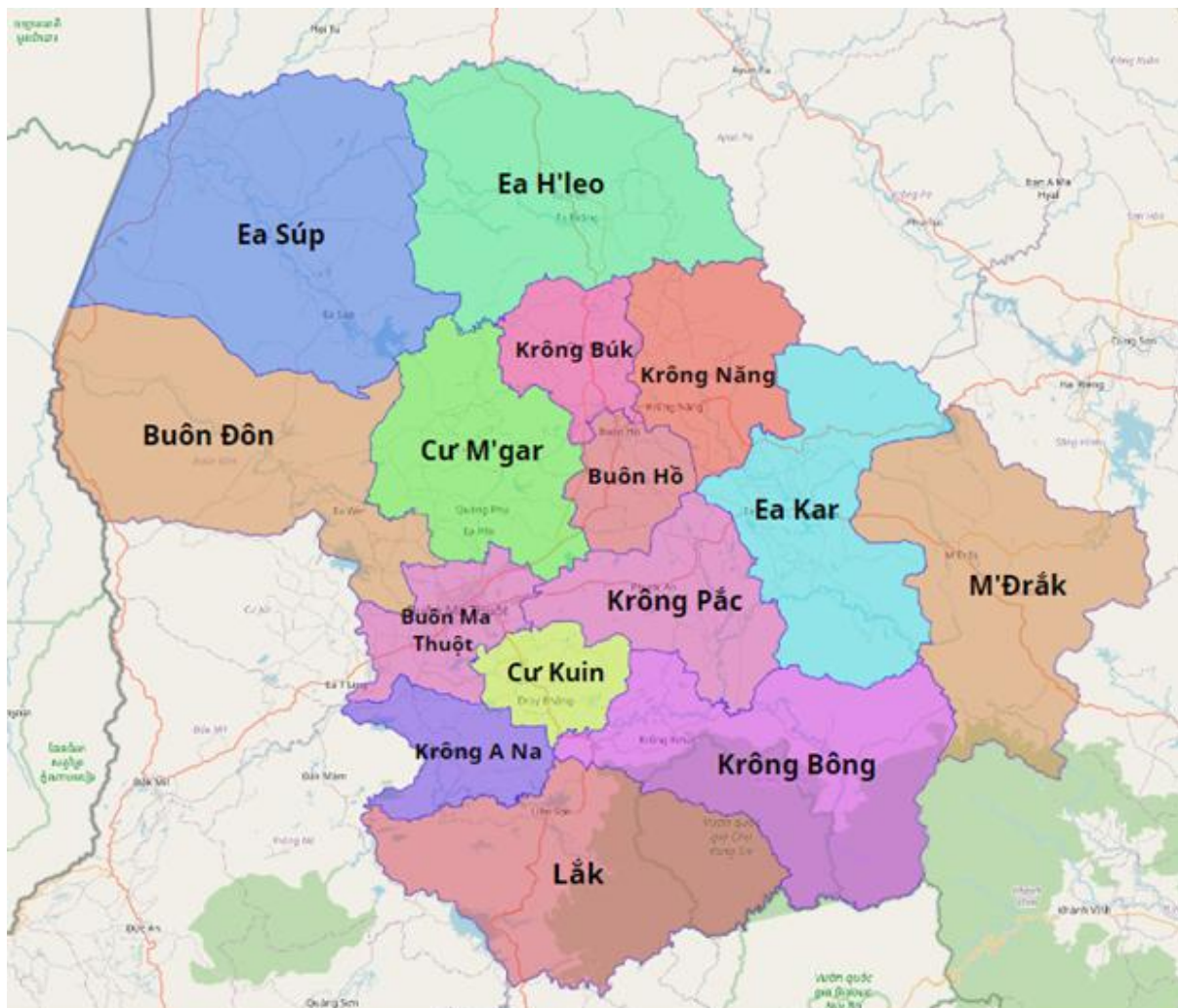
STT	Nội dung khảo sát	Phương án trả lời	Tỷ lệ (%)
I	Quan niệm về cuộc sống		
1	Cuộc đời của con người chủ yếu dựa vào	Ý trời	44,5
		Tổ tiên, thần linh	39,7
		Chính mình	61,4
		Gia đình, cộng đồng	23
2	Mục đích của cuộc sống (Không quá 2 phương án)	Làm giàu, ổn định kinh tế	46
		Đóng góp cho cộng đồng	29,2
		Chăm lo gia đình	48,7
		Sống vui vẻ hòa thuận	37,8
3	Quan hệ giữa con người và thiên nhiên	Phụ thuộc và tôn trọng thiên nhiên	64,8
		Con người có quyền khai thác thiên nhiên	56
		Không liên quan	0
4	Quan niệm về tự nhiên	Là nơi thiêng liêng cần bảo vệ	55,2
		Là tài nguyên cần khai thác để sống	72
		Không có ý kiến	0
5	Giá trị của cuộc sống quan trọng nhất (Chọn không quá 3 phương án)	Tình thương con người	60
		Đoàn kết cộng đồng	47
		Tự do cá nhân	
		Tôn trọng thiên nhiên	44,6
		Lòng bao dung, tha thứ	42
6	Mức độ tham gia các hoạt động cộng đồng	Thường xuyên	61,4
		Thỉnh thoảng	22,6
		Hiếm khi	12
		Không bao giờ	4
7		Còn rất mạnh	36,9

	Thực trạng tinh thần sống vì cộng đồng	Có nhưng yếu dần	31,5
		Đang mai một	31,6
		Không còn	0
II.	Quan niệm về sự trân trọng, lòng biết ơn		
1	Tần suất thực hiện nghi lễ truyền thống	Các nghi lễ nông nghiệp	41,2tx; 36,7tt; 22,1k
		Các nghi lễ vòng đời người	37,9tx; 39,4tt; 23.7k
2	Lý do không thực hiện nghi lễ (Chọn không quá 2 phương án)	Kinh tế khó khăn	48,5
		Thiếu người hiểu nghi lễ	44,3
		Không còn tin vào tín ngưỡng xưa	21,6
		Ảnh hưởng từ tôn giáo mới	32,7
		Khác:	0
3	Nhận thức về đạo lý “uống nước nhớ nguồn”	Được duy trì tốt	64,8
		Có biểu hiện giảm	22,6
		Gần như mai một	8,3
		Không rõ	0
4.	Biểu hiện lòng biết ơn trong đời sống (Chọn không quá 3 phương án)	Chăm sóc người già	59,7
		Giúp đỡ lẫn nhau trong buôn	47,2
		Thờ cúng tổ tiên	42,9
		Không rõ biểu hiện	0
5	Nhận thức về giáo dục lòng biết ơn	Rất cần thiết	71,5
		Có nhưng chưa sâu	19,4
		Không còn phù hợp	1,5
		Không quan tâm	6,6
6	Nhận thức về xây dựng nhà dài để sinh hoạt cộng đồng	Không cần thiết	9,6
		Cần thiết	31,7
		Rất cần thiết	44,8
		Khác (ghi rõ)	0

III.	Ước mơ, khát vọng một cuộc sống ấm no, hạnh phúc		
1	Ước mơ lớn nhất hiện nay (Chọn không quá 2 phương án)	Có thu nhập ổn định	36,8
		Con cái học hành tốt	27,4
		Buôn làng phát triển	18,5
		Gìn giữ được văn hóa truyền thống	17,3
2	Sự thay đổi cuộc sống từ thu nhập (Chọn nhiều phương án)	Nâng cao mức sống	62,9
		Hình thành được kỹ thuật, kinh nghiệm sản xuất mới	25
		Biết lên kế hoạch sản xuất	23,6
		Có thêm các mối quan hệ với nhiều người	41,5
3	Rào cản đối với khát vọng vươn lên	Thiếu kiến thức, kỹ năng	39,2
		Thiếu vốn, đất sản xuất	35,7
		Chính sách chưa phù hợp	14,3
		Không có người dẫn dắt	10,8
4	Người truyền cảm hứng định hướng khát vọng vươn lên (Chọn 2 phương án)	Cha mẹ, người thân	28,6
		Già làng, thầy cúng	18,7
		Lãnh đạo buôn, xã	11,6
		Tự mình quyết định	41,1
5	Nhận thức vai trò của giáo dục đối với cộng đồng (Chọn nhiều phương án)	Chìa khóa để thoát nghèo	74,3
		Nâng cao vị thế xã hội	53,8
		Thay đổi cách nhìn nhận về các mối quan hệ và phát triển	47,5
		Nâng cao dân trí	45
6	Mức độ hài lòng với cuộc sống	Rất hài lòng	24,6
		Tạm hài lòng	48,2
		Không hài lòng	19,3
		Rất lo lắng	7,9
7.	Nhận xét về lý tưởng sống của thanh niên Ê-đê	Có chí làm ăn, học hành	43,7
		Sống thực dụng, ngắn hạn	28,4

		Chưa rõ mục tiêu	29,7
		Thiếu định hướng	21,4
8	Rào cản đối với cuộc sống (Chọn nhiều phương án)	Học vấn thấp	51,3
		Không có nghề nghiệp ổn định	22
		Thiếu việc làm	38,7
		Sa vào tệ nạn xã hội	6,5
		Không biết về truyền thông (mất gốc)	16
9	Yếu tố được cho là quyết định hạnh phúc lâu dài	Tiền bạc, tài sản	18,3
		Sức khỏe, bình an	32,7
		Quan hệ gia đình, cộng đồng tốt	35,1
		Có văn hóa, tri thức	13,9
10	Vấn đề được ưu tiên trong tương lai	Trồng rừng	9,7
		Xây dựng, sửa chữa nhà cửa	29,6
		Mua công cụ SX	17,4
		Mua sắm đồ dùng gia đình	3,1
		Học phí cho con cái	38,2
		Ăn mặc	2,0

Phụ lục 3: Bản đồ tỉnh Đắk Lắk



Phụ lục 4: Dân số Ê đê tại các tỉnh, thành của Việt Nam

TT	Tỉnh, thành	Dân số tỉnh, thành	Dân số dân tộc Ê đê	% dân số địa phương	% dân số Ê đê cả nước
1	Đắk Lắk	1.869.322	351.278	18,79%	88,11%
2	Phú Yên	872.964	25.225	2,89%	6,33%
3	Đắk Nông	622.168	6.726	1,08%	1,69%
4	Khánh Hoà	1.231.107	3.759	0,31%	0,94%
5	Đồng Nai	3.097.107	3.209	0,10%	0,80%
6	TP. Hồ Chí Minh	8.993.082	2.784	0,03%	0,70%
7	Bình Dương	2.426.561	1.937	0,08%	0,49%
8	Gia Lai	1.513.847	904	0,06%	0,23%
9	Tây Ninh	1.169.165	390	0,03%	0,10%
10	Long An	1.688.547	299	0,02%	0,07%
11	Lâm Đồng	1.296.906	285	0,02%	0,07%
12	Bình Phước	994.679	175	0,02%	0,04%
13	Đà Nẵng	1.134.310	159	0,01%	0,04%
14	Kon Tum	540.438	141	0,03%	0,04%
15	Bình Định	1.486.918	129	0,01%	0,03%
16	Thanh Hoá	3.640.128	95	0,00%	0,02%
17	Huế	1.128.620	83	0,01%	0,02%

18	Ninh Thuận	590.467	66	0,01%	0,02%
19	Nghệ An	3.327.791	65	0,00%	0,02%
20	Bà Rịa – Vũng Tàu	1.148.313	65	0,01%	0,02%
21	Tuyên Quang	784.811	65	0,01%	0,02%
22	Thái Nguyên	1.286.751	63	0,00%	0,02%
23	Hà Nội	8.053.663	61	0,00%	0,02%
24	Quảng Nam	1.495.812	52	0,00%	0,01%
25	Hoà Bình	854.131	47	0,01%	0,01%
26	Bình Thuận	1.230.808	42	0,00%	0,01%
27	Quảng Ngãi	1.231.697	41	0,00%	0,01%
28	Cà Mau	1.194.476	36	0,00%	0,01%
29	Lạng Sơn	781.655	29	0,00%	0,01%
30	Hậu Giang	733.017	29	0,00%	0,01%
31	Bến Tre	1.288.463	24	0,00%	0,01%
32	Sơn La	1.248.415	24	0,00%	0,01%
33	An Giang	1.908.352	22	0,00%	0,01%
34	Hải Dương	1.892.254	19	0,00%	0,00%

35	Hà Tĩnh	1.288.866	18	0,00%	0,00%
36	Yên Bái	821.030	18	0,00%	0,00%
37	Lai Châu	460.196	18	0,00%	0,00%
38	Sóc Trăng	1.199.653	17	0,00%	0,00%
39	Kiên Giang	1.723.067	17	0,00%	0,00%
40	Tiền Giang	1.764.185	17	0,00%	0,00%
41	Điện Biên	598.856	17	0,00%	0,00%
42	Phú Thọ	1.463.726	16	0,00%	0,00%
43	Ninh Bình	982.487	16	0,00%	0,00%
44	Bắc Ninh	1.368.840	15	0,00%	0,00%
45	Vĩnh Long	1.022.791	14	0,00%	0,00%
46	Quảng Trị	632.375	14	0,00%	0,00%
47	Bạc Liêu	907.236	14	0,00%	0,00%
48	Bắc Giang	1.803.950	13	0,00%	0,00%
49	Cần Thơ	1.235.171	13	0,00%	0,00%
50	Cao Bằng	530.341	13	0,00%	0,00%
51	Quảng Bình	895.430	12	0,00%	0,00%
52	Trà Vinh	1.009.168	12	0,00%	0,00%
53	Hải Phòng	2.028.514	11	0,00%	0,00%
54	Thái Bình	1.860.447	11	0,00%	0,00%

55	Đồng Tháp	1.599.504	10	0,00%	0,00%
56	Quảng Ninh	1.320.324	9	0,00%	0,00%
57	Hưng Yên	1.252.731	8	0,00%	0,00%
58	Lào Cai	730.420	5	0,00%	0,00%
59	Vĩnh Phúc	1.151.154	4	0,00%	0,00%
60	Bắc Kạn	313.905	3	0,00%	0,00%
61	Nam Định	1.780.393	3	0,00%	0,00%
62	Hà Nam	852.800	3	0,00%	0,00%
63	Hà Giang	854.679	2	0,00%	0,00%

Nguồn: Kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019

Phụ lục 5: Dân số các dân tộc tại Đắk Lắk

TT	Dân tộc	Dân số dân tộc tại Đắk Lắk	Nam	Nữ	% dân số Đắk Lắk	Dân số dân tộc cả nước	% dân số dân tộc cả nước
1	Kinh	1.202.000	608.978	593.022	64,30%	82.085.826	1,46%
2	Ê đê	351.278	173.093	178.185	18,79%	398.671	88,11%
3	Nùng	75.857	39.046	36.811	4,06%	1.083.298	7,00%
4	Tày	53.124	27.217	25.907	2,84%	1.845.492	2,88%
5	Mnông	48.505	23.561	24.944	2,59%	127.334	38,09%
6	Mông	39.241	19.939	19.302	2,10%	1.393.547	2,82%
7	Gia Rai	20.495	10.193	10.302	1,10%	513.930	3,99%
8	Thái	19.709	9.883	9.826	1,05%	1.820.950	1,08%
9	Dao	17.479	8.986	8.493	0,94%	891.151	1,96%
10	Mường	15.656	8.159	7.497	0,84%	1.452.095	1,08%
11	Xơ Đăng	9.818	4.914	4.904	0,53%	212.277	4,63%
12	Sán Chay	5.422	2.862	2.560	0,29%	201.398	2,69%
13	Bru Vân Kiều	3.563	1.836	1.727	0,19%	94.598	3,77%
14	Hoa	2.842	1.561	1.281	0,15%	749.466	0,38%
15	Thổ	642	346	296	0,03%	91.430	0,70%
16	Khmer	591	331	260	0,03%	1.319.652	0,04%
17	Chứt	540	286	254	0,03%	7.513	7,19%
18	Ba Na	475	247	228	0,03%	286.910	0,17%

19	Hrê	426	269	157	0,02%	149.460	0,29%
20	Chăm	358	196	162	0,02%	178.948	0,20%
21	Lào	337	166	171	0,02%	17.532	1,92%
22	Sán Dìu	284	144	140	0,02%	183.004	0,16%
23	Cơ Ho	180	98	82	0,01%	200.800	0,09%
24	Mạ	64	32	32	0,00%	50.322	0,13%
25	Raglay	55	34	21	0,00%	146.613	0,04%
26	Ngái	51	33	18	0,00%	1.649	3,09%
27	Chơ Ro	40	27	13	0,00%	29.520	0,14%
28	Gié Triêng	34	13	21	0,00%	63.322	0,05%
29	Co	32	15	17	0,00%	40.442	0,08%
30	Kháng	27	18	9	0,00%	16.180	0,17%
31	Xiêng	23	11	12	0,00%	100.752	0,02%
32	Pà Thẻn	18	9	9	0,00%	8.248	0,22%
33	Cơ Tu	17	13	4	0,00%	74.173	0,02%
34	Mảng	17	8	9	0,00%	4.650	0,37%
35	Chu Ru	16	4	12	0,00%	23.242	0,07%
36	Khơ mú	14	5	9	0,00%	90.612	0,02%
37	Tà Ôi	12	4	8	0,00%	52.356	0,02%
38	Giáy	7	3	4	0,00%	67.858	0,01%

39	Lô Lô	7	5	2	0,00%	4.827	0,15%
40	Rơ Măm	4	1	3	0,00%	639	0,63%
41	Hà Nhì	4	2	2	0,00%	25.539	0,02%
42	Brâu	3	—	3	0,00%	525	0,57%
43	La Chí	1	1	—	0,00%	15.126	0,01%
44	Lự	1	1	—	0,00%	6.757	0,01%
45	Ơ Đu	1	—	1	0,00%	428	0,23%
46	Si La	1	—	1	0,00%	909	0,11%
47	La Ha	1	1	—	0,00%	10.157	0,01%
48	Phù Lá	1	—	1	0,00%	12.471	0,01%

Nguồn: Tổng cục thống kê năm 2019

Phụ lục 6: Dân số các đơn vị hành chính cấp huyện thuộc Đắk Lắk

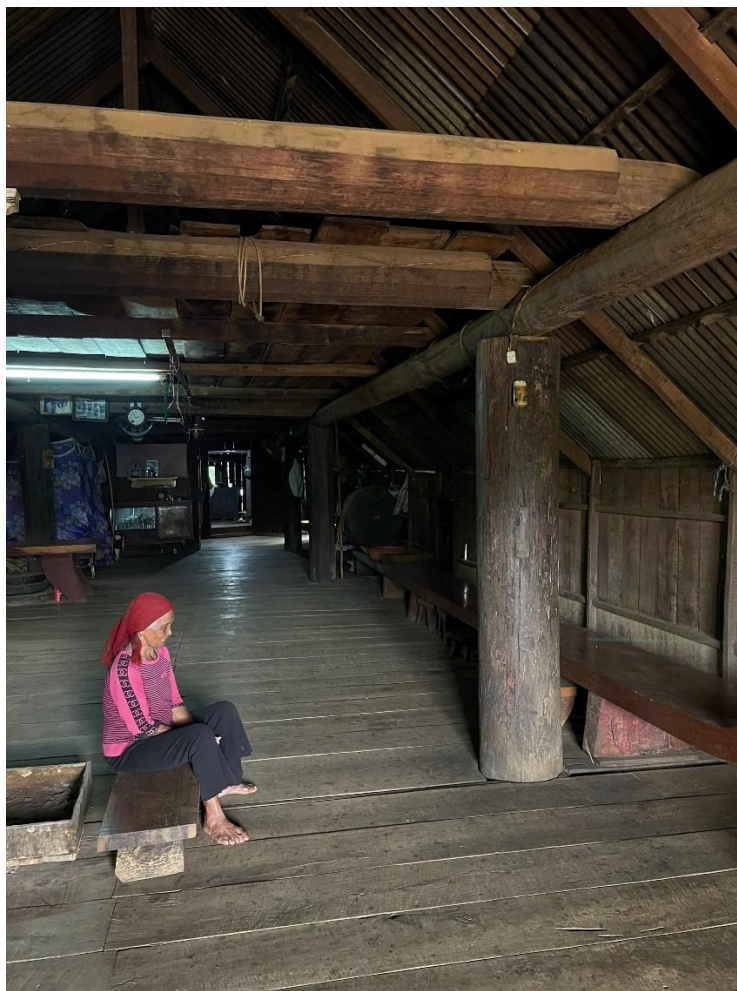
TT	Tên ĐVHC	Chú thích	Dân số (người)	Diện tích (km ²)	Mật độ dân số (người/km ²)	Số ĐVHC cấp xã
1	Buôn Ma Thuột	thành phố	375.590	377	996	19
2	Krông Pắc	huyện	194.607	626	311	16
3	Cư M'gar	huyện	177.622	824	215	17
4	Ea Kar	huyện	144.450	1.038	139	16
5	Ea H'leo	huyện	136.880	1.335	103	12
6	Krông Năng	huyện	126.366	615	206	12
7	Cư Kuin	huyện	101.247	288	351	8
8	Buôn Hồ	thị xã	98.732	283	349	11
9	Krông Bông	huyện	92.064	1.258	73	13
10	Krông Ana	huyện	79.892	356	224	8
11	M'Drăk	huyện	72.153	1.336	54	13
12	Ea Súp	huyện	70.724	1.766	40	10
13	Lắk	huyện	69.885	1.256	56	11
14	Krông Búk	huyện	64.859	358	181	7
15	Buôn Đôn	huyện	64.251	1.410	46	7

Nguồn: kết quả Tổng điều tra dân số năm 2019

Phụ lục 7: Một số hình ảnh người Ê-đê ở tỉnh Đắk Lắk

H1. Phụ nữ Ê-đê trong nhà dài truyền thống

(Nguồn: NCS chụp tháng 6/2024)



H2. Phụ nữ Ê-đê trong nhà dài truyền thống

(Nguồn: NCS chụp tháng 6/2024)



H3. Nhà dài truyền thống người Ê-đê
(Nguồn: NCS chụp tháng 12/2023)



H4. Trống được người Ê-đê bảo tồn

(Nguồn: NCS chụp tháng 12/2023)



H5. Chiêng được người Ê-đê bảo tồn
(Nguồn: NCS chụp tháng 12/2023)



H6. Nghi thức uống rượu cần trong đám cưới của người Ê-đê
(Nguồn: NCS chụp tháng 8/2023)



H7. Nghi lễ rước dâu trong đám cưới của người Ê-đê

(Nguồn: NCS chụp tháng 6/2023)



H8. Đám cưới của người Ê-đê
(Nguồn: NCS chụp tháng 6/2023)



H9. Bến nước của người Ê-đê
(Nguồn: NCS chụp tháng 3/2022)



H10. Lễ cúng bến nước của người Ê-đê

(Nguồn: NCS chụp tháng 3/2022)



H11. Lễ cúng bến nước của người Ê-đê

(Nguồn: NCS chụp tháng 3/2022)



H12. Địa điểm tổ chức lễ tế thần nước được người Ê-đê bảo tồn
(Nguồn: NCS chụp tháng 3/2022)



H13. Lễ cúng sức khỏe cho voi của người Ê-đê
(Nguồn: NCS chụp tháng 3/2022)



H14. Nhà sinh hoạt cộng đồng của người Ê-đê hiện nay

(Nguồn: NCS chụp tháng 3/2022)



H15. Thanh niên Ê-đê múa xoang
(Nguồn: NCS chụp tháng 3/2022)



H16. Lễ cúng thần linh của người Ê-đê
(Nguồn: NCS chụp tháng 3/2022)



H17. Người Ê-đê trình diễn cồng chiêng

(Nguồn: NCS chụp tháng 9/2023)



H18. Người Ê-đê trình diễn văn nghệ truyền thống

(Nguồn: NCS chụp tháng 9/2023)



H19. Người Ê-đê trình diễn công chiêng và múa xoang
(Nguồn: NCS chụp tháng 9/2023)



H19. Người Ê-đê trong trang phục truyền thống
(Nguồn: NCS chụp tháng 3/2023)



H20. Bền nước của người Ê-đê được phục dựng
(Nguồn: NCS chụp tháng 3/2023)



H21. Nhà dài của người Ê-đê
(Nguồn: NCS chụp tháng 3/2023)



H22. Nhà dài của người Ê-đê bên cạnh nhà hiện đại

(Nguồn: NCS chụp tháng 3/2024)



H23. Các nghệ nhân Ê-đê trình diễn âm nhạc cổ truyền phục vụ khách du lịch

(Nguồn: NCS chụp tháng 3/2024)



H24. Các nghệ nhân Ê-đê trình diễn công chiêng phục vụ khách du lịch
(Nguồn: NCS chụp tháng 3/2024)